

**HAI MƯƠI
NHĂ VẮN
HAI MƯƠI
TRUYỆN NGẮN**

**BÌNH NGUYÊN LỘC * CAO HỮU HUẤN
HOÀNG ANH TUẤN * KIÊM MINH
LÊ VĨNH HÒA * LƯU NGHI * MAI
THẢO * MẶC ĐỖ * NGUYỄN VĂN
XUÂN * NHẬT TIẾN * SƠN NAM *
THANH NAM * THANH TÂM TUYỀN *
TIÊU KIM THỦY * TRANG THẾ HY *
TUYẾT HƯƠNG * VĨNH LỘC * VÕ
PHIẾN * VŨ HẠNH * VŨ KHẮC KHOAN**

PHÙ SA
Xuất bản - 1965



**HAI MƯƠI
NHÀ VĂN
HAI MƯƠI
TRUYỆN NGẮN
(1954 - 1962)**

hai mươi nhà văn hai mươi truyện ngắn

bìa: *NXB Phù Sa*
trình bày: *Muôn Phương*
nguồn: *Internet*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

hai mươi nhà văn hai mươi truyện ngắn

BÌNH NGUYÊN LỘC * CAO HỮU HUẤN
HOÀNG ANH TUẤN * KIÊM MINH
LÊ VĨNH HÒA * LƯU NGHI * MAI THẢO
MẶC ĐỖ * NGUYỄN VĂN XUÂN
NHẬT TIẾN * SƠN NAM * THANH NAM
THANH TÂM TUYỀN * TIÊU KIM THỦY
TRANG THẾ HY * TUYẾT HƯƠNG * VĨNH LỘC
VÕ PHIẾN * VŨ HẠNH * VŨ KHẮC KHOAN

SAIGON
MCMII YII

MỤC LỤC

Lời nói đầu của Nhà xuất bản	11
1. BÌNH NGUYỄN LỘC, Tình thơ đại	15
2. CAO HỮU HUẤN, Nắng vàng	47
3. HOÀNG ANH TUẤN, Cái tát	63
4. KIÊM MINH, Ngày thứ nhất	87
5. LÊ VĨNH HÒA, Bên rặng tre già	115
6. LƯU NGHI, 25 tháng chạp	127

7. MAI THẢO, Luân	173
8. MẶC ĐỒ, Con muỗi	207
9. NHẬT TIẾN, Bướm lạ	247
10. NGUYỄN VĂN XUÂN, Mười năm sau	281
11. SƠN NAM, Đường về quê	321
12. THANH NAM, Cỏ rừng	339
13. THANH TÂM TUYỀN, Tư	359
14. TIÊU KIM THỦY, Ba Viên	387
15. TRANG THẾ HY, Mỹ Thơ	413

- | | |
|--|-----|
| 16. Cô TUYẾT HƯƠNG,
Nhớ tàu | 433 |
| 17. VĨNH LỘC,
Đôi cánh gãy của thiên thần | 463 |
| 18. VÕ PHIẾN,
Viết thư buổi trưa | 485 |
| 19. VŨ HẠNH,
Vượt thác | 519 |
| 20. VŨ KHẮC KHOAN,
Mơ Hương Cảng | 543 |

*(Truyện có dấu màu xanh là truyện đã được
đăng trong tập truyện ngắn, tạp chí hoặc
trích từ truyện dài)*

LỜI NÓI ĐẦU
của
NHÀ XUẤT BẢN

Quển sách này gồm 20 truyện ngắn của 20 nhà văn, mỗi người một truyện, đã đăng tải ở các tạp chí, tuần san, vào khoảng 1954–1962 (trừ một truyện có ghi rõ).

Dụng ý của nhà xuất bản khi trình bày tuyển tập này là trao đến độc giả yêu văn nghệ một “bó hoa” tuy nhỏ nhưng phảng phất nhiều duyên dáng, hương vị.

Chúng tôi không nghiêng về khía cạnh sưu tầm tài liệu văn học, phân tách xu hướng văn nghệ hoặc nhận định quá trình tiến triển về mặt sáng tác của mỗi nhà văn. Vì vậy tuyển tập thiếu phần tiểu sử và chúng tôi không lạm bàn đến vị trí, triển vọng của truyện ngắn trong văn chương ngày nay.

Đây là việc tuyển chọn riêng của nhà xuất bản, tánh chất chủ quan dĩ nhiên là có, mặc dầu chúng tôi cố gắng vượt ra ngoài phạm vi tình cảm cá nhân. Bạn đọc sẽ rất hữu lý khi nhận xét rằng: Những nhà văn có mặt trong tập này còn nhiều truyện ngắn khác mà bạn đọc — hoặc chính tác giả — ưng ý hơn. Và trong làng văn hiện đại, còn rất nhiều ngòi bút có biệt tài về truyện ngắn.

“20 nhà văn, 20 truyện ngắn” được ra mắt sớm nhờ sự khuyến khích chân thành của nhiều văn hữu ở Thủ đô.

Xin các bạn ấy nhận nơi đây lòng tri ân của nhà xuất bản.

PHÙ SA

Các truyện ngắn được xếp đặt theo thứ tự mẫu tự, căn cứ vào chữ cái đứng đầu của mỗi bút hiệu.

1. TÌNH THƠ ĐẠI

BÌNH NGUYỄN LỘC

Cả nhà ngóng đợi Nàng là hơn một tuần lễ rồi. Nói cả nhà, nhưng thật ra chỉ có đồn ông là bốn chồn thôi, còn phụ nữ thì khó chịu lắm, nhưng không dám nói ra.

Kẻ náo nức thứ nhất là ba tôi¹. Ba tôi đã già rồi, nhưng thuở trai trẻ ông cũng trắng hoa lắm (về sau tôi mới biết được điều đó) và cô đào này sẽ mang lại cho ông chút ít dư vang của thời thanh xuân của ông.

¹ Tôi đây là người kể chuyện cho tác giả nghe.

Kẻ thứ nhì là chú út tôi. Chú Thuận ấy chưa vợ, ở chung nhà với ba tôi từ khi ông nội bà nội tôi qua đời. Chú Thuận ra mặt mê Nàng vì chú còn trẻ, không sợ ai cười chê gì như ba tôi. “Không biết Nàng có đẹp hay chẳng?” Ngày nào chú Thuận cũng hỏi như vậy, khiến má tôi nổi dóa mắt:

– Nhà tôi có con gái, con trai, chú nó có muốn hư thân mất nết thì đi nơi khác kéo hại cho các cháu của chú nó.

Những người đàn ông khác là khách, nhưng họ tới lui một ngày mấy bận để hỏi thăm tin tức về Nàng, thành thử phải xem họ như người nhà.

“Không biết Nàng có đẹp hay không?” Đó là câu hỏi to của mọi người, và là câu hỏi thăm của ba tôi, má tôi nghe thì nguyệt một cái, khinh khi lũ đờn ông ra mặt.

Phán Lượng tỏ ra ta đây thành thạo, nói:

– Cái lũ hát bội ấy, ban đêm, trên sân khấu và dưới ánh đèn, xem thấy ngỡ như họ là tiên nữ giáng trần, nhưng sáng ra, nước da xanh dờn, đôi môi tái lợi của họ làm ta bắt nhờm. Có đứa mình mẩy đầy lác, ốm nhom, ốm nhách trông đến kinh khiếp. Bởi vậy các tay hào hoa phong nhã có rước đào hát bội đi thì họ rước ngay lúc vẫn hát, để nguyên xiêm y phấn sáp. . .

Nói xong, ông ta cười ha hả, sung sướng lắm và hãnh diện đã biết mặt thật của đào hát bội.

Giáo Yên sợ thua Phán Lượng cũng khoe tài thạo đời:

– Riêng tôi được dịp theo hát nhiều lần, quen biết với vô số. Họ mà không đẹp cũng dễ coi, vì họ biết ăn diện, chứ không quê

mùa như các bà. . . nội tướng của ta đâu.

Chú út tui không có ý kiến nào, nhưng xem ra, chú trông đợi Nàng hơn ai hết. Chú sẽ thủ vai Đơn-Hùng-Tín, đóng cặp với Nàng thì chú bản khoản về vai cặp của chú là phải. Nhưng về sau tôi mới biết là chú thuộc vào hạng đa tình ngầm ngầm, y như ba tôi vậy.

Tỉnh nhà vừa qua một trận lụt kinh hồn mà con sông Đồng Nai hiền lành tàn phá nhiều làng mạc nên “Ủy ban cứu trợ nạn lụt” trong tỉnh đã làm đủ trò để tìm tài chánh mà cái trò hát làm nghĩa này là một.

Nghĩ rằng mua giàn sẽ không lời bao nhiêu, nên Ủy ban mới nhờ các công chức ham kịch nghệ chọn một tuồng bát bội rồi diễn lấy, đã khỏi tốn tiền cho gánh hát nào, lại rất có thể ăn khách vì trong tỉnh ai cũng ham xem “mấy thầy” “mần tuồng”, coi ra thế nào.

Thuở ấy chưa có cô ký, còn cô giáo thì không cô nào dám xung phong làm đào nên phải cầu ngoại viện. Hội đồng Ngổ đi gọi đào Sài Gòn lên để thủ vai Đơn phu nhơn trong vở “Tổng tẩu Đơn Hùng Tín” ấy, và chỉ có ông ta là biết mặt mũi cô đào ra sao, nhưng ông ta ít lời, chỉ cho biết mấy chi tiết cần thiết thôi và ông cũng không lui tới nhà này để cho người ta hỏi thăm thêm.

Cứ theo ông hội đồng Ngổ thì cô đào ấy là đào của rạp Cầu Muối, tên là cô ba Đắc hay Đắt gì đó không rõ, hai mươi tuổi, hát hay có tiếng và thỉnh sắc lưỡng toàn.

Cô sẽ lên đây với ông nhưn Sáng, thầy tuồng, ông nhưn này đi theo để giữ gìn áo mảo mà rạp Cầu Muối cho Ủy ban thuê và để sắp đặt cuộc trình diễn.

Ba tôi là tay Mạnh–Thường–Quân trong tỉnh lại không sợ vợ nên được giao phó trọng trách đài thọ ăn uống của hai

đào kép này hai ba hôm, thời gian ngắn cần thiết để giúp cho mấy thầy dượt lại điệu bộ và các bài hát Nam hát Khách mà vì lâu diễn quá, họ có thể quên.

* * *

Ngày long trọng đã đến. Trưa hôm ấy một chiếc xe ngựa, thứ xe riêng biệt của tỉnh Biên Hòa, đậu lại trước nhà tôi. Thấy hai khách lạ bước xuống xe, một ông lão và một thiếu nữ, cả nhà đều đoán được họ là ai rồi, nên đổ xô ra để mừng đón họ và để phụ mang những hộp áo mảo vào nhà.

Ngôi nhà yên ổn của gia đình tôi ở vườn Mít, ngoại ô thành phố Biên Hòa, bỗng trở nên một trung tâm kịch nghệ, một nơi tập tuồng náo nhiệt như các Đình của ngoại ô Sài Gòn ngày nay, qui tụ tất cả các tay ưa thích hát bội trong tỉnh thuộc đủ mọi giới: giới thương mại, giới thể thao, giới có của ăn không ngồi rồi và giới chánh trong vụ này là giới công chức.

Tất cả mọi người đều hài lòng vì cô ba Đắc quá đẹp thật. Và họ ngạc nhiên hết sức mà thấy, mặc dầu là đào hát bội và là dân Sài Gòn, cô ba Đắc trông ngây thơ như con gái nhà lành ở thôn quê. Cô đẹp thùy mị, vào ra ăn nói khuôn phép và phục sức thì hết sức khiêm tốn chớ không có lòe loẹt.

Năm ấy màu áo Cát Tường do nhà văn Nhất Linh vừa “lãng-xê”, được miễn Nam hoan nghinh nhiệt liệt và phụ nữ ta đã bắt đầu ăn mặc hoa hòe và xinh đẹp, thế mà cô ba Đắc vẫn tiếp tục bận áo rộng thùng thình như mấy năm trước đó.

Tất cả đồn ông đều hài lòng, và ông nào ông nấy trông cứ làm sao ấy: họ đã si cô đào dễ thương đó rồi và có người si rất đậm, ăn ngủ luôn tại nhà tôi chớ không chịu về nhà họ nữa.

Má tôi thì khổ không chỗ nói. CƠM nước bánh trái, trầu thuốc cho bao nhiêu

người khách ấy làm cho má tôi đuối sức mà không dám hó hé một tiếng vì má tôi là người vợ hiền, cái gì ba tôi muốn là trời muốn.

Nhưng người được chỗ an ủi này là vừa vào nhà, chào tất cả “chư vị quan khách” xong, cô ba Đắc xin phép đi ngay ra nhà sau chào má tôi, rồi ở lì ngoài ấy để hủ hỉ với bà chớ không chịu trở lên giữa bọn đờn ông nữa, trái hẳn với tác phong của phần đông các cô đào.

Cô ba Đắc gọi má tôi bằng « Má » và xưng con, gọi chị hai tôi là « Em » ngọt xớt, và xưng « Chị » với chị ấy. Cô phụ tay với má tôi để nấu nướng, dọn dẹp bếp núc, và cô lên đây mới có nửa tiếng đồng hồ mà đã chinh phục được một bà cụ và một cô gái mười sáu là chị hai tôi.

Riêng tôi, tôi đứng ở một xó nhà để quan sát cô ba. Cô ba sún một cái răng cửa

hàm trên, và tôi thấy đó là một điểm duyên không ai bì nổi. Tuy ăn mặc xềnh xoàng, cô ba có tánh khoan thai, đi đứng vừa nhanh nhẹn, vừa dịu dàng còn giọng nói của cô sao mà ấm và trong trẻo lạ.

Năm đó tôi mới lên mười, còn học lớp ba trường tiểu học (mà thuở ấy gọi là sơ học) đầu hót « rốp » trọc lốc như thầy chùa và ngáo hết sức.

Thình lình day lại thấy tôi đứng trong kẹt mà nhìn cô không nháy mắt, cô ba mỉm cười rồi đưa tay ra ngoắt tôi.

Tôi cứ đứng trong hốc mà làm thình và không nhúc nhích khiến cô ba phải bước tới, nắm tay tôi mà kéo ra. Cô cười, nói:

– Còn em nhỏ nữa đây hả má, mà từ sớm đến giờ con không thấy. Hà đây chơi với chị, em nhỏ.

Tôi riu riu đi theo chị, chị lôi đi đâu, tôi bước theo đó và chị có hỏi gì tôi mới nói.

– Em nhỏ học lớp mấy?

– Dạ lớp ba.

– Giỏi lắm. Sao em nhỏ không chạy chơi?

– Dạ em ở nhà để... để... ơ . . . hơ... coi chị.

Cô ba cười giòn lên một chuỗi cười giống như ai đập ly bằng thủy tinh. Tôi mắc cỡ và giận cô ba lắm, nhưng không thể hờn dỗi bỏ cô ba mà đi.

Trái lại tôi cứ muốn cô ba nắm tay tôi như khi nãy, vì tôi đã nghe một cảm giác dễ chịu trong cử chỉ ấy của cô.

Ăn cơm trưa xong, “mấy thầy” không ai ngủ trưa cả; cái giấc ngủ này bắt di bắt

dịch mà có việc tày đình họ cũng không chịu bỏ nay bỗng dưng không được ai tôn trọng nữa cả.

Họ gọi cô ba lên dượt và ông nhưn Sáng nói là để “rà” lại bốn tuồng.

Giáo Yên rất đẹp trai và trót lỗ đòi thủ vai La Thành, mặt trắng, bạch giáp, bạch bào cho bánh thêm, từ lúc thấy mặt cô ba, lại đâm ra thích vai Đơn Hùng Tín. Thấy ta tranh đấu để đổi ngôi, nhưng chú út tôi cương quyết không nhượng bộ.

Nhưn Sáng được ngồi ghế sa lông giữa nhà với các ông lớn để giựt dây dục cho đào kép. Ông ta để búi tóc, những tóc con nơi trán ông được nhà rất sâu vào, theo một lần ngay tằm tấp và xanh um những chơn tóc.

– Nào, – ông ta nói, giọng hách dịch – dượt đoạn tổng tữu coi nào.

Thật tôi không dè chú út tôi múa hay đến thế, không kém hát bội thứ thiệt chút nào hết.

Cô ba Đắc không chịu bỏ chiếc áo dài để mặc bà ba theo lời yêu cầu của nhiều người. Khi cô múa hai vạt áo bay lên, xòe ra như cái cún của đào, trông đẹp quá chừng.

Hai người múa quay tròn rồi chú út tôi dừng lại thành hình quạt lớn:

– Này phu nhanh!

Hát bội gốc ở đâu đó không rõ và người địa phương sáng chế ra nghệ thuật hát bội phát âm các tiếng ngoài sau là chữ N ra chữ Nh hết thấy.

Chú út tôi cũng nhái y hệt họ và thay vì gọi Phu Nhân, chú nói Phu Nhanh.

Cô ba Đắc cũng dừng lại tay chống má rồi “Dạ” một tiếng khiến tôi nghe mà thương hết sức.

– Này phu nhanh!

– Dạ!

– Chữ tử sanh hữu mạng, câu vạn sự do thiên, vậy thôi thời chốn khuê phòng, phu nhanh thủ phận thuyền duyên, ôi. . . ối, còn cái nơi chiến địa là mồ của liệt sĩ, có chi mà phu nhanh phải bận lòng đó a phu nhanh?

Hai người nói qua nói lại những gì rắc rối làm tôi không hiểu và không nhớ rồi họ lại múa quay cuồng sau khi chú út tôi nạt:

– Á thôi, hãy xê ra!

Cô ba Đắc khóc suốt suốt, khóc ra nước mắt thật như cô Kim Cương bây giờ và mắt tôi cũng đầm đề lệ thảm.

Tôi oán chú út tôi vô cùng đã nạt nộ cô ba, và làm cho cô ba khóc.

Bỗng một lúc kia, chú út tôi tuốt gươm ra khỏi vỏ khiến tôi không còn hồn vía nào. Nhưng chú út tôi chỉ cắt giáp thôi, cái vạt giáp mà cô ba đang náu lấy. Hú vía! Nhưng chú ấy tàn nhẫn và khốn nạn một cách đáng ghét: chủ cắt giáp rồi xô cô ba té lăn cù.

Tôi thét lên một tiếng, kinh khủng và đau thương, khiến ai nấy đều ngạc nhiên. Họ dòm lại tôi, thấy tôi nước mắt nước mũi choàm ngoàm, họ phá lên cười muốn bể nhà, khiến tôi càng tức.

Thật cái bọn ấy lòng sắt dạ đá hay sao mà không biết thương cô ba và kẻ lòng dạ chai cứng nhứt là chú út tôi. Tôi mà được làm Đon-Hùng Tín. tôi sẽ ở lại với cô ba để vỗ về cô và không đi đánh giặc nữa.

Cô ba bị ngược đãi như vậy mà cũng không dám giận hờn gì, còn chạy theo chú út khốn nạn của tôi để khóc mà than rằng:

– Tướng công ơi, lưu luy, sở khai vô tận luy, đoạn cát tràng ta thán đoạn tràng bi...

Thán xong, cô hát Nam tiếp theo:

– ... Đoạn tràng bi, biệt ly phu phụ, nát gan vàng, đứt đoạn héo hon ...

Chú út quất ngựa nghe một cái trót rồi nhảy tuốt vô buồng. Cô ba té quỵ xuống, tôi cũng thế rồi cả hai chúng tôi khóc mùi mẫn.

Cô ba còn khóc và còn nói lu bù cái gì ấy một hơi rồi mới sai thị tỳ đem ra một khúc lụa. Cô dùng lụa ấy để thắt cổ tự tử.

Khi cô ba tắt thở ngã xuống thì có quân báo tin cho chú Đơn Hùng Tín hay, chủ vội vã phi ngựa trở về đúng lúc đó để đỡ cô ba. Đơn phu nhân phải ngã trên tay Đơn Hùng Tín mới bi thảm và mới mùi. Nhưng chú Đơn Hùng Tín, mặc dầu cỡi ngựa phóng nước đại cũng chậm chơn hơn tôi. Tôi đã

phóng vô trước để đỡ cô ba mà tôi thương vô cùng.

Cô ba nặng quá, đè tôi ngã xuống gạch và nằm chồng lên người tôi khiến tôi muốn ngộp thở.

Chú Đơn–Hùng–Tín bị “họt-ro” (tiếng Pháp – hors-jeu: việt vị), nổi giận đá tôi một cái lăn cù rồi bảo cô ba té trở lại cho chú ẵm.

Lần này tôi khóc vì đau mà cũng khóc vì ghen với chú út tôi. Tôi hờn lắm, bỏ đi thơ thẩn ngoài vườn.

Chiều xuống mát rượi. Khách càng lúc càng đông. Ai cũng đòi hỏi cô ba cả, nhưng cô lại xin lỗi tất cả quan khách và nhờ tôi đưa xuống bờ sông để ngắm cảnh Đồng Nai và để hóng mát.

Ông La Thành xung phong làm công việc hướng dẫn này, nhưng bị cô ba từ chối

khéo, khiến ông ta tức chưởi lắm lắm:

– Chú cháu nó giành hết cả các vai. Mẹ kiếp!

Mặc dầu tôi làm hướng đạo, nhưng chính cô ba nắm tay tôi mà dắt đi, cô ba hỏi chuyện lu bù, nhưng tôi sung sướng quá, không nghe gì hết, trả lời bậy bạ hoặc ừ hử cầm chừng, khiến cô ba buồn cười chế nhạo tôi hoài.

Xuống tới bờ sông, hai chúng tôi đứng đó mà ngắm những cánh bướm màu ngà bọc no nút gió đang lướt bay trên mặt nước.

Thỉnh thoảng tôi ngược lên nhìn cô ba, nhìn cái môi trên của cô hơi lõm xuống vì chiếc răng thiếu dưới ấy. Tôi thấy cô ba sún răng như vậy có duyên lắm.

Cô ba cũng chốc chốc cúi xuống nhìn tôi và một khi kia, bốn mắt gặp nhau, cô ba cười, hỏi:

– Sao em cứ làm thỉnh hoài vậy em nhỏ?

Tôi nuốt nước bọt rồi nói:

– Chị ba ơi!

– Gì đó em?

– Nữa lớn em theo hát bội. . .

– Ừ, cũng được...

– Em sẽ làm Đơn Hùng Tín. . .

– Càng hay.

– Và em sẽ không nạt nộ chị ba. Không xô chị ba té như chú út của em.

Cô ba cười ngất và tôi nói tiếp:

– Em cũng hồng thềm đi đánh giặc, em ở nhà với chị ba hè...

Cô ba gập người lại mà cười, cười đến

đỏ mặt tía tai, khiến tôi nhột nhạt không biết mình đã nói bậy điều gì.

Một lát sau đó cô ba hết cười rồi ngồi phệt xuống bãi cỏ, nín tôi ngồi xuống theo.

Bấy giờ cô gái vui tươi kia buồn vô hạn, nhìn vào khoảng không rất lâu, đoạn dạy qua, cúi xuống hôn lên đầu tôi và nói:

– Em nè, chị cảm ơn em lắm. Em đã làm cho chị sung sướng không biết bao nhiêu. Nhưng chừng ấy chị đã già rồi em à, đâu còn hát chung với em được.

– Chị làm sao mà già được.

– Em xem nước dưới kia và những cọng rác trôi trên mặt nước. Nước ấy và rác ấy trôi ngang qua đây, rồi đi thẳng luôn ra biển, không bao giờ trở lại chốn này cả. Tuổi tác con người cũng thế em à! Em hai mươi tuổi là chị đã ba mươi rồi.

Tôi không hiểu tí gì về những câu triết lý về kiếp người ấy cả, nhưng tôi ngây ngất vì được cô ba hôn lên đầu, nên nói một câu vô nghĩa:

- Ủ, đúng vậy, nà em sẽ hát với chị.
- Mộng ảo! Chị sẽ già...
- Chị mà làm sao già được.

Tôi lặp lại câu ấy mãi như một điệp khúc:

- Cô mà làm sao già được.

Cô ba chỉ thở dài.

Lâu lắm, tôi hỏi:

– Sao chị không muốn hát với em? Em ưa ẵm chị lúc chị ngã.

– Chị chỉ mong được như thế, nhưng như đã nói, chị sẽ già em à. Hay là giờ chị ẵm em trước, cũng thế thôi.

Nói xong cô ba ẵm ngựa tôi trên tay rồi cúi xuống nhìn thẳng vào mặt tôi mà cười, cười nhưng đôi mắt buồn hiu.

Tôi sung sướng dè mê úp mặt vào lòng cô ba mà khóc. Bỗng nghe một tiếng nấc, day mặt ra, tôi thấy cô ba cũng khóc. Mãi cho đến ngày nay mà tôi còn nghe cái cảm giác nóng hổi trên má do những giọt lệ của cô ba rơi xuống đó gây ra.

Cô ba thút thít nói:

– Muôn ngàn năm sau, chị sẽ nhớ đến buổi chiều hôm nay, buổi chiều sung sướng nhất đời chị.

– Em cũng vậy.

– Em sẽ quên chị.

– Không đâu chị à, em nhớ chị hoài mà! Em sẽ theo hát bội, em sẽ tìm chị! Em xin thề!

Cô ba lắc đầu mỉm cười chua xót mà rằng:

– Khó mong!

Những ngày cô ba lưu lại ở đây, tôi bỏ mẹ đòi ngủ với cô ba. Má tôi bằng lòng, còn ba tôi thì cười nói nhỏ nhỏ:

– Hát bội dơ lắm!

– Không, cô ba sạch lắm mà ba!

Tôi khóc bù lu bù loa và ba tôi phải nhượng bộ.

Cái đêm thứ bảy ấy tôi ngủ chèo queo một mình, không trở về buồng má tôi, quyết bụng đợi cô ba đang diễn thật sự đêm hát làm nghĩa dưới rạp Rạch Cát.

Đợi mãi không được, tôi ngủ quên luôn và khi keng nhà thờ đổ, tôi giật mình thức dậy, rờ quanh mình chỉ gặp chiếc chiếu không.

Buồn lắm, tôi tự hỏi không biết cô ba thức làm gì mà sớm thế. Cả nhà còn ngủ yên, mà tôi thì rất sợ ma, nên không dám dậy để chạy đi tìm người bạn của tôi.

Tôi ngủ trở lại đến sáng bết mới dậy. Ba má tôi, chú út tôi và chị hai tôi đang ngồi ăn cháo đậu xanh ở bàn ăn.

Chú út tôi nói:

– Con nhỏ hát hay thật. Thiên hạ hoan nghinh nó quá xá làm tôi khiếp, hát không được. Nó kính lời vĩnh biệt anh chị vì ông hội đồng ông mượn lô-ca-xông² đem trả nó cho rạp Cầu Muối liền ngay sau khi vẫn hát.

Nghe tiết lộ này, tôi rụng rời, đứng chết sững rất lâu, chị hai tôi mắng:

– Giờ này mà mày còn say ngủ hả. Có đi rửa mặt đi hay không?

² tiếng Pháp – location: xe thuê

Tôi bước đi thất thểu như một tướng hát bội vừa bại trận, như ông Đồn Hùng Tín đại náo Đường dinh, bị bắt dẫn vào cho Lý Thế Dân xử tội.

Tôi thần thờ như vậy cả mấy tháng trường, chiều chiều xuống bờ sông để sống lại những giây phút thần tiên bên cạnh cô ba, mắt nhìn về hướng Sài Gòn để cố tìm hình ảnh xa của người bạn năm ngày mà thân như là đã quen nhau đâu từ thiên vạn kỷ.

Trời ơi! Sài Gòn xa quá, mà tôi thì còn ngây thơ biết làm thế nào để đi thăm cô ba cho đỡ nhớ?

Tôi đã nhiều bận theo ba má tôi xuống cái đô thị lớn ấy và một khi kia, tôi hỏi má tôi:

- Má ơi, rạp Cầu Muối ở đâu má?
- Ở dưới kia, gần chợ Ông Lãnh.

– Đi xuống dưới ấy má!

– Chi vậy?

– Để con thăm cô ba Đắc.

Má tôi cười mà rằng:

– Oì, ai lại thăm phường hát bội!

Rồi má tôi lôi tôi đi và tôi không dám nài nỉ.

Không rõ vì sao mà rồi tôi quên được. Tôi quên mất người thiếu nữ sún răng một cách hữu duyên ấy mà đôi má hây hây ửng đỏ khi cười chế giễu tôi dưới bờ sông, mà đôi mắt u buồn lúc triết lý cuộc đời, mà hai điểm ấy tôi ngỡ ghi nhớ mãi đời đời kiếp kiếp.

Ba năm sau đậu bằng tiểu học (thuở đó gọi là sơ học) tôi xuống Sài Gòn để vào ly-xê³.

3 tiếng Pháp lycée: trường trung học.

Cầu Muối ở cạnh tôi, chỉ tốn hai cắc xe kéo là đi đến nơi, hoặc có hà tiện, đi xe điện bờ sông tốn có hai xu là tìm thăm được người bạn cũ. Nhưng tôi đã lỗi hẹn.

Tôi mê khám phá cái thành phố đông đúc, đa thái và lắm trò hay ấy, và tôi mê học.

Mãi cho đến bốn năm sau, đỗ bằng Thành chung thì tôi đã trưởng thành.

Mười tám tuổi! Tôi bắt đầu băng khu-
âng trước gió sớm mây chiều, trước mưa
rơi lá rụng, bắt đầu nhớ một người không
quen biết, đang ở nơi chơn trời nào không
rõ, mà nghe thân lắm, nghe thương lắm.

Một hôm chúa nhựt ra chơi, chiều trở
về trường sớm quá, cửa trường Trường
Vĩnh Ký chưa mở, tôi xẹt qua vườn Bà
Lớn, là một khu vườn thuở ấy vừa đẹp vừa
sạch, vừa yên tĩnh, để nằm dưới các khóm

tre, bên bờ ao sen, trên thảm cỏ xanh viền đường sạn trắng, để lắng nghe tiếng chim kêu thì thình lình không rõ do chi tiết gợi nhớ xưa nào mà kỷ niệm cũ về buổi chiều trên bờ sông Đồng Nai bỗng thức dậy nơi trí, nơi lòng tôi.

Người chị năm xưa nay đã ra sao rồi? Tôi tự hỏi như vậy rồi lòng bồn chồn vô cùng, trông đợi cho qua một tuần để chiều thứ bảy sau xin ra hầu đi tìm người cũ.

Người con trai mới lớn lên là tôi, đã bắt đầu yêu và tự nhiên không sao không nhớ lại mối tình thơ đại buổi đầu cuộc đời.

Tối lại, trong nội trú, nằm cô đơn trên giường, giữa hàng trăm bạn đồng buồng đang ngáy như sấm, tôi lắng nghe lại lòng mình thuở ấy và so sánh với tâm trạng của tôi bây giờ và chợt nhận ra rằng tôi đã yêu lúc đó.

Phải, đó là những bước chập chững, những lời bập bẹ của tình yêu nơi một cậu bé thể chất nhạy cảm. Mỗi tình manh nha ấy ngủ yên đi để chờ cậu bé lớn lên và khi cậu bé ấy trưởng thành rồi tình cảm đó lấp ló sắp tái hiện.

Cố nhân ra thế nào? Tôi hình dung lại người chị. năm xưa và cứ thấy một thiếu nữ hai mươi, sún một cái răng rất có duyên, đôi má hây hây đỏ, đôi mắt buồn triền miên.

Một tuần lễ sao mà dài ghê! Nhưng rốt cuộc thứ bảy cũng đến. Tôi nhờ người bảo giám của tôi lãnh tôi ra chiều thứ bảy và đêm ấy tôi trốn bạn hữu đi xem hát bội ở rạp Cầu Muối. Phải trốn vì hát bội đã lỗi thời, bị xem là “xưa lắm”, đứa nào đi xem tụi nó cười cho mà ê mặt.

Tôi phải đợi lâu lắm cố nhân tôi mới xuất hiện ra sân khấu vì cô ba không thủ những vai “Mộc Quế Anh đứng cây”, những

“Điều Thuyền”, những vai “Phàn Lê Huê” nữa.

Trùm lên mớ tóc còn xanh một mớ tóc giả bạc như bông gòn, cô ba Đắc đóng vai “mụ”.

Tôi thù người ra, khi thấy người xưa với những nét trên mặt không thay đổi bao nhiêu trừ đôi má đã hóp và đôi quầng mắt đã sâu, khi thấy Nàng làm một bà mẹ già chống gậy.

Ngoài đời, nàng không đến đổi lùm cùm như thế, nhưng tôi biết chắc rằng nàng cũng đã già mới bị phát vai mụ và biết thế do đôi má và quầng mắt thâm đen kia.

Cô ba đã trồng nhiều cái răng vàng vì cô đã sún thêm nhiều cái răng cửa, nhưng răng vàng chỉ là trò che giấu sự già nua thôi.

Tôi buồn vô hạn mà nhớ lại câu mà cô ba đã vô hạn buồn mà thốt ra vào buổi

chiều năm đó: “Chùng ấy chị đã già rồi, đâu còn đóng cặp với em được”.

Đợi cho tới lúc gần vãn hát, cô ba hết vai, tôi mới xin phép vào hậu trường để nhìn tận mặt người xưa khi nàng đã rửa sạch mặt phấn để xem sao.

Trời ơi! Bức chơn dung mà ông phán Lượng đã vẽ phác ra, quả đúng y như vậy. Cô ta tiêu tụy không thể tưởng tượng được và tôi nghĩ ngay đến một chứng bệnh mà những nghệ sĩ sống trong cái hộp ẩm thấp là rạp Cầu Muối tất mắc phải, không sao tránh được. Đó là bệnh lao phổi.

Cả một bầu trời bỗng sụp đổ quanh tôi, cái bầu trời rực rỡ huy hoàng màu sắc của tuổi thơ với những giấc mộng đẹp của nó, đẹp lóng lánh như bong bóng xà bông, nó giòn, nó mong manh, nó dễ tan vỡ.

Cô đào già đôi mắt sáng lên vì cảm động mà được cậu con trai mười tám tuổi theo vào hậu trường để xem mặt cô ta. Không biết cô có còn nhớ chuyện non mười năm xưa hay chẳng mà một cậu bé lên mười đã mê Đơn phu nhân?

Bỗng chợt nhận thấy vẻ thất vọng trên mặt thanh niên, cô đào danh tiếng năm xưa tủi thân quá, bỏ khách mà vụt chạy đi. Cô ba chạy trốn, để khóc thầm?

Tôi thần thờ bước ra ngoài, lòng chết lạnh vì một giấc mơ cũng vừa chết. Rồi tôi than thầm, đôi mắt hơi ươn ướt:

“Chị ba ơi! Lời thề năm cũ, tôi đã tôi không giữ vẹn: tôi không có theo hát bội, không có tìm chị, và khi tái ngộ, tôi cũng không muốn nhắc lại kỷ niệm ngày xưa. Xin chị tha thứ cho tôi nhé!

Nhưng có một điều khác giữa đôi ta là chị đã quên buổi chiều trên sông lộng gió, mà tôi thì nhớ. Tôi nhớ buổi chiều ấy mà cái vị ngọt bùi của nó thành linh biến ra chát chua trên đầu lưỡi tôi. Đời là thế, chị ba ơi, tha thứ cho tôi nhé!”

BÌNH NGUYỄN LỘC

2. NẮNG VÀNG

CAO HỮU HUẤN

DUY để dựa xe đạp vào tường, tháo vội mấy quyển sách buộc theo sau xe rồi đi nhanh lên nhà trên. Chàng liếc với đồng hồ: bốn giờ mười lăm. Buổi học chiều nay của Thành trễ mười lăm phút. Có lẽ Thanh đang chờ.

Duy đẩy cửa bước vào phòng học, không cần gõ trước. Đã bao lần như thế rồi: mỗi lần chàng đến dạy thêm Anh văn cho Thanh, chàng vẫn thấy Thanh ngồi sẵn

ở bàn, đón thầy bằng một nụ cười tươi và lắm khi còn láu lỉnh thêm một câu đọc sai giọng:

“Good day, professor, how do you do?”
Duy mỉm cười dễ dãi, rút khăn tay lau mồ hôi trán rồi bắt đầu giảng bài cho Thanh. Nhưng hôm nay, Duy hơi ngạc nhiên thấy phòng học vắng ngắt: Ánh sáng lùa vào cửa sổ, in bóng mấy chiếc lá rung rinh trên tấm màn lụa xanh mát dịu. Cây đàn Hạ-Uy-Di nằm ngang trên mấy quyển sách giữa bàn. Bên cạnh, một chiếc khăn tay nho nhỏ trắng mịn xếp cẩn thận đặt trên một hộp thuốc là “Craven A” cũ mà Duy biết Thanh thường dùng để đựng bút, tẩy và các thức lặt vặt... Tự nhiên Duy cầm lấy chiếc khăn. Thoang thoảng một mùi hương quen thuộc. Không hẳn là nước hoa — nhưng là một mùi hương đặc biệt chỉ Thanh có!

Có tiếng động.

Duy không quay lại, định bụng sẽ làm mặt giận trách Thanh ra trễ. Nhưng đó chỉ là tên người nhà. Nó bung vào một khay nhỏ trên có một tách nước trà nóng. Đã thành một cái lệ, mỗi lần Duy đến dạy, Thanh thường tự tay pha nước trà cho “thầy”, vì biết thầy thích. Sao hôm nay công việc này lại giao cho tên người nhà? Duy thấy hơi khó chịu, tuy không biết rõ tại sao.

– Cám ơn. Để đây cho tôi. Cô Thanh đâu?

Tên người nhà không trả lời ngay, đến bàn tìm một quyển sách bìa xanh, lấy ra một mảnh giấy gấp tư. Duy ngạc nhiên nghĩ bụng:

– Gì mà quan trọng thế?

– Thưa thầy, cô Thanh đi từ sáng sớm, có dặn tôi đưa giấy này lại cho thầy.

Nói rồi nó biến mất, sau khi đã cẩn thận khép cánh cửa thông qua phòng ăn, vì thói quen.

Duy đọc nhanh mấy dòng chữ mềm mại viết nắn nót:

“Thưa Anh,

“Ngày nay, có bác Tuấn và mấy người bà con ở Sài Gòn lên. Ba má tổ chức đi chơi ở thác Gougah. Tiếc quá, không tin anh biết kịp để cùng đi cho vui.

Em xin phép anh nghỉ hôm nay. Chủ nhật em sẽ học gấp đôi. Anh cho phép và đừng giận em nhé!

Học trò của anh,

THANH

Duy xếp mảnh giấy lại, cho vào túi áo trong. Chàng có một cảm giác kỳ dị: lòng tự ái bị xúc phạm, chàng thấy giận Thanh đã

không báo trước rằng nàng bận để chàng khỏi đến mất thì giờ.

– Đi chơi! Hừ, đi chơi mà cũng báo hại người ta đạp xe lên mấy cái dốc mệt lũ!

Tuy vậy, đồng thời Duy cũng thấy lòng mình tràn ngập một nỗi vui sướng nhẹ nhẹ, vu vơ: lần đầu tiên trong một năm học với Duy, Thanh mới xưng với chàng bằng “em”. Thường thì cô học trò chỉ xưng tên:

– Thanh muốn hỏi anh cái này.

– Anh cắt nghĩa hộ Thanh về “post-position” anh nhé!

Duy ngồi xuống chỗ Thanh vẫn ngồi, rút ra một chiếc thuốc đánh diêm châm hút thong thả. Khói thuốc quện với hương nước trà nóng làm chàng thấy lâng lâng. Duy mỉm cười một mình và tự nhiên rút mảnh giấy ra đọc lại. Những chữ khác mờ đi, chỉ có chữ “em” nổi bật. Chàng chú ý

đến nét chữ “m” đá lên cao, sao mà xinh lạ! Mà lại có vẻ tinh nghịch. Thật đúng như tính người. Chàng thấy rõ nụ cười của Thanh khi viết đến mấy chữ này: một nụ cười tươi, với đôi môi hồng hồng ươn ướt, với hàm răng đều và trắng trong... Khuôn mặt có hơi nhỏ, nhưng nước da khỏe mạnh ửng hồng được bộ tóc đen huyền óng mượt làm nổi hẳn lên.

Tóc Thanh không uốn: chỉ cắt ngắn và bỏ xòa trên vai. Tóc Thanh... Duy nhớ rõ một hôm chàng đứng cạnh Thanh giảng bài: tóc nàng nhẹ nhẹ chạm vào má Duy. Cảm giác rất tế nhị ấy đã làm cho Duy thấy người nóng bừng.

Thanh khẽ nhích đầu tránh sang một bên và ngược mắt nhìn Duy, mỉm cười. Thấy bắt đầu giảng không mạch lạc nữa. Sao lại cười? Duy cũng không hiểu. Chỉ biết là chàng đã cười lại và từ hôm ấy, Duy

không thể quên làn tóc Thanh và đôi mắt thông minh trong sáng, và cặp môi hồng cương mọng nở thành một nụ cười thơ ngây. . .

Duy ngược nhìn bức ảnh Thanh treo trên tường – bức ảnh Thanh chụp tháng trước, bảo rằng để kỷ niệm ngày sinh nhật đúng mười lăm tuổi của nàng. Thanh mới có mười lăm tuổi. Duy biết chắc chắn thế mà vẫn không thể nào tin được. Nhìn tấm thân cân đối, nở nang của Thanh, Duy vẫn nghĩ đến một cô gái mười tám – tuổi dậy thì! Duy còn nhớ chiều hôm ấy, chàng gặp Thanh đi học về một mình. Nàng vui vẻ gọi Duy rồi rít và hai “thầy trò” cùng đi song song qua những con đường im mát bóng thông. Nhiều chàng trai quay lại nhìn Thanh bằng đôi mắt thán phục ước ao. Vài cô gái vờ trông đi hướng khác khi hai người bước ngang qua. Thanh không để ý đến ai cả. Thanh tíu tít kể cho chàng nghe những

bài vở ở trường ,những mẩu chuyện nhỏ nhỏ ngộ nghĩnh của các giáo sư... Thanh không biết là nàng đẹp với tất cả những nét tuyệt mỹ trời có thể phú cho một người đàn bà.

Duy bỗng thấy hãnh diện được làm “thầy” Thanh, được có Thanh đi song song bên mình. Nếu thiên hạ biết rằng Thanh chỉ mới có mười lăm tuổi, một đứa nít! . . . Mười lăm! Và lý! Duy có thằng em trai mười lăm tuổi, thấp đầu chỉ đứng ngang vai Thanh. Chàng vẫn xem nó là trẻ con, vẫn đánh nó và gọi nó bằng “mày”. Thế mà đối với Thanh, chàng không hề có ý tưởng cốc Thanh mấy cái hay gọi nàng bằng “mày”...

– Cô Thanh. . .

Nghe có vẻ “người lớn” lắm! Nhưng Thanh vẫn chỉ có mười lăm tuổi — nhất định mười lăm! Bằng tuổi thằng bé Đức, em chàng ở nhà!

Tự nhiên, Duy nghĩ đến tuổi mình: hai mươi tám! Đã thế mà chàng lại già trước đi nhiều. Ai cũng bảo chàng ít ra cũng đã ba mươi — nghĩa là vừa vặn bằng hai tuổi Thanh! Duy lấy tay xoa xoa vào má. Má chàng hóp quá. Da mặt xạm đen đầy những vết răn ở trên trán, quanh môi và đuôi mắt. Chàng tự thấy mình xấu xí và già cỗi.

Còn Thanh: Thanh tươi đẹp như một mầm non. Ô hay! tại sao mỗi lần nghĩ đến mình, Duy lại có ý tự so sánh với Thanh? Duy chắt lưỡi, mỉm cười, tự dối mình không tìm câu trả lời. Chàng xếp lại mấy quyển sách; sờ lại túi áo để biết chắc chắn là cái thư của Thanh vẫn nằm yên trong ấy, rồi bước ra, nhảy lên xe đạp, thả cho chạy nhanh xuống dốc.

Đà Lạt chiều nay mát dịu với mùa xuân trở lại. Cảnh vật, từng bừng linh động một cách kỳ diệu như một cảnh nào trong

chuyện thần tiên. Hoa mai hồng, hoa mạn trắng nở khắp đường. Thành phố tươi hẳn lên với muôn nghìn màu sắc biến hóa thay đổi trong nắng vàng dịu dịu. Không khí thoang thoảng mùi hương ngây ngất của rừng thông, của suối mát, của cỏ hoa.

Những con đường chạy quanh các sườn đồi tinh nghịch uốn khúc, vươn lên cao, thoải xuống thấp rồi biến mất sau một rừng cây xa xa đã bắt đầu mờ mờ trong sương chiều trắng đục...

Đà Lạt trải mình dưới chân Duy. Những ngôi nhà chỉ còn nho nhỏ như đồ chơi trẻ con, những ruộng su, cải, vè thành từng ô ngang dọc, đều đặn, với màu xanh bàng bạc chen lẫn với màu lá tươi non, những vườn hoa lấm tấm xanh đỏ, tím, vàng... Thỉnh thoảng, từ dưới thung lũng, một lạch nước hiện ra, loang loảng sáng ngời.

Duy thấy lòng mình trẻ lại, hòa nhịp với

cảnh sắc thiên nhiên, rào rạt tình thương của chàng thanh niên hai mươi tám. Duy cho tay vào túi áo: mảnh giấy của Thanh vẫn nằm yên đấy. Duy không lấy ra nữa. Chàng đã thuộc lòng mấy giòng chữ của “em”. Duy cảm thấy sung sướng mên mông... Chàng mỉm cười với tất cả mọi người, y như là họ cũng biết điều ấy.

Bỗng chàng hăm bót xe lại, định quay sang lối khác, nhưng... vẫn đạp tới!

Thanh! Thanh đằng kia, đi giữa hai chàng trai trẻ, ăn mặc sang trọng. Họ nói cười nhiều quá. Trong tay một chàng lại có cả một bó huệ trắng — thứ hoa thường dùng trong các tiệc cưới. Họ đi cùng chiều với Duy nên chàng không thể nhận rõ hai người đàn ông là ai.

Nhưng, không thể lầm được: chắc chắn người đi giữa là Thanh.

Vẫn cái áo màu hồng với cái “veste” màu đỏ thẫm nàng mặc hôm cùng chàng đi một đoạn đường. Vẫn tấm thân uyển chuyển cân đối. Vẫn làn tóc ấy xõa trên đôi vai dầy thì... Nàng hẳn phải đẹp lộng lẫy. Duy thoáng thấy một bên mà nàng ửng hồng. Anh chàng cầm bó hoa đi sát Thanh quá, thỉnh thoảng chạm vào tay nàng. Còn anh kia, sao nói chuyện mà cứ phải cúi sát vào mặt người ta thế?

Duy đến gần họ lắm rồi. Chàng bỗng thấy lưỡng lự. Có nên xuống xe, cùng đi với họ không? – vì dù sao Thanh vẫn là học trò của chàng hay đạp nhanh vượt qua họ đi, bay rẽ sang con đường bên cạnh? Duy thấy bản khoăn khó chịu. Có lẽ tai chàng đã đỏ bừng. Duy không hiểu sao chàng lại có tâm trạng quái gở như lúc này.

Dưới một bể ngoài cố làm ra bình tĩnh, lòng chàng rộn lên. Duy liếm môi — cử chỉ

quen thuộc của chàng mỗi khi bị xúc động — rồi, mắt nhìn thật thẳng, chàng lách xe ra đúng giữa đường đạp nhanh. Chàng đã đến ngay tầm họ, rồi vượt họ một tí. Duy có cảm giác là mình mất tự nhiên vì tim chàng đập mạnh.

– Anh Duy!

Chàng không ngờ có tiếng gọi ấy – rõ ràng là tiếng Thanh. Đứng lại hay vờ không nghe?

– Anh Duy!

Duy hãm xe lại, quay đầu nhìn.

Thanh chiều nay đẹp như chưa bao giờ chàng được thấy nàng đẹp đến thế. Nàng bỏ mặc chàng kia, hấp tấp chạy đến phía Duy, nói nhanh:

– Gớm! anh làm em gọi mãi!

Rồi tươi cười, nàng tiếp:

– Em vừa đi. Gougah về đây: đi với ba má, bác Tuấn và anh Thân, anh Minh kia. Ba má và bác Tuấn còn ghé đến nhà quen. bảo chúng em về trước. Em dẫn anh Thân, anh Minh đi xem vườn hoa và nhân tiện em có mua ít hoa huệ mà anh vẫn thích . . . ô hay, anh sao thế?

Duy không đáp, tay mân mê cái chuông xe.

– Anh Duy, anh giận em đấy à?

Duy vẫn lúng túng, đứng im. Thanh cũng đứng im, khẽ cắn môi, nhìn xuống mũi giày. Duy khó chịu quá: chàng muốn nói với Thanh một câu gì để cắt nghĩa thái độ lạ lùng của mình, nhưng vẫn không nói được. Sau cùng chàng bảo, giọng rất ng-hiêm:

– Cô nhớ làm bài tập Anh văn tôi ra hôm trước. Chủ nhật này tôi chấm. Chào cô.

Duy đạp xe đi. Thanh vẫn đứng im chỗ cũ. Thân và Minh đến bên nàng hỏi dồn:

– Ai đẩy Thanh? Ai đẩy?

Nàng lắc đầu không đáp, im lặng bước. Nàng không nói chuyện nữa, nàng không cười nữa. Duy thả cho xe chạy xuống dốc đường chợ, lòng khoan khoái cởi mở. . . Chàng nghĩ đến Trâm — vợ chàng, có lẽ lúc này đang thay hoa trên bàn làm việc. Bóng Trâm hiện ra trong khung cửa sổ màu xanh, nhìn xuống đôi cỏ non lóng lánh nắng vàng...

CÁI TÁT

HOÀNG ANH TUẤN

TÔI bắt được cái tên Diệu vào lúc hai giờ sáng, thèm thuốc lá và thèm viết truyện ngắn. Tôi lấy tên Diệu để gọi nhân vật chính của truyện ngắn mới khởi đầu. Diệu trong truyện là một cô gái có lối chào bằng mắt vừa kín đáo, vừa đậm đà. Bàn tay Diệu thô vụng nhưng Diệu có đôi má lúm đồng tiền làm tôi nghĩ rằng nếu có thật thì mình sẽ thích hôn lên đó. Viết một nhọc lắm mới hết ba

trang giấy, tôi bỏ ngang ở chỗ Diệu ho lao nằm nhà thương Saint-Paul.

Đúng chín ngày, trưa hôm nay, Diệu lại trở về với tôi trong hai nhân vật. Một cô Diệu tham nghe chuyện, tò mò luôn mồm hỏi tôi “rồi sao nữa? Truyện em về sau thế nào?” và một Diệu “mới” khác Diệu ho lao lần trước. Diệu này hao hao giống cô ca sĩ nhỏ bé, chưa tên tuổi, có cặp mắt lẳng lơ và toàn thể ngoan, dễ thương hay thẹn như cô em gái họ xa đến cắn móng tay, nhờ giúp đỡ tìm hộ một chân thư ký đánh máy để có tiền cho em đi học. Tôi nghĩ cô em gái họ ra đó vừa chịu tang bố. Diệu “mới” là cô gái tôi yêu không biết từ hồi nào, có lẽ mới yêu mà biết đâu chẳng là người yêu mấy năm về trước, tóc dài, mặt to, ưa đi học theo những con đường có nhiều hoa sấu rụng.

Dĩ nhiên Diệu là một nhân vật truyện, nhưng biết đâu Diệu chẳng dần dần theo

ngồi bút để cuối cùng giống người tôi đang tưởng là tôi yêu, để cuối cùng Diệu trong truyện làm tôi say mê và yêu hình bóng nàng: Cô Diệu thật ở ngoài đời.

* * *

Thằng bạn chúm môi thổi khói thuốc lá vào tờ giấy tôi đang viết, nó hỏi:

– Mà viết cái gì?

Tôi bảo nó:

– Tao viết truyện ngắn, tên nhân vật chính là Diệu.

Nó gật gù:

– Có phải truyện cô bé hôm qua mà khen là dễ thương không?

Tôi bảo “không”, rồi tôi lại gật đầu bảo “phải”.

Cánh cửa hé một nửa; Diệu đứng bên trong, mặc áo hồng rất mỏng trông rõ đường đăng-ten áo lót. Phía tôi đứng sáng hơn, phía bên trong vàng chật chội, mắt Diệu vẫn sáng vẫn trong, Diệu bảo tôi:

– Anh ra ngồi với các anh ấy đi, anh Nam thấy anh đứng đây lâu lại tưởng...

Diệu chỉ tay rất nhanh về phía mấy thằng bạn tôi, giọng nói làm nũng:

– Đấy! Các anh ấy đang cười em kia kìa.

Tôi trở về bàn ngồi với mấy thằng bạn, chẳng đứa nào nói đùa hay chế nhạo gì cả, chúng nó đang mãi nói truyện bài vở kỳ báo tới. Tôi hỏi mượn Nam cái bật lửa, nó đưa cho tôi điều thuốc đang hút, nói vắn tắt:

– Mỗi đi.

Đợi mãi mới thấy thằng anh em gọi là Cánh Sen gọi tôi:

– Thế nào mà?

Tôi định nói về người con gái đứng phía bên trong cánh cửa lúc nãy nhưng tôi nói khác đi:

– Có lẽ lần này tao có truyện ngắn.

Thằng anh em gọi là Bụng chỉ vào mặt tôi:

– Không có truyện ngắn thì tao giết mày!

Cô bé đứng bên trong cửa lúc nãy lên sân khấu hát. Hát dở nên tiếng vỗ tay rất thưa, thằng anh em gọi là Kinh có thói quen vỗ tay tuy không mấy khi nghe hát. Vỗ tay mấy tiếng nó chợt nghĩ ra điều gì, cười nheo mắt:

– “Moa” vỗ tay cho “toa” đấy. Cảm ơn đi.

Câu trêu ghẹo và cái cười của hàm răng khắp khểnh làm tôi thấy cần phải viết cái tôi đang muốn viết, nghĩa là Diệu.

*

Lúc ấy trời vừa mưa xong, nắng chói như gắt gỏng, không khí oi ả tăng lên mấy độ. Lưng áo tôi ướt dán vào thịt. Tôi đứng trước nhà Diệu nhìn cánh cửa gỗ hình dung một khung cảnh nghèo nàn phía bên trong. Chắc giữa những đồ vật cũ tối, con người Diệu sáng lên như một thiếu nữ khỏa thân đứng trước bức tường ám khói. Tôi không biết trường hợp người ra mở cửa không phải là Diệu thì tôi hỏi han ra sao. Tôi liêu gổ tay vào cánh cửa. Cánh cửa chỉ khép hờ nên kéo kệt mở ra. Căn phòng đủ sáng. Tôi thấy con búp bê Nhật Bản đứng trong lồng kính trên nóc tủ đựng áo, tôi thấy Diệu ngồi

chải đầu, quay lưng ra phía cửa. Diệu nhìn thấy tôi trong gương quay ngoắt lại mỉm cười. Tay vẫn cầm nguyên cái lược trắng.

Hà vừa đánh máy xong một truyện ngắn của thằng bạn mà anh em gọi là Đồ Nho. Hà cho tôi hay thằng Bụng hẹn gặp tôi lúc 5 giờ chiều.

Hà mắt một mí, đuôi mắt dài đưa nhếch lên, mang cái buồn của cô gái chưa muốn vào đời nhưng đã phải vào đời. Cái buồn ấy làm tôi muốn gọi chuyện. Hà vâng dạ lễ phép quá, tôi biết cô còn bỡ ngỡ, còn sợ, còn đắn đo chưa quen cái thế giới của bọn chúng tôi, tuy cô đã ở trong cái thế giới đó rồi. Bọn chúng tôi chắc sẽ nói đến Hà, nói đến một cách vô tư, có khi không biết người con gái mình nói lại là Hà,

Tôi biết từ nay trước những chai “33”, câu truyện bọn chúng tôi nói với nhau sẽ thoáng có tên Hà. Dù thằng anh em gọi

là Bác Giai có cảm tôi mang truyện “nhà mình” ra nói, lần này tôi cũng vay mượn ít nhiều nét của Hà cho Diệu của tôi. Hà vừa nói:

– Mưa có một tí lại nắng.

*

Diệu nhìn khoảng sáng chỗ của hé, sau lưng tôi.

– Mưa có một tí lại nắng. Anh vào đây chơi. Xin lỗi nhé, em xong ngay đây.

Tôi muốn Diệu nói khác đi: “Vào đây anh, chờ Diệu chải đầu một tí nhé”. Tôi còn mê cái đẹp học trò, còn mê những câu nói điệu của tuổi chơi búp bê.

Diệu quay người lại, dăm dăm nhìn vào mắt tôi:

– Em không ngờ anh lại thăm em đấy!

– Anh thích những gì bất ngờ.

Diệu cười nghiêng đầu, mắt lảng lơ như cô vũ nữ lúc chạy bàn. Tôi đến gần Diệu nhìn vai nàng, sau làn áo mỏng thấy rõ hai đường giây vải. Bàn tay tôi đặt lên chỗ xương vai rồi nhẹ nhàng tràn xuống lưng. Diệu ngả người về phía sau, ngửa mặt nhìn tôi. Diệu gọn trong cánh tay tôi. Vừa lúc tôi định ôm lấy Diệu thì nàng chuyển vai thoát khỏi vòng tay, nàng đặt ngón tay nhỏ lên môi tôi, giọng nhỏ hản đi:

– Sao anh hư thế?

Tôi có cảm giác như cả trăm ngọn đèn cùng bật lên một lúc và một phần hình hài tôi trở nên dư thừa không có chỗ giấu. Diệu cười ròn, cặp mắt cũng cười mà hình như cả hai vai nàng cũng cười nữa.

Hình ảnh Diệu hát trên sân khấu giải ra trước tôi. Nét lông mày kẻ đậm như vết

mực đỏ, cặp mắt nhìn nghiêng sáng lên một thứ màu đen có ánh sáng và nụ cười luôn luôn ngỏ cửa.

Tôi thành một người nghe ca nhạc cô độc. Diệu trở nên người ca sĩ đơn chiếc. Chỉ có hai người: Diệu và tôi trong căn phòng nhỏ. Vậy mà tôi vẫn thấy cách biệt như giữa hai chúng tôi có một hàng người chăm chú trên những trang báo hàng ngày mở rộng. Không khí cũ trở về cùng với câu nói chân thật:

– Em biết anh muốn nói gì nhưng em cũng biết nếu em chiều theo cái muốn của anh, em sẽ không gần anh nữa.

Ý niệm gần, xa trừu tượng vẫn đủ giá trị một bài thơ độc vận dùng toàn những chữ tối nghĩa. Diệu nói như vậy vì nàng chợt cảm thấy, nếu bảo nàng nói lại thật rõ, chắc hẳn nàng sẽ không hiểu chính câu nàng vừa nói ra. Với Diệu, tôi hay gặp những câu

nói tương tự, lần nào tôi cũng thấy ngay điều nàng muốn nói nhưng không thể nào thấy rõ và hợp lý như một con tính cộng chẳng hạn.

Diệu đến ngồi trên thành ghế, lấy tay ép vào chỗ những sợi tóc cứng trên đỉnh đầu tôi. Chúng tôi nói với nhau những câu kẻ yêu nhau hay nói, chỉ có nghĩa riêng đối với mình – trong khoảng thời gian nhất định – nên tôi không muốn viết lại làm gì. Trong lúc nói chuyện, một vài lần tôi nhận thấy Diệu đẹp óng hản lên. Hình như lúc ấy tôi yêu Diệu hơn những lúc khác. Một vài lần tôi cũng chột nhìn thấy những nét không đẹp của Diệu: hàm răng không đều, hai góc môi kéo xuống; lúc đó tôi không cảm thấy kém yêu Diệu, trái lại tôi vẫn tìm cách lý luận “bàn tay và ngón tay” để thấy Diệu “dù sao” cũng đáng yêu.

Mười một giờ có người về: một cô bé

tóc dài, mặc áo trắng. Tôi tạm gọi bé đó là Lan cho dễ viết. Mắt Lan buồn, hay nhìn xuống. Tôi gọi Lan là “cô bé” vì một thói quen không biết khởi đầu từ bao giờ, tiếng đó dành cho những người con gái có thân hình nhỏ bé mà tôi có đôi chút cảm tình, có khi người tôi gọi là “cô bé” còn nhiều tuổi hơn tôi nữa.

Lan lí nhí chào tôi, nhìn kỹ tôi thấy Lan không đẹp bằng Diệu, tuy đáng điệu còn hồn nhiên, mang nhiều tính chất nữ sinh trong kiểu tóc bòn tay, nhưng so với Diệu, Lan có vẻ già hơn Diệu.

Lan đi khuất vào sau tấm màn vải hoa sặc sỡ ngăn đôi phòng ngoài và phòng trong thì Diệu kêu nàng:

– Lan! Sao hôm nay đi học về sớm thế?

Tôi chợt hiểu Diệu là chị Lan.

Lan trở ra, nhìn tôi với lối nhìn gần

như thù oán, rồi trả lời chậm rãi như miễn cưỡng phải trả lời.

– Giáo sư ốm không đến dạy.

Diệu không biết hỏi thêm câu gì nữa để tỏ ý săn sóc em, năng lặng lẽ giữa móng tay. Lan vẫn đứng yên chờ đợi những câu hỏi khác. Khoảnh khắc im như chết ấy làm tôi thấy ngượng và khó chịu: trong căn phòng này tôi là một người thừa. Tôi đứng dậy ra về.

Cánh cửa gỗ kéo kẹt đóng lại. Tiếng kéo kẹt vừa dứt, tôi nghe thấy tiếng cười của Diệu và Lan bện lấy nhau. Tôi phân vân tự hỏi hai chị em Diệu cười chế nhạo tôi hay họ cười vì chợt cảm thấy sự im lặng của họ là vô nghĩa?

Tiếng cười của hai chị em Diệu ám ảnh tôi cho đến khi về tới nhà, cho đến khi đi vào giấc ngủ.

Tôi thức giấc vào lúc bốn giờ chiều, đôi đến nhẹ cả người, tiếng cười của chị em Diệu không còn đủ rõ để tác động tới cảm nghĩ của tôi nữa.

Tôi bước ra đường mang theo cái ẩm mốc của căn phòng nhỏ cho màu nắng mở rộng. Tôi sắp sửa bước chân lên tắc-xi thì nghe thấy tiếng gọi khe khẽ sau lưng. Tự nhiên tôi thấy khó chịu khi nhận ra tiếng Diệu. Tôi bảo Diệu lên xe với cái ý nghĩ mời vớt. Diệu không từ chối, tôi còn thoáng thấy mắt Diệu cười. Tôi ngồi bên Diệu, đóng cửa và vô có bảo tài xế lái chúng tôi tới một địa điểm vắng người, cái vô có không chủ định đôi khi cũng bao hàm một thứ ý thức thoáng hiện thoáng tan; một thứ ý thức nghiêng nhiều về sự muốn tội lỗi của con người chán chường đến độ buông thả.

Diệu cào móng tay vào đầu gối tôi, giọng nói nhỏ và vương vীu:

– Anh lại đầg em.

Tôi biết Diệu nói chưa dứt ý nên lặg lể để nàng nói tiếp:

– Chiều nay em Lan đi vắng chỉ có mình em ở nhà, anh lại chơi nói chuyện với em, tối nay em muốn anh đưa em đi hát.

– Em ăn cơm chưa?

– Anh ăn cơm chưa?

– Chưa.

– Em cũng thế.

– Chúng mình ăn phở vậy.

– Dạ.

Tôi gọi tài xế mượn bao diêm hút thuốc và bảo ông ngoạo sang con đường khác, y

nhìn tôi với lối nhìn đồng lõa dồn cả vào đuôi con mắt làm Diệu đâm ngượng, quay mặt nhìn ra phía cửa kính. Tôi chợt có những ý nghĩ không đẹp, cử chỉ của Diệu tôi đã bắt gặp một vài lần ở những chỗ tối tăm; một góc quán hủ tiếu bên xe đò lục tỉnh, một góc chõng tre trong căn nhà lá ngoại ô, chèo phòng thay đồ nhỏ như chuồng xí ở tiệm khiêu vũ. Tôi quảng tay lớn vai Diệu nói một cách giả dối:

– Em có bằng lòng làm vợ anh không?

Diệu không trả lời. Gã tái xế cười, một chiếc răng vàng ánh lên tinh quái.

✱

Trên đường đưa Diệu tới phòng trà, óc tôi mới đủ trống phẳng để nhớ lại mấy giờ đồng hồ sống với Diệu một cách toàn vẹn như vợ chồng. Cuộc sống ấy khởi đầu khi những nét sợ sệt nơi mắt Diệu nhòa đi

nhường chỗ cho một thứ lửa nguội vừa lả lướt, vừa ngổ ngáo; khi hai bàn tay Diệu cào mạnh vào tóc tôi và cuộc sống lịm đi như giấc ngủ trưa lúc Diệu bật diêm châm thuốc lá cho tôi và câu nói vượt ve:

– Em gọi mua cho anh tô mì nhé? Anh nhé?

Chỉ có mấy giờ đồng hồ mà cái liên lạc giữa Diệu và tôi mang một bộ mặt khác. Cái thơ mộng, sôi nổi lúc ban đầu chìm hẳn xuống, chỉ còn một cái gì rộng, nhẹ và gần gũi đến thành nhàm. Diệu không giấu dặt, thay áo trước tôi như trước một bức tượng không có gương phản chiếu — và tôi cũng không cần che miệng khi ngáp to trước sự có mặt của nàng. Tôi không tìm thấy gì cả dù chỉ là một sự chán chường nhờ nhờ sắc xám, một nỗi buồn ẩm ướt hay dư vị ê chề của những đợt cảm giác nhồn mỡ.

Tôi biết Diệu đã cầm tay tôi bước qua

một biên giới cấm, tới chỗ mà cảm giác không còn gợn nổi lên bề mặt. Tôi ngồi sát Diệu hơn. Tôi nắm lấy bàn tay Diệu chặt đến nỗi nòng phải kêu đau.

*

Diệu và tôi đi vào cái không khi sống vội, vui cố một cách gượng gạo của phòng trà. Về náo nhiệt tụ lại chuyển vào cái lặng thinh bơ phờ của chúng tôi một ít màu sắc. Nụ cười chớp nhanh trên môi Diệu, bước chân của tôi vương dẫn vào điệu nhạc. Tôi đưa Diệu vào hậu trường – cái việc thông thường của tất cả những kẻ tình nhân ca sĩ, trong cái việc thông thường đó có những điểm, những nét kiêu rất hồn nhiên – Tôi ra kiếm một cái bàn trống ngồi chờ lũ bạn đến. Bao nhiêu suy tư thắc mắc cởi hết, tôi muốn sống xa rời thực tế để vui như kẻ tính toán những việc phải làm trong trường hợp trúng số độc đắc.

Thằng bạn anh em gọi là Nhóc tới báo cho tôi biết hôm nay cả làng kéo sang vũ trường Văn Cảnh để ăn khao một thằng vừa có sách xuất bản. Cuộc sống lênh lênh và nhiều mặt của vũ trường cảm dỗ tôi quá, nhưng sự có mặt của Diệu làm tôi lưỡng lự: tiếc một cuộc vui hứa hẹn nhiều quên lãng thực tại nhưng vướng mắc một sợi tóc nhỏ đang cố bám vào má mình. Tôi nhìn đồng hồ, khát lần một chai bia, rồi một chai bia nữa.

Diệu vừa hát xong một bài, đưa mắt nhìn tôi trước khi cúi đầu chào khán giả. Tôi vụt sợ khi nhận thấy lối nhìn tròn quá, không còn một nét sắc nào; lối nhìn của người đã nắm chắc một cái gì, có thể bỏ vương bất cứ lúc nào cũng không mất, khi nào cần lại tới kiểm và nhặt lên.

Tôi vào hậu trường tìm Diệu, không biết để làm gì. Diệu đứng chải lại mái tóc

có vẻ chưa vào nếp, thấy bóng tôi nàng đưa cho tôi cái lược, lấy cái găm tóc cắn giữa hai hàm răng, gài lên tóc. Tôi cầm cái lược trơ trên như anh chàng mới lớn được cha mẹ đưa đi xem mặt vợ. Tôi nói một câu không chủ định để có chuyện:

– Các anh ấy đi nhảy cả rồi.

– Sao anh không đi.

Tôi ấp úng muốn nói là tôi phải ở đây vì sự có mặt của Diệu nhưng có một nụ cười buông ra từ môi Diệu, buộc chặt lấy những câu nói tiếp theo khác của tôi.

Diệu để nhẹ bàn tay lên vai tôi:

– Anh cứ “sang bên ấy », lát nữa trở lại đón em.

Diệu ngang nhiên tự cho mình cái quyền được buông thả hay ràng buộc tôi! Tôi không nói nhưng thầm nghĩ rằng: Diệu

không có một chút quyền hành nhỏ mọn nào trong cuộc sống của tôi cả. Muốn hay không là do ở nơi tôi, tôi nhận là Diệu có ảnh hưởng tới tôi nhưng ảnh hưởng trong tôi, nơi tôi chứ không phải lệnh truyền ra từ Diệu. Tôi nói với vẻ tự nhiên tìm được, góp lại:

– Anh muốn ở đây nghe B. Ch. hát.

– Hát bản « Nỗi lòng »?

– Phải « Nỗi lòng » của Nguyễn Văn Khánh, bản anh mê nhất.

Diệu cầu vào cánh tay tôi đau đặng. Cái nhói buốt tôi vừa tiếp nhận mang trọn vẹn cảm giác lần hôn môi đầu tiên. Tôi khẽ vuốt má Diệu, nàng ngượng ngùng nhìn xuống những cái đẹp thuở mới yêu cùng một lúc xanh lên phôi phôi.

Tôi trở về bàn ngồi nói chuyện với Nhóc về thơ tự do, một đề tài rộng khò-

ng có chiều ngang, chiều dọc, rất thích hợp nếu dùng để đốt thời giờ.

*

Hai người mặc áo cởi hết ba khuy trên nói chuyện nhảm rành rọt như ngồi trong phòng kín.

Hai người đó ngồi sát cạnh bàn tôi. Tên mồm vồ gãi mũi, nói bằng một giọng cố lè nhè:

– Mày khoái con đó hả.

Tên trắng trẻo đẹp trai gật đầu:

– Con nào tao cũng khoái cả.

– Nhưng mày khoái con này hơn?

– Hơn những con khác chút xíu.

– Ngu! Mày thấy nó nhỏ như con chuột, ngây thơ như em gái mày, mày mê...

Y cười bằng cả hai hàm răng vỡ, ngụm nước trà còn lại trong cổ họng reo lên. Y nuốt ực rồi nói tiếp:

– Mày mê con nhỏ ấy thì hết đời rồi!

– Sao vậy?

– Nó ngủ với cả hàng trăm thằng.

Tên trắng trẻo không bằng lòng (tôi cũng thế), y nói hơi gắt:

– Nhưng mày nói con nhỏ nào mới được chứ?

Y và tôi đều bám vào cái hy vọng mỏng: tên mồm vỡ nhâm người.

Tên mồm vỡ nói thản nhiên.

– Con đang hát kia kìa.

Ca sĩ đang hát là Diệu.

Trên đường đưa Diệu về nhà tôi thấy tỉnh táo, sòng phẳng và yêu nàng thấm thía. Tôi quàng tay lên vai Diệu, ôm nàng, âu yếm dồn lên ngực đến gần như nghẹn. Tôi muốn nói với Diệu, cố hết sức để nói với Diệu: anh nhất định vẫn yêu em, anh nhất định vẫn yêu em.

Đèn đỏ ở ngã tư đường bật lên. Xe tắc xi dừng lại. Tôi hỏi mượn người tài xế bao diêm, y bảo: không biết hút thuốc nên không có.

NGÀY THỨ NHẤT

KIÊM MINH

7ÔI biết sẽ có ngày hôm nay, tôi biết như thế từ lâu rồi.

– Tuyết, để tôi nói Tuyết nghe!

– Anh im đi để nghe tôi nói. Người nào đau khổ thì nói. Những kẻ như anh chẳng cần phải nói nhiều và cái nói nhiều của anh là để làm cho người ta đau khổ thêm thôi. Hãy im lặng để mà vui hưởng ... Ở đời có những kẻ chỉ biết vui hưởng ... Chính anh không cần phải nói. Những kẻ như tôi thì

mới nói, nói nhiều, nói như điên, xin đừng cướp lời tôi, xin đừng cắt ngang những lời tôi nói. Một sự thực vô cùng thực: tôi không yêu anh và anh không yêu tôi. Anh chỉ thèm sự tươi trẻ và nhan sắc của tôi. Anh không hiểu nổi và anh cũng chẳng cần hiểu tâm hồn tôi. Hà! Chính anh, anh đâu có tâm hồn mà anh thấy tôi có một tâm hồn. Tôi, tôi có thứ đó. Anh này! Anh thèm tôi và tôi thèm tiền. Tôi thuộc về anh lâu nay vì thế. Không! Không! Đúng ra — điều này hôm nay tôi mới nói — tôi thuộc về anh là để tôi làm bản tôi đi để tôi không còn mơ ước gì nữa.

Bao nhiêu mơ ước của thời mới lớn của tôi, tôi không thực hiện được nên tôi đành làm biến tôi đi để cho tôi khoẻ trí. Khi người ta xem như mình chết! Sa vào anh, đó là một cách tự tử của tôi. Và anh đâu phải là người đầu tiên đã đến với tôi, được hưởng sự nguyên vẹn của tôi. Được

hưởng sự nguyên vẹn đó cũng không phải là người tôi yêu. Tôi là như thế đó!

Tôi vừa lớn lên vừa biết rung động thì đã phải sống giữa cảnh chó má! Một người cha quý thuốc phiện hơn con, một người mẹ lừa gạt người cha. Họ có nghìn lý lẽ để che đậy cái đáng ghê tởm của họ. Tôi có một người anh, người anh đó...

– Tuyệt!

– Không! Anh im đi! .. người anh đó có lẽ rồi cũng đến chết đâm chết chém. Là bởi vì sao? Bởi vì anh thích uống rượu vào cho tím mặt để đi tìm thanh toán những kẻ mà anh ta ghét. Anh ta chỉ biết ghét chứ không biết thương trừ ra – ôi, khó hiểu – trừ ra thương ba tôi. Anh ta phụng sự ba tôi và cho là tôi cũng có bốn phận như thế. Anh ta dọa sẽ giết tôi vì tôi làm đi lậu làm cho anh ta mất danh dự! A ha! Danh dự!

Tôi biết thế, càng làm đi, làm đi để trả lời cho anh tôi biết rằng tôi là thế. Vì sao anh ấy lại thương ba tôi, một người quý thuốc phiện hơn con.

Hà! có cái điều này hơi kỳ: Ba tôi lại thương tôi và rất ghét anh tôi. Nói rõ ràng là: anh tôi thì thương ba tôi, ba tôi thì ghét cay ghét đắng anh tôi, ba tôi thì thương tôi, tôi thì thù ba tôi. Tôi nhiều khi như điên là vì thế, nhưng tôi ít khi mà điên. Chắc hôm nay thì tôi điên. À! và tôi nói về mẹ tôi. Mẹ tôi lấy chồng khác và mẹ tôi thương cả anh tôi và tôi nhưng ghét ba tôi mặc dầu bà ta vẫn thỉnh thoảng lại tiếp tế thuốc phiện cho ba tôi hút. Ba tôi nhận thuốc phiện đó hút, và chửi mẹ tôi, và khóc cho đời tôi.

Như thế là thế nào, ai hiểu nổi? Cũng như anh làm sao hiểu tôi. Thường, con Tuyết nó hiện ra trước mắt anh là con Tuyết thềm tiền bạc, cho nên bây giờ anh ngạc

nhien thấy nó hất những xấp giấy xanh đỏ của anh cho phủ đầy nền mà ngó mà cười. Tính tình tôi bất thường lắm anh ạ. Mấy lúc này chưa có cơ hội để tôi cho anh thấy sự bất thường của tôi. Tôi đã rõ là thế nào trong đời tôi cũng có một lúc nào đó tôi khinh tiền bạc. Chính lúc này đây! Chính lúc này đây! Ha! Từ lâu tôi chạy vào trong bóng tối để cho tôi không còn thấy tôi nữa, để cho cái thân phận này nó càng tẻ nhạt đi, để cho tôi không còn lý do nào mà hò hét về cái vẻ đau buồn của nó nữa.

Tôi chạy trốn vào trong bóng đen, tôi sà vào anh, vào người tôi không bao giờ cần tìm hiểu – tôi nói tàn nhẫn hơn – tôi không thấy có anh khi anh gần tôi, khi anh ôm tôi. Những khi anh ôm tôi, những khi anh... tôi nói thầm: Đây! Sự khổ sở đang hiện hình để vây hãm đời tôi! Đây, cái u tối đang choàng lấy tôi. Ha! Ha! Anh có hiểu gì về những lời tôi nói không? Từ lâu anh

tưởng tôi là con bé tầm thường, không nói nên được một lời nào làm cho anh rung mình, làm lạnh xương sống người ta...

Tôi nói lên được là vì sao? Là vì tôi khổ, tôi điên vì khổ, là vì đời sống phô bày những điều kỳ dị làm nhức đầu tôi và tôi nhức đầu nhức óc thì tôi nói lên sự đó. Tôi nghe trong tôi như thế nào thì tôi nói lại như thế ấy. Bây giờ, tôi không cần gì hết, bây giờ tôi cần sống, cần sống anh có biết không, và khi tôi cần sống thì tôi khinh thường những thứ này, những thứ đang nằm rải rác trên nền, đó, giấy bạc đó, anh nhặt lên đi, nếu anh không nhặt thì tôi buộc phải đuổi anh ra khỏi phòng. Phòng này là của tôi, không phải của anh vì tên tôi được ghi trong bằng danh sách những người mượn phòng. Tôi muốn được nhìn anh nhặt lên bỏ vào túi anh, tôi muốn như thế vô cùng. Tôi đang nhìn sự ngỡ ngàng kinh ngạc của anh và tôi thích lắm.

Anh làm sao hiểu được tôi. Anh có nghĩ anh nằm chiêm bao không? Ha! Từ lâu tôi nằm chiêm bao – lâu lắm và bây giờ thì anh nằm chiêm bao, chỉ một giấc ngắn mà thôi. Bây giờ khi anh tưởng anh nằm chiêm bao là chính lúc tôi đi ra khỏi giấc chiêm bao của tôi để tôi đi vào đời sống rất thực. Và trước khi tôi sống rất thực thì tôi phải kỳ dị một chút. Anh được thấy sự kỳ dị của tôi. Và khi tôi sống rất thực thì tôi như điên, điên là quá tỉnh đấy. Anh không hiểu gì cả.

Anh lại càng ngờ ngạc vì anh biết không phải anh nằm chiêm bao. Nhưng tôi thì tôi cứ nghĩ anh nằm chiêm bao. Những cái gì người ta thấy hiện ra trước mắt mà người ta không hiểu nổi mà người ta không cắt nghĩa được thì người ta nói “ồ, chiêm bao!” Bây giờ anh đang ở trong giấc chiêm bao! Anh bây giờ khác lạ. Vì sao? Vì anh rùng mình trước tôi. Tôi, một người đáng

lẽ phải giang tay ra nhận tiền của anh, rồi cười rồi nằm xuống với anh, rồi đi chơi bài nhảy nhót với anh, nũng nịu với anh một lần chót rồi sau đó thì nghe lời anh, sung sướng nghe lời anh, sẵn sàng để cho anh... bàn giao! Tôi như thế thì anh không bao giờ ngạc nhiên. Hễ anh không ngạc nhiên thì anh như thường. Giờ đây, anh ngạc nhiên thì anh như tượng gỗ.

Đến đây Tuyết ngừng lại. Tuyết đã nói một hơi như bị lên đồng. Đôi mắt Tuyết trong khi nói và ngay cả bây giờ nữa long lên, sáng thứ ánh sáng kỳ lạ, hiếm hoi. Chưa bao giờ nàng sinh động như bây giờ. Nàng vừa vui vừa buồn, nàng vừa thực vừa xa vời, hư ảo. Nàng quyết liệt, tàn nhẫn, tàn nhẫn cả với chính mình. Tuyết bây giờ như một người bị ai lấy linh hồn lâu lắm, nay được bỗng có lại linh hồn và như vậy nàng vùng lên, kể lể moi móc tất cả mọi chuyện của ngàn triệu năm cam nín.

Ông Trần X, là người “bao” Tuyết bấy lâu nay chưa hề thấy nàng như vậy. Tuyết bây giờ là một con người khác. Ông Trần X. thường nói năng hoạt bát liên thoảng nhưng hôm nay thì ông lại như người câm. Nói như Tuyết, ông ta đã biến thành tượng gỗ. Tượng gỗ hiện đang cúi xuống nhặt những xấp bạc, những từ năm trăm năm bừa bãi trên nền.

Chính lúc này của phòng Tuyết có người gõ. « Ai? » Tuyết hỏi lên thế và rồi Tuyết tiếp: “Ai đẩy cú vào, cú vào, tôi muốn có một người nhìn cái cảnh này, tôi muốn có người chứng kiến cái cảnh này, cái cảnh bắt đầu của sự sống thực của tôi!

Và, cửa phòng được mở. Tuyết nhìn người lạ. Đó là một người đàn ông khoảng trên 30, cao, mảnh, mặt rắn rỏi, đôi mắt thì sáng nhưng nặng nề những mộng mị. Đó là một người đầy tâm sự. Người đàn ông đỏ đứng ở khung cửa và khung cửa cùng người

đàn ông làm thành một bức họa, mà nền là ánh sáng mờ của hành lang. Rất lâu Tuyết nhìn người đàn ông và Tuyết thấy anh ta đầy mệt mỏi. Mái tóc của anh ta nghiêng xuống vùng trán. Cái cà-vạt anh là hơi xốc xếch, cái cà-vạt đó có linh hồn của nó. Anh ta buồn trong bộ dạ phục. Anh ta đứng đó như một điều ảo mộng.

Đêm đã về khuya và trời đang nổi gió mạnh, một cánh cửa sổ của căn phòng bị gió đóng lại vang lên tiếng động chát chúa.

Người đàn ông lúc mới mở cửa không chú mục vào Tuyết mà nhủ tất cả cái cảnh tượng trong căn phòng. Trước đây, anh ta đã nghe những lời nói của Tuyết và anh ta đã nghĩ rằng “người đàn bà đang kêu la lên đó không xa lạ với mình”. Bởi thế, khi mở cửa phòng, anh ta không nhìn kỹ vào Tuyết mà anh ta nhìn bao quát cái cảnh tượng trong căn phòng.

Anh ta thấy Tuyết thì ngồi trên một cái ghế đang nhìn ông Trần X. nhặt những xấp bạc. Anh ta thấy ông Trần X. vừa nhặt bạc vừa ngẩng lên nhìn mình. Nói về ông Trần X.: ông ta bây giờ đang suy nghĩ rằng người đàn ông này là nguyên nhân của sự nổi giận của Tuyết đối với ông ta, chính vì y mà Tuyết mới can đảm quăng bữa bãi tiền bạc ra giữa nền nhà, nói giọng khinh bạc, mặt sát chửi mắng ông ta. Ông ta nghĩ: “Mình muốn bỏ rơi con bé vì đã chán nó rồi, hôm nay tới nói chuyện với nó là mình muốn bàn giao nó cho một người bạn, ấy, chỉ có chừng đó thôi, thế mà nó hung hăng với mình. Mình thật không ngờ. Mình có thiện chí, mình tội nghiệp nó. Mình nghĩ nếu mình bỏ nó mà không giới thiệu nó cho một thằng nào giàu thì nó rồi đến làm đĩ rạc. Mình có thiện chí, ấy thế mà nó chửi mình. Có lẽ nó điên.”

Bây giờ nói về người đàn ông đứng nơi khung cửa. Anh ta đứng đó như một điều ảo mộng. Những lời người đàn bà nói chàng được nghe khi chàng vừa tỉnh dậy, đang nằm nhìn ra cửa sổ những vì sao rất ít ở trên trời đầy mây. Những lời người đàn bà nói nghe như văng từ một giấc mộng. Nhưng chàng biết đó là những lời rất thực của một người đàn bà rất thực. Có gì bắt chàng phải đứng lên. Có sức gì thâu hút chàng. Như những lời nói đó là đá nam châm và chàng là một thỏi kim khí.

Diễn đã đứng dậy, phấn khởi trong một nỗi buồn thăm thẳm. Mắt chàng sáng lên. Như có gì khích lệ, xô đẩy chàng đi ra khỏi phòng, tiến đến nơi vang lên những lời lẽ âm u mà sáng ngời của người đàn bà đang nói. Người ta thường kể chuyện những kẻ đi tìm vàng khi đã biết vùng nào có mỏ vàng sẽ bất kể gian lao bất kể sống chết bằng mình đến ngay tại đó. Diễn đã tìm đến với

tiếng kêu la của người đàn bà như thế. Cho nên không là một điều lạ khi Diễm gõ cửa phòng Tuyết một cách tự nhiên. Điều lạ đây là lần đầu tiên Diễm đường đột một cách dị kỳ.

Bây giờ anh ta vẫn đứng ở khung cửa như một điều ảo mộng. Người đàn ông là ông Trần X, nhặt tiền bạc xong. Ông ta đứng dậy vừa bỏ bạc vào túi quần, Diễm thấy ông ta có chứa lại một xấp mà chàng không rõ bao nhiêu. Xấp đó ông ta cầm trong tay. Ông ta nhìn Tuyết, chẳng hiểu ông đang nghĩ gì. Ông ta cũng nhìn người đàn ông, người mà ông ta chưa từng gặp mặt bất cứ ở đâu. Ông ta có vẻ đang lý thú điều gì. Ông ta tiến đến gần cái ống nhổ lớn, quăng vào trong đó xấp bạc. Sự phản ứng của Tuyết liên khi này thật là ghê gớm, đáng kinh sợ. Nàng đứng dậy cầm một con dao và tiến đến ông ta. Nàng đâm ông ta một nhát dao lút cấn. Không, không phải thế. Đó là điều

chàng thấy trong tâm tưởng của chàng, Sự thực Tuyết không có cầm dao nơi tay. Anh ta nghĩ: bởi vì không có một con dao nào cả ở nơi đây, nếu có thì...

Tuyết đứng dậy và nói rất lớn, giọng nói nhọn và sắc:

– Tôi yêu cầu ông nhặt cái đó lên. Tôi yêu cầu ông nhặt lên. Rất gấp và rất cần.

Chàng thấy mắt Tuyết long lên, quắc lên. Chàng thấy thích thú trước cảnh tượng này nhưng mà nghe đau xót, nghe bầm tím cả tâm hồn. Chàng chờ đợi cử chỉ của người đàn ông là ông Trần X. Bây giờ chàng quan sát người đàn ông này. Ông ta là một người khỏe mạnh, độ 40 tuổi, ông ta là thứ người thích vui sướng, không biết bắn khoả, không biết đau khổ mặc dầu ông ta cũng cần, đôi khi phải biết đau khổ và bắn khoả. Chính cái khuôn mặt trẻ già của ông đã có lời nhắn nhủ với ông ta như thế. Ông ta

là thứ người mà chàng thường được gặp. Nhìn ông ta chàng nhớ cha chàng. Cha của chàng, lớn tuổi hơn ông ta, cũng là một thứ người như ông ta.

Chàng quan sát người đàn ông là ông Trần X. Thấy sau khi ông ta quăng xấp bạc vào trong ống nhổ thì ông ta lấy làm lý thú lắm. Nhưng, khi Tuyết phản ứng dữ dội thì ông ta mất ngay liền vẻ lý thú và ông ta kinh hãi. Ông ta phóng đến Tuyết một cái nhìn thù hận rồi ông ta đành cúi xuống lấy xấp bạc, vẻ tự nhiên cũng như khi ông ta quăng vào đấy. Khi ông ta lấy xấp bạc xong thì ông ta cười, cái cười hơi khả ố, nhưng cái cười đó thâm trầm. Tuyết nhìn cái cười đó, không quan tâm.

– Làm gì đi nữa rồi thì cô cũng là dĩ. Cái điều quan trọng là cô có còn ngửa tay ra lấy tiền của đàn ông nữa hay không.

Người đàn ông là ông Trần X., nói thế. Tuyết cười gằn không đáp lại. Lúc này nàng trở lại ghế và ngồi xuống. Người đàn ông là ông Trần X. tức giận hiện lên trên mặt. Tai ông đỏ gay. Ông ta nhìn khách lạ là Diễm bằng cái nhìn không chứa đựng ý nghĩa gì hết – Chàng nhận thấy thế. Ông ta là một cử chỉ để bảo cho người lạ là Diễm biết rằng ông sẽ đi ra khỏi phòng để cho chàng tránh một bên. Ông ta hình như không muốn nói gì với người lạ, chàng có vẻ gì nơi mặt làm cho ông ta sợ tuy rằng chàng đang mơ màng và đang vô cùng mệt nhọc.

Và bây giờ thì ông ta tiến đến cửa. Chàng tránh mình sang một bên. Ông ta cười nhìn khách lạ, nụ cười ông ta hơi ngượng ngập và giống nụ cười của một đứa con nít không hiểu gì về đời sống. Ông ta đã đi ra ngoài hành lang. Ông ta đi thật mau bằng những bước ngắn nhưng vội, có vẻ chạy trốn. Chàng nhìn theo, thấy ông ta

ngừng lại một lát ở miệng thang lầu.

Chàng nhìn ông ta biến dần nơi miệng thang lầu theo chiều dọc của thể xác.

* * *

– Chào ông, có lẽ phòng ông gần đây.

Câu đầu tiên Tuyết nói với người lạ là như thế. Câu nói này có khả năng chia đôi rõ rệt cảnh cũ với cảnh bây giờ và làm bắt đầu một sự mới mẻ trong căn phòng. Câu này nói lên đúng khi cái đầu của người đàn ông là ông Trần X. thụt xuống ở miệng thang lầu. Và nhằm vào lúc chàng vừa quay lại nhìn Tuyết.

– Tôi ở bên dãy số lẻ, trước phòng cô.

– Có lẽ ông không hiểu rõ chuyện gì đã xảy ra giữa tôi với ông đó.

Tuyết hình như còn đang xúc động vì những việc vừa rồi nên nàng quên không

ngỏ ý mời chàng vào hẳn trong phòng vì thế tới lúc này chàng vẫn còn đứng ở khung cửa. Còn Tuyết vẫn ngồi ở chỗ cũ như cảnh trước.

– Không, tôi hiểu rõ lắm. Tôi đã lắng nghe tất cả những lời lẽ của cô (vừa nói chàng vừa bước vào, tiến đến một cái ghế gần Tuyết mà ngồi xuống).

Bây giờ không phải là lúc đề đặt kiểu cách của cái gọi là phép xã giao lịch sự. Bây giờ cũng là lúc Tuyết chẳng còn cần biết gì đến những điều lật vạt tầm thường đó của đời sống mà khi người ta không đau khổ lắm thì người ta mới thường dùng. Bây giờ là lúc mỗi người lấy trái tim của mình đặt lên trên bàn mà ngó vào và để cho người khác ngó vào xem chơi cho biết nó là thế nào.

Tuyết nói:

– Nếu tôi không bị chà đạp một cách ghê gớm thì tôi vẫn còn ở trong cảnh cũ. Tôi đã nói là tôi từng muốn làm biến tôi đi để tôi không còn thấy thân phận tôi nữa...

– Tôi đã lắng nghe tất cả. Những lời lẽ của cô là những lời lẽ của ngàn triệu năm câm nín của đời sống. Chàng nói bằng giọng thâm trầm chua cay, nhưng đôi mắt chàng thì sáng lên...

Tôi là Diễn, tôi vừa mới đến đây hôm qua, phòng tôi ở bên dãy lẻ, số 3, trước phòng cô.. Tôi đến, tôi mệt (những ngày qua có nhiều chuyện xảy đến trong đời tôi. . . làm tôi mệt, nhưng vì thế mà tôi. . .) tôi đến đây hôm qua (bây giờ là một giờ rồi, đã bắt đầu một ngày khác) tôi đến đây hôm qua, tôi mệt và tôi ngủ, ngủ được một giấc, đến khi tôi thức dậy, tôi đang nhìn bầu trời thì tôi nghe vẳng lên những tiếng kêu la, sao mà buồn thế, những lời lẽ đó của cô!

Những lời lẽ đó làm cho tôi khóc, và tôi vùng dậy, tôi choàng áo vét, và đi giày vào (tôi ngủ không cởi sơ-mi và không cởi quần và cứ để cà-vạt và cả vớ), tôi đi giày vào vôi vàng (lúc này tôi vẫn lắng nghe lời cô nói mà dù tôi không lắng nghe thì tôi cũng cứ nghe) rồi tôi mở cửa phòng tôi và tôi đi ra đứng ở hành lang. Tôi biết tiếng nói đó phát ra từ đâu. Tôi đến cửa phòng cô và tôi gõ cửa. Tôi hiểu hết cả. Dù chưa từng gặp cô nhưng cô không phải là người xa lạ với tôi. Vì thế tôi mạnh dạn gõ cửa. Sự đau khổ chứa đựng trong lời lẽ của cô làm cho tôi mất đi tính dè dặt thường lệ. Thường, tôi không gõ cửa ai như thế bao giờ. Cô có cho tôi như thế là đường đột không? Không, cô không cho như thế là đường đột đâu, với lại cô đâu còn đủ bình tĩnh, đủ sung sướng để mà nghĩ đến những điều tầm thường nữa. Trước mặt cô, sau lưng cô, bên trái và bên phải của cô là sương mù của đời sống,

cô vùng ra khỏi, cô bận đến điều đó rồi thì làm sao cô có bình tĩnh để mà thấy cái gọi là sự đường đột.

– Thưa ông, tôi không nghĩ gì về điều đó. Khi cánh cửa phòng mở và tôi thấy ông, tôi vô cùng sung sướng. Tôi thấy ông như là một người... ông hiện ra để cho tôi khỏi chơi với . . . vì đó là giờ phút chót của giấc chiêm bao. Người ta ít mất sức khỏe vì nằm chìm trong chiêm bao, nhưng người ta rất mệt khi bắt đầu thoát ra khỏi. Ông đã đến và ông đã cho tôi thấy cái sắc diện đầu tiên của đời sống sau những năm tháng. . . Tôi là Tuyết, từ lâu tôi sống trong sự chết. Bởi vì tôi bất lực không cắt nghĩa được những điều kỳ dị nó chiếm trọn tuổi trẻ của tôi. Năm nay tôi vừa hai mươi tuổi. Hai mươi năm nhưng tôi chưa sống được một ngày. Bây giờ có phải là ngày thứ nhất mà tôi được sống không?

Nỗi buồn trong lời nói của Tuyết có thể làm đá đứng dậy và đi, Diễm thấy núi chạy và rừng thì ca hát.

– Bây giờ cũng là ngày thứ nhất của đời sống tôi. Tôi là Diễm, cha tôi giàu lắm, nhưng... nhưng mà gia đình tôi không được vui vẻ. Ông ấy có một tình cảm ghê gớm với tiền bạc, mẹ tôi có chồng giàu nhưng bà khóc luôn. Và bà chết vì ông ấy yêu thương người khác trước mắt bà. Tôi có một người chị lấy một người thích triết lý và cuối cùng anh ta tự tử vì triết lý. Chị tôi sau đó biến mất ở đâu tôi cũng không rõ. Còn tôi thì tôi không hợp với ba tôi nên tôi bỏ nhà ra đi nhưng thỉnh thoảng tôi lại về nhà xin tiền ba tôi. Ông ấy cho tôi rất ít, ông tiếc tiền, nhưng ông lại sẵn sàng cho tiền một thiếu nữ rất đẹp. Người này ở với ba tôi được một năm nay. Cô ta trẻ. Ba tôi không thích tôi về nhà thường. Ông ấy sợ gì chắc là cô biết. Tôi thì tôi cũng ít về nhà.

Tôi có tiền thì tôi đi trụy lạc. Những cái gì của đời sống đen tối nhất tôi đều biết. Tôi chìm trong đó lâu nay để mà quên những điều kỳ dị trong gia đình tôi. Tôi yêu thương mọi người và tôi buồn về những ghê tởm của đời sống. Rất nhiều lần tôi thấy tôi bất lực trong việc làm cho hết những ghê tởm. Và như thế tôi làm biến tôi đi. Tôi tránh mọi sự thực và chúng nó làm tôi khổ. Tôi bắt chước anh rể tôi, hư vô...

Thế rồi hôm gần đây, một điều xảy đến làm thay đời tôi. Để tôi kể một việc này. Người con gái mà cha tôi đang sống đã yêu tôi. Về sau khi. . . tôi mới rõ. Cha tôi rõ điều đó trước khi. . . Tôi thường về nhà để xin tiền cha tôi. Cha tôi thấy bất tiện và ông tìm cách giải quyết vấn đề tôi. Đã nửa tháng qua rồi kể từ hôm ấy. Hôm đó tôi hết tiền về nhà xin tiền cha tôi. Tôi ngạc nhiên thấy cha tôi tiếp tôi rất trang trọng, có vẻ nể tôi. (Lúc này tôi có nhìn người con gái

sống với cha tôi vì cô ta có đi qua nơi chỗ phòng khách mà tôi đang ngồi với cha tôi). Cha tôi tiếp tôi rất trang trọng và có vẻ nể tôi, nhưng mắt ông có cái nhìn ra ớn cho tôi. Tôi chờ đợi. Cha tôi nói: « Diễn, hôm nay cha con mình nói chuyện quan trọng ». Chuyện quan trọng gì đây, tôi đoán mà không ra. Cha tôi nói tiếp: « Người làm cha có bốn phận với con cái ». Tôi nhìn cha tôi, tôi thấy cha tôi già và mệt. Tôi thương ông. Cha tôi lại tiếp: « Cha có bốn phận này với con. Con nên sống cho lành mạnh đi! » (Lúc này tôi cười). Cha tôi hỏi: « Diễn, con cười gì? » Tôi nói: « Dạ, không ạ! » Cha tôi nói: « Cha muốn chia gia tài cho con. Nhà thì cha cho con cái biệt thự con thích, còn tiền thì cha đã lập chương mục cho con rồi, con sẽ đến ký, và cha sẽ chuyển tiền qua chương mục cho con. Lẽ tất nhiên là cha lo cho con rất trọn vẹn ». Đến đây cha tôi ngừng lại một lát, rồi lại tiếp: « Nhưng mà,

Diễn này, cha đề nghị là từ đây. . . từ đây con thay đổi nếp sống, nghĩa là con đừng lang bang nữa, và điều quan trọng là cha con ta sẽ có một cái nhà khác để gặp nhau. Cha muốn cha được tự do ở đây. Con về đây thường làm cha không được yên ổn. . .”

Cha tôi còn nói nhiều nữa, tôi chỉ cú việc nghe. Tôi thấy thích vì có tiền. Tôi nhìn cha tôi và tôi thấy cha tôi mệt mỏi lắm. Tôi thương ông. Tôi nghĩ suốt đời ông đã làm tiền, và ông không được vui hưởng, bây giờ thì ông cứ vui hưởng. Tôi không trách phiền ông về việc ông yêu cầu tôi đừng về nhà. Tôi nghĩ đến người thiếu nữ sống với cha tôi và tôi hiểu. Tôi thương cảm cha tôi và tôi cũng thương cảm cả cô ta. Tất cả đều buồn. Tất cả đều ở trong giấc chiêm bao.

Khi nói những lời trên, có lúc Diễn nhìn ra khung trời mà cửa sổ cho phép thấy – Diễn thấy khung trời lay động vì gió và vì

sự nhấp nhánh của sao – có lúc chàng nhìn vào Tuyết để sung sướng trước sự sinh sắc của nàng trong từng phút. Tuyết càng lúc càng đẹp và càng sáng. Chiếc áo dài nền trắng hoa xanh lớn gần bằng một bàn tay xòe ra mà Tuyết đang mặc làm cho Diễm nghĩ đến một vườn hoa đầu mùa. Hạt gi màu hồ phách nằm trước ngực nàng bây giờ là một hạt lệ vui.

« Tất cả những chuyện trong giấc chiêm bao đều buồn!, Diễm nói thăm.

(Vừa lúc này ngoài kia có những tiếng gót giày; cô mặc đầm đeo mi giả trở về. Cô ta gieo những bước mệt mỏi xuống nền hành lang. Cô ta cố tình tạo ra thêm vẻ mệt mỏi cho các bước đi của cô ta. vào lúc này có tiếng động kim khí của người tắm quất ở dưới đường. Vào lúc này có tiếng động cơ của xe hơi và xích lô máy vang lên. Vào lúc

này nơi thành phố đã ngủ hay bắt đầu thức đều được cả. Vào lúc này, cô mặc đầu đeo mi giả đang ở trong phòng cô ta, đang lấy cặp mi giả ra từ đôi mắt mình. Cô ta để cặp mi giả trên bàn trước cái gương soi. Trong gương có một cặp mi giả khác thành thử có đến hai cặp mi giả).

Nãy giờ, Tuyết lắng nghe những lời lẽ của người đàn ông và nàng thấy ở người đàn ông đầy sự tội nghiệp. Nàng mơ hồ hiểu rằng vì sao người ấy không được vui.

– Những điều đó thật buồn. Tôi cũng thương cảm ba anh và cô ta, Tuyết nói lên.

– Tuyết, Tuyết nghĩ thế nào khi tôi nói rằng khi tôi mở cửa phòng Tuyết là tôi tìm được một người mà tôi tìm từ lâu.

Tuyết không muốn che đậy tình cảm của nàng, nàng bây giờ cũng như Diễm,

muốn đặt trái tim trên bàn. Sự giả dối, sự che đậy bây giờ chỉ càng làm cho mỗi người lại chìm trong chiêm bao trở lại mà thôi.

BÊN RẶNG TRE GIÀ

LÊ VINH HÒA

NGỒI chồm hồm trước hè, Năm
Theo lần tay theo chũn chài tìm lỗ
rách. Vừa nhịp chũn, anh vừa nghêu ngao
đờn miện: “Tùng... tùng... tùng. . . tức
tùng... tức tùng... tức tùng... Con ôi! Tháng
chạp tới đây là ngày tên của con phải ghi
vào cuốn sổ nhân duyên ở ơ... ơ... ô...”

Điệu ca lạt lẽo rơi chầm chậm, rồi uể
oải tan dần trong buổi chiều vắng vẻ. Trời
tối mờ mờ. Có bấy dơi quạ bay xập xạn qua

sân, đục đầu vào lá dừa nghe sột sạt.

Từ kinh sáng, giọng ngâm Kiều của ai vẳng lên, nghe buồn đứt ruột... Năm Theo bỏ cuộn nợ, người mắt nhìn: À! ghe chài của anh Thìa. Kiều ghe đặc biệt, bề ngoài rộng bề xề nhưng ván mỏng manh, mũi bằng thán, cột chèo lùn xịt; lại thấp thoáng trong mũi có mấy tà áo nâu. Rõ ràng là ghe anh Thìa.

Anh Thìa không phải là danh từ riêng chỉ một người nào. Nguyên là hồi năm ngoái, mấy người Bắc chở lá cất nhà ở trại Đại Hải đi ngang qua đây, ghé lại mua mấy trái dừa tươi. Uống nước xong, họ bỏ dừa ra và bảo:

– Các bác cho mượn cái thìa.

Chủ nhà hỏi lại:

– Cái gì?

– Cái thìa.

– Thìa là cái gì?

– Là cái thìa chứ còn cái gì. Rõ vớ vẩn!

Vẫn không hiểu, chủ nhà đáp bừa:

– Tui không có cái đó.

– Lạ! Không thìa thì lấy gì múc canh?
Các bác không ăn canh à?

– Sao lại không? Húp canh bằng muống
chớ.

Nói xong chủ nhà sai con cầm cái
muống đem ra.

Mấy người khách phá lên cười:

– Ôi giời ơi! Cái thìa mà bảo là cái gì?
Ừ! Cái « muồm ».

Đáp lại, vợ chồng con cái chủ nhà cùng
cười ngất nga ngất nghèo:

– Quí thân ơi! Cái muống của người ta mà kêu bằng cái thìa – thìa gì mà thìa ông nội?

Đầu đuôi chỉ có như vậy, mà sau cả xóm hể gặp người nào nói trọ trẹ thì kêu ngay là « anh Thìa » – thìa hay muống đã có sao đâu?

Nhưng anh Năm Theo còn không ưa mấy anh Thìa vì lẽ khác. Anh nghe người ta nói: mấy người Bắc vô tới Nam thường trầm trồ: « Ôi giờ ơi! Đất Đồng Nai cả cơm lẫn tiền đến thế, ở ngoài chúng ông thóc cao gạo kém vô cùng...» Chuyện đó chưa biết thiệt hư, nhưng Năm Theo in trí là chắc có. Anh nghĩ: chơi điệu này bộ họ muốn vô giành quyền lợi của mình sao chớ! Bởi vậy có lần mấy ghe chài ở trại di cư Đại Hải tới ghé vô bờ quơ một mớ củi, anh ra cự nự om sòm:

– Ê! Bộ cây này tui trồng cho mấy người

hưởng hả? Sướng quá mà! Tui là mọi cho mấy người chớ. Mấy người ngồi không đâu có biết công tui trồng cây trâm bầu này nó cực khổ ra làm sao. Mấy người đâu có từng chịu cực.

Anh tính họ cự lại thì anh làm dữ liền, nhưng sao thấy họ xuôi lơ đi xuống nên anh cũng thôi lách đáp luôn. Nghĩ lại, Năm Theo bắt tức cười một mình. Phải dè họ như vậy thì làm hùm là tưởng làm chi cho mất cảm tình. . .

Có tiếng léo nhéo dưới mé sông làm đứt quãng những ý nghĩ lộn xộn trong đầu, Năm Theo ngẩn cổ nhìn: ghe anh Thìa đã cạm sào đậu cách bờ hai sải. Vợ chồng với hai đứa con đường xúm xít ăn cơm sau lái. Cái cảnh đầm ấm trên chiếc ghe nhỏ trôi trôi ấy không đủ làm giảm đi vẻ hiu quạnh minh mông của một buổi chiều trên sông vắng.

Những chiều lặng lẽ như vậy dễ sinh ra nhớ nhà lắm. Nhiều khi đương ở tại nhà; bà con làng mạc sát một bên mà cũng còn bắt buồn bã nhớ vợ nhớ vẫn tận đâu đâu, hướng hồ gì kẻ ở xa nhà. Năm Theo vừa cuốn chài, vừa suy nghĩ như thế. Anh thấy hơi nao nao trong lòng, lững thững đi ra mé sông ngồi nhìn xuống ghe anh Thìa xem họ đang làm gì.

*

Người vợ đang lui cui rửa chén. Hai thằng nhỏ ăn no đã chổng cẳng ngủ khì.

Bóng tối buông dần, chậm chạp.

Khói trắng nhà ai tỏa lên, vương vít ở rặng tre cao mịt bên này bờ. Trời im gió, nhưng khói vẫn uể oải bay đi.

... Nhìn theo làn khói mất hút sau bụi

tre, anh Dân — người chồng Dân — người chồng thấy lòng lâng lâng một mối buồn khó tả.

Đã nhiều buổi chiều rồi, anh ghé lại bên bờ tre này và ngồi đây, qua màu tre xanh, anh thấy cả quê hương thân yêu dường được gói ghém giữa lũy tre già ở miền xa tít.

Đọt tre ẻo lả, tiếng kéo kẹt êm đềm; hình ảnh, âm thanh đơn giản đó không phải dễ tìm. Đó chính là hình bóng, tiếng nói của những mảnh đất từng thấm bao mồ hôi, trải qua bao mùa mưa nắng. Đất mới chưa dễ đã có tre, anh nghĩ như vậy. Con người nhớ mảnh đất chôn nhau như cá kia nhờ nước, chim kia nhớ trời. Làm sao mà quên được?

Có tiếng chèo ai khua nước. Anh Dân quay lại bảo vợ:

– Phải có đôi dãy núi đằng kia, u nó nhỉ?

Chị Dân ngơ ngác:

– Thấy nó bảo núi gì?

Anh nhớ lại câu nói trống lỗng của mình vừa thốt, bật cười:

– Ừ nhỉ. Tôi như lộn hồn. Tôi định nói phải có dãy núi ở sau cánh đồng kia hợp với hàng tre trước mặt đây thì giống tuyệt.

– Thấy nó nói giống làng mình ấy à?

– Chứ gì.

Cả hai đều im bật, thần thờ. Lúc sau, chị Dân bảo:

– Nhưng người không giống!

Anh tặc lưỡi:

– Thì cũng người Nam nhau cả chứ khác chỗ nào.

Chị Dần nhìn chồng, ái ngại:

– Chắc mình tương tự cái rặng tre đó rồi. Hôm nào đi qua cũng đòi ghé lại ngắm mãi.

–U nó không biết. Ngủ ở đây, nửa đêm thức giấc nghe tiếng lá tre kêu xì xào, tre nghiêng nhau kiu cà kiu kịt, lắm lúc mơ màng tôi tưởng như đang ngủ ở quê mình. Chừng tỉnh lại, biết không phải, tự nhiên nước mắt trào ra ướt má.

Tiếng người chồng nghẹn lại.

Năm Theo cũng thấy xốn xang trong lòng. Bỗng nhiên, anh bắt gặp lại được cái cảm giác của anh mười mấy năm về trước. Ngày đó. Nhặt bắt thanh niên lên Hà Tiên đào phòng tuyến đắp sân bay. Ở nơi xa cửa xa nhà, chiều nào anh cũng ra ngồi trước sân, nhìn rặng dừa đằng mé biển. Qua rặng dừa xanh mướt, anh thấy cả mái nhà xơ

xác quanh hiu. Ở đó, phía trước có đôi cây dừa lão, một hàng tre, năm bụi chuối đèo. Những chiều cỡ này, bầy gà con lạc mẹ kêu chi chít ở dưới giàn bầu. Con chó mực sủa ăng ăng trước bờ sông. Bầy dơi quạ chớp cánh đập choạng bay ngang nóc nhà. Và thương ôi ! Trong ánh nắng quái thê lương, một bà mẹ già lồm khồm ra vào... Năm Theo lặng lẽ đưa tay lau nước mắt.

Bây giờ nhìn dáng ngồi của anh bạn dân chài xa lạ, anh nhớ có lẽ mười mấy năm về trước mình cũng đã ngồi y như vậy nơi đất lạ quê người. Anh đã tìm lại được cái xót xa đau khổ trong lòng của những người đã mất một cái gì quý báu lớn lao là hình ảnh của miếng đất chôn nhau cắt rún.

Con người ngồi dưới ghe kia không có gì xa cách. Lòng họ chính là lòng anh trong những ngày nào. Đôi tay rám nắng kia đâu có khác gì đôi tay của những người gần nửa

kiếp bị đọa đày trong những tối tăm khô ải
đau buồn . . .

Năm Theo đứng lên, kêu:

– Anh Hai! Anh Hai a! Chưa đi chài,
ghé lên bờ uống nước, nói chuyện chơi cho
đỡ buồn. Ở đâu cũng bà con hết mà, đừng
ngại . . .

Và anh mỉm cười sung sướng khi bắt
gặp đôi mắt u ám vừa rực sáng lên của
người bạn, mà anh mới vừa nói chuyện câu
đầu . . .

III-1957

25 THÁNG CHẠP

LƯU NGHI

Kính tặng những người Phó Hội

L. N.

NÓI rằng lão cười thì không đúng.
Mà nói rằng lão khóc, thì cũng
chẳng đúng chút nào. Mặt lão nhăn rúm
như mảnh giấy nhàu nát; nhưng giữa cái
nhàu nát vụn vặt ấy, đôi môi dày của lão hé
mở nhếch vể một bên có vẻ kiêu kỳ, ngạo
mạn và dù bị lé mất một con, đôi mắt lão
vẫn sáng long lanh, ươn ướt.

Lão buồn hay lão vui, thực chẳng ai muốn bận tâm đến. Cái buồn cái vui của lão không làm ai xao xuyến, bận khoản cả. Có lẽ vì lão xấu trai quá chừng.

Mà cũng có lẽ nghề nghiệp của lão, của cả gia đình nhà lão, không mấy khi cho phép lão ung dung nhìn thiên hạ trên đường phố, hoặc trái lại, để thiên hạ có dịp suy gẫm về tâm tư của lão.

Người ta gọi lão là lão Sóc. Vợ lão là mụ Sóc. Con lão là thằng Sóc. Và cả một bầy trẻ nheo nhóc tiếp theo, người ta cũng gọi chung là bầy con lão Sóc. Giữa cái đô thị nhỏ hẹp này, ai cũng biết lão và gia đình nhà lão. Nhưng cũng chỉ biết đại khái thế thôi.

✱

Chiều mùa đông xuống mau, vây bủa một màu chì tang tóc.

Lão Sóc ngồi một mình trên chiếc ghế đá công cộng, cũ kỹ, đặt trên bờ sông, nhìn trời, nước mông lung. Lão nhìn trời vì mây dày và đục quá; gần nửa tháng rồi mà chẳng thấy mặt trời. Lão nhìn nước, vì nước nguồn cứ chảy xuôi dòng, vàng ngàu và lạnh buốt. Trời như thế, nước như thế, làm ăn gì được! Lão thở nhè nhẹ, không phải vì chán nản, cũng không phải vì bức mình. Chiều nay lão cảm thấy buồn buồn, thoáng gợn lên một chút chua xót trong lòng.

Giữa bữa cơm chiều đạm bạc trong khoang thuyền của lão, vợ lão có nhắc đến chuyện cưới vợ cho đứa con lớn là thằng Sóc, tháng giêng sắp đến. Ăn xong, lão im lặng quán một điếu thuốc rê thật lớn, châm lửa rồi lên bờ đi thẳng đến ngồi trên chiếc ghế đá này. Lão hút tàn điếu thuốc thì chiều xuống. Đêm và ngày giao tiếp không môi giới hoàng hôn. Trong phút chốc, mặt sông

trở màu xanh đậm rồi tối mờ mờ. Cả vạn ghe đỏ lửa lúc nào không biết, mà lão thấy ánh đèn dầu vàng đục vẽ ngoằn ngoèo, nát từng mảnh vụn trên dòng sông.

Chuyện cưới vợ cho đứa con lớn là thằng Sóc, nhắc lại trong ngày gần cuối năm, chính lão cũng không ngờ lại làm cho lão bận tâm đến thế.

Thằng Sóc, đứa con đầu của lão, đã hăm mốt hăm hai tuổi. Hăn cao lớn, mạnh khỏe như lão. Người ta nói hăn « nhỏ giò ». Chính hăn đã giúp lão đắc lực trong nghề vớt cát đổ bán cho thiên hạ làm nhà.

Nghề này đã nuôi sống gần trọn đời lão và cả gia đình nhà lão. Đất cắt là của trời; huống nữa đây là đất cát dưới lòng sông. Nghề của lão không cần vốn liếng, nhưng cần sức mạnh. Qua mấy mươi năm lặn hụp, còng lưng đẩy bao nhiêu là xe cát qua

đường phố, sức lực của lão có suy giảm ít nhiều. Vừa lúc thằng Sóc lớn khôn, « ông, bà » lại phù hộ cho hấn mạnh khoẻ. Không có hấn, lão cũng đến thêm vất vả. Mặc dầu bốn phận hấn làm con thì phải giúp cha giúp mẹ, lão Sóc vẫn ghi nhớ công ăn việc làm khó nhọc của hấn.

Cách đây không bao lâu, vạn ghe xóm Chùa Cầu đồn rằng thằng Sóc trai gái với con Nuôi. Con Nuôi chẳng phải ai xa lạ; chính là đứa con gái mà lão Sóc thuê đẩy xe cát thường ngày. Mặt mày con Nuôi coi cũng ngồ ngộ, tánh nó lại dễ thương. Nên lão Sóc nghe người ta đồn mà không lấy gì làm khó chịu. Lão có dò la cho rõ đầu đuôi; rồi lão làm thỉnh; mãi đến khi chuyện trai gái giữa con Nuôi và thằng Sóc không còn giấu ai được nữa, thằng Sóc mới thưa cha mẹ xin cưới con Nuôi làm vợ.

Chiều nay, lão Sóc nhớ lại từ đầu chí

cuối, mỉm cười khi nhớ lời thằng Sóc nói với vợ chồng lão:

– Thừa cha với mẹ, tôi muốn dựng gia đình.

Đối với lão nói như thế là lỗi tân thời. Tuy vậy lão không phản đối; lão cũng nhận thấy « đời bây giờ » không còn như thời trước nữa; thời ấy, lão cưới vợ mà không hề biết trước mặt mũi người vợ như thế nào. Ừ, cha mẹ bảo cưới thì lão cưới, chuyện bình thường, bình dị như đi mua cái áo chẳng hạn. Nói chi đến chuyện thương yêu. Nhưng rồi vợ chồng lão Sóc vẫn chung sống như mọi gia đình khác. Cũng làm, cũng ăn, cũng sinh con đẻ cái. Chiếc thuyền con bập bênh trên mặt nước kia, vừa là cái ghe nghề để vớt cát, mà cũng là mái nhà trôi nổi đã che mưa nắng bốn mùa cho gia đình nhà lão.

Từ hai năm nay, mái nhà trên mặt nước ấy có phần chật chội, vì vợ lão sinh năm một. Đến nay mẹ Sóc lại bụng mang dạ chửa nữa. Mỗi khi đi vớt cá, lão đuổi cổ cả bầy con lên bờ tha hồ đùa nghịch. Tối đến lão lại lừa bầy con xuống thuyền như lừa bầy heo vào chuồng.

Thằng Sóc thì vác chiếu lên bờ ngủ lang ở đâu tùy ý. Thỉnh thoảng, hẩn cao hứng ngủ vài đêm trong Chùa Cầu Nhật Bản. Hẩn hay nói đùa:

– Đêm nay, đi ngủ với bốn con khỉ Chùa Cầu⁴ chơi.

4 Tại Hội An (Trung Việt), có một cái cầu gỗ, bắc ngang một mương nước nhỏ. Ngay trên cầu là một cái chùa, cầu này do người Nhật Bản xây dựng cách đây khoảng 300 năm, nên gọi là Chùa Cầu Nhật Bản. Cầu làm từ năm Thân (tức là năm Khỉ), và xong năm Tuất (lúc là năm con Chó), nên ở hai đầu cầu có đặt bốn cái tượng: hai tượng con khỉ và hai tượng con chó, đánh dấu khoảng thời gian làm cầu là 3 năm. Nhưng, người Hội An quen gọi là bốn con khỉ Chùa Cầu (vì tượng chó không khác tượng khỉ cho lắm). Thành ngữ “Con khỉ Chùa Cầu” đến nay còn có nghĩa thông thường, đối với người Hội An, để mắng nhiếc hoặc châm biếm một người nào làm điều xấu hoặc có hình dáng kỳ dị.

Nói rằng chơi, nhưng chính vì ngủ ở Chùa Cầu mà hắn có dịp tình tự với con Nuôi, để đến ngày hôm nay trở thành chuyện vợ chồng gần thật sự.

Tất cả những chuyện ấy, lão Sóc đều biết cả. Có lẽ vì lão thương con; mà có lẽ lão cũng muốn con Nuôi với thằng Sóc chóng thành vợ thành chồng; như thế lão có thêm một nhân lực trong nghề vớt cát của lão.

Rồi đây khi vợ chồng lão già nua, vợ chồng thằng Sóc sẽ nối nghiệp xúc cát dưới lòng sông, bán cho thiên hạ làm nhà. Thiên hạ còn làm nhà, lão còn vớt cát, con, dâu lão còn vớt cát. Cái nghề không vốn ấy thế mà lương thiện, cũng đủ nuôi sống cả gia đình lão năm này qua năm nọ.

Thằng Sóc xin lão làm lễ cưới trong tháng giêng sắp tới. Hắn nói rằng mùa Xuân là mùa tốt đẹp. Theo lão, đó cũng là lời nói tân thời. Lão đã nghi quen rồi nên

thản nhiên, và thuận ý dễ dàng với thằng Sóc. Nhưng có điều làm cho lão lo nghĩ và băn khoăn nhiều vì tháng Sóc tỏ ý xin làm nhà. Một căn nhà nho nhỏ thôi, để vợ chồng hẳn có chỗ chui ra chui vào. Lão hỏi hẳn:

– Bộ mi muốn bỏ cái nghề của tau rồi hả?

Hẳn trả lời:

– Dạ không. Ở trên bờ, nhưng vụ chồng tui cứ xúc cật với cha.

Lão lại giải thích:

– Tau tính cố sắm cho mi một chiếc ghe nhỏ, vợ chồng mi sống, mà lại thêm cái ghe nghề. Sau này tau với mẹ mi có trăm tuổi thì vợ chồng mi quen thuộc công ăn việc làm, nối nghiệp cho tau. Chớ làm cái nhà trên bờ, thì. . .

Tự nhiên, lão không biết nói thế nào cho phải lẽ. Lão ngập ngừng một hồi lâu. Thằng Sóc lại trả lời:

– Tui thì tui nghĩ nên làm nhà nho nhỏ trên bờ, sau này cha mẹ già yếu, cũng có chỗ tránh nắng mưa. Chứ già cả đau yếu mà sống dưới ghe như ri, không tiện.

Chiều nay, nhắc đến đám cưới thằng Sóc, câu chuyện làm nhà cùng lời lẽ của hần trở lại trong đầu óc lão. Lão nghĩ rằng: « thằng Sóc nói cũng có lý; mà lòng hần có hiếu thảo với cha mẹ nên mới tính như rứa ».

Nhưng, lão bỗng cảm thấy bức dọc khó chịu. Lão đưa tay gãi sau ót mấy cái, thở một hơi nhẹ, chép miệng rồi đứng dậy. Lão đi chậm rãi về hướng chùa Quảng Triệu; đến ngã ba đường trước cửa chùa, lão ngập ngừng một chút không biết nên đi xuống hay đi lên, tựa như cái hương đi lúc

này quan hệ đến sự bực dọc của lão nhiều lắm. Sao cùng, lão Sóc đi lên, có lẽ lão vừa nghĩ nên đi ngang qua nhà ông Hoạng thầu khoán, biết đâu người ta gọi giật lão lại bảo lão đổ năm ba xe cát làm nhà. Lão đi thật chậm và mé sát vào vỉa hè. Nhà ông thầu khoán sáng đèn như mọi bữa. Nhưng, liếc nhìn qua chiếc bình phong đặt trước bộ xalông, lão chẳng thấy ma nào cả. Trong nhà vắng tanh. Lão đưa tay lại gãi sau ót thêm mấy cái nữa, rồi đi thẳng vào Chùa Cầu.

Lão ngồi chồm hồm, bên một cây cột, nhìn người qua kẻ lại, nhìn xuống nhìn lên dọc con đường phố cong queo, hẹp như một ngõ hẻm. Lão quán một điều thuốc thứ hai, chưa biết xin ai một chút lửa. Lão chợt nhìn thấy mấy chấm lửa thật nhỏ trong góc cầu, lão nói một mình: « À, có đây rồi ». Đây là mấy cây hương mà ông từ giữ chùa, đêm nào cũng cắm trước tượng mấy con khỉ. Châm lửa xong, lão mở lớn đôi mắt lé

nhìn kỹ vào cái tượng khỉ. Lão nhớ lời nói đùa của thằng Sóc:

– Đêm nay, đi ngủ với bốn con khỉ Chùa Cầu chơi.

Lão quay lại chỗ cũ, cũng ngồi chồm hồm, đưa hai cánh tay dài thông thượt ra đằng trước. Lão trách thầm: « Cũng tại mấy con khỉ Chùa Cầu này mà có chuyện thằng Sóc với con Nuôi; có chuyện thằng Sóc với con Nuôi mới có chuyện xin làm nhà; và có chuyện xin làm nhà mới có chuyện xích mích lộn xộn giữa lão và vợ lão ». Sự bực dọc lại rộn ràng trong lòng lão.

Lão Sóc chợt nghe một câu hát ru em đưa lên từ bóng tối dưới cầu:

– À ơ . . . ấy ai dắt mối tơ lành . . . à ơ.

*Cho thuyền quen bến, à ơ... cho anh quen
nàng à ơ...*

Tiếng hát trong thanh, cao vút, lan dài trong bóng tối bỗng dừng khua động không gian và khua động cả lòng lão Sóc. Lão nhận ra ngay đó là giọng hát của con Nuôi, đứa con gái nay mai sẽ về làm dâu nhà lão. Lão lại nghĩ thầm: « Con nhỏ lo làm ăn, mà hát lại hay như rúa, hèn chi thằng Sóc không thương. Thằng Sóc thương con Nuôi là phải. . . »

Tiếng khóc của thằng con nít dội lên ngăn ngắt làm gián đoạn ý nghĩ của lão. Tiếng hát của con Nuôi lại nổi tiếp:

À ơ . . . Tờ tấm đã vắn, à ơ . . . thì vương,

*Đã trót dan díu, à ơ... thì thương nhau
cùng, à ơ. ..*

Lão Sóc chưa kịp nghĩ gì thêm thì một tiếng gọi lớn làm cho lão muốn giật mình. Đó là tiếng thằng Sóc:

– Nuôi ơi! Nói chuyện chút nè.

Tiếng con Nuôi trả lời:

– Anh đợi chút, thằng Cu cứ rục rịch hoài, chưa chịu ngủ. Đợi chút, hay anh xuống đây.

Thằng Sóc hỏi:

– Dì Năm đâu?

Con Nuôi trả lời :

– Dì Năm ra Xóm Mới đòi tiền rồi.

Tiếp theo là tiếng chân đổ xuống cái dốc ngắn, có tiếng nước khua rộn ràng, vỗ bì bạch vào be thuyền.

Lão Sóc nghe rõ mồn một từ lời nói đến những tiếng động. Chỉ là sự tình cờ. Mà lão cũng muốn lợi dụng sự tình cờ đó để hiểu thêm một chút về chuyện tình giữa con Nuôi và đứa con của lão. Tự nhiên lão thở nhẹ hơn, se sẽ đập con muỗi vừa sà vào trán lão, và cố hết sức lắng tai nghe câu

chuyện dưới chân cầu.

Thằng Sóc nói:

– Hồi chiều, mẹ có nhắc tới đám cưới hai đứa mình.

Con Nuôi chưa kịp nói gì thì thằng Cu nổi lên khóc. Con Nuôi lại vừa dỗ, vừa ru:

À ơ... bao giờ cho chuối có cành, à ơ. . .

Cho sung có nụ, à ơ... cho hành có hoa, à ơ...

Hát xong, con Nuôi hỏi tiếp:

– Cha có nói rằng không?

– Cha làm thình. Chắc không có chi rắc rối. Còn chuyện làm nhà...

Con Nuôi bỗng ngắt lời:

– Thôi, tui không muốn nghe chuyện đó nữa.

Con Nuôi cầu nhàu:

– Chưa chi mà em đã thối chí...

– Chưa chi... chưa chi mà mẹ anh đã nói tui xúi dục anh làm nhà làm cửa, ăn ở theo nhà giàu. Chuyện làm nhà là tự ý anh muốn, chớ tui dục anh hồi nào, mà « bã » nói rứa?

Thằng Sóc chép miệng mấy lần, im lặng một lát mới trả lời:

– Chà bã nói gì thì nói, em không có thì thôi. Chuyện đó để tui lo cho. Có chuyện chi tui chịu hết. Cha tui thì có ý bằng lòng rồi, nhưng hơi ngật. . .

Thằng Sóc ngáp ngừng một hồi lâu; mãi đến khi con Nuôi hỏi:

– Ngật cái chi?

Hắn mới nói rõ:

– Ngặt là cha không có tiền mặt cho hai đứa mình. Phải bán mấy lượng vàng mới đủ mua thú này thú nọ. Mà vàng thì mẹ tui cất. Bã quen giữ của, nên không muốn bán đi làm việc khác. Bã cứ nói đó là mồ hôi nước mắt, ăn mắm mút giò mới dành dụm được. . .

Lão Sóc đã ngồi qua gần cái cột bên kia để nghe cho rõ. Ngồi đấy, nhìn qua kẽ hở ván cầu, lão của thấy được cả thằng Sóc ngồi sau lái chiếc ghe nhỏ, quay mặt vào trong khoang mà nói chuyện với con Nuôi. Một lát sau, ý chừng thằng Cu đã ngủ say, con Nuôi lết ra phía ngoài một chút. Lão Sóc trông rõ cả hai đứa ngồi gần nhau, trong ánh đèn dầu vàng vọt.

Thằng Sóc phả khói thuốc trắng mờ mờ. Còn con Nuôi thì ngồi khoanh tay rũ, có vẻ buồn buồn. Trước cảnh ấy, nghe hai đứa tính chuyện trăm năm, lão Sóc cảm

thấy thương thương, tội tội, nhất là khi nghe thằng Sóc nói rằng:

– Tui muốn làm cái nhà, chừ thì hai đứa mình ở, nhưng sau ni cha mẹ già yếu, cũng có chỗ dưỡng thân cho ấm. Chứ thiệt tình, hai đứa mình thương nhau, ở giữa trời cũng được. Tui cũng biết lòng của em lắm; mấy bà già thì hay tiếc của, với lại hay rào đón đủ điều. Em thương tui thì bỏ qua, để chuyện đó tui lo.

Con Nuôi làm thỉnh, khom lưng thổi lửa. Ngọn lửa chọt bùng lên, bập bùng soi sáng cả mặt nước đục ngàu. Con Nuôi vuốt tóc nói nhỏ:

– Ủ, anh muốn thì anh lo. Tui cũng biết. Nhưng tui chỉ sợ mang tiếng xúi dục anh, rồi sinh ra ác cảm trong gia đình.

Thằng Sóc lê mình đến gần con Nuôi một chút, nắm bàn tay con Nuôi kéo nhẹ

nhẹ, vừa nói dịu dàng:

– Không có chi đâu. Em đừng nghĩ bậy bạ.

Con Nuôi thu tay lại, quay mặt vào trong, nói lầu nhàu:

– Kỳ quá anh...

Rồi nó rót nước cho thằng Sóc uống.

Lão Sóc thấy hai đứa nhìn nhau êm lặng, qua khói trắng vương vương bốc lên từ bát nước nóng bỏng. Lão nhẹ nhàng quay mình, chậm rãi đi trở xuống chùa Quảng Triệu. Lão nghĩ đến mụ Sóc, giờ này chắc đã ngủ mê man, lặn trong lưng mấy lượng vàng. Chính vì mấy lượng vàng ấy mà chiều nay lão phải bận tâm bận trí nhiều quá. Lão lại bực dọc: « Có mấy lượng vàng mà giữ bo bo như mọi giữ của. Giữ của mà không biết thương con. Thiệt là. .

. »

Ra đến bờ sông, nghe tiếng máy phóng thanh làm vang dội một điệu nhạc rộn ràng, lão mới sực nhớ đêm nay lão vừa lỡ một dịp đi xem xi-nê đại hạ giá ở rạp Hòa Bình. Nghe nói chiếu phim “Tình nghĩa vợ chồng, phim Nhật Bản nói tiếng Việt Nam, mà thiên hạ đồn là hay lắm, hay lắm.

✱

Trong lúc ấy, mẹ Sóc ngủ say sưa, mang cái bụng to tướng, như con heo mẹ ngủ giữa đàn heo con. Và quả mẹ Sóc có lặn trong lưng mấy lượng vàng thật. Đúng như lời thằng Sóc đã nói với con Nuôi, chút của ấy là do mồ hôi, nước mắt, do công ăn việc làm khó nhọc của vợ chồng mẹ mà có. Mẹ giữ bo bo như mọi giữ của, kính cẩn và thận trọng như gia bảo thuộc về hương hỏa, thật chẳng có gì đáng trách.

Mẹ Sóc thỉnh thoảng có nhắc lại cái thời vợ chồng mẹ mới có năm đứa con, lão

Sóc bê tha không nói được. Tự nhiên, lão đổi tâm đổi tánh. Từ nhỏ đến lớn, chưa biết uống rượu, lão cũng cố uống cho kỳ được: uống xong, mặt đỏ gay như gà cắt tiết, nói xàm, nói tục, chửi bới tứ tung, đánh đập cả vợ lẫn con. Có người nói thẳng với mẹ rằng:

– Tử tế thì ở, không tử tế thì thôi. Chớ vợ chồng chồng cái chi mà đánh chửi tối ngày, làm răng chịu được?

Ý giả, người ta muốn bảo mẹ bỏ lão Sóc cho đỡ khổ tấm thân. Nhưng mẹ nghĩ: đã ăn ở với nhau năm sáu mặt con, một ngày hai ngày cũng là tình nghĩa, bỏ nhau răng cho đành. Mẹ Sóc cố tin rằng số kiếp của mẹ như thế thì mẹ ráng chịu, mong đợi và hy vọng một ngày nào đó lão Sóc hồi tỉnh, lo lắng gia đình thương vợ thương con như kẻ khác.

May quá, cái ngày mẹ mong đợi chóng

đến hơn mụ tưởng. Không những lão Sóc bớt uống rượu, bớt đánh đập chửi mắng mụ và lũ con, gia đình nhà mụ lại làm ăn thêm khá giả. Sau này, mụ mới hiểu rằng thực ra, lão Sóc không phải người hư hèn gì, sở dĩ thời kỳ đó lão cáu kỉnh, cộc cằn mè nheo khó chịu là vì gia đình túng quẩn quá. Túng quẩn đâm ra làm bản con người. Đến khi bĩ cực thái lai, công ăn việc làm có bề khá giả, tự nhiên tâm tánh của lão Sóc thuần thực lại. Rồi từ đấy, lão trở nên dễ dãi với mụ Sóc đủ điều. Lão biết nhịn vợ mỗi khi hai vợ chồng bất đồng ý kiến bất cứ về một việc gì. Làm được bao nhiêu tiền, lão giao cho mụ Sóc giữ gìn, dành dụm. Trong mấy năm sau này, thỉnh thoảng, cũng có to tiếng cãi cọ với nhau một đôi lần, nhưng chẳng có chuyện gì đáng cho là quan trọng. Gia đình lão vẫn thuận hòa êm ấm. Mãi đến bây giờ, giữa vợ chồng lâu mới xảy ra một sự xích mích dùng dằng cả mấy tháng

rồi mà chưa thu xếp yên ổn. Đó là chuyện làm nhà cho thằng Sóc cưới vợ.

Xét cho kỹ, không phải mẹ Sóc không biết thương con, hay vì mấy lượng vàng mà để kéo dài không khí bất hoà trong gia đình nhà mẹ. Lời nói của thằng Sóc cho mẹ thấy được lòng hiếu thảo của đứa con; mẹ còn thấy trước cái cảnh êm ấm trong một căn nhà, dù nhỏ, để cưới vợ cho đứa con đầu lòng, là cả một vinh dự cho gia đình nhà mẹ. Điều ấy, chứng tỏ rằng vợ chồng mẹ làm ăn nên nổi, lại biết gầy dựng cho con cái, mẹ cũng mở mày mở mặt đối với mọi người, giữa cái đô thị nhỏ bé này. Mẹ biết tất cả những điều ấy, những điều mà chính thâm tâm mẹ cũng thâm mong muốn.

Nhưng, mỗi khi lão Sóc hay thằng Sóc nói đến chuyện làm nhà, thì nhất định mẹ không chịu nghe theo. Mẹ nói với lão Sóc như thế này:

– Ông tưởng tui không muốn mở mày mở mặt với thiên hạ hả? Nhưng, làm cái nhà ra đâu phải chỉ có hai vợ chồng thẳng Sóc ở...

Ban đầu, lão Sóc ngạc nhiên:

– Ủa, thì có hai đứa hần chứ còn ai ở nữa? Bà muốn ở thì lên ở chung với vợ chồng hần cho vui cửa vui nhà. Còn tui, tui ở dưới ghe này cho.

Mụ Sóc đâm cáu kỉnh. Ý của mụ không phải như thế. Ý mụ muốn nói thế này:

– Còn bà con, dòng họ con Nuôi nữa, chớ đâu phải mình hai đứa hần. Nai lưng ra làm, dành dụm được ít nhiều, rồi đem làm nhà cho thiên hạ ở phải không? Tui không làm chuyện đại nớ.

Lúc bấy giờ lão Sóc mới hiểu rõ rằng mụ Sóc ám chỉ bà Năm, dì của con Nuôi. Dần dần, lão hiểu thêm rằng vợ lão nhất

quyết cho là chính bà Năm xúi dục con Nuôi, rồi con Nuôi xúi dục thằng Sóc làm nhà, để dì cháu ở chung, cho sung sướng tấm thân. Lão Sóc bực mình vì sự nghi kỵ của mẹ Sóc. Lão đã giải thích năm ba lần:

– Bà Năm đâu có phải bà con ruột thịt chi với con Nuôi mà tính toán như rứa. Còn như mẹ với tui mà không bằng lòng thì bà Năm đâu có đến đó ở được? Mẹ cứ nghĩ cho xa, mệt quá.

Mẹ Sóc cũng dư biết như thiên hạ rằng con Nuôi mồ côi cha mẹ, bà Năm là bạn hồi xưa của mẹ nó, nên đem nó về nuôi; mấy năm gần đây. Bà Năm cứ đau yển mãi, nên trái lại, con Nuôi phải làm lụng, nuôi dưỡng bà Năm. Dì dì, cháu cháu, nhưng thiệt tình chỉ là chút nhân tình, ân nghĩa làm chung đụng hai cuộc đời cô độc. Vì cái lẽ đó nên mẹ Sóc không yên tâm, cứ nghĩ rằng chắc bà Năm làm « quân sư » bày mưu

đặt mếu cho con Nuôi xúi dục thằng Sóc.

Sự nghi kỵ của mụ Sóc chẳng căn cứ vào đâu cả. Nhưng, khi đàn bà, nhất là đàn bà như mụ Sóc, đã có thành kiến đối với một người đàn bà khác, thật là khó bề lay chuyển. Lão Sóc khó nghĩ quá. Không lẽ làm ra chuyện ồn ào, thiên hạ chê cười. Còn không lẽ cứ làm thình, rình rình ăn cắp quách mấy lượng vàng. Lẽ nào coi ra cũng không tiện.

Đêm nay, tình cờ bắt gặp câu chuyện ân tình, tính việc trăm năm giữa con Nuôi và thằng Sóc, lão Sóc đếm nhẩm trên đầu ngón tay, tính ra còn chừng hai mươi ngày nữa là hết năm. Ăn Tết rồi, cũng còn chừng hăm lăm hăm sáu ngày là đến đám cưới thằng Sóc. Lão ngồi chồm hồm trên bờ sông, suy đi nghĩ lại mãi, mà chưa biết làm thế nào nói cho mụ Sóc nghe lọt lỗ tai, lòi mấy lượng vàng ra cho yên việc.

Đồng hồ nhà ai trong dãy phố bỗng khua rộn một hồi chuông, để rơi từng tiếng một ngân ngân qua cảnh đêm tịch mịch. Lão Súc chép miệng, nghĩ đến ngày hết Tết tới. . . Nếu mẹ Súc ứng thuận . . . Vừa về nhà mới mà vừa đám cưới cho con, thiệt là vui biết mấy. . . À, mà lại còn có nơi có chốn cho mẹ Súc sanh đẻ tử tế hơn mấy năm trước...

Nghĩ đến ấy, lão Súc cảm thấy khoan khoái hẳn lên. Lão vừa tìm được một lý lẽ để thuyết phục vợ lão, cái lý lẽ này, chắc là phải được. Lão vươn mình đứng thẳng dậy, bước mau xuống chiếc ghe của lão. Lão bước hơi mạnh, làm chiếc ghe chòng chành, nghiêng lệch quá nhiều. Tiếng nước vỗ bì bạch bên be ghe làm mẹ Súc giật mình tỉnh giấc. Mẹ hỏi:

– Ai đó?

Lão Súc ho một tiếng ngắn, nói mau:

– Tui đây nè, mụ dậy tui nói chuyện ni chút.

Giọng mụ Sóc ngái ngủ:

– Chuyện chi mà nói chừ chứ?

Lão Sóc dục:

– Thì cứ dậy, nói cho mà nghe.

Nhưng mụ Sóc cần nhần:

– Chuyện chi thì cứ nói đi, tui nghe đây. Tui mà rục rịch thì con Be, thằng Tứ khóc rân lên liền liền.

Con Be, thằng Tứ mà khóc lên thì lâu nín lắm. Lão Sóc vẫn sợ tánh khúc dai của chúng nó; huống nữa trong lúc này, lão không muốn bỏ lỡ một dịp tốt, may ra thuyết phục được mụ vợ. Lão nói chậm rãi:

– Hồi chiều, mình có nhắc tới đám cưới thằng Sóc, tui nghĩ chẳng có chi trở ngại.

Còn về chuyện làm nhà như mình không làm cho hấn, chắc hấn không dám nói chi. Nhưng, tôi nghĩ cũng tội, hấn lo làm lo ăn, có công khó với vợ chồng mình mấy năm ni rồi. Tôi nghĩ muốn làm cho toại cái ý nguyện của hấn. Còn về phần vợ chồng mình, chuyện ngày sau có chỗ dưỡng lão thì chưa cần nói tới, nhưng, vài ba tháng nữa đây, mình sanh đẻ, cũng có nơi nằm tử tế hơn mấy năm trước. Chờ nằm dưới ghe dưới thuyền như ri thiệt là bất đắc dĩ, chửi gió máy nhiều bất tiện lắm.

Lão Sóc nói chậm rãi, cố gọi sự xúc động trong lòng mẹ Sóc, nhất là chuyện sanh đẻ gần đây của mẹ. Lão tin rằng lần này gái trúng chỗ ngựa, chắc mẹ Sóc xiêu lòng.

Nói xong, lão chờ đợi. Trong khoang thuyền tối om, lão chỉ thấy lơ mờ những hình ảnh người lớn có, nhỏ có chen chúc

nhau ngang dọc. Tiếng ngáy của mấy đứa con lão vang lên đều đều,.. Không nghe mục Sóc trả lời. Lão không vội bực mình. Lão cố kiên nhẫn chờ thêm một lát nữa. Lão hy vọng rằng thời gian kéo dài trong cảnh đêm khuya tịch mịch may ra làm cho lời của lão thấm sâu vào óc, vào lòng mục Sóc. Lão tự nhủ: « Chắc mục Sóc đang suy nghĩ, và thế nào cũng thấy cái lẽ phải có lợi cho mục trước nhất ». Đột nhiên giọng nói của mục Sóc buông xuôi một cách nặng nhọc:

– Chớ mấy năm ni, tui sanh đẻ ở đâu? Cũng trong cái khoan ghe ni, mà có hề chi mô nè. Trời sanh, trời dưỡng. Lo làm chi cho mệt. Thôi, đi ngủ đi ông. Khuya hung rồi. Không biết có chi mà tui cứ chóng mặt từ hồi tối đến chừ... Sáng mai hãy hay.

Lão Sóc thở một hơi dài, đưa tay gãi sau ót mấy cái thật mau. Rồi lão ngẩng mặt nhìn trời. Nền trời vẫn âm u mây dày và

đục. Im và buồn lạ.

*

Hai ngày. . . rồi ba ngày sau, lão Sóc không có dịp nhắc lại chuyện làm nhà với mụ Sóc. Vì lão có mỗi đồ cát cho thiên hạ làm hầm vệ sinh. Và cũng vì mụ Sóc sổ mũi, đau đầu, nóng hầm hập cả ngày, đêm.

Mỗi khi đi xúc cát, lão cũng tổng cổ bầy con lên bờ mặc sức chơi nhảy nhưng nghe đi làm nghề mà vẫn phải chờ theo mụ Sóc nằm một khoảng nhỏ trong khoang. Thật là bất tiện và bận bịu quá. Nhưng, không nằm đấy thì nằm đâu bây giờ? Nếu mụ Sóc không đến nổi mê mê chắc lão đã thừa cơ hội này mà tấn công mụ về chuyện làm nhà.

Lão làm việc hơi mệt; mấy hôm nay con Nuôi không đến, nghe dâu bà Năm cũng bệnh hoạn. Lão cũng không muốn cãi cộ xao lãng sự làm ăn, không nỡ mè nheo mụ

Sóc trong lúc ốm đau.

Lão Sóc làm thình, nhưng ngay khi đẩy xe cát qua phố chợ, lòng lão cứ bồn chồn. Gần rằm tháng chạp rồi. . . Loay hoay là tới đưa ông Táo. . . Loay hoay nữa là hết năm. Ngày tháng như quán quít dưới bánh xe chở cát và cả dưới bàn chân của lão.

Đến ngày thứ tư, mụ Sóc đã ngồi dậy được, húp năm ba muống cháo đặc với chút nước mắm kho tiêu. Lão Sóc định bụng nói lại chuyện làm nhà một lần nữa, sau bữa cơm chiều hôm ấy.

Trăng mười bốn mà chẳng sáng tỏ chút nào. Nền trời xanh có hé ra đôi chỗ, nhưng mây dày vẫn còn bao phủ lửng đửng, chưa chịu bay đi phương khác. Lão Sóc hút tàn nửa điếu thuốc rê lớn mà chưa biết bắt đầu câu chuyện thể nào cho có lợi. Thằng Sóc ngồi ở mũi ghe, cột lại cái quai chèo. Mụ Sóc nằm trong khoang thuyền, co người lại

trong cái mền xám cũ, trùm kín từ đầu đến chân, trông như bao gạo lưng lưng.

Bầy con đã lên bờ từ lâu, đang đuổi nhau, la hét giữa bãi cỏ đầu đường.

Ba người đều yên lặng không đến nổi nặng nề; nhưng hình như cả gia đình lão Sóc đang cùng nghĩ một câu chuyện, mà ai cũng thận trọng, e ngại gây thêm mối bất hòa sẵn có.

Sau cùng, lão Sóc đằng hắng một tiếng ngắn, như lấy giọng, rồi nói:

– Nè, mấy bữa ni mình đau.

Lão Sóc chợt ngừng lại. Vì lão vừa thấy ai như con Nuôi hót ha hót hã chạy xuống từ phía chùa Quảng Triệu. Mà chính con Nuôi thật. Hắn vừa chạy vừa quẩn lại đuôi tóc, thở hồng hộc. Hắn chạy thẳng đến ghe lão Sóc, vẻ mặt hắn hốt hoảng, tay chân hắn run run.

Lão Sóc hỏi mau:

– Chuyện chi rửa, Nuôi?

Con Nuôi trả lời ấp a ấp úng:

– Dạ dì Năm. răng mà dì Năm lạnh hết chân tay... Tui sợ quá...

Lão Sóc và thằng Sóc cùng nhảy lên bờ một lần. Mụ Sóc tức mền ngồi dậy, chồm mình ra phía ngoài khoang ghe. . . Lão Sóc nói với lại:

– Tui lên coi thử ra răng.

Rồi con Nuôi chạy trước, thằng Sóc chạy theo sau, lão Sóc sai thật mau từng bước dài theo hai đứa. Lũ con nhỏ của lão kêu « cha » ới ới, muốn bỏ dở cuộc chơi. Lão Sóc quát lớn:

– Ở đó. Thằng Sóc em xuống ghe với mẹ mi. Chạy theo, tao đánh chết.

Lũ trẻ dừng lại ngơ ngác, như cả bây ngỗng đục. Thằng Sóc em không xuống ghe như lão Sác đã bảo.

Hắn quay lại, nói với lũ trẻ:

– Chừ « ve ve, trốn bắt » bây!

Cả bọn chạy ủa đến bãi cỏ, vừa reo lên:
« ve ve, trốn bắt, ve ve, trốn bắt... »

Khuya hôm ấy, bà Năm, dì con Nuôi, tắt thở trong chiếc thuyền bé nhỏ, dưới Chùa Cầu Nhật Bản. Vì già yếu. Vì bệnh hoạn. Và, theo nhiều người khác, chắc vì trúng gió. Lão Sóc, thằng Sóc, con Nuôi và cả mụ Sóc đều tin như vậy.

✱

Bà Năm chết, con Nuôi hưởng gia tài. Gia tài bà Năm để lại gồm có bảy trăm đồng bạc mặt, giấu kỹ dưới đáy ruộng, chiếc ghe nhỏ bé muốn hư nát và thằng Cu lên bốn

tuổi. Con Nuôi đã là người dựng nước lã, thằng Cu kia cũng chẳng dính dấp đến ruột thịt của bà Năm một chút nào.

Người ta còn nhớ cách đây bốn năm, bà Năm nhặt được một mớ thịt người bỏ trong bụi rậm gần nhà Thờ Đạo, ngoài xóm Mới. Mớ thịt người ấy là đứa hài nhi vô tội đáng lẽ đã bị kiến lửa cắn chết rồi, vì lòng dạ thú vật của một người đàn bà chữa hoang nào đó. Bà Năm không giàu có chi, nhưng « Ông Trời » đã cho bà gặp cái cảnh thương tâm ấy chẳng khác gì buộc bà phải làm một việc thiện. Bà thường nói với mọi người rằng hồi năm trước, ông thầy Ba Chính⁵ có bói cho bà một quẻ; quẻ ấy dạy rằng đến năm ấy, tuổi ấy, gia đạo của bà sẽ gặp chuyện bất tường; nếu không gặp chuyện bất tường thì bốn mạng của bà có thể lâm nguy. Số mạng của bà đã như thế thì bà chịu như thế. Bà tin rằng đứa hài nhi

⁵ Ông Thầy Ba Chính là một ông thầy bói rất quen thuộc tại Hội An, và được rất nhiều người tin lời bói toán.

này chính là điều bất tường mà « Ông Trời » đã cho bà bắt gặp để gánh vác dùm tai nạn cho bốn mạng của bà. Điều ấy không lấy gì làm chắc, nên dù có nghe, thiên hạ cũng để ngoài tai.

Điều mà cả vạ ghe xóm Chùa Cầu biết rõ là bà Năm cố nuôi thằng bé lạc loài ấy để sau này, khi trái gió trở trời, có người lo chén cơm bát nước; và khi bà trăm tuổi già, cũng có kẻ giữ cái lư hương khỏi lạnh.

Thằng Cu lên được hai tuổi thì bỗng dưng tấp đến cho bà một nhân mạng thứ hai là con Nuôi. Bà nhận lãnh vì chút thâm tình quen biết với mẹ con Nuôi, hồi trước. Và cũng vì bà tin quẻ bói của ông thầy Ba Chính.

Không ngờ, nay bà Năm bỏ thằng Cu và con Nuôi lại trần gian mà đi sớm quá, chung quanh không một kẻ bà con ruột thịt. Ba con người, ba số kiếp sống. Cùng

gặp rồi cùng chia tay nhau trong một cái khoang thuyền nhỏ hẹp. Cuộc chia ly không đến nỗi cô lạnh. Dù sao, cũng còn có một bàn tay nóng ấm vuốt trên khuôn mặt để cặp mắt của bà Năm nhắm kín lại.

Bảy trăm đồng bạc mặt đầu có chi nhiều. Cho là tạm đủ để chôn liệm một cuộc đời tứ cố vô thân.

Tổng táng xong, con Nuôi chỉ còn lại hai bàn tay trắng, và cảm thấy có một sự nghiêng lệch, chòng chảnh trong cuộc đời của hắn. Tối tối, ru thằng Cu ngủ xong, hắn lặng thinh ngồi ngắm cái bàn thờ bà Năm, cái khoang ghe trống trải, suy nghĩ mông lung; rồi tự nhiên nước mắt cứ chảy tràn đôi gò má. Thế là thằng Sóc phải vỗ về, an ủi con Nuôi đủ lời, đủ cách.

Trong lúc ấy, vợ chồng lão Sóc cần nhắc lại cái đám cưới trong tháng giêng, sắp tới. Vợ chồng lão nghĩ rằng bà Năm

vừa mới mất, mà nay làm lễ cưới cho con Nuôi, không biết có tiện hay không. Cưới thì thiên hạ có thể cho rằng vợ chồng lão là người không biết chuyện. Còn không cưới, thì phải chờ đợi ít nhất là một năm cho xao lãng cái cảnh ma chay, tổng táng. Một năm, ba trăm sáu mươi lăm ngày... trai gái đã yêu thương nhau, đã làm lễ bỏ trầu cau⁶, mà kéo dài ngày cưới, xét ra nhiều bất tiện. Một là có thể vì sự dèm pha của người ngoại cuộc, chúng nó thay đổi ý kiến bất ngờ thì hư việc. Còn như hai đứa quá khấn khít với nhau, nhất là con Nuôi ở một mình trong chiếc ghe dưới Chùa Cầu Nhật Bản... rủi ro mà chúng nó « lỡ đại » với nhau, chắc không khỏi tiếng đời khinh khi, mai mỉa. Vợ chồng lão Sóc không biết tính toán thế nào cho phải lẽ, nên đành dùng một mưu chước; mụ Sóc bặn tin đám cưới con Nuôi và thằng Sóc, rồi lão Sóc dò la dư luận trong vựa ghe. May quá, phần đông

6 Lễ bỏ trầu cau là lễ hỏi.

đều cho rằng: “Con Nuôi có bà con cật ruột chi với bà Năm đâu, có tang chế chi đâu mà kiêng cữ? Hai đứa thương nhau thì để chúng nó lập nên gia thất sớm ngày nào tốt ngày ấy. « Bỏ trâu cau » rồi thì coi như đã thành vợ thành chồng, trước sau rồi cũng cưới. Cưới sớm sớm cho bà con hàng xóm ăn miếng trâu, uống ly rượu cho vui ».

Vợ chồng lão Sóc yên tâm. Con Nuôi và thằng Sóc cũng vui vui trong bụng. Nhưng, thằng Sóc vẫn băn khoăn về chuyện làm nhà. Đưa ông Táo rồi mà hấn chưa nghe cha mẹ hấn nói chi cả. Thỉnh thoảng hấn thấy cha hấn nói chuyện thì thăm với mẹ hấn. Khi hấn đến gần, hai người lại nín thinh. Suốt mấy ngày liền, hấn suy nghĩ lung lắm. Đêm nào hấn cũng đến thăm con Nuôi, nói chuyện ngày Xuân, ngày Tết, nhưng hấn chưa dám đề động đến chuyện làm nhà, làm lễ cưới trên mặt đất.

Hăm lẫn tháng chạp. Gia đình lão Sóc cũng cúng rước Phật⁷ như mọi người. Đáng lẽ, trong bữa cơm chiều tất niên này có mặt cả con Nuôi. Nhưng, con Nuôi đau đầu nên không đến được. Thằng Sóc lừa qua loa vài chén cơm rồi vội vàng xách thức ăn, đi một mạch về phía Chùa Cầu. Vợ chồng lão Sóc chỉ nhìn nhau mỉm cười.

Ăn uống xong, lão Sóc lại quán một liều thuốc rê thật lớn, châm lửa rồi lên bờ như thường lệ. Lão chậm rãi đi thẳng lên chùa Quảng Triệu. Đến ngã ba đường, lão ngập ngừng một chút. Lão đi quanh xuống phía dưới Chùa Cầu, lội nước bì bõm, rồi bước lên sau lái chiếc ghe nhỏ bé. Con Nuôi vội ngồi dậy, vừa vắn lại đuôi tóc, nói nhỏ:

- Thừa cha.
- Chớ đau răng đó?

⁷ Trước ngày rước ông bà vào ngày 30 Tết, thường có lễ cúng rước Phật trước vào ngày 25 tháng chạp.

– Dạ nhức đầu sơ sơ thôi.

– Ăn uống chi chưa?

Con Nuôi khẽ nhìn thẳng Sóc, ngập ngừng. Thằng Sóc trả lời:

– Tui có nấu cho hăn miếng cháo. Hăn mới ăn xong, tui biểu hăn trùm mền cho đỡ mồ hôi.

Lão Sóc gật đầu:

– Ủ, đổ mồ hôi được thì mau bớt.

Rồi ba người yên lặng. Chợt nghe tiếng bàn chân nặng nề đổ xuống dốc, tiếng nước khua rộn ràng, bì bạch đập vào be ghe. Mụ Sóc đột nhiên xuất hiện trước ánh đèn dầu vàng vọt.

Lão Sóc, thằng Sóc, con Nuôi lặng thinh nhìn mụ. Mụ Sóc nói với lão Sóc:

– Ông về nói chuyện với ông khá, trên

Thanh Hà⁸ mới xuống về vụ mấy ngàn gạch.

Lão Sóc vội vã bước mau lên đường cái. Mụ Sóc nghiêng mặt vào trong khoang ghe, hỏi:

– Đau chi đó Nuôi?

Con Nuôi lết ra phía ngoài một chút, trả lời:

– Dạ nhức đầu sơ sơ thôi.

Thằng Sóc chột hỏi:

– Có ai dặn mua gạch đầu mà cha nhân ông Khá xuống hỏi mẹ?

Mụ Sóc mỉm cười:

– Mua gạch để ra giềng làm nhà cho hai đứa bây đó, chớ có ai làm nhà cửa chi bữa ni nữa.

⁸ Thanh Hà là một làng cách Hội An 3 cây số ngàn về hướng Tây, chuyên nghề nung gạch, ngói bán khắp tỉnh Quảng Nam.

Rồi mẹ lần từ túi áo ra một cái ve nhỏ xíu, đưa cho thằng Sóc:

– Nè, xúc cho hẩn chút dầu Nhị Thiên Đường, trùm mền lại cho kín, đổ mồ hôi nhiều thì mau bớt. Tau về đã, nghe...

Mẹ Sóc mang cái bụng chứa ì ạch lên cái dốc ngắn bên Chùa Cầu Nhật Bản. Lên đến mặt đường cái, mẹ thở một hơi dài, rồi còn ngoái cổ xuống, dặn thêm:

– Biểu con Nuôi cũ gió cho kỹ, nghe. Gió máy độc địa lắm đó...

Trong khoang ghe nhỏ hẹp, con Nuôi và thằng Sóc nhìn nhau, đôi mắt sáng long lanh. Tưởng cả hai đứa đều muốn khóc.

– Em vô nằm cho khoẻ.

Con Nuôi lết vào giữa khoang thuyền, nằm xuống bên thằng Cu đang ngủ say sưa.

Thằng Sóc kéo cái mền cũ đắp lên

người con Nuôi, trùm kín cả mái tóc đồ xòa. Cái mền nhỏ quá không che hết thân mình, một cánh tay của con Nuôi xuôi trên mặt chiếu. Thằng Sóc nhẹ nhàng nắm lấy bàn tay của con Nuôi. Yên lặng.

Một tràng pháo vọng đến từ một ngã đường nào xa lắm.

Nghe vui vui và rộn rộn trong lòng.

7. LUÂN

MAI THẢO

 ỗi vui mừng vỡ òa trong tôi phút đó khi đã nhận ra Luân, Luân trên kia, Luân đứng đó, bắt tôi phải chạy bay lên mới đúng. Nhưng trước bấy nhiêu con mắt cùng chăm chú ngó xuống người lạ mặt như một cái đích, họ chưa nhận ra ai, tự nhiên tôi thấy ngượng, ngượng đến nổi nóng bừng cả mặt mũi. Tôi định thần. Tôi cố trấn tĩnh lại. Tôi tháo khỏi lưng cái bạc-đà đã ướt đầm mồ hôi, và xách nó lủng lẳng

trong tay, tôi thông thả đi lên. Vợ chồng cụ Chánh, thằng Tạo, anh chị Mùi đứng đó, thành một hàng dài. Những cái bóng nắng chiều làm nghiêng đi, nổi bật lên cái nền xanh thẫm trùng điệp của núi rừng Nông Cống. Xa hơn một chút, lùi về phía sau một chút, in hằn lên nền trời: *Luân*.

Tôi thầm cảm ơn bà cụ bán hàng tôi gặp ngoài đường lớn. Không có cái ngón tay chỉ đường quý báu của bà cụ, tôi đã tiến sâu mãi vào phía núi biếc, tôi đã không tạt vào con đường nhỏ, tôi đã không đến đứng dưới chân ngọn đồi này, tôi đã trở về căn nhà lạnh lẽo của cơ quan, phía bên kia sông Mã. Tôi đã không bao giờ, không bao giờ nữa, gặp lại được Luân. Đất rừng mới đốt rẫy, cỏ chất từng đống lớn vàng cháy giữa những thân cây bị đào bật lên, còn cả gốc rễ và những cành lá tươi. Một lối đi nhỏ của chân người dẫm lên, còn mới.

Đến lưng đồi, tôi đứng lại. Thằng Tạo nhận ra tôi trước nhất. Nó lập tức chạy bay xuống, vừa chạy vừa ngoái cổ lại la lớn: “Anh Trí, anh Trí”. Tôi chỉ kịp đỡ cái đà người nó đâm xâm vào mình. Thằng Tạo nắm chặt lấy cổ tay tôi, kéo tôi lên, miệng vẫn la lớn: “Anh Trí, anh Trí”. Rồi tất cả mọi người đều nhận ra tôi, và, trừ Luân, đều reo lên “Anh Trí, anh Trí”. Tôi cười nhưng trông mắt đã rưng rưng.

Cuộc chiến tranh lâu dài với những khổ đau chồng chất nếu có gỡ lại được một phần nào, cái phần khiến con người còn chịu đựng được cái tác động hủy phá ghê khiếp của nó, là ở cái nét đẹp ánh lên của những phút gặp lại nghẹn ngào và tủi mừng đến ứa nước mắt như vậy đó. Người ta xa nhau, không nhìn thấy nhau sau bức tường lửa đạn. Tưởng rằng đã chết, đã mất. Thấy nhau bất ngờ như thấy kẻ đã chết rồi lại vừa sống lại. Tôi chào mọi người, trao

bạc-dà cho thẳng Tạo. Nó đón lấy và khệ nệ đi lên đỉnh đồi. Cả gia đình cụ Chánh đứng vây lấy tôi, mỗi người, trừ Luân, hỏi tôi một câu. Cụ Chánh nói với cụ bà tôi đen và gầy đi nhiều. Chị Mùi hỏi tôi từ đâu đến, sao biết gia đình chị ở đây, anh Mùi hỏi tôi bây giờ làm gì. Duy có Luân từ lúc thấy tôi là không nói một lời nào. Luân đứng đó, hai tay buông thẳng, chân như chôn chặt xuống đất, đôi mắt đen láy mở to trên khuôn mặt nửa như muốn cười, nửa như muốn khóc của Luân. Thái độ yên lặng, chỉ có tôi hiểu, làm lầm mọi người. Chị Mùi thì bảo Luân:

– Anh Trí đấy mà!

Cụ Chánh thì bảo tôi:

– Em Luân, cậu Trí nhớ không?

Tôi đáp: – Có nhớ ạ.

Và lách mọi người tôi đi lại phía Luân. Tôi nhìn cái khuôn mặt nửa muốn cười nửa muốn khóc của Luân mà sự kinh ngạc còn in lên gần như một niềm đau đớn. Tôi muốn nâng hai tay đỡ lấy khuôn mặt ấy, mười ngón tay tôi cười lấy hai gò má ấy, tôi muốn ôm chặt lấy Luân, ôm thật chặt cái thân thể yếu đuối, tôi muốn hôn vào đôi mắt kinh ngạc, tôi muốn nói với Luân một hơi, không ngừng, một câu nói thật dài, không bao giờ hết. Tôi muốn nói với Luân, đau xót và thành thật nói, câu nói tôi muốn gửi không riêng gì cho Luân mà cho tất cả những người thiếu nữ Việt Nam, qua hình ảnh Luân lúc đó. Những người thiếu nữ xấu số của một đất nước hiền hậu như họ không bao giờ thích hợp với một không khí chiến thời nào.

Tôi muốn bảo Luân, tôi muốn bảo Luân. Anh xót thương em những đêm dài trong núi, dưới mái nhà sàn cơ quan,

trên những con đường hầm hố vết thương, những xóm làng hủy phá, trên những thêm nhà cỏ hoang phủ kín, trên những vì tường đổ gục, trên những thân cây chặt đứt, qua những chân cầu đổ nghiêng, trong hầm trú ẩn máy bay. Tôi muốn bảo Luân, anh xót thương em đêm giả từ Hà Nội ra đi, nhìn về Hà Nội cái rừng lửa cháy, buổi chiều đứng trên con đê Hồng Hà, buổi trưa về thăm lại Hưng Yên, buổi ra đi bãi ấy còn xanh biếc ngô non, buổi về chỉ thấy mênh mông phù sa kín nhòa bãi cũ. Tôi muốn bảo Luân, anh xót thương em trên những đầu ngón chân anh đi, cái hình ảnh xót thương lăn theo sỏi đá dọc đường, nằm trên từng cột cây số từng nền lũy tre xanh, chảy theo mặt nước lúc xuống đò qua sông, khuôn theo lòng đường lúc xuống đò lên bộ, từng buổi sớm xuống suối rửa mặt, cái hình ảnh xót thương trong veo trên nền sỏi trắng, từng buổi chiều không biết đi đâu, cái hình ảnh

xót thương bát ngát đầy chiều.

Tôi muốn bảo Luân, anh nhớ đến em trong tiếng súng ban đêm, những vệt lửa dài cháy vào bóng tối, lúc bỏ núi sau lưng cái hình ảnh xót thương còn mang hình trái núi, lúc xuống đồng bằng trước mặt cái hình ảnh xót thương đã mang hình những ngọn lửa dài, lúc anh muốn chết, lúc anh muốn sống, lúc tuyệt vọng tối đen vực thẳm, khi tin yêu sáng chói mặt trời, lúc nhìn xa cái hình ảnh lớn theo ngút mắt, lúc tưởng gần cái hình ảnh thu cũng nhỏ vào một góc trái tim như một tấm hình kỷ niệm.

Nhưng tôi không nói được một lời nào. Tôi cũng đứng sững đó trong nỗi xúc động mãnh liệt chưa từng cảm thấy. Tôi đứng sững đó, tối đang sống một trong những phút giây xúc động nhất của đời tôi, tôi tưởng đã chết rồi những niềm xúc động.

Khuôn mặt yêu dấu của Luân cứ lớn dần, lớn dần, như khởi đầu là một phiến trời thật nhỏ sau một khung cửa hẹp, một hẻm núi, bây giờ ra ngoài khung cửa, đi khỏi hẻm núi cái phiến trời nhỏ đã lớn thành cả một vùng menh mông, tôi ngắm nhìn nỗi vui mừng của tôi menh mông trong đó.

Rồi đáy mắt Luân thoáng lên một ánh lửa. Tôi nhận cái ánh lửa ấy như một tiếng chào thầm, một sự đáp lại yên lặng. Luân nhìn tôi như thế, đoạn Luân cúi đầu xuống và quay gót đi trở lên.

Chúng tôi lên theo. Căn nhà lớn dựng trên đúng đỉnh đồi trọc nhìn xuống một căn thứ hai, phía tay trái, nhỏ hơn, tôi đoán là nhà bếp. Cả hai cùng mới cất. Mái lá tươi nằm trên những cột nhà là những thân cây rừng. Tường vách là những tấm phen đan hình mắt cáo, nhiều tấm còn chưa trát đất. Thằng Tạo bưng lại cho tôi một bát nước

chè tươi nóng. Anh Mùi quấn cho tôi một điều thuốc lấy ra ở một cống sành nhỏ dưới gầm giường, điều thứ hai anh cuộn cho cụ Chánh, điều thứ ba cho anh. Chúng tôi cùng châm lửa và thở ra những đợt khói tan bay mau chóng trong gió rừng buổi chiều lồng lộng thổi qua.

Vẫn xa hơn mọi người một chút, vẫn thái độ yên lặng, Luân ngồi yên trên một góc giường giữa cái vui vẻ ồn ào của mọi người, như đắm chìm vào một suy nghĩ riêng tư thâm kín. Lúc tôi trả lời cụ Chánh là trên đường đi tìm địa điểm an toàn cho cơ quan tôi tình cờ qua đây, Luân đột nhiên đứng dậy đi ra. Tôi nhìn theo Luân đi khuất về phía căn nhà bếp. Mọi người, trừ tôi hình như không ai để ý đến sự bỏ đi bất thành linh của Luân, đã mỗi người một câu kể lại cho tôi nghe về những lần di chuyển gian khổ, những ngày tháng lênh đênh điêu linh kể từ ngày tản cư khỏi thị

xã Hưng Yên, về vùng Ân Thi, rồi từ Ân Thi sang Đồng Năm, Cống Thần, Hồng Phú, qua Liên Khu Ba vào Thanh Hóa, chợ Rừng Thông, phủ Thiệu Hóa, với hình ảnh những căn nhà mới dựng lên chưa ấm hơi người đã bị bom đạn đốt cháy tan tành ở những thị trấn năm ấy, khiến cho gia đình cụ Chánh - chạy trốn lửa đạn đuổi theo, đánh xuống như một kẻ thù dai dẳng - cố tìm cho được một đất sống thực an toàn đã phải tìm đến khoảng đồi trọc giữa vùng núi rừng hoang vu này.

Kiểm điểm lại đoạn đường dài với những đổi thay không ngừng, cụ Chánh đã mỉm cười chỉ cho tôi gian nhà trống không ngoài mấy chiếc tay nải để trên hai chiếc giường gỗ và nói cả cơ nghiệp của gia đình cụ, mỗi lần di chuyển như vậy, mất đi, bỏ lại, bây giờ chỉ còn có thế. Cũng may là còn được mạnh khỏe cả và còn những bàn tay làm lụng được.

Tôi cảm động nhìn bàn tay gầy yếu của cụ Chánh, và liên tưởng đến một bàn tay khác, với những ngón tôi nhớ rất dài rất thon, bàn tay của Luân. Ngày xưa tôi đã ngắm nhìn bao lần không chán mắt những cái ngón trắng muốt khi xòe mở khi thu lại, hình nét đều mềm mại như một bông hoa. Tôi giật mình tưởng như cụ Chánh đoán được ý nghĩ tôi. Cụ nói gia đình cụ bây giờ – kể cả thằng Tạo người nào cũng đã quen lắm với những công việc cực nhọc cất nhà, chặt cây, phát cỏ, đốt rẫy, làm đất rừng. Cụ nói:

– Anh ở lại đây sáng mai sẽ thấy cả nhà chúng tôi, già trẻ lớn bé kéo nhau ra làm đất rẫy. Bây giờ biến thành nông dân cả rồi. Em Luân nữa, nó cũng cấy bừa giỏi ra phết rồi đấy cậu Trí nhé.

Hình ảnh lam lũ của Luân đẩy lưỡi cây

trên nền đất rừng cần cỗi, khiến tôi xót xa nghĩ đến hình ảnh Luân ngày trước.

Bấy giờ là vào khoảng giữa năm 1945. Cuộc đảo chính Nhật vừa kết liễu. Bắt đầu những trận mưa bom của phi cơ đồng minh. Chúng tôi theo trường tản cư về thị xã Hưng Yên. Và quen Luân ở đó. Chúng tôi, vì là ba người: Phạm, Trường và tôi do một sự tình cờ đã đến trọ học cùng nhà một bà cụ già: cụ Lý Bằng. Luân là cháu gái cụ Lý. Cùng một phố, hai nhà ở cách nhau khá xa nhưng vì thị xã hồi đó thiếu nước, chúng tôi hằng ngày gặp Luân. Ấy là những buổi sáng, mùa hè thật sớm, mùa đông muộn hơn một chút, nhưng sáng nào trở dậy là chúng tôi đã thấy Luân cắp một cái rổ quần áo cao có ngọn sang giặt ở cái ao rộng phía sau nhà cụ Lý. Bờ ao sát liền với buồng học - tường là những tấm liếp mỏng - khiến cứ nằm ở giường nhìn ra chúng tôi cũng ngó thấy Luân thấp thoáng ở ngoài

hàng rào xương rồng đầu cổng, Luân đi qua vườn, Luân tiến lại phía bờ ao.

Hình ảnh mà tôi còn giữ được ở những buổi sáng lâu dần đã là những buổi sáng đợi chờ ấy, của Luân là một mái tóc phủ kín vai kín lưng, mặt nước xao động sóng sánh, những cánh bèo Nhật Bản dạt rộng thành một vòng tròn chung quanh cái cầu tre mỏng manh, tiếng rữ tiếng đập, tiếng nước đổ ào ào trong yên lặng mát trong, và những cái bọt xà phòng trắng xốp trôi đầy mặt nước. Qua thời gian làm quen khởi đầu ngây ngô, tức cười, ở Luân là những lắc đầu, những nụ cười muốn dấu, một vẻ sợ hãi luống cuống rất đáng yêu, ở chúng tôi là những câu thả tình bóng gió, băng quơ, những thăm dò ý tứ một cách hóm hỉnh vụng dại, những phút đứng cạnh bờ ao hàng giờ mà không biết làm gì hơn là bứt những cánh lá trên đầu Luân thả đầy

mặt nước, những hẹn hò vu vơ lúc Luân đã giặt xong đúng đây, chúng tôi quen nhau.

Cho đến bây giờ, tôi không có đủ bằng chứng để quyết đoán chắc chắn – chưa từng ai hỏi ai điều đó – tôi vẫn nghĩ rằng cả ba chúng tôi đều yêu Luân, Phạm yêu Luân, Trương yêu Luân và tôi cũng vậy. Cùng yêu và điều buồn cười, nhưng đúng, cùng yêu như nhau. Tình cảm của mỗi người đối với Luân có thể khác biệt trong phần tâm tưởng thầm kín, nhưng ở những biểu tỏ thì có thể nói là đồng đều. Tình yêu chung gửi cho một người này nếu không gây những va chạm, những tổn thương đáng tiếc cho tình bằng hữu chúng tôi suốt thời gian đó, một phần do sự đồng đều này. Cả ba như cùng ước hẹn ngầm: nên đúng đó, đừng ai đi xa hơn. Một phần, và cũng là nguyên nhân chính, tình yêu của chúng tôi thuở đó, như tuổi, như lối sống, cũng lãng mạn,

hồn nhiên, cũng mát trong như tâm hồn mỗi đứa chúng tôi lúc bấy giờ.

Yêu một người cũng như yêu cảnh vật, một đêm trăng, một ngày mưa, một buổi chiều có nắng đẹp, một bông hoa cùng ngó thấy một buổi sớm trong vườn, không ai tính đến chuyện ngắt bông hoa vì lòng còn ngây ngất. Yêu như yêu một hình ảnh, yêu như yêu thiên nhiên, tạo vật, cuộc đời. Yêu như yêu chính cái bản thân mình. Tình yêu ấy lúc đó và về sau, chẳng những đã không gây những tiếc hận mất mát cho ai mà mỗi người đều cảm thấy ở mình như nó lớn gấp ba lần, nó cộng tâm hồn mình với tâm hồn hai thằng bạn thân làm một.

Đối với Luân, cũng không có chuyện lựa chọn khó xử, Luân nhận cả, Luân không nghiêng về phía nào. Không nhận riêng một tình yêu nào hết, Luân sung sướng nhận lấy cái không khí yêu thương. Hoặc nếu có

sự lựa chọn rồi của Luân trong thâm tâm, chúng tôi không biết. Chỉ biết những thời gian sau thân mật hơn, những việc đáng lẽ chỉ có ý nghĩa vì thâm kín riêng tư: tặng một kỷ niệm, viết một lá thư, hẹn một buổi tối gặp mặt, chúng tôi cũng bàn với nhau, có thỏa thuận mới tặng mới gửi. Tôi cảm động nhớ lại cái thế giới đẹp, một vẻ đẹp hoang đường những năm tháng ấy. Cuộc sống thần tiên. Sách vở bạn bè. Luân ở giữa chúng tôi.

Từ một người bạn nhỏ, một cô gái lảng giềng đến người thiếu nữ của mỗi tình thơ mộng thứ nhất đầy vẻ bờ ngõ, khám phá như cái ý thức đầu tiên mở vào cuộc sống. Tâm hồn ấy thiên thần tạo nên cuộc sống ấy thiên đường. Nỗi buồn ghê gớm nhất cũng chỉ là niềm băng khuâng, nỗi nhớ nhung cũng là lửa ấm, cả cái bối cảnh âm u của một thời chiến bắt đầu bén lửa cũng không chạm được vào cái thế giới thần tiên.

Mấy tháng về sau, khi cụ Chánh đau nặng, Luân phải đi chợ xa thay mẹ, chúng tôi thường chiều chiều kéo nhau ra khỏi thị xã lên trên con đê cao đầu làng Mậu Dương đón Luân gánh hàng từ phía Tân Châu về. Vượt qua con sông Hồng mênh mông lúc đó đã đỏ thắm ráng chiều, cái bóng nhỏ bé của Luân khi hiện ra ở đầu con đê cao vẫn có cái tác động mầu nhiệm đổi thay cảnh vật, làm tươi sáng cả một vùng hoàng hôn bát ngát đang thấm vào tâm hồn dễ xúc động của chúng tôi. Luân đến, đặt gánh hàng xuống, thở ra, thường vẫn cau mặt trách chúng tôi “đón đường” như thế. Nhưng trong cái cau mặt rất đáng yêu có thoáng lên một ánh sung sướng. Nhiều lần, nghịch ngợm, Luân chịu để cho chúng tôi thay nhau gánh đỡ gánh hàng nặng một đoạn đường. Những đoạn ngắn chỉ dăm bảy bước. Chúng tôi không quen, đau vai, đã hạ vội cái đòn gánh xuống. Và Luân lại

được dịp cười phá lên và chế “cái vai học trò của các anh”.

Con mắt yêu thương của chúng tôi, trước sau đều nhìn thấy bất cứ cái gì ở Luân cũng hay cũng đẹp. Riêng tôi, đẹp nhất là cái tiếng nói. Chỉ là âm thanh mà nghe thành hình ảnh. Tiếng nói mỗi khi nghe thấy, nhớ tới thường làm tôi nghĩ đến một buổi sáng ở một cửa rừng vui nào với những hàng cây thưa, những thảm cỏ mượt những tiếng chim ca ánh sáng trên đầu, cái buổi sáng bình yên trong ca dao, có cu gáy có bướm vàng của Huy Cận.

Tiếng nói có một ấn tượng vui ấm tương tự như khi đi một mình trên cánh đồng mưa tối chợt bước vào một đầu phố, một thôn xóm có ánh sáng, có người ở, có tiếng cười, có sự sống chung quanh. Tôi vẫn nghĩ tâm hồn Luân phải trong đẹp lắm Luân mới có tiếng nói thủy tinh trong suốt

như vậy. Tiếng nói tựa như cái toàn thể hiển hậu của một khuôn mặt hiền hậu, nhìn vào tâm hồn kẻ nhìn cũng hiền hậu theo. Nó tác động mãnh liệt trong tôi đến nỗi đã có nhiều buổi tối tôi đã rủ Phạm rủ Trương cùng lên nằm ở căn gác trọ một người bạn cùng lớp - hẳn ở sát nhà Luân – và qua một khung cửa khói bốc lên làm chảy nước mắt, chúng tôi đã chụm đầu hàng giờ lắng nghe tiếng Luân cười, nói từ dưới bếp nhà Luân vọng lên.

Nỗi thích thú không bao giờ tìm lại được đã khiến tôi về sau thường nghi ngờ cái khiếu thẩm âm của mình trước bất cứ một tiếng hát một điệu nhạc nào. Vọng lại từ quá khứ, hình ảnh Luân có thể sẽ nhòa mờ dần, nhưng tiếng nói của Luân cất lên từ những ngày đẹp cũ, âm thanh huyền hoặc của nó còn nguyên vẹn trong đầu óc tôi. Về sau, rời bỏ Hưng Yên, ở những lá thư dài viết cho Phạm cho Trường, tôi nhớ vẫn

nói với bạn về cái tiếng nói của âm thanh và hình ảnh. Tiếng nói ấy suốt đời tôi vẫn còn nghe thấy.

Cụ Chánh kể chuyện gia đình cụ, tôi thuật lại đời sống mấy năm tản cư kháng chiến của tôi và đêm rừng bên ngoài tự bao giờ đã xuống. Chị Mùi đứng lên mắc màn, cụ Chánh mời tôi đi ngủ. Tôi nói tôi chưa buồn ngủ và đứng dậy. Ý chừng cụ Chánh đoán được ý tôi:

– Thế anh ra ngoài một lát cho thoáng rồi vào đi ngủ kéo muộn. Chắc em Luân nó còn dưới bếp.

Tôi châm một điếu thuốc trong khoảng tối đen hoa mắt và lần bước về phía căn nhà bếp thấp thoáng ánh lửa hắt lên. Một tấm khăn trắng bịt kín đầu cho bụi cám khỏi

vướng vào mái tóc, một cái áo bông đen phủ lên vai – đêm rừng lạnh buốt – Luân ngồi sàng gạo dưới ánh lửa. Tôi đứng lại. Tôi nhìn như thu vào hồn hình ảnh Luân lúc đó, lòng tay Luân nắm chắc mép sàng, những ngón tay xòe mở mềm mại, dáng ngồi nghiêng nghiêng, bờ vai rung nhẹ theo nhịp sàng, và những hạt gạo trắng muốt lọt sàng rơi rào rào xuống cái yên tĩnh huyền bí của đêm núi rừng. Cho tới khi cảm thấy sự có mặt của tôi, Luân ngừng đầu lên. Đôi mắt thật buồn của Luân bắt gặp cái nhìn không giấu được cảm động của tôi. Luân ngừng tay sàng trong một giây ngắn rồi lại sàng tiếp. Tiếng nói nhỏ chỉ vừa đủ nghe thấy:

– Anh ngồi xuống đây, anh Trí.

Tôi ngồi xuống trước mặt Luân. Một khoảng yên lặng tôi đoán sao rừng chắc đang sáng nhiều vô kể – rồi Luân cất tiếng:

– Anh nói đi tìm địa điểm cơ quan, anh nói dối thầy em, phải không?

Tôi gật đầu:

– Anh biết Luân ở đây, anh lên tìm Luân.

Câu trả lời hình như không làm Luân sung sướng. Mà trái lại. Khuôn mặt buồn, đều tay sàng với một giọng nói cố làm thản nhiên:

– Anh sắp đi khỏi nơi này. Anh sắp về Hà Nội phải không?

Tôi kinh ngạc về cái dự định thầm kín bị Luân đoán trúng tuy đã định sẽ kể hết cho Luân nghe chuyện tôi sắp bỏ đi xa, cuộc khởi hành sắp tới là nguyên nhân chính khiến tôi đã đi bộ suốt hai ngày đường để gặp lại Luân lần cuối cùng. Tôi cúi đầu xuống trước viễn tượng một chuyến đi tự nhiên

trở nên buồn thảm lạ lùng. Đứng đấy em ạ! Người đàn bà đưa đường cho anh đã nằm chờ sẵn ở một địa điểm bí mật gần giới tuyến. Trên đường sang đây tìm em, anh đã ném một hòn đá xuống dòng sông Mã, một hòn nữa xuống dòng sông Chu như những dấu hiệu vĩnh biệt, và sớm mai khi rời bỏ ngọn đồi này đi xuống anh sẽ đi những bước đầu tiên trên con đường trở về một thứ đất nước và thế giới bên kia.

Anh biết em ở đây, trước khi bỏ đi anh không thể không tìm gặp lại em một lần sau cùng. Gặp lại cho Phạm. Cho Trương. Cho em. Cho chúng mình. Cho một cái gì đã mất. Cho cái thế giới thần tiên, cái thiên đường lộng lẫy. Cho những buổi chiều của chúng ta trên con đê xưa, những buổi sáng của chúng ta trong căn vườn cũ. Cho cái vốn kỷ niệm cần thiết của một đời người khi tới lúc không thể sống bằng kỷ niệm. Cho những ảo tưởng thực hơn nghìn lần

sự thực. Cho những sự thực đã thành ảo tưởng. Cho sự chấm dứt của những năm tháng bình yên. Cho sự khởi đầu của những tháng năm đau đớn. Anh muốn khởi một cuộc hành hương trở về tuổi ấy, cái tuổi trắng tuổi sao trong máu trong tim, cái tuổi con bướm bông hoa ngoài đồng nội. Khi ngày mai đã là một đổi khác lớn lao, anh muốn về với lá thư, tấm hình, nỗi nhớ thương, niềm bâng khuâng, cái thế giới ảo tưởng, những rung động khởi đầu, tình yêu thứ nhất.

Nhưng tôi không thể trả lời mà hỏi:

– Sao Luân biết anh về Hà Nội?

Luân đặt sàng xuống, lấy tay vun gạo thành một đống lớn, san phẳng rồi lại vun lên.

– Em biết anh sẽ rời bỏ nơi này ngay từ

lúc trông thấy anh đột ngột hiện ra ở dưới chân đồi. Người xa lạ em còn biết, nữa là anh. Người đi xa có trở lại, người đi không về, em đều biết trước. Có lẽ vì mấy năm nay em nhìn thấy nhiều quá những cảnh kẻ ở người đi như thế.

Con mắt Luân gửi vào một khoảng không, tiếng nói chỉ còn là hơi thở:

–Các anh đi và các anh không trở lại.

Tôi cảm thấy một buốt lạnh toàn thân, còn buốt lạnh hơn đêm rừng vây quanh khi Luân nói tiếp:

–Em cũng không bao giờ gặp lại anh nữa đâu. Gặp anh lần này là lần cuối cùng đấy, anh Trí.

Câu nói đượm một vẻ chịu đựng nhẫn nhục. Một thứ cúi đầu trước định mệnh. Tôi không tìm được ý tưởng chống lại nó.

Chính tôi cũng cảm thấy như vậy. Lần cuối cùng. Hình ảnh của chia cách vĩnh viễn vây lấy chúng tôi. Khoảng tối đen khủng khiếp mở ngay từ chỗ này như đêm rừng trước mặt.

Luân lắc đầu như muốn đuổi đi hình ảnh đó. Luân đẩy cái sàng về phía tôi:

– Sàng hộ em một tay.

Tôi đỡ lấy chiếc sàng nhưng không biết cách, làm gạo văng tung tóe khắp chung quanh khiến Luân bật cười.

– Các anh vẫn thế, chẳng được cái tích sự gì hết.

Rồi Luân hỏi tôi còn nhớ không, những buổi chiều ngày xưa trên con đê Hưng Yên, chúng tôi tranh nhau gánh hàng cho Luân chưa được mấy bước đã bỏ vội đòn gánh xuống, những buổi sáng ở cầu ao nhà cụ

Lý đòi giặt hộ Luân, đánh rơi cả quần áo, bàn chải, xà phòng xuống nước. Nhưng một vài kỷ niệm ngộ nghĩnh vừa nhắc lại chỉ gây được cho Luân và tôi một nỗi vui ngắn. Nét buồn đã trở lại khuôn mặt khi Luân hỏi tôi về Phạm về Trương. Tôi cho Luân biết Phạm đã chết, thân thể tan nát trong một cuộc oanh tạc ngay trên mảnh đất quê hương của Phạm, và tin cuối cùng tôi nhận được của Trương cách đây đã hai năm là Trương sống vất vưởng bệnh tật tại một vùng nước độc gần biên giới.

Chỉ còn nghe thấy tiếng Luân nói:

–Tội nghiệp cho các anh.

Lửa bếp tự một lúc nào leo lét vừa tắt hẳn. Chỉ còn điểm sáng nhỏ của điều thuốc cháy dở. Một tiếng tàn than nổ gọn trong bóng tối. Chúng tôi ngồi đối diện mà không trông thấy nhau như thế, rất lâu,

tưởng như cùng lắng nghe một sự im lặng kỳ lạ nào, cho tới lúc Luân cất tiếng trước:

– Mấy năm rồi anh Trí nhỉ?

Tôi đáp: – Sáu năm.

Bên kia tiếng Luân nhắc lại: – Sáu năm.

Sự yên lặng, bóng tối, khiến tôi trở lại ý nghĩ ban nãy: chắc bây giờ sao rừng đang sáng vô kể bên ngoài. Tôi rủ Luân ra ngoài. Tôi nghe thấy tiếng gạo vun lại, tiếng sột soạt của chiếc vĩ buồm được kéo gọn về một phía. Bước ra khỏi cửa bếp, tay tôi chạm nhẹ vào tay Luân. Tôi nghĩ đúng. Sao rừng trên đầu chúng tôi phút đó sáng nhiều vô kể. Những điểm sáng to nhỏ, lỗ đố, tưởng như một lúc nào đó sẽ rớt xuống sẽ đậu đây trên đầu trên cổ chúng tôi. Mùi đất bốc lên, tiếng côn trùng rậm rạp ở những khoảng thấp. Nhịp chân siêu siêu cho tôi biết mình

đang đi xuống. Được một quãng Luân đứng lại. Chúng tôi ngồi xuống một thân cây. Tôi kéo Luân vào gần cùng lúc một vệt sao sa tự đỉnh trời kéo một vệt thật thẳng thật dài mất hút vào những bóng núi. Luân đã cởi chiếc khăn bịt đầu tự lúc nào. Tôi ngồi yên, mặc cho những sợi tóc vương vào cổ, vòng tay về phía trước thu gọn lấy hai bàn tay Luân. Luân không chống lại. Cái thân hình thu nhỏ lại ấy như muốn kiếm tìm một sự che chở. Tôi thấy tôi không còn che chở gì được nữa cho Luân. Cuộc sống đổi khác và con người đã lớn. Cái thế giới thiên đường, thần thánh ngày xưa của chúng tôi đã che chở Luân. Cái thế giới ấy đã mất.

Luân ngã đầu vào vai tôi.

– Anh về Hà Nội sẽ làm gì?

– Chưa biết em ạ, có điều chắc chắn anh sẽ bỏ học. Anh nghĩ anh sẽ sống một

cuộc đời vô nghĩa và tầm thường. Đi buôn chẳng hạn. Nhưng thế nào anh cũng về thăm lại Hưng Yên. Đó là một trong những việc làm thứ nhất.

Luân nắm chặt lấy tay tôi như tìm thấy nguồn an ủi.

– Anh có về thăm Hưng Yên nhớ thăm cả nó cho em.

Tôi gật đầu. Anh sẽ về thăm lại cái dấu tích, cái thiên đường đổ vỡ của chúng ta. Cho em. Cho anh. Cho Phạm cho Trương nữa. Thêm nhà cỏ hoang, bờ ao không người. Bờ đê, những lối đi cũ. Anh sẽ không lấy lại được gì trên những dấu tích kỷ niệm ấy, nhưng anh sẽ về. Người ta không sống được bằng kỷ niệm, nhưng trên những lông lá mới mọc và sự đổi khác ghê gớm của tâm hồn và hình thể, anh muốn trở về soi ngắm mặt mũi mình xuống lòng nước

cũ. Người ta không sống được bằng quá khứ nhưng người ta cần có quá khứ như một tấm gương. Anh muốn nhận định lại nhiều điều và điểm khởi hành phải bắt đầu từ đó.

– Em thì không bao giờ trở về Hưng Yên được nữa, Luân nói một cách tuyệt vọng. Em sắp lấy chồng rồi.

Tựa hẳn đầu vào vai tôi, Luân đã kể cho tôi bằng cái giọng đều đều nhần nhục của kẻ ung chịu cảnh ngộ về người đàn ông mấy tháng nữa, thân thể tàn phế, sẽ chống lên mình chiếc nạng gỗ và sẽ tập tễnh đi lên ngọn đồi này. Tên hắn là Mạnh. Cũng tử tế, hiền lành, người quê mùa, theo Luân: Mạnh bị thương trong một trận đánh đồng bằng ngoài liên khu Ba, hiện đang nằm ở một quân y viện cách đây ngót hai mươi cây số, lý do chính đã khiến cho gia đình Luân đến khấn hoang ở ngọn đồi trọc này.

Luân không yêu Mạnh. Cuộc hôn nhân cũng vô nghĩa như đời sống những tháng năm vừa qua, vô nghĩa như đời sống con người trong chiến tranh. Nhưng cái ý định ở mãi mãi với Mạnh có từ buổi xuống thăm Mạnh ở bệnh viện.

– Em nhìn thấy chiếc nạng gỗ và Mạnh lúc đó. Và thế là xong. Luân nhắc lại một cách tuyệt vọng – Thế là xong.

Tôi muốn tìm một câu nói an ủi Luân, nhưng tôi không nói được gì. Trong một yên lặng kéo dài vòng tay tôi ôm chặt lấy người Luân hơn, tôi nhìn những điểm sao lấp lánh trước mặt, nghe tiếng côn trùng rậm rập xuất lên từ những khoảng thấp dưới kia, và tôi nghĩ đến cái đêm cuối cùng, lần gặp gỡ cuối cùng, tôi không ngờ là ở nơi này, khoảng núi rừng cách biệt không bao giờ trở lại tôi đã sống với Luân những phút cuối cùng của một thời đã mất. Tôi xoay

người Luân trở lại và trong cái ý nghĩ gửi về một cái gì đã mất ấy, tôi cúi xuống hôn Luân. Tôi hôn Luân nồng nàn và tôi nói:

– Anh hôn em lần đầu tiên và lần cuối cùng.

Luân khóc không thành tiếng. Nước mắt Luân ướt đầm hai gò má. Lúc tôi đỡ Luân đứng dậy và chúng tôi cùng đi trở lên đỉnh đồi, cánh tay Luân khoác chặt lấy tay tôi khiến tôi có cảm tưởng như tôi, Luân cũng muốn ghi nhớ những phút cuối cùng như kỷ niệm nồn nà đau đớn nhất của một thời đã mất.

Sáng hôm sau, tôi xuống núi thật sớm. Như người đi trốn. Tôi không có can đảm ở lại để nhìn thấy cái hình ảnh lam lũ của Luân đẩy lưỡi cây trên nền đất rừng cần cỗi. Con đường nhỏ mờ mờ mở ra từ chân ngọn đồi. Trời đã sáng nhưng hai bên núi

rừng còn yên lặng ngủ. Gần tới đường lớn tôi trông thấy một con bướm. Nó đậu trên một bụi cây thấp. Mình nó vàng ánh với những chấm đen ở hai đầu cánh. Tôi bắt lấy con bướm và bỏ đi không nhìn trở lại.

Suốt dọc đường tôi nghĩ đến Luân, đến Phạm, đến Trường, đến tôi. Lúc nhìn xuống, con bướm tự lúc nào đã chết nát trong lòng bàn tay.

(Đã in trong “Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời” của Mai Thảo – Sáng Tạo xuất bản 1963)

8. CON MUỖI

MẶC ĐỒ

L OAN chợt có cảm tưởng như ai đương chăm chú ngó mình. Ngẩng lên, Loan nhận thấy, trên tấm kính tủ hàng phản chiếu lại, hai con mắt tròn và to long lanh sáng. Ngó kỹ khuôn mặt: thấp thoáng một vài nét quen quen... Loan bất giác quay hẳn người lại: khuôn mặt quen quen đặt trên một bộ áo trùng thâm.

Vị tu sĩ trẻ tuổi vẫn mở to đôi mắt ngó Loan. Sau một thoáng giây tìm tòi trong

những ngăn kỷ niệm trong đầu, Loan bỗng nói, tiếng nói thốt ra, đượm đôi chút e dè, không hẳn tin ở trí nhớ của mình:

– Anh Thiện?

Gương mặt sáng sủa với hai con mắt rất trong của vị tu sĩ trẻ tuổi bùng lên một nụ cười cởi mở. Tu sĩ nói rất từ tốn:

– Đúng là chị Loan. Khi này mới trông thấy chị, tôi cứ ngỡ ngỡ không tin rằng có phải là chị không. Đến khi chị cất tiếng nói thì nhất định không thể lầm được... Đã lâu lắm rồi tôi mới gặp lại chị.

Loan đã trở lại bình tĩnh và nhanh nhẩu như hồi nào, nàng vội cải chính:

– Cũng không lâu lắm. Tôi còn gặp anh một lần ở Ba-Lê, trung tâm sinh viên đường Soufflot. . .

Sau câu nói, Loan cũng vừa nhận thấy

rằng xưng hô như vậy không biết có phải hay không. Loan e ngại ngó bộ áo trùng đen của vị tu sĩ đứng trước mặt, phân vân không biết xử đối ra sao với một anh bạn học cũ, khá thân, nay gặp lại bỗng thấy thay đổi nhiều quá, xa cách bởi cả một hàng rào tín ngưỡng. Nếu Loan cũng như Sương, như Hạnh, Loan sẽ dễ dàng gọi Thiện bằng Cua và xưng con rất ngon lành. Loan tự nghĩ không thể bắt chước như mấy người bạn kia: một người ngoại đạo mà xưng hô như vậy, không những thấy vô lý với chính mình, mà còn e rằng bất kính ngay cả với người đứng trước mặt. Loan cảm thấy cần phải trọng bộ áo tu hành của người bạn ngày xưa, thành ra cũng thấy không tiện cứ coi Thiện như một người bạn cũ, chẳng hạn như lần gặp ở Ba-Lê.

Dường như không nhận thấy nỗi bối rối của Loan vì chuyện xưng hô, vị tu sĩ trẻ tuổi tươi tắn đứng ngó Loan bằng hai

con mắt sáng, rồi ông ta nói, vẫn một giọng khoan thai và ấm:

– Lần gặp chị ở đường Soufflot tôi vừa tốt nghiệp đại học. Nửa năm sau tôi bắt đầu tu đạo. Tôi được thụ phong linh mục đã hai năm nay. Về đây chưa được bốn tháng. Tính từ ngày ở Hà Nội tới nay cũng đã lâu lắm rồi đấy.

Loan ngập ngừng đến một phút rồi mới đáp, thở dùng một cách xưng hô tạm cho là ổn:

– Tôi vẫn cho là không lâu lắm, vì tôi thấy Cha không thay đổi chút nào, chỉ trừ...

Tu sĩ cả cười, ngắt lời Loan, một tay kéo mảnh áo ở trước ngực:

– Chỉ trừ bộ áo đen này?

Rồi tu sĩ lại nói tiếp, hai con mắt ngó lên:

– Trong gia đình tôi, được Chúa gọi tới là một ơn huệ lớn lắm.

Loan nhớ có một lần gặp My ở trước của Chợ, hôm đó cả hai người đều bận rộn, vội vã, nhưng My cũng cố gọi Loan cho bằng được. Loan phải vội ghé xe vào một bên hè, không kịp ra dấu cho những xe khác khiến lắm người cầu nhàu. My hốt hải tới bên cửa xe của Loan để báo một cái tin không thể không nói ra:

– Chị Loan ạ, anh Thiện được thụ phong linh mục rồi. Em đương phải tíu tít đi mua sắm các thứ, sửa soạn một bữa tiệc mừng. Bạn quá, chị ạ.

Loan đường bực mình vì những lời cầu nhàu của đám người lái xe bị xe nàng cắt ngang, đáp hai tiếng gọn:

– Thế hả?

Thật tình Loan không ý thức được nổi

vui mừng của My. Thái độ hờ hững của Loan khiến cho My có điều chung hững.

Loan đáp lời vị tu sĩ trẻ tuổi:

– Vâng, hồi đó tôi có được My báo tin cho biết. Tôi ngu quá không biết chia sự vui mừng thế nào với My cả. (Loan cười hóm hỉnh nói tiếp): nhưng tôi vẫn đợi xem anh Thiện nghịch ngợm ngày xưa, bây giờ hóa thành nhà tu sẽ biến đổi đến thế nào. (Loan lừ đôi mắt ngó tu sĩ một lượt, rồi kết luận): Ngắm kỹ thì... Cha vẫn không thay đổi chút nào, chỉ trừ. . .

Tu sĩ nhắc lại câu nói trước:

– Chỉ trừ bộ áo đen này...

Hai người cùng cười và cảm thấy đã lấy lại được phần nào cái không khi bạn hữu ngày xưa. Tu sĩ tiếp:

– Cứ nhắc chuyện đã qua mãi, quên mất

hiện tại. Tôi chưa hỏi thăm chị về gia đình. Hai cụ vẫn mạnh chứ và còn chị, những thay đổi của chị trong bao năm nay?

– Thấy tôi mất đã mãi tang, bây giờ còn có Mẹ tôi, cùng ở với tôi, Mẹ tôi vẫn mạnh. Còn tôi, chỉ có một sự thay đổi là đã thành bà Khánh, thế thôi.

Tu sĩ đáp:

– Anh Khánh, tôi còn nhớ lắm.

Loan ngắt:

– Hình như cũng là bạn nghịch của anh Thiện P

Tu sĩ gật đầu, ngó xuống:

– Nhắc đến tên những bạn cũ, tôi hồi tưởng được rõ hết những kỷ niệm đã qua. Thế nào tôi cũng phải lại thăm chị và gặp lại anh Khánh. Cũng phải lại để chào cụ nữa chứ.

– Vâng. Mẹ tôi vẫn thường nhắc tới Cha, Mẹ tôi cũng biết anh Thiện đã trở thành linh mục. Cha tôi chơi chắc Mẹ tôi mừng lắm.

Tu sĩ lấy trong bọc ra một cuốn sổ nhỏ và một mẫu bút chì ghi địa chỉ của Loan, rồi cáo từ. Loan còn ngó theo vị tu sĩ trẻ tuổi dáng di vĩng vàng, lanh lẹ, giữa đám đông trên đường.

*

Ở Hà Nội, hồi cả bọn mấy người còn là học sinh trung học, mấy gia đình quây quần trong một khu phố. Hơn nữa, họ lại cùng học một trường. Gia đình bác sĩ Hoàng, ông thân của Loan, tương đối là một gia đình tân tiến hơn hết. Cả bọn đều coi nhà Loan như một nơi thường hội họp. Bà mẹ của Loan, vì yêu đám tuổi trẻ này, luôn luôn gây cho họ một không khí thân mật, đầm ấm. Khi Loan đã lớn, đã trở

thành một thiếu nữ đương độ, sự giao du giữa Loan và mấy người bạn trai vẫn không hề kém hồn nhiên, thân mật. Chính Loan nhiều khi cũng tỏ ra nghịch ngợm không kém bọn con trai, tuy vẫn có thể rất thắm thiết với những bạn gái thù mị như My, em gái Thiện. Trong số bạn trai của Loan, nếu một người đứng ngoài mà quan sát và có lúc nghĩ rằng bọn tuổi trẻ này không thể cứ như thế mãi, chẳng hạn như là mẹ của Loan, Thiện là người tỏ ra có nhiều khả năng và hi vọng mai ngày trở nên cậu giai tể của nhà họ Hoàng hơn hết. Có lẽ cũng linh cảm thấy như vậy nên Thiện, tuy đã bắt đầu yêu Loan, vẫn yên lặng giữ riêng cảm tình đó cho mình, không dám phá không khí tự nhiên, cởi mở, mà cả bọn đương chung hưởng. Thiện giữ không hé bàn chuyện muốn độc chiếm. Loan với một ai, kể cả bà mẹ của Loan là người mà Thiện rất có thể gửi gắm tâm sự. Thiện kín đáo như vậy cho

đến khi lên đại học được gia đình thu xếp cho xuất dương du học. Rồi sau đó, trong những thư từ Loan và Thiện thỉnh thoảng gửi cho nhau, không một dịp nào Thiện để cho tình ý tràn lấn quá các mức mà chàng đã giữ được khi còn ở gần Loan.

Có một lần, trong một bức thư Thiện viết cho My, nhân một câu hỏi thăm tin tức Loan, Thiện có tỏ lộ đôi chút tâm sự. Ý hẳn mùa thu đó, bữa chàng ngồi bên cửa sổ viết thư cho em, lá vàng có rụng nhiều trên vai những pho tượng trong công viên. My đã tinh quái mang bức thư đến cho Loan đọc, với dụng ý tỏ cho Loan rõ rằng mình đã « biết hết » rồi, Loan đừng khéo giả vờ mãi. Loan thật tình cũng chỉ biết vậy mà thôi. Nàng sẽ không chê Thiện nếu Thiện ngỏ lời, nhưng ít nhất cũng cần tìm hiểu nhau hơn nữa nếu hai người định rời bình diện bạn hữu để cùng nhau đi tìm một chân trời khác. Thời gian qua đi, Loan cũng không

hề đợi, mà Thiện cũng tiếp tục im lặng mãi.

Rồi bao nhiêu biến cố xảy tới, nhóm bạn thường tụ hội ở nhà Loan tản mác mỗi người một phương. Còn lại có Khánh. Anh chàng này có một đặc điểm là mặc dầu bao nhiêu sự đổi thay ở chung quanh vẫn luôn luôn có dịp ở gần Loan: cùng tiếp tục một môn đại học, cùng tản cư ở một nơi, cùng trở lại Hà Nội và sau hết lại tình cờ đồng ý xuất ngoại để thi nốt một bằng cấp đại học. Bấy nhiêu ngẫu nhiên kết thúc bằng sự chung sống của hai người. Bữa Loan gặp Thiện ở đường Soufflot, nàng đã đính ước với Khánh. Loan cũng quên không báo tin đó với Thiện nữa.

*

Trưa hôm đó, ngồi ăn cơm với mẹ, Loan chợt nhớ tới người bạn tu sĩ, nàng khoe với mẹ:

– Ban sáng con vừa gặp anh Thiện, mới về đây đâu được bốn tháng.

– Cậu Thiện sau thành linh mục ấy phải không? Sao con không mời về chơi? Nhắc đến cậu ấy mẹ lại nhớ hồi ngày xưa, nhà mình đông mà vui quá, con nhỉ?

Loan cảm thấy ánh sáng chung quanh mình như bỗng lu mờ bớt, nàng đáp:

– Con có hẹn, thế nào anh ấy cũng lại chào Mẹ. Gặp lại anh Thiện con thấy mừng ghê đi, mừng được độ mười phút! Trông anh ấy không khác ngày xưa mấy. Mẹ nhỉ, ngày xưa vui bao nhiêu thì bây giờ đáng ngán bấy nhiêu . . . Thà rằng đi tu như anh Thiện, làm cách mạng rồi chết như anh Thái, anh Quang, mỗi lúc nhắc đến tên hay gặp lại còn giữ được chút kỷ niệm!

Bà cụ vội vàng đứng lên, không muốn con gái có dịp khơi nỗi buồn chưa hề nguôi.

Và bà cụ bắt đầu mong người bạn trai của con hồi xưa, với hi vọng tìm lại được một chút gì đã mất.

Khi Thiện tìm tới thăm bà mẹ Loan, thoát bước vào căn phòng khách rộng, một cảm giác trống trải, tịch mịch khiến cho Thiện muốn chùn bước lại. Thiện không thể nào ngờ được rằng sau một thời gian có thể thay đổi như vậy được. Loan hôm trước có thay đổi bao nhiêu đâu. Mà cả Thiện cũng thấy rất ít thay đổi nữa, mặc dầu bộ áo đen. Thiện cứ định ninh rằng thêm vào không khí vui tươi của gia đình bác sĩ Hoàng ngày xưa còn những tiếng riu rít, đôi ba hình ảnh đặc biệt do sự có mặt trong nhà của đám trẻ con của Khánh và Loan. Cứ nguyên cái viễn tượng được trông thấy bấy con của Loan cũng đã đủ vui cho Thiện trong bao ngày, trước khi có thì giờ tới thăm nhà Loan. Đã không có bóng dáng một đứa nhỏ nào, căn phòng khách rộng trang trí lịch sự và nhã

nhận càng thấy lạnh lẽo vì ngăn nắp quá. Thiện cũng còn kịp nghĩ: nếu Loan cũng mắc cái bệnh dịch màu sắc đương lan tràn giữa đám những người mới giàu, có lẽ căn phòng đỡ trống trải hơn.

Bà cụ ngồi một mình trên một chiếc ghế bành bằng mây đan, ở bên khung cửa sổ lớn mở ra vườn. Trông thấy Thiện bước tới, bà cụ mừng rỡ đứng lên, đưa tay ra nắm lấy hai vai Thiện. Thiện ngó thấy một giọt nước mắt tràn trên gò má bà cụ. Giọng nói của bà cụ như thấm ướt:

– Gặp nhau lại nhớ Hà Nội ngày xưa quá! Xa mất rồi, nhỉ?

Bà cụ ngồi phịch xuống ghế và ngó ngây người bạn cũ của con. Bao nhiêu ngày cứ ngồi bên khung cửa thương nhớ một thời đã xa, hôm đó bà cụ mới thấy rằng mình không vô lý. Thời đã xa thực ra vẫn chưa chết hẳn, vì còn có Thiện trở lại đây.

Thiện kiểm một chiếc ghế nhỏ kéo lại bên cạnh bà cụ và ngồi xuống. Bà cụ vội xin lỗi:

– Gặp cậu tôi mừng quá, quên cả mời ngồi. Bây giờ các cậu đã lớn; có địa vị rồi, tôi cứ quen như ngày xưa. Ừ, phải thay đổi cả cách xưng hô nữa đấy, gọi cậu Thiện ngày xưa là gì nhỉ cho phải?

Thiện tìm lại được rất dễ giọng nói thân mật hồi trước:

– Bác cứ coi cháu như hồi đó, tình cảm có thay đổi gì đâu.

Bà cụ ngó Thiện trân trân:

– Thế ư? Bác thấy mọi sự chung quanh thay đổi nhiều quá, nên bác sợ.

Thiện quay lại ngó gian phòng lặng lẽ rộng, rồi hỏi:

– Loan đi vắng hả bác? Loan được mấy

con rồi? Từ hồi đó cháu chưa hề gặp lại anh Khánh.

Một chút kinh ngạc khiến tia mắt của bà cụ còn đen láy.

– Thế Loan không nói chuyện với cậu ư? Loan làm luật sư ở tòa đã lâu rồi, từ hồi chưa vào đây. Đã có cháu nào đâu. (Bà cụ bỗng thở dài). Nhắc chuyện Loan, buồn chết!

Thiện vội hỏi:

– Sao lại buồn, hả bác? Hôm gặp Loan mới nói được mấy câu. Loan có cho biết đã thành bà Khánh rồi. Cháu cứ đinh ninh hôm nay lại được gặp một lũ con của Loan rất đông. Ngày xưa chính Loan vẫn chủ trương sự đông con vì Loan chỉ có một mình.

Giọng nói của bà cụ đều đều và buồn, dường như không trả lời câu nói của Thiện.

– Thành bà Khánh, nhưng lại không là bà Khánh, thế mới ngán!

Thiện bắt đầu ngạc nhiên rõ rệt:

– Đầu đuôi ra sao bác có thể cho cháu biết được không? Cháu không ngờ Loan lại gặp những chuyện phải buồn.

– Ban đầu, có ai mà ngờ được. Sau khi hai người đã đính ước với nhau, Loan có nói chuyện với tôi. Tôi rất đồng ý vì Loan nói rằng có yêu cậu Khánh và đã suy xét kỹ. Thế mà chưa được một năm sau đã sinh sự? Khổ tâm hơn nữa là gia đình cả hai bên đều đã quen biết nhau quá, chỉ vì muốn bầu vùi lấy tình quen cũ, và cũng hy vọng rằng hai người rời ra có thể thương yêu nhau lại, chỉ vì thế mà cứ để cho câu chuyện dây dưa kéo dài mãi. Đến nay thì lỡ dở hết cả rồi...

Câu chuyện bà cụ kể chỉ có ngọn, quên mất đoạn gốc, khiến cho vị tu sĩ trẻ tuổi

không giữ nơi sự bình tĩnh thường nhật.
Ông ta vội ngắt:

– Nhưng bác không cho cháu biết những nguyên nhân tại sao lại có chuyện xảy ra như vậy, đã xảy ra làm sao. Thế bây giờ Khánh ở đâu?

Bà cụ thở dài, chưa bao giờ Thiện được nghe một tiếng thốt ra nặng nề, ảo não như vậy.

– Nếu tôi được biết đầu đuôi thì còn nói gì. Họ có cho tôi rõ sự tình đâu. Loan có nói với một cô bạn rằng không muốn làm cho tôi buồn thêm nếu nó kể hết câu chuyện cho tôi nghe, nó sợ rằng tôi già yếu rồi. Khổ quá, cậu ạ, thà rằng cho tôi hiểu rõ còn nhẹ nhõm cho tôi hơn là cứ bưng bít như thế này. Gặp cậu, tôi mừng lắm, mừng nhất là có cậu, là chỗ thân tình cũ, may ra Loan nó có tiện thổ lộ, rồi cậu liệu

xem có thể thu xếp giúp Loan được phần nào chăng.

Thiện lại ngắt:

– Nhưng bác vẫn chưa cho cháu biết hiện Khánh ở đâu. Cháu cần gặp cả hai người mới hiểu rõ được mọi sự.

Bà cụ lại bắt đầu câu nói bằng một tiếng thở dài:

– Hiện ở Pháp. Đi đã lâu, từ khi chưa bỏ Hà Nội. Bắt đầu lục đục với nhau một thời gian thì, bỗng cậu ấy báo tin có việc phải đi Ba-Lê. Loan không phản đối gì cả. Sau có chừng vài tháng thì một hôm Loan nó cho tôi biết rằng cậu Khánh sẽ không về nữa; hai người nhất định xa nhau. Tôi chỉ biết có thế. Năn nỉ thế nào Loan nó cũng không nói, bảo rằng mẹ đã già, con cũng đã đủ khôn lớn rồi, nói ra chỉ thêm mẹ buồn phiền vô ích. Sau này, tôi cũng tránh không

đá động tới chuyện đó nữa vì xem ra mỗi khi nhắc tới, chính Loan nó còn tỏ ra buồn khổ hơn tôi nữa. Tôi chỉ nghĩ mà thắc mắc mãi vì chính tôi có lỗi để xảy ra tình trạng ngày nay. Hồi đó, Loan nó bao nhiêu lần đòi dứt khoát với Khánh, một mặt thì tôi, một mặt bên gia đình cậu Khánh, hai bên đều ngăn cản, hy vọng sẽ dàn xếp được. Chần chờ mãi đến bây giờ thì đã quá muộn, mà chẳng hy vọng gì họ thương yêu nhau trở lại. Tôi cứ hối hận quá, thà để cho họ dứt khoát với nhau cho xong đi.

Thiện tránh không muốn bàn vào một vấn đề mà chính mình bắt buộc phải có thiên kiến, tuy rằng lần đầu tiên, vì cảm tình riêng với Loan và bà mẹ Loan, Thiện muốn đem tình cảm để tìm hiểu trường hợp của Loan hơn là cứ tiện tay sử dụng đường lối suy luận đã vạch sẵn. Thiện nhận thấy không có cách nào hơn là im lặng

trong giấy lát, rồi sửa soạn đứng lên cáo từ, sau một lời hứa:

– Cháu cần phải gặp Loan đã, cháu sẽ gọi đây nói tới văn phòng hẹn với Loan. Cháu cũng cần viết thư cho anh Khánh nữa. Cháu xin hứa với bác sẽ hết sức cố gắng tìm cách hiểu tâm sự của Loan và Khánh, may ra nhờ ơn Thiên Chúa sẽ giúp Loan tìm lại được hạnh phúc.

Sau khi Thiện ra về, hy vọng hạnh phúc cho Loan trở lại tràn trề trong tâm tư bà cụ, rào rạt như một cơn mưa hè. Nhưng một lúc sau, cơn mưa đã tan biến hết, còn lại bốn bề vuông vức của một niềm mong ước, lâu dần thu gọn lại vừa một gian phòng này, êm tịnh, mòn mỏi. Cho đến trưa, khi Loan trở về, chuỗi ngày của hai mẹ con lại đều đều nhịp cũ.

Sau bữa cơm, bà cụ cáo từ đi nghỉ trưa, để cho Loan và anh bạn cũ tiện nói chuyện dài. Hai người ngồi ở một góc phòng khách vắng và mát. Loan Yên lặng ngồi đợi Thiện hỏi trước. Hàm Thiện gọi đây nói lại văn phòng ngỏ ý muốn gặp để được nói chuyện nhiều, Loan đã hiểu ngay rằng Thiện có ý mong biết rõ câu chuyện giữa Loan và Khánh. Có Thiện để trút bớt những u uẩn, Loan thấy cũng là một dịp hay, tuy hoàn toàn không chờ đợi một sự giải quyết nào. Với Khánh, thật đã hết từ lâu. Làm lại cuộc đời thì Loan dường như không còn can đảm nữa. Không chờ đợi giải quyết, nhưng có dịp tâm sự với một người bạn thân, Loan tin rằng cũng sẽ nhẹ nhõm bớt.

Thiện cũng yên lặng ngồi ngó Loan, loay hoay mãi với một điều thắc mắc: Loan vẫn như xưa, mà Loan như ngày xưa thì sao mà có thể khổ được? Trước khi tu đạo, Thiện đã nhiều lần lật đi lật lại vấn đề hạnh phúc của

Loan. Thiện đã yêu Loan ghê gớm đến nỗi kết luận rằng bao nhiêu cố gắng của mình cũng sẽ không làm cho Loan sung sướng hơn, hay ít nhất cũng bằng với cái hiện tại hồi đó của Loan. Yêu Loan mà không đem lại hạnh phúc cho Loan như ý muốn thì tốt hơn hết là giữ nguyên mối tình để làm một kỷ niệm riêng còn hơn. Không muốn kết thúc, hay khởi sự, với Loan, ít lâu sau Thiện đi tu, với một ý thức hết sức sáng suốt rằng không phải vì thất vọng.

Đến bữa gặp lại Loan được tin Loan đã lấy chồng, Thiện nảy ra ý tò mò muốn chứng xác lại những nhận định của mình hồi trước qua hạnh phúc hiện tại của Loan. Được bà cụ nói sơ qua cho hay nông nổi của Loan, Thiện đã nghĩ ngay rằng những dè dặt của mình hồi đó không phải là vô lý. Muốn vào sâu tâm sự của Loan, Thiện vì thương Loan nhiều hơn là vì muốn tìm hiểu. Thiện chợt nhận xét và khám phá

thấy khỏe nhìn của Loan hiện giờ có lạnh và sắc hơn trước, quầng mắt sâu hơn và cả hai đường nhăn ở đuôi mắt. Thiện tự nhủ: “Nhan sắc suy tàn từ đó chứ đâu!” và chàng bắt đầu:

– Tôi muốn nói chuyện lâu với chị không phải vì lâu không gặp. Tôi có một mục đích: Hôm nọ hầu chuyện Cụ, được biết chị có nhiều nỗi buồn trong gia đình...

Loan chợt có tia mắt lạnh và sắc như Thiện vừa thoáng nhận thấy. Loan thần nhiên ngắt:

– Mẹ tôi vẫn hay buồn phiền lôi thôi. Tôi không yêu Khánh nữa, hai người không thể chung sống với nhau thì bỏ nhau, có gì mà phải buồn. Một mình tôi, tôi dư sức nuôi thân và nuôi mẹ tôi cơ mà. Liệu anh có sắp gia nhập vào cái đám người cứ bận thương vay cho tôi không ấy?

Thiện tự nhủ: “Có thay đổi thật”. Rồi mới tìm câu trả lời Loan, Thiện đáp, rất ôn tồn, bình tĩnh:

– Bộ áo này không cho phép tôi gia nhập một thứ gì hết. Tôi ngồi trước mặt chị với tư cách một người bạn cũ, một người bạn thân thiết trong bao nhiêu năm tuổi nhỏ, có một điều khác rõ rệt là tôi đã thành một nhà tu. Dù chị không cho phép, tôi vẫn có bốn phận phải săn sóc tới một người bạn đương ở một tình trạng tâm lý bất an, gỡ rối cho chị được phần nào là tôi mừng lắm. Tôi biết chị có nhiều tự ái, nhưng tôi nghĩ rằng chị còn giữ đôi chút tin cậy ở tôi.

Loan cười lớn, tiếng cười rung động cả căn phòng vắng. Thiện lại nghĩ: “Tiếng cười cũng thay đổi nữa”.

Loan nói trong tiếng cười không dứt:

– Tôi sợ nhất là cứ làm cho to chuyện. Anh cần gì phải gọi tới sự tin cậy ở tôi, nhất định là vẫn tin cậy rồi. Nhưng, bạn tâm tới một câu chuyện mà chính người trong cuộc là tôi, tôi thấy không đáng quan tâm nữa, anh bảo như thế không gọi là thương vay thì còn gọi là gì?

Thiện không tỏ ra công nhận hay phản đối lý luận Loan vừa đưa ra, nhưng chậm rãi chưa đáp, yên lặng ngồi ngó Loan.

Loan với hộp thuốc lá, lấy một điều thuốc thản nhiên đốt, Loan cũng đợi xem Thiện còn cố xoi mói trong câu chuyện riêng của mình tới đâu. Loan chỉ bức rằng Thiện đã quan trọng hóa câu chuyện quá. Thật tình Loan cũng định có dịp sẽ trút hết những u uẩn của mình với Thiện là người trong số bạn cũ Loan thấy đáng tin cậy hơn hết. Thấy Thiện có bộ mặt quan trọng, Loan đâm ra cáu. Cứ bình thường, Loan sợ

gì mà không kể hết chuyện, nhưng Loan nhất định không hé răng nếu câu chuyện có hình dáng một cuộc thổ lộ can tràng. Thiện tưởng rằng cứ khoác bộ áo đen là hóa thành xuất phạm rồi ư?

Trong không gian, Thiện xem ra đã quá xa thời bè bạn cũ, Thiện đã quên đi phần nào cá tính của Loan, chỉ nghĩ rằng Loan nhiều tự ái. Loan không cảm thấy phải tự ái đối với Thiện. Loan muốn chọc Thiện mà Thiện không biết. Thiện nói:

– Ai mà chẳng kiêu hãnh rằng tâm sự của mình chồng chất, bể bộn, thiên hạ giỏi lắm chỉ nhìn thấy một khía cạnh nào. Nghĩ rằng mọi người không hiểu mình mà thấy họ cứ bần khoản vì mình thì nhất định phải cho rằng họ thương vay. Tôi gọi tới sự tin cậy ở chị là có ý muốn nhắc chị trình độ thân tình giữa mấy anh em hồi xưa. Không lẽ chị cũng cho rằng tôi chỉ có

thể hiểu chị hời hợt như bất kỳ ai hay sao? Trong câu chuyện tình duyên của chị tôi thú thật rằng đến phút này tôi chưa hề hiểu một mảy may. Bởi thế cho nên tôi mới phải hỏi chị, chị nói cho nghe; khi đó, với bao nhiêu thâm tình cũ, biết đâu tôi sẽ không hiểu được thấu đáo và có những ý kiến khả dĩ gỡ rối được cho chị.

– Khổ quá! Anh cứ là rằng hiểu tôi mà không nghe thấu chỉ một câu nói của tôi. Trước kia, chuyện tình duyên của tôi quả có làm cho tôi rối ruột thật. Nhưng bây giờ, bây giờ, tôi đã nói với anh rằng tôi không thấy đáng quan tâm nữa. Thế mà anh cứ đòi gỡ rối cho tôi thì đào đâu ra tơ rối cho anh gỡ cơ chứ?

Rốt cuộc, Thiện thấy cần chờ một dịp khác vì Thiện cũng chợt nghĩ ra không chừng Loan thêm một giấc ngủ trưa, cho nên khó tính, tuy Loan đã hẹn dành buổi

chiều thứ bảy này để nói chuyện dài với Thiện.

Tiến Thiện ra về, trở vào, Loan còn mỉm cười một mình vì đã chọc anh bạn cũ được một trận. Nhưng Loan chỉ « khó tính » được một lát ngắn. Sau khi tắm nước lạnh xong, trở ra phòng khách vắng lặng và nhiều bóng tối, nằm dài trên chiếc ghế bành bằng mây đan ở bên cửa sổ, Loan thốt lên khóc, khóc cho những năm đàng đàng ở trước mặt. Ngày mai đối với Loan sao mà đáng ngán, nhất là từ bữa gặp Thiện, xui nhớ lại ngày xưa.

Từ bữa nói chuyện với Loan ra về, Thiện không ngớt lưu tâm tới trường hợp của Loan. Chính tự ái của Thiện cũng có tổn thương: tại sao Loan lại từ chối không muốn ngỏ tâm sự với mình? Nhiều lần sau Thiện tới thăm Loan và tha thiết nhắc lại mãi câu chuyện bỏ dở bữa chiều thứ bảy.

Lần nào Loan cũng bức mình thấy Thiện giữ bộ mặt nghiêm trọng, không để cho Loan tìm lại được vẻ thân mật ngày xưa, thuận lợi cho câu chuyện tâm tình. Có bữa Loan đã phải than phiền với bà mẹ: “Anh Thiện bây giờ thay đổi nhiều quá. Lúc nào nói chuyện cũng như toan cứu với linh hồn người ta ấy!”

Ngoài đôi chút tự ái bị tổn thương. Thiện cảm thấy có bốn phận phải lưu tâm tới cô bạn cũ đương ở một tình trạng khủng hoảng đáng ngại. Thiện cho rằng vì thiếu người thân tín cho Loan có thể tâm sự được — bà cụ dù sao, với tuổi tác, cũng không còn là một người bạn của Loan được nữa — Loan cứ một mình loay hoay với vấn đề nan giải trong bao lâu nên đâm ra lảng tránh hết mọi người. Thiện nhất định phải thắng trở lực tâm lý đó để mau mau giúp Loan tìm lại sự tươi sáng trong tâm hồn và trong cuộc đời.

Nếu không có bộ áo trùng thâm có lẽ Thiện tìm được nhiều kẻ hở để đột nhập thành trì cô độc của Loan. Nhưng Thiện chỉ có thể thành tâm cầu nguyện cho Loan, ước mong sớm có cơ hội dắt dẫn Loan ra khỏi hoàn cảnh hiện tại và tìm thấy hạnh phúc.

Thiện cũng có nghĩ tới viết thư cho Khánh. Một lần đã động tới chuyện đó – Thiện hỏi Loan địa chỉ của Khánh ở Pháp – Loan đã nổi xung lên, thiếu chút nữa đã mất hản cảm tình với Thiện. Loan cáu cũng có lý: những can thiệp không đúng chỗ như vậy của Thiện, biết đâu chẳng cho Khánh vội nghĩ rằng Loan đã chịu thua và cầu cứu tới Thiện để mong nổi lại chắc?

Trước thái độ khăng khăng của Loan, ý chí sửa chữa, hàn gắn của Thiện lại càng mãnh liệt. Cho đến khi, vì một nhiệm vụ phải rời lên vùng cao nguyên trong ít lâu,

Thiện phải tạm ngưng những cuộc thăm dò tâm sự Loan, tuy vẫn chưa tìm được chút ánh sáng nào. Thiện vẫn không ngớt đem hết tâm thành cầu xin một sự ứng nghiệm trong việc đương theo đuổi.

Hết nhiệm vụ trên cao nguyên, Thiện trở về vội tới thăm Loan ngay. Không khí bổ dưỡng trên núi đã giúp Thiện thêm phần chấn. Chị ở cho biết rằng Loan ốm phải nằm trong buồng, Thiện ngồi đợi ở phòng khách. Loan ngần ngại trong giây lát rồi bảo chị ở ra mời Thiện vào chơi trong phòng riêng của Loan. Loan nghĩ rằng tiếp Thiện ngay ở trong phòng ngủ có lẽ đỡ bị Thiện ngồi lâu và quấy rầy mãi về câu chuyện chồng con dở dang của mình như mọi bận.

Chị ở bắc một chiếc ghế mời Thiện ngồi kế bên giường bệnh của Loan, Loan nói:

– Tôi bị sốt nóng đã hai hôm nay, y sĩ vẫn chưa tìm ra bệnh gì, có lẽ chỉ cảm xoàng. Vì sốt nhiều nên mệt quá, không thể ngồi dậy ra phòng khách được.

Thiện ngó gương mặt của Loan; cơn sốt làm đỏ hồng hai má Loan, hai con mắt sáng hẳn lên, những sợi tóc không chải vào nếp quăn lưa thưa trên trán. Đúng là Loan ngày xưa, không một chút thay đổi. Thiện cứ ngồi yên lặng ngó Loan. Loan cũng ngó lại Thiện, không muốn chỉ nói vài câu thăm hỏi băng quơ. Trong nét mặt của Thiện ngồi ngây ra đó, không có cái vẻ hăng hái cứu vớt như những lần khác, Loan cũng chợt tìm lại được Thiện của hồi còn cùng đi học với nhau. Sự im lặng của cả hai người không nặng nề, ngượng nghịu: im lặng để giữ cho cái không khi chợt tìm thấy đừng vội tan biến. Rồi Loan nói trước:

– Anh có biết tôi vừa nhận thấy gì

không? Tôi tưởng như trở lại hồi nào còn ở Hà Nội. Từ bữa gặp lại anh, hôm nay tôi mới thật tìm thấy anh của ngày trước.

Thiện tròn hai con mắt to và sáng, hỏi lại:

– Thật thế ư? Tôi cũng vừa nhìn thấy chị giống hệt như hình ảnh của chị ngày xưa, không khác một chút nào. Tôi nhớ đến những bữa ở đằng nhà bác, chúng mình gọi cả một gánh bánh tôm vào trong sân...

Mắt Loan cũng vui hẳn lên:

– Rồi có mấy người tranh nhau ăn hết cả gánh. Ừ, thích thật! Bác hàng bánh rán không kịp, tôi chanh bị mỡ bắn bỏng cả tay...

– Còn tôi thì vội ăn, phồng cả miệng, về nhà phải tạ sự là ốm không dám ra ngồi ở bàn ăn cơm, sợ xa xít bà cụ hỏi không biết trả lời làm sao.

Loan nằm ngửa mặt lên, hai con mắt long lanh ngó trên trần nhà, vui theo chút kỷ niệm vừa nhắc. Rồi Loan quay lại tìm Thiện. Thiện cảm thấy rõ ràng có một áng sương vừa trôi tới trên gương mặt của Loan, hai con mắt không còn long lanh nữa. Loan nói:

– Thế mà đã xa rồi nhỉ? Bây giờ tôi đâu còn cái vui hồn nhiên nhẹ nhàng của hồi đó nữa...

Lần này Thiện có đủ bình tĩnh, để im lặng ngồi nghe, không vội đưa cái vẻ “hăng hái cứu vớt” ra. Loan nói tiếp:

– Tôi đã thành một người đàn bà cô độc, chứng kiến cái vui của thiên hạ nhiều hơn là hòa trộn vào. Anh cứ hỏi thăm mãi về chuyện chồng con của tôi. Tôi không muốn nói vì thấy anh lần nào cũng như sắp sửa ra tay cứu vãn, đưa đường chỉ nẻo, làm

như tôi tìm lại hạnh phúc được ngay tức khắc ấy...

Thiện đã hiểu tại sao và biết khôn khéo ngồi im.

– Thật tình tôi cũng định có dịp nào, chẳng hạn như hôm nay, nói chuyện đó với anh một lần. Nói mà không hy vọng gì cứu vãn cả, vì tôi biết không tài nào cứu vãn được nữa. Quả thật hồi đó tôi không yêu Khánh đến độ muốn lấy Khánh. Tôi nhận lời lấy Khánh chỉ vì thấy thương cái công theo đuổi của Khánh và cũng muốn thành gia thất cho xong đi. Cứ thấy mẹ tôi thấp thỏm trông đợi tôi sốt ruột quá, anh ạ. Tôi chỉ lỡ dại đã chọn một người chồng cùng nghề. Cuộc sống đôi cặp nào chẳng có những lúc va chạm, nhưng nghề nghiệp sẽ giúp những cơn giông mau tan đi. Đằng này hai đứa tôi lại đem chồng chất những va chạm nghề nghiệp vào những va chạm

gia đình. Địa ngục, anh ạ. Tôi cũng có thể bỏ nghề, cho bớt một phần, nhưng tôi lại thích tự do, không muốn chỉ là một người nội trợ sống vào những lợi tức của chồng. Cũng cần phải nói rằng tôi cũng yêu nghề nữa. Sau một năm trời sống chung, bao nhiêu những va chạm cộng lại, trong mắt tôi Khánh đã hóa thành một thứ thù nghịch, và tất nhiên Khánh nhìn tôi chắc cũng chẳng còn đẹp đẽ gì. Thế rồi Khánh đi, cả hai cùng thấy thoát nợ. Chỉ tiếc rằng vì muốn chiều ý gia đình, tội tôi chưa hề dứt khoát với nhau ngay từ hồi đó. Đến nay thì lỡ dở mất cả. Cũng may là cách biệt hẳn, ở gần, biết đâu chẳng kiếm dịp mà giết nhau cho khuất mắt. Gia sản cả hai bên cũng chẳng còn gì mà phải bận tâm vì những trói buộc vô lý. Đô, anh đã thấy rõ rằng tôi không nói ngoa khi tôi bảo rằng câu chuyện không đáng quan tâm nữa. Anh thì cứ đòi thu xếp với cứu vãn mãi.

Nghe Loan nói một thôi, Thiện đã lường được bề rộng của cái hố ngăn cách giữa Loan và Khánh. Thiện nén được không cãi với Loan về sợi dây ràng buộc thiêng liêng, và tê tái nghĩ rằng vô phương cứu vãn hạnh phúc cho Loan. Thiện ngó Loan và day dứt tự hỏi: Loan cứ phải khổ mãi như thế sao? Ngoài cái việc mà Thiện dự định: hàn gắn cuộc tình duyên giữa Loan và Khánh, không một giải pháp nào ở trong phạm vi khả năng của Thiện cả. Loan còn trẻ quá, tương lai còn dài mà đánh để phí hoài sau. Lần đầu tiên trong đời, Thiện nhận thấy riêng mình không đủ giải quyết những khúc mắc.

Loan cười tinh nghịch, nói một câu mà thêm bao nhiêu bối rối cho Thiện;

– Tôi chỉ còn trách anh tại sao lại bỏ đi tu. Hồi đó nghe My kể chuyện anh cũng

yêu tôi ghê lắm. Với anh không chừng đã chẳng nên nổi. . .

Thiện bất chợt chăm chú ngó một con muỗi khá to đậu từ lúc nào trên cánh tay của Loan để trần, duỗi dài bên mép giường. Cánh tay của Loan này nả như nặn bằng mỡ sữa, con muỗi thì no tròn mà còn cố cong cái đít mọng lên chúi đầu xuống hút máu. Thiện giơ tay đập mạnh con muỗi trên cánh tay Loan. Độ nóng của cơn sốt của Loan qua lòng bàn tay Thiện như một luồng điện mạnh. Con muỗi chết bẹp còn dính trên tay Thiện với một vệt máu đỏ tươi. Vệt máu đỏ gây một xúc động mãnh liệt trong đầu vị tu sĩ trẻ tuổi. Thiệu vụt xô ghế đứng lên, chẳng kịp chào hỏi Loan, hốt hải chạy ra cửa.

Ra tới sân, Thiện đưa bàn tay có dính con muỗi và vệt máu chùi vào vạt áo. Nghĩ sao Thiện lại vội túm lấy một chùm lá ở góc

cây trứng cá bên cổng hốt hoảng chùi tay.
Rồi Thiện đi miết ra mãi đầu phố, một tay
cứ phủi mãi vạt áo không biết có dính chút
máu nào không.

9. BƯỚM LẠ

NHẬT TIẾN

MỘT buổi chiều cuối năm, người ta dẫn nó vào trong viện. Nó đi ở giữa hai người cảnh binh. Mặt đen nhẻm, tóc nó xù lên như một mớ râu ngô rối. Nó bận một cái quần dài đen, một cái áo cánh nâu sánh ghét. Mắt nó to và sáng. Nó hau háu nhìn tất cả mọi người ngay từ lúc mới bước vào sân sỏi. Một người cảnh binh với nói bà Cécile:

– Chúng tôi xin gởi bà con bé này. Nó là một đứa ăn cắp.

Con bé vùng lên, tuột ra khỏi tay người rồi nó nhìn bà Cécile, liến thoắng:

– Cháu không ăn cắp. Người ta đánh rơi cháu nhặt.

Người cảnh binh kia nói:

– Đồ ranh con! Mày tưởng nói thế là ai cũng tin được à. Chính tao thấy tay mày thò vào túi người ta lấy cái bóp. Nhưng cái bóp bị gài kim băng nên mày không rút ra được.

Con bé cãi:

– Cái kim băng tuột ra rồi. Có tuột ra thì mới rơi xuống đất.

Người cảnh binh nói tiếp:

– Nếu hôm nay không là những ngày

cuối năm thì tao bỏ mày vào tủ, ranh con ạ!

Bà Cécile bây giờ mới nói:

– Nó tên là gì? Nó có cha mẹ gì không?

Con bé đáp ngay:

– Cháu tên là Cúc. Cháu mồ côi bố mẹ.

Một người cảnh binh hỏi:

– Mày mồ côi thì ai nuôi mày?

Cúc sừng sộ:

– Không ai nuôi thì tôi đi xin. Tôi đi xin chứ không ăn cắp.

– Thôi . . . thôi... không ai tin cái mặt mày. Phúc lắm mày mới được vào đây đấy, oắt con ạ.

Rồi ông ta quay lại nói với bà Cécile:

– Chúng tôi xin gửi Bà cho nó ở trong viện này.

Bà Cécile kéo nó về phía mình:

– Được rồi! Ở đây toàn là những đứa mồ côi như nó cả.

Lúc hai người cảnh binh ra rồi, con bé mới ngồi xuống một cái ghế xi măng gần đấy. Mắt nó thao láo nhìn hơn hai chục đứa trẻ từ nãy vẫn ngắm nó như một vật lạ. Bà Cécile nói:

– Ở đây thì con phải tập cho ngoan ngoãn, lễ phép. Nhất là không được quen thói ăn cắp. Ăn cắp xấu lắm.

Nó liến thoắng:

– Cháu không ăn cắp... người ta đánh rơi!...

Bà ta xua tay, đôi lông mày cau lại:

– Biết rồi, biết rồi! . . .

Mũi con bé bầu ra, rồi chột nó trùng

mắt gây sự với mấy đứa đang xì xào chỉ về phía nó. Ngay lúc ấy thì bà Hạnh đi ra, nói to:

– Tất cả xếp hàng vào. Đi tắm, ăn cơm rồi dự buổi lễ. Hôm nay bỏ giờ thủ công.

Bọn trẻ ủa về phía cuối sân. Chỉ còn một mình Cúc đứng tần ngần ở bờ cỏ. Nó nhìn vắn vơ lên những mái nhà ngói xám.

Thỉnh thoảng mắt nó liếc trộm về phía bà Hạnh và bà Cécile. Một lát nó được lời đi tắm. Các chị dưới nhà phát cho nó một bộ quần áo trắng và một cái áo dạ linh dài lụng thụng. Bây giờ nom nó lại càng thấp và nhỏ hơn nữa. Mặt mũi nó trông sáng sủa ra; đôi mắt như to hơn, cặp môi đỏ và mỏng. Lúc nó cười, hai hàm răng của nó trắng và nhỏ như răng chuột. Trong khi chờ đợi giờ ăn cơm, nó được thả vào giữa đám trẻ con lúc ấy đang chơi đùa trên sân gạch.

Cúc chỉ lên cây bàng nói với con Dung.

– Bàng chín không?

Dung ngây thơ ngược mắt lên nhìn nhưng không đáp. Cúc lại nói:

– Bàng chín mà đập ra lấy hạt, ăn ngon không chê được. Tên mày là gì?

Dung đáp:

– Dung!

– Vậy Dung, mày kiếm đá đi, tao ném cho mà ăn.

Dung sợ hãi:

– Các “Sơ” đánh chết!

– Tao ném giấu, các bà ấy không biết đâu.

Dung vùng lên chạy, miệng nó kêu lớn:

– Chịu thôi, không chơi!

Mặt Cúc nhăn lại, nó cắn nhả:

– Đồ hèn! Đồ hèn!..

Một lát nó sấn lại chỗ Phượng. Bọn này đang truyền với nhau quả bóng cao su trắng vân xanh. Cúc len vào một chỗ cạnh con Hồng. Nó chực reo lên theo lũ trẻ thì đột nhiên cả bọn cùng im bật. Con Hải giấu quả bóngra đằng sau, Cúc nhoẻn một nụ cười:

– Cho tao chơi với.

Con Hải toan tung quả bóng ra nhưng nom thấy con Dung nháy nó bằng mắt nên rút lại. Rồi Dung vùng lên chạy, nó hét to:

– Mình chơi chạy đuổi đi.

Cả bọn như một lũ khỉ bắt chước, chạy

ùa theo. Cúc bẽn lẽn đứng lại một mình. Nhưng đằng sau có một đứa ở nguyên chỗ cũ. Con Phượng. Hai đứa nhìn nhau. Chợt Cúc toét ra cười. Phượng cũng cười theo. Thế là hai đứa quen nhau. Cúc nói:

– Sao chúng nó khinh người thế?

Phượng đáp:

– Tại vì đằng ấy ăn cắp.

– Tao ăn cắp thì chúng nó mất gì?

– Nhưng ăn cắp xấu lắm. Mà có thật đằng ấy ăn cắp không?

Cúc gật đầu. Phượng tròn mắt:

– Đằng ấy không sợ à?

Cúc hỏi: – Sợ gì?

– Người ta đánh cho.

– Tao bé, người ta chỉ bợp mấy cái thôi.

– Ở đây mà ăn cắp thì chết đòn. Hôm nó con Nguyệt Nga hái trộm trái cây bị các bà ấy làm cho xấu hổ.

Cúc bĩu môi:

– Xấu đếch! Tao thì tao quen rồi. Nhưng mày đừng sợ, tao không lấy gì của mày đâu.

Phượng cười:

– Tao cũng chẳng có gì cho mày lấy cả.

Cúc định nói nữa thì bà Cécile đã huýt còi tập hợp. Phượng đứng cạnh Cúc. Hai đứa nắm tay nhau. Dung nói:

– Ê Phương! Mày bám đít nó làm gì thế?

Phương đỏ bừng mặt. Nó ấp úng:

– Việc gì tao phải bám đít ai?

– Thế tại sao mày không tẩy chay đồ ăn cắp?

Phương định rút tay ra khỏi bàn tay đen đui của bạn. Nhưng nghĩ thế nào, nó lại để yên. Nó ghét cái tính a dua của bọn con Hằng. Tất cả lặng lẽ đi vào phòng ăn. Hôm nay đặc biệt, bữa cơm có nhiều món. Trên mỗi bàn dài có một xoong củ cải luộc, hai tô lớn củ cải băm xào trứng, hai đĩa sườn rang mặn và một tô đựng chả rán gọi lá xương sông.

Bọn trẻ ngồi mười hai đứa một bàn. Đứa nào cũng dính mắt vào món chả. Tuy vậy chưa đứa nào dám cầm đũa vì còn

phải chờ bà Phước Nhân đi kiểm soát. Bà cụp lụp bước vào phòng ăn. Theo sau bà là mấy chị bên “san” số chín. Bà đứng ở cửa phòng. Cặp mắt sâu trũng của bà tấp thoảng sau cái kính đặt hững hờ trên sống mũi. Cả bọn đứng dậy. Bà làm dấu và chúng nó làm dấu theo. Lát sau, bà liếc mắt xuống mâm cơm, đầu gật gù:

– Chúng nó ngoan chứ?

Bà Cécile đáp:

– Thừa vâng!

Bà Nhân giơ tay lên:

– Các con ăn đi!

Như một bầy ong vỡ tổ, cún nó ủa lên khua bát, khua đĩa loạn xạ. Bà Phước Hòa nói to:

– Chả rán mỗi con được ăn ba miếng.
Để các chị chia xong mới được gấp.

Các chị lớn mặc áo xanh bắt đầu đi từng bàn chia chả. Ở phía sát tường, con Thu là đứa cuối cùng chỉ được có hai miếng...

Chị Sửu nói:

– Thừa ma Soeur ở đây thiếu một miếng.

Bà Hòa bước lại gần:

– Không thể lạ lòng như thế. Tôi đã kiểm lại rồi.

Bà Cécile cũng bước lại gần.. Bà nhìn khắp từng đứa một. Mắt bà dừng trên cái mồm lúng búng của con Cúc. Bà vội giơ bàn tay ra bóp mạnh vào mồm nó. Miệng

Cúc mím chặt thêm. Lập tức bà tát thật mạnh. Có một miếng văng ra tận đầu bàn. Một miếng củ cải. Bà Cécile giận dữ:

– Chính mày! Đồ ăn cắp!

Cúc nói to:

– Cháu không ăn chả. Cháu chỉ ăn một miếng củ cải.

Bà Hòa nói:

– Không ai ăn như thế cả, khi chưa có lệnh ăn.

– Nhưng cháu không ăn chả, còn củ cải thiếu gì?

Bà Cécile nắm vai áo của nó xách lên:

– Đừng có cãi, hãy đứng dậy và đi ra ngoài!

Cúc bỏ bàn ăn đứng dậy. Phượng lưu luyến cầm lấy vai áo của nó và nhìn theo cho tới lúc nó đi ra tới cửa phòng. Bà Hòa ở lại nói to:

– Thôi, bắt đầu ăn đi, và tất cả đừng quên rằng ăn vụng cũng xấu như ăn cắp.

Bọn trẻ vục bát cơm vào những cái tô lớn. Chúng ăn ngấu nghiến. Cái đói làm chúng quên ngay câu chuyện vừa xảy ra. Nhưng Phượng lại cứ băn khoăn mãi. Nó nói nhỏ với mấy đứa ngồi bên cạnh:

– Tao đổi phần chuối tráng miệng lấy một miếng chả, có đứa nào đổi không?

Hai, ba đứa thì ào:

– Tao.

– Tao.

Phượng gấp phần chả của mình vào bát con Hồng, con Thu và con Rô-Giét. Nó nói:

– Chốc nữa dầu phần chuối vào cặp quần rồi trả tao nghe không?

Sau bữa cơm, khi trở lên phòng học, Phương thấy Cúc bị quỳ ở đầu hành lang. Bọn trẻ đi qua nó một cách yên lặng, Phượng tụt lại sau cùng. Nó khẽ gọi:

– Cúc.

Cúc quay lại nhoẻn miệng ra cười. Phượng hỏi:

– Thế nào?

– Bà ấy bắt tao nhận thì cho ăn cơm nhưng tao không chịu. Tao không ăn vụng miếng chả ấy.

Phượng nói:

– Tao biết. Nếu mày ăn thì mày đã nhận rồi. Giây lâu nó tiếp:

– Chắc bọn con Hằng. Chúng nó hèn lắm. Nhưng thôi cần gì. Tao đã để giành chuối cho mày. Tí nữa đi ngủ tao lấy cho mà ăn. Ba miếng chả tao đổi được ba quả chuối.

Cúc nắm chặt lấy tay Phượng. Hai đứa im lặng nhìn nhau. Ngọn đèn ngoài sân chiếu chếch qua mái hiên soi vào hai con mắt long lanh của Phượng. Dây hành lang mờ ánh sáng vàng úa. Bóng hai đứa in lên nẹp tường vôi. Cúc hỏi:

– Tên mày là gì?

– Phượng.

Cúc lẩm bẩm:

– Ở đây tao chỉ thích chơi với một mình mày.

Có tiếng giày của các bà phước gõ lách cách trên sàn đá hoa trắng. Phượng đứng vụt dậy nói nhanh:

– Tí nữa ngủ với tao nghe không!

Cúc im lặng gật đầu. Một lát bà Cécile tiến lại với bóng dáng to lớn át cả bóng nó dưới ánh đèn. Bà ấy cất tiếng:

– Thôi cho đứng dậy. Lần này hãy tạm phạt như thế.

Cúc bật dậy như cái lò so và nó co chân chực chạy về phía phòng. Nhưng bà Cécile đã hét lên:

– Cúc.!...

Cúc dừng lại. Nó ngơ ngác nhìn. Bà ta nói:

– Lậy Chúa tôi, không có đứa trẻ nào tai ác như mày. Ai cho mày đi mà mày đã chực chạy. Phải nhớ rằng mỗi lần được tha lỗi thì phải khoanh tay cảm ơn đã.

Cúc định khoanh tay lên ngực thì bà vùng vằng bỏ đi, khiến nó ngơ ngác. Đến giờ đi ngủ, bà Cécile đứng ở đầu phòng đông dặc:

– Tất cả vào chỗ.

Bọn trẻ đang nói chuyện rào rào vội vàng im lặng và lẳng lặng quỳ xuống thành một dãy dài. Bà ta bắt đầu đọc:

– Nhân danh cha và con và Thánh Thần A-men!

Bọn trẻ ê a đọc theo. Cúc trố mắt ra nhìn. Bây giờ thì nó được tự do ngắm bà Cécile từ đầu đến chân. Đầu bà cúi xuống cặp mắt hơi khép lại. Mũi bà cao và thẳng. Miệng bà rộng huếch, thỉnh thoảng há ra. Cúc nom thấy hàm răng của bà lổn nhổn cái to cái nhỏ mọc rời rạc như một cái hàng rào xiêu vẹo. Đột nhiên Cúc che tay lên miệng cười. Con Phượng sợ hãi thò chân ra đẩy vào đùi nó. Mắt bà Cécile vụt quắc lên. Hai đứa vội ngậy người như pho tượng đất.

Một lát sau bà Cécile đứng dậy. Bà nhìn bọn trẻ một cách nghiêm khắc trong khi chúng nó lảng lạng về đứng ở mỗi chân giường. Phượng rụt rè nói:

– Thưa ma sœur xin phép ma sœur cho Cúc nằm với con.

Bà ta nhìn suốt lượt căn phòng rồi nói:

– Tạm thời như thế. Nhưng cấm nói chuyện trong chăn.

Đèn trong phòng phụt tắt. Có tiếng giầy của bà gõ nhẹ trên trên nền gạch. Bọn trẻ lục tục chui vào mùng. Căn phòng mờ soi dầy giường sắt xếp song song chạy dài xuống mái cuois dầy. Gió ở ngoài sân lùa vào, gõ lịch kịch trên kính cửa sen vói tiếng thì thảo nói chuyện của lũ trẻ. Thỉnh thoảng có đứa cười khúc khích. Nằm được một lát, Cúc vùng dậy, Phượng hỏi:

– Mày đi đâu?

Nó đáp:

– Không, tao ở đây

Vừa đáp nó vừa chui ra khỏi màn nói to:

– Hồi chiều đứa nào ăn vụng miếng chả?

Bọn trẻ choàng dậy thò đầu ra lỗ nhó.
Cúc nói tiếp:

– Ăn vụng mà không nói ra là đồ hèn.

Một đứa kêu:

– Tao mách “sơ” là mày phá rồi trật tự.

Cúc dẫu mồm lên:

– Tao có sợ đếch tao đây này!

– A con Cúc nói bậy! Ngày mai tao sẽ nhắc lại với bà Hạnh.

– Im đi! Đồ ranh con!... Tao biết đứa nào xấu thói rồi.

Một đứa khác:

– Biết thì nói thử coi.

– Tao không nói được. Vì tao không bắt được quả tang. Nó sẽ chối! Nhưng nó chối thì xuống âm ty quỷ sứ bắt nó leo cầu vồng.

– Đồ quỷ! Chỗ này có Chúa, đừng ăn nói láo!

– Chẳng có Chúa nào ở đây hết. Chỉ có một lũ khỉ a dau!

Cả bọn ồ lên. Chúng nó tức giận bạt tất cả dậy. Một đứa nói:

– Tao đi mách bà phước Hạnh.

Đứa khác thò tay lên cái núm đèn vặn mạnh. Ánh sáng bùng lên khiến chúng nó

nheo mắt lại. Nhiều đứa sợ hãi chui tọt vào màn, nằm đắp chăn kín mít. Phượng nói:

– Tắt đèn đi không thì phải đèn cả lũ bây giờ!

Nhưng không ai làm việc ấy cả. Ánh sang chói lọi vẫn hắt qua khung cửa sổ soi rõ một dãy hành lang. Ngay lúc ấy có tiếng chân rồn rập chạy từ xa lại. Rồi có giọng bà Hạnh run lên vì giận dữ:

– Đứa nào? Đứa nào thế?

Chỉ trong một chớp bà đã hiện ra ở cửa phòng. Bà nhìn ngay về phía giường Cúc và Phượng trước tiên:

– À! Con quý dữ này. Bay định phá phách cái gì ở đây? Vừa nói bà vừa xăm xăm tiến lại.

Cúc nói ngay:

– Cháu không bật Cháu chỉ đứng ở đây thôi.

– Ai cho mày đứng đây? Ai cho mày đứng đây?

Bàn tay của bà túm lấy áo nó. Nó rầy rụa:

– Buông tôi ra! Buông tôi ra!

Bà Hạnh tát xéo vào má con bé. Nó ôm lấy đầu chu treó:

– Ăn hiếp! Ăn hiếp người ta.

Ở phía ngoài ba bốn bà nữa chạy vào. Cúc vùng ra đứng trôn trôn ở cuối phòng. Bà Hạnh giơ hai tay lên che kín bộ mặt xám ngoét. Bà Cécile hỏi với giọng hốt hoảng:

– Cái gì? Cái gì thế?

Tất cả không có ai lên tiếng trả lời. Bà ta tiến lại gần Cúc, nâng cằm nó lên dịu dàng:

– Con đã làm gì ở đây?

Cúc đáp:

– Con không làm gì hết!..

Bà ta quắc mắt:

– Không được chối!...Ở đây không có ai được nói dối cả!

Cúc nói vội:

– Có.

Giọng bà Cécile nói như quát:

– Ai?

– Đứa ăn vụng chả!

– Đứa nào?

– Con không biết!

Hai tay bà Cécile giơ lên trời. Đầu bà lắc lia lịa. Coi bộ bà đã hết chịu nổi cái ngang bướng của con ranh con. Bà quay phắt lại trút cái giận dữ lên đám trẻ:

– Chui vào màn! Đi ngủ hết!

Cả bọn thụt vào như một lũ chuột. Có tiếng chân bà Hạnh bước nặng nề ra ngoài. Cúc cũng rón rén đi lại phía giường. Nó sợ cặp mắt sắc như dao của bà Cécile. Chờ một lát cho chúng nằm yên, bà Cécile lẳng lặng tắt đèn rồi đi ra sau khi đe dọa một câu:

– Hãy ngủ yên và chờ đến sáng ngày mai.

Trong cả bọn không ai nghe thấy một đứa nào của mình. Câu chuyện xảy ra thật là ghê gớm như chưa có bao giờ có như vậy.

Nằm một lát nghe chừng đã yên tĩnh, Phượng ghé vào tai Cúc thì thào:

– Mày liều lĩnh quá. Ngày mai phải xin lỗi bà ấy đi.

Cúc nằm im. Phượng lại tiếp:

– Phải xin lỗi mới được. Nếu không sẽ không có ai rửa tội cho mày.

Cúc hỏi:

– Chuối đâu?

Phượng lừa tay xuống gối, lần ra bốn quả đặt lên ngực Cúc. Cúc bóc ăn ngấu nghiến. Một lát nó nói lúng túng:

– Chuối của mày nấu rồi!. Tao vớt vỏ ở đâu?

Phượng sợ hãi:

– Tao cũng không biết.

Cúc nhồm dậy. Nó quăng mấy cái vỏ chuối lên đỉnh màn.

*

Sáng hôm sau, Cúc nghe Phượng, khoanh tay tiến lại trước mặt bà Nhân. Lúc ấy có đông đủ các bà ở trong phòng giấy. Nó nói đồng dục:

– Thưa mẹ, con xin lỗi mẹ.

Bà Nhân nhìn nó chăm chú giây lâu và nói:

– Lần này tuy tha cho, nhưng cũng phải phạt nhẹ để làm gương. Có sœur nào cho nó việc làm không?

Bà Félicité nói:

– Vậy con xin để cho nó ra đằng sau chuyển nước tưới vườn. Hôm nay cô Gi-ang ốm.

Mấy bà cùng tán thành. Bà Félicité nói với nó:

– Bây giờ con đi theo ta. Sẽ có cái xô nhỏ đủ sức con mang được.

Cúc lăm lăm đi ra. Nó theo bà ta đi qua những dãy nhà quét vôi xám. Hai người dừng lại ở cạnh một bể nước lớn trông ra

một cái vườn hoa đủ màu. Phía bên kia là một cánh cửa sắt mở ra đường phố. Nắng sớm trải nhẹ trên những lùm cây. Thấp thoáng trên dãy hàng hiên có những bóng áo trắng của các bà phước đi lại. Bà Félicité trao cho Cúc một tấm vải choàng và một cái thùng nhỏ. Nó vặn nước ở bể vào đây rồi xách qua những luống hoa. Cúc có vẻ thú vị với công việc ấy. Vừa làm nó vừa nhớn nhó giữa những bông hồng tía, bông cúc vàng và những cánh huệ trắng muốt.

Lúc nắng lên cao thì hai người đã tưới xong già nửa khu vườn. Bà Félicité ra hiệu cho nó nghỉ tay rồi bà khoan thai bước về phía nhà bếp. Cúc ngồi một mình ở thành bể nước. Nó lơ lảo nhìn ra chung quanh. Khung cảnh rộng rãi và tĩnh mịch làm nó nhớ đến con Phượng. Nó đứng dậy và tiến lại một căn nhà gần đấy. Đó là một

cái kho chứa những đồ đạc làm vườn.

Cúc thấy mặt đất ngổn ngang nhưng chậu sành, bình sứ và những sọt tre đựng đất trồng hoa. Hồi này vào dịp tết, chắc các bà sœur chuẩn bị mang hoa ra cho các chị lớn đem bán ngoài chợ tết. Cúc thấy tiếc những bông hoa đẹp. Nó chợt có ý nghĩ đi xới một khóm hồng đem trồng giấu ở cuối sân đằng trước.

Nó và Phượng sẽ chơi chung với nhau. Nghĩ thế Cúc hăm hở đi men vào sát tường. Nó xoắn tay vào tận trong vớ lấy cái cuốc. Nhưng cái cuốc nặng quá, xơ rớ thế nào mà bị văng ra khỏi bàn tay bé nhỏ của nó. Một tiếng động chát chúa vang lên và hai cái chậu sành gần đó bị vỡ tan rathành từng mảnh. Có tiếng bà Hòa quát lên ở phía hàng hiên nhìn xuống:

– Cái gì thế? Con Cúc đâu rồi?

Cúc sợ hãi vùng lên chạy. Nó băng qua những luống hoa. Cúc nghĩ đến Phượng nhưng nó không ngoái cổ lại. Trước mặt nó là thành phố quen thuộc ồn ào. Nó nghe tiếng các chị lớn xôn xao và một bà hét lên lạnh lạnh:

– Con ăn cắp! Con ăn cắp!

Tai cúc như ù lên. Nó vội lách mình qua cánh cửa sắt.

Ở đằng sau mọi người đổ xô lại đứng lố nhố. Một lát bà Hạnh len vào. Giọng bà gay gắt:

– Đồ khốn! Biết ngay mà! Hãy kiểm điểm lại xem có mất gì không?

Một chị đáp:

– Thừa ma sœur mất một cái tạp-dề⁹
dùng để mặc khi tưới hoa.

*(“Bướm lạ” được trích từ chương 12 và 13
của truyện dài “Chuyện bé Phượng” của
Nhật Tiến do Huyền Trân
xuất bản năm 1964)*

⁹ tablier: tấm vải choàng ở phía trước ngực mỗi khi làm việc

10. MƯỜI NĂM SAU

NGUYỄN VĂN XUÂN

ĐÈN điện sáng trưng dội vào bốn bức tường xanh nhạt làm gian phòng trầm lặng trong một sự yên tĩnh nhẹ nhàng.

Cả gia đình ăn cơm quanh một chiếc bàn rộng kê giữa nhà. Ba ngồi ở đầu bàn, thong thả nhai và chậm rãi nói chuyện. Ba kể những việc ngộ nghĩnh đã xảy ra ở sở. Hai đứa con lớn Tùng và Hương ngồi cạnh nghe ba, đôi lúc cùng cất tiếng cười. Đứa

bé nhất đứng thẳng trên ghế lấy đôi đũa đập keng keng trên miệng chén, miệng bát. Người mẹ ngồi ghế bên cạnh luôn luôn thúc dục nó ăn và không ngớt gắp cá bỏ vào chén nó.

Ba chợt ngừng lên hỏi:

– Bé không ăn à? Con định đánh bản nhạc gì đấy?

Hương hóm hỉnh nói:

– Đánh nhạc thì có các nhạc sĩ. Còn nhiệm vụ của bé là ăn thì cứ ăn đi đã nào.

Bé bấu môi, gõ mãi vào chén không thềm đáp.

Mẹ vỗ vào lưng bé rất âu yếm:

– Không phải con tôi đánh nhạc đâu. Bé đang gõ xem thử nó đã làm rạn hết mấy cái chén rồi đấy.

Mẹ chợt dừng lại vì có tiếng gõ cửa rất gấp. Ba bảo:

– Tùng ra xem thử ai gõ cửa.

Tùng dạ, đứng lên và thoăn thoắt chạy đi. Ba lại tiếp tục câu chuyện lúc nãy, đến một đoạn thú vị khiến ba phải bật lên cười. Vừa lúc ấy Tùng vào, giơ cao một mảnh giấy xanh:

– Đố Bé cái gì?

Hương buột miệng kêu:

– Dây thép.

Ba nhìn theo tay Tùng, mặt trở nên băn khoăn. Ở nhà cũng vẫn nhận được dây thép. Nhưng ít khi có dây thép mang đến nhà trong giờ này. Quả ba đoán không sai. Trên dây thép có dán một mảnh giấy đỏ để chữ « gấp ».

Hương hỏi ba:

– Sao lại có mảnh giấy đỏ này, ba?

Quen giảng giải. Ba đáp:

– Dây thép có hai loại: vàng và xanh. Vàng là dây thép công, xanh dây thép tư. Nhưng trên vàng hay xanh mà cần đánh gấp thì phải dán mảnh giấy này. Như thế, người đánh phải chịu gấp hai tiền và người phụ trách nhận dây thép phải cho mang nó đi không kể bất cứ giờ nào.

Vừa nói, ba vừa thông thả và chậm rãi xé tí giấy chạy theo nếp rãnh ở cuối mảnh giấy xanh. Hình như ba đoán có sự gì không hay xảy ra. Cả nhà cũng hồi hộp nhìn theo ngón tay ba.

Ba đã xé xong lễ dây thép, mở rộng tờ giấy xanh và đưa mắt qua mấy dòng chữ. Thốt nhiên, mày ba hơi nhúu lại. Hình như có một phút ba ngăn người đi. Nhưng rồi ba lại lặng lẽ bỏ tấm giấy vào túi, thông thả ăn cơm.

Lần này chẳng ai còn chú ý đến bữa ăn. Nhưng không ai nói lời nào. Cả Bé nữa, hình như cũng đoán có việc gì khác thường nên ngoan ngoãn ngồi xuống ăn cơm.

Mãi mãi mẹ mới cất tiếng hỏi:

– Việc gì thế mình?

Ba hơi lưỡng lự:

– Có tin gọi của sở phải đi công tác bốn ngày.

– Đi thì đi, sao mình có vẻ lo lắng thế?

– Không. . .

Ba cố mím một nụ cười. Nhưng nụ cười mới héo hắt làm sao!

Sau bữa ăn, ba tự thu xếp một ít đồ đạc bỏ vào kệ da. Mẹ hỏi:

– Mình đi đâu bây giờ?

– Không, anh chuẩn bị để sáng mai đi chuyển tàu sớm.

Rồi ba đi nằm.

Lúc mẹ xuống nhà dưới, Tùng nghe ba thở dài rất lâu.

*

Ra đi hai ngày thì có một bức thư gửi về. Thư dài lắm. Thư không phải do nhà dây thép mà do một người lạ mang tới. Người ấy bảo ba thuê anh ta đưa thư đi và chờ lấy thư về. Mẹ hết sức ngạc nhiên. Liền xé thư ra xem. Mẹ đọc nhanh. Ngay từ những dòng đầu, hai tay mẹ đã run run. Rồi tay mẹ run trông thấy. Mẹ ném bức thư đi, nước mắt chảy dầm dề. Mẹ chạy tuốt vô buồng, bù lu bù loa khóc. Chưa bao giờ các con thấy mẹ chúng nó có những cử chỉ lạ lùng như thế. Mẹ vừa khóc, vừa đập lên gối, lên ngực. Một lát, mẹ lại vắt chiếc gối

xuống giường chạy ra nhặt bức thư, xé toẹt đi. Xong mẹ lại chạy vào nằm.

Người lạ mặt vẫn điềm tĩnh chờ đợi.
Mẹ xằng giọng bảo:

– Tôi không hơi sức nào mà trả lời.
Thôi, anh về đi.

Trưa hôm ấy, mẹ không ăn cơm. Nhà buồn như có tang. Mãi chiều, mẹ mới rời khỏi giường đi ra ngoài. Thấy người lạ mặt vẫn còn ngồi yên chỗ cũ, mẹ thở dài hỏi:

– Anh chưa về à?

– Thấy dạng thế nào cũng phải chờ thư phúc đáp rồi hãy về.

Không biết mẹ nghĩ sao lại viết cho ba một lá thư. Lúc người ấy đi rồi, mẹ lại gục đầu xuống bàn, hai vai run rẩy.

Chiều hôm ấy, ăn cơm xong, Hương gọi Tùng ra trước hiên nói nhỏ:

– Em có biết việc gì xảy ra không?

– Không.

– Việc đau đớn thế mà em không biết gì ư?

– Không, chị nói em cho nghe với.

– Ba có yêu một người nào đó, đã có con với người ta.

– Ba!

– Ủ. Bây giờ người ta sắp chết, gọi là đến nhận đứa con.

Cả hai chị em thẫn thờ nhìn nhau.

Tối hôm ấy ba về. Hình như ba cố ý chọn buổi tối đi về. Không ai thấy ba thập thò nhìn qua cửa kính một lúc rất lâu, trước khi quyết định bước vào. Cả nhà đang ăn

cơm. Người mẹ ngồi chống đũa trên chén. Tùng và Hương ăn mới chậm làm sao. Bé thì cứ ngồi nhìn mẹ nó.

Thấy ba, Tùng reo lên mừng rỡ. Mẹ không ngừng lên. Ba không về một mình. Theo sau ba, một thằng bé có vẻ rất bỡ ngỡ đang vè vành mũ trong tay. Mặt ba hơi xanh và gầy đi nhiều lắm. Đứa bé ăn mặc những áo quần đã quá cũ và đi chân không. Ba ngượng nghịu bảo:

– Con chào mẹ đi.

Nó ngần ngại dỡ chiếc mũ dạ cũ, để lộ ra một bộ mặt bé con, nhưng mà một thứ bé con không được mũm mĩm, không dễ yêu như hai chị em chờ đợi. Nó lắp bắp thưa:

– Thưa... Mẹ.

Ba lại bảo:

– Con chào anh chị đi.

Mẹ đang cúi đầu, bỗng ngẩng lên, nhắc lại hai tiếng “anh chị” ba vừa buông ra một cách kỳ quái, kèm theo tiếng cười thật chua chát rồi đi vào. Ba nhú mày, có vẻ rất suy nghĩ rồi theo mẹ vào phòng trong. Hình như mẹ tức uất quá đi. Mẹ nói không ra tiếng. Mẹ đập thùm thụp trên ngực, xé một mảnh vải và thút thít khóc. Ba dỗ, nói những lời rất ngọt, rất cảm động. Mãi lát sau, ba lại dắt mẹ ra. Tóc mẹ rối bù, mới được vén lên qua loa. Mẹ đến ngồi phịch trên ghế, con mắt thần thờ nhìn thẳng, hình như chẳng muốn ngó một vật gì. Ba bảo đứa bé:

– Con đừng lo sợ gì cả, con về đây thì nhà này là gia đình con. Chị Hương, anh Tùng, anh Bé đều là máu mủ con. Mẹ và ba bao giờ cũng sẵn sóc cho con chu đáo. Chị Hương lấy chén và đĩa cho em Lưu ăn cơm với nhé.

Hương loay hoay nhìn mẹ rồi mới đứng lên lấy chén đĩa đem đặt trước mặt Lưu. Mọi người lại tiếp tục ăn cơm. Ăn xong ba bảo Tùng:

– Lấy cho ba cái sơ mi xanh và các quần cụt của con.

Tùng lấy ra, ba bảo Lưu đi tắm rồi thay áo quần. Trước khi đi ngủ, ba gọi hết các con vào phòng trong. Ba ngồi cạnh mẹ, các con đứng bên ba. Ba thông thả nói:

– Trước hết, ba xin lỗi mẹ con và các con. Ba đã làm một việc ngoài ý muốn của người cha đứng đắn có trách nhiệm đối với gia đình. Nhưng quả tình đây là một việc xảy ra trong một trường hợp rất đau đớn ... Ba kể lại lúc ba đi tản cư một mình (vì lúc ấy, ba có công tác ở xa thành phố). Ba về ở vùng quê không một ai thân thuộc và bị sốt rét rất nặng. Một người đàn bà đã giúp ba, săn sóc cho ba. Sự chung đụng gây nên

những cảm tình mà ba cố tránh. Nhưng hơn một năm sau, không được tin tức gì của gia đình mà ba cũng không hy vọng gì trở lại thành phố nữa, thì cảm tình đã biến thành tình yêu. Ba đã nói dối người đàn bà đó là ba chưa có vợ con gì cả. Người ấy vốn chất phác, sẵn lòng tin ba, thuận lấy ba, rồi mấy tháng sau có mang rồi đẻ ra Lưu. Năm sau, ba được tin gia đình còn ở trong thành, vợ vẫn ở vậy thờ chồng nuôi con. Ba quyết định trở về thành vì thực ra, ba thấy ba kiệt sức lắm rồi. Ba tìm đến một chỗ khá an toàn, đưa thư về mẹ Lưu bảo trong ba ngày phải đến chỗ hẹn để cùng về thành một thể. Ba ngày, ba không được tin tức gì, liền vội vã đi ngay một mình. Thế rồi băng đi từ ấy tới giờ. Cho đến khi ba được cái dây thép đau đớn báo tin người đàn bà xấu số, không chống nổi chứng đau tim, đã chết đi với một bức thư trong túi.

Thư ấy nói rằng người ấy vẫn một lòng yêu ba, nhưng cũng không bao giờ chờ đợi ba trở lại. Người ấy không muốn làm tan nát gia đình ba. Nhưng bây giờ thì chứng bệnh nguy kịch đang vò xé cơ thể và chỉ chục cướp người ấy khỏi bàn tay âu yếm của giọt máu rơi...

Ba nói đến đây, tự nhiên òa lên khóc. Các con ba cũng cảm động. Hương hai tay ôm mặt. Mẹ cúi gập đầu xuống, một tay đè lên ngực như để ngăn một tiếng đổ vỡ tự tâm can...

✱

Mẹ không phải người xấu. Nếu là hạng không ra gì, ăn xổi ở thì, thì trong mấy năm vắng bật tin chồng, đôi má còn hơi hồng thanh xuân, mẹ rất có thể bước đi bước nữa. Nhưng mẹ chỉ vui lòng với số phận, âm thầm chịu đựng. đem hết tâm lực làm việc nuôi con. Mẹ có thể ở vậy suốt đời thờ

chồng, gây dựng gia đình nếu không may ba chết đi. Nhưng mẹ cũng không thể dễ dàng dung thứ một người chồng mới xa vợ con trong một thời gian đã phạm một lỗi lầm như thế. Đối với mẹ, mẹ sẵn sàng hy sinh hết, ăn đói, mặc rách để cho chồng con no ấm. Nhưng mẹ cũng không muốn nhường tình thương yêu chồng con mình cho một người nào khác mẹ.

Biết tính mẹ như thế nên ba không muốn mở miệng kể lại chuyện xưa. Nào ai có khảo mà mình lại xưng, Tuy thế, ngày nay sự thể đã đến thế này, trước tiếng gọi tha thiết của một thứ tình thương yêu cao quý và đầy trách nhiệm, ba không thể cho phép mình được nhu nhược. Ba có một đứa con. Ba không thể để nó đi phiêu lưu trong xã hội, biến đứa bé vô tội thành một thứ côn đồ.

Vả chăng, người đàn bà có thể mang sự

bất hạnh đến cho gia đình ba đã chết rồi. Giữa người ấy và ba, ngoài sự hối hận của người còn sống, thì còn có điều gì phải lo ngại? Còn thằng Lưu nó có tội gì đâu?

Ấy, mẹ rất có thể nghĩ như thế. Và ba cũng từng giảng giải cho mẹ nghĩ như thế. Nhưng lòng mẹ vẫn ảm ức, đau khổ bức rức. Mẹ không thể thương xót nó, không muốn hỏi han, thân thiện gì với nó. Sự có mặt của nó trong gia đình, đối với mẹ gần như cái gai trước mắt.

Nhưng Hương thì dần dần có cảm tình với Lưu. Ban đầu nó thấy Lưu thô thiển. Tình chị em một máu mủ đã len lỏi vào tâm hồn nó bằng những cảm giác thương yêu mới mẻ. Trên khuôn mặt yên lặng và nhẵn nại của Lưu, nó nhận thấy những nét thông minh long lanh trong khóe mắt. Và trên những nét thiếu diu dàng kia tỏa ra một thứ gì rất chân thật gần như rắn rỏi.

Hương không dám tỏ ra ăn cần quá với Lưu trước mặt mẹ. Vì một hôm, đi học về, Hương đưa cho Lưu một nắm kẹo, đã bị mẹ mắng:

– Tiền đâu mà mua kẹo?

– Tiền mẹ cho.

– Tao cho mà liền để mà mua sách vở, chứ có phải để mua kẹo cho ngũ ấy à?

Mẹ giận dữ, xỉa xói vào mặt Hương như chưa bao giờ Hương từng thấy. Mẹ lại quát:

– Từ nay này liệu lấy mà xin tiền.

Nhưng Hương vẫn thương Lưu. Những khi vắng mẹ,

Hương mua giấu kẹo cho em. Lưu ghen ngào nói:

– Chị đừng cho em, mợ giận.

Nó không thể gọi mẹ. Hình như trong tâm hồn bé bỏng ấy, nó có cảm giác một cách mơ hồ tiếng mẹ chỉ nên dành để gọi người mẹ đẻ ra nó. Hương cũng thoáng hiểu như thế và Hương càng thêm thương hại nó.

Tùng thì lại mến nó một cách khác. Trước hết, nó ngộ nghĩnh như lũ bạn Tùng. Nó nói cái gì cũng suy nghĩ và hiểu điều mình nói. Nó lại có vẻ nhún nhường và sẵn sàng giúp đỡ mọi người. Tùng cũng hay cười về những sự vụng về ngớ ngẩn của nó.

Như một hôm, máy vô tuyến điện đặt trên bàn đang mở, có tiếng ca inh ỏi phát ra. Tùng bực mình vặn nút, tiếng ca im bật. Lưu giật mình bảo:

– Anh vặn ngang thế, người ta đang hát bị khóa miệng lại có tức tối không?

Tùng cười.

Thật ra, rất nhiều cái làm nó ngạc nhiên. Nó có thể tiếc từ cái lon sữa bò uống xong vất vào giỏ rác. Nó có thể lè lưỡi khi thấy người ta cho chó ăn cơm trắng với nước thịt trong cái đĩa bàn trắng nuốt.

Ở quê nó, đám giỗ nhà sang cũng không được như thế.

Nhưng, một điều Tùng cũng không dám khinh thường nó. Ấy là sự thông minh ngấm ngấm của nó và sức chịu đựng dẻo dai của nó. Những cái nó không biết, chỉ cần giảng giải qua mấy lần là nó biết. Khi biết, nó không tỏ ra vẻ hấp tấp mà lại cẩn thận chăm chú soát xét lại sự hiểu biết

của mình. Nó có một sức mạnh khó hiểu. Có một lần, Tùng chơi nghịch một sợi dây điện nhỏ bị giật. Tùng kén lên một tiếng hốt hoảng. Nó ngạc nhiên, đưa tay vào sờ chỗ Tùng bị giật, nhưng chỉ rút tay lại một cách bình tĩnh; rồi lại nó thản nhiên sờ lại

mấy lần để thử xem cái cảm giác ấy thực hay giả. Lúc đã chắc dây điện có sức hút lạ như vậy, nó nhờ chị Hương giảng giải cho nó hiểu.

Chính sự thông minh, bình tĩnh của nó làm mẹ thêm khó chịu đối với nó. Một lần, ba lờ buột miệng nói:

– Thằng này thế mà học giỏi hơn thằng Tùng cho xem.

Tức thì mẹ tru tréo lên. Mẹ nói, mặt không giấu một rung động bực tức, hằn học:

– Phải, nó thông minh, tôi biết. Con tôi làm sao khôn bằng con người ta.

Ba dịu giọng nói:

– Tôi nói đùa thế, sao mình lại khó chịu.

– Phải, tôi bao giờ cũng khó chịu nếu

tôi mà dễ chịu thì đâu có những chuyện ngang trái!

Càng ngày, những nỗi bức dọc càng xâm chiếm tâm hồn mẹ. Những câu nói nặng nề “nở” ra một cách gằn như không ai chờ đợi.

Những lúc cơn giận mẹ nổi lên, ba lại hết sức dùng giọng ngọt ngào dỗ dành, an ủi. Ba phải khó khăn lắm mới gây lại được một không khí bình thường. Trước trường hợp gay cấn, Lưu cảm thấy sự có mặt của nó thật đau đớn. Nó hiểu hết. Nó hiểu chính nó đã gây nên bất hòa kia, chính nó đã làm cho người đàn bà có vẻ dịu dàng trở nên gay gắt, nhìn nó với đôi mắt gằn như oán hận.

Nó luôn luôn nhớ mẹ nó. Vẻ mặt mẹ nó không có màu da bóng loáng, đôi mắt đen thăm thẳm và đôi môi tươi sáng đỏ. Nhưng bên trong một sự hiền từ, một sức

chịu đựng tỏa ra từ khuôn mặt điềm đạm với đôi mắt như tin cần mọi người, đôi mắt sẵn sàng để hiểu lẽ phải, để tha thứ, để âu yếm, để xót thương. Nó nhớ những lúc mẹ đặt tay lên tóc nó, vuốt ve và nói với nó bao nhiêu lời ngọt ngào âu yếm. . .

Nó không muốn khóc, tuy mắt nó đã mờ những lệ. Nó cố giữ những tiếng nghẹn ngào chỉ chực trào ra.

Cho đến nửa đêm, lúc mọi người đã ngủ yên, nó mới len lén ngồi lên gục đầu trên cửa sổ mà khóc. Nó mong mẹ nó nghe tiếng ầm ục của nó từ tim phổi phát ra. Nó biết không bao giờ mẹ nó về. Nó đã thấy cái đồng đất khủng khiếp kia từ từ đổ lên cái hòm bằng gỗ giam kín mẹ nó trong đó. Đất cứ đổ lên để chia biệt hẳn tình thương yêu mẹ con nó, chôn trong sâu thẳm những cái gì gọi là “tấm lòng” của đứa con. Nó khẽ kêu lên:

– Mẹ! Mẹ!

Chợt có bàn tay nào nhẹ nhàng đặt trên vai. Nó giật mình quay lại và biết ngay là ba nó. Nó gục đầu trong tay ba nó. Hai cha con ôm chặt lấy nhau. Ba nói:

– Ba không bao giờ hắt hủi con đâu. Mà ba cũng không bao giờ chịu nhìn thấy con khổ sở thế này đâu.

✱

Nhưng. ba nó lắm. Ngọn lửa đang cháy, ba nó chỉ hắt thêm dầu vào. Mẹ nó đang có ác cảm với Lưu, nếu ba khôn khéo thì chỉ nên có thái độ dè dặt, kiên trì giảng giải cho mẹ hiểu. Đằng này, ba đã trở nên bực tức và một đôi lần còn gây gổ với mẹ:

– Tôi nói là thằng bé này không có tội gì cả. Tất cả tội lỗi là do tôi gây nên... Tôi đã lừa dối phá hoại đời một người đàn bà. Tòa án đáng lẽ phải xử tội tôi, dư luận phải cấu

xé tôi. Được. Mợ có quyền đổ hết cảm thù lên người tôi. Nhưng đối với thằng Lưu, mợ thử nghĩ nó có tội tình gì?

Mặt ba tái mét. Con giận hay lôi kéo vào sự giận thêm, ba tiếp:

– Tôi không ngờ mợ có bụng nhỏ nhen, hẹp hòi như thế. Tại sao mợ rẻ rúng một đứa bé chẳng hiểu gì về cuộc đời, lại mỗ côi mẹ giữa lúc miệng còn hôi sữa? Mợ phải biết: con nhờ phước mẹ. Con mợ nhờ cái phước nào của mẹ nó?

Mặt ba tái mét. Mặt mẹ tái mét. Mẹ ngồi phắt lên, nói như hét:

– Phải, tôi là thử người độc ác, hèn mạt. Tôi là thứ đàn bà vô phước!

Cuộc cãi vã kéo dài, không ai buồn nghe ai. Ai cũng muốn thấy lẽ phải về phần mình. Mặt mẹ đã sưng lên, rằng mẹ nghiêng lại, tóc mẹ bỏ lỏng xuống, phủ đầy hai vai.

Những cuộc xung đột đau đớn như thế hay trở lại khi trong nhà không có một người chịu nhún mình, đặt hạnh phúc gia đình lên trên để tìm cách giải quyết ổn thỏa. Thật không khí tẻ lạnh bao phủ. Lũ con không còn tiếng cười thả thính, sáng khoái. Tiếng hát trong máy vô tuyến điện cũng trở nên ồn ào, nhức óc. Mỗi người theo những ý nghĩ riêng.

Ba nhớ lại những hành động lỗi lầm đáng trách của mình. Mẹ thấy chồng âu yếm Lưu thì cay đắng nghĩ những lúc chồng âu yếm mẹ nó như thế nào. Hương ngấm ngấm xót thương và muốn chia bớt nỗi khổ tâm của Lưu. Lưu thì hoàn toàn thất vọng. Nó thấy nó mất hết những ngày êm đềm, cần thiết cho tuổi thơ của nó. Nó hiểu chính nó mới gỡ được những thảm kịch trong gia đình cha nó. Với tâm hồn đơn giản mà cương quyết, không sợ khổ, không ngại khó khăn, nó không chịu để

hoàn cảnh lôi cuốn nó đi đâu thì đi như con vật ngu dại. Nó có những sự suy nghĩ cần thiết và còn can đảm để đối phó và giải quyết tình thế.

Một hôm, ba về, tự nhiên cảm thấy như thiếu một cái gì. Ba gọi Lưu không thấy thừa. Ba gọi Tùng, gọi Hương cũng vắng bật. Ba tìm mẹ, thấy mẹ đang nằm trong giường hai tay mở rộng, mắt nhắm nghiền lại, ba lo lắng hỏi:

– Thăng Lưu đâu rồi?

Hai lần, mẹ mới đáp:

– Tôi có giữ nó đâu mà biết.

Bực dọc, ba ra ngoài, gọi đứa ở hỏi:

– Chị Hương, anh Tùng đi đâu?

– Dạ, đi kiếm anh Lưu.

– Thế Lưu đi đâu?

– Dạ, con không biết.

Ba đoán có những điều gì đã xảy ra, nhưng không tiện hỏi đứa ở. Ba hần học đi, lại trước hiên. Lát sau, hai chị em Hương về.

– Thằng Lưu đi đâu?

Hương buồn rầu đáp:

– Con đi kiếm khắp phố mà vẫn không thấy.

Ba lập tức lên xe đạp đi tìm. Tối ấy, cơm dọn để đó không ai động đậy. Đến chín giờ, ba vẫn chưa về. Hương cho Bé ăn cơm xong, ru cho Bé ngủ. Mãi mười giờ, ba về, mặt buồn rĩ rượi. Ba thông thả lại ngồi chỗ bàn ăn, uể oải nuốt năm ba miếng để các con ăn theo, xong lại ghé vãi nằm. Lát sau, ba lại đứng lên, lấy xe đạp định đi. Mẹ dần lấy xe:

– Bây giờ mà mình còn đi đâu?

Ba sảng giọng:

– Tôi đi đâu mặc tôi.

Ba giặt tay mẹ, đi nhanh ra cửa rồi kéo cửa đánh sầm. Mẹ nấc lên khóc và tấm tức đi vào phòng. Hương dỗ cho Bé ngủ rồi và lấy vở ra học. Nhưng mặt chữ cứ nhào múa, không sao học được.

Mười hai giờ, ba vẫn không về. Cả nhà đều hoảng lên. Tuy đã lâu, lệnh giới nghiêm không còn gắt gao, nhưng vẫn không mấy ai dám đi khuya. Ba giờ sáng, ba mới lù lù đẩy cửa bước vào.

Chỉ có Tùng và Bé ngủ. Hương chập chờn gối đầu lên quyển sách. Mẹ ngồi mắt long lanh nhìn ra cửa. Ba lặng lẽ cởi giày, để nguyên quần áo thể mà nằm. Mẹ sợ hãi đến gần hỏi:

– Mình đi đâu bây giờ mới về?

Ba định không đáp, rồi đáp lạnh lùng:

– Tôi đi cho cảnh sát bắt, cho quân đội bắt. Nhưng không ai chịu bắt hết.

– Mình định giết tôi, giết con hay sao?

– Tôi không định giết ai hết. Tôi làm nên tội thì tôi phải đền cái tội của tôi.

Nói xong, ba quay mặt vào tường.

Hôm sau, hôm sau nữa, Lưu vẫn chưa về. Ngày nào Hương cũng đi học nhưng nó không đến trường, Nó thần thờ đi trong các phố kiếm em. Tùng đòi đi theo nhưng Hương không cho. Hương sợ nhất là Lưu bị cảnh sát bắt, có lúc nó thảng thốt lo rằng Lưu bị ô-tô đâm. Nhiều lần, nó muốn phát khóc khi thấy những em bé ăn xin bơ vơ và giơ tay trước mặt mọi người... rất có thể, không đồng tiền, hạt gạo, Lưu cũng đang

làm cảnh ấy. Luôn mấy ngày đi, lại mấy ngày về, thất vọng.

★

Một hôm, một cô bạn gái của Hương bỗng gọi giật Hương:

– Chị Hương.

Và hỏi dồn:

– Sao chị xanh thế? Chị mới đau dậy, phải không?

Hương thần thờ lắc đầu. Người bạn gái bỗng hỏi:

– Này, cái chú em chị ấy mà.

– Thăng Tùng?

– Không, cái chú ngồ ngộ kia. Em mới thấy chú hôm qua.

Hương gần như hoảng hốt:

– Ở đâu?

– Nó đi với một thằng bé đánh giày.

– Chị có biết hiện nay nó ở đâu không?

– Không. Nhưng em biết thằng bé đi với nó.

– Cậu ấy tên gì?

– Tính.

– Thôi, chào chị, em đi ngay thử xem.

Một đứa bé đánh giày trong thành phố này thì cũng không khó tìm lắm. Hương đi lại gần chợ, nơi một tiệm nước có mấy em bé đánh giày đang ngồi tán gẫu với nhau. Áo quần chúng phần nhiều đã cũ. Trời lạnh mà không có đứa nào có áo ấm. Có một người khách đến, chúng reo lên:

– Giày vô bay!

Hai, ba đứa thay nhau đến nắn nỉ để đánh giày. Một đứa se sẽ đặt thùng đồ nghề xuống, đỡ cả chân người khách lên. Quen đi coi xi-nê, Hương thấy nghề đánh giày có cái vẻ nhanh nhẹn, linh hoạt của nó. Nhưng trước thực trạng lũ trẻ, Hương chỉ còn thấy đó là một nghề vất vả. Nhất là khi thấy người khách một mực từ chối, thụt chân lại, thì Hương cảm thấy tủi thân cho nó quá. Hương chỉ muốn gọi nó ra một nơi, cho nó mấy đồng bạc. Ừ, chẳng hiểu mấy đồng bạc một lần đánh giày như thế? Tại sao Hương không hỏi nó, trao cho nó tiền thuê đánh mấy đôi giày để nhờ nó đi với Hương tìm Tính có hơn không?

Hương bạo dạn lại gần một đứa bé mà Hương có thiện cảm nhất:

– Này em!

– Dạ!

– Chị nhờ em một tí việc: Em có biết Tính là em nào không?

– Có biết. Tính là bạn của em.

– Bây giờ chị nhờ em đưa chị đi tìm Tính... rồi mất hết bao nhiêu công của em, chị trả lại cho. Có được không em?

Thằng bé reo lên:

– À hà! Chị đi tìm chủ oắc con ở một làng với thằng Tính chứ gì! Được, để em đưa chị đi. Nó vui vẻ thung thả dẫn Hương đi. Chúng nhảy lên một chiếc ô-tô buýt rồi cùng xuống một xóm nghèo ở ngoại ô. Nó dẫn Hương đi qua mấy con đường thiệt hết sức dơ bẩn, rồi tiến vào một gian nhà nhỏ hẹp, trông có vẻ cũ kỹ như một món đồ ảm ứot, mốc meo để lâu ngày trong bóng tối.

Từ trong cái hộp thăm thăm ấy, một bà cụ bước ra, giơ tay che mắt và hỏi:

– Cô hỏi ai?

Em bé đi với Hương nhanh nhẩu đáp:

– Hỏi thằng Tính, bác ạ. . .

– Mà, đấy à, Quýnh? Vào đây. Thằng Tính nó vừa đi với thằng Lưu lại đầu kia cũng sắp về.

Hương lễ phép hỏi:

– Thưa bác, chúng nó đi đâu thế?

Bà già hơi lẫm tai, đáp:

– Ừ, chúng đi từ sáng kia. Sắp về đấy.

Quýnh kêu lên vui vẻ:

– Cô ấy hỏi xem chúng nó đi đâu?

– Chúng nó đi đóng thùng đựng đồ nghề cho thằng Lưu. Thằng Lưu cũng ở một làng với nó ấy mà.

Hương tò mò hỏi:

– Thưa bác, chúng gặp nhau bao giờ mà đến ở đây?

Bà cụ nói:

– Mời cô vào trong này đã. Thằng Tính lên ở đây lâu rồi. Còn thằng Lưu thì mới lên. Nghe nói thằng Lưu lên ở với ba nó, nhưng mẹ lớn nó không ưa nên nó bỏ về ở với cậu nó. Cậu xa xa ấy mà. Thương thì cậu cho học, không thương thì giữ trâu bò, chứ cái cảnh mấy đời bánh đúc có xương, nó khó lắm cô ạ. Thế rồi nó gặp thằng Tính giữa đường. Thằng Tính dẫn nó về, dạy nghề cho nó. Kia, cô vào trong này.

– Thưa bác, bác để mặc cháu. Kia ai như thằng Lưu về kia rồi.

Hương kéo Quỳnh sẽ nép vào sau cánh cửa. Quả hai đứa bé không ngờ vực gì, ăm ỉ nói chuyện và đi vào. Hương chột hế cửa,

hiện ra. Lưu, mặt tái mét, định quay đầu chạy thì Hương cũng vừa kịp nắm lấy vai áo nó dịu dàng nói:

– Em đứng lại cho chị nói cái này.

Lưu buồn rầu cúi đầu nhìn xuống. Hương đem hết lời ngon ngọt ra dỗ dành nó. Bà cụ sợ hãi không ngờ Hương là chị nó, nên ngại ngùng xin lỗi.

– Tôi không biết cô là chị nó. Khi nãy tôi nói gì, cô bỏ qua cho. Còn thằng Lưu, cháu nên nghe lời chị. Tao thấy cô đây cũng là người phúc đức, có lòng tốt với em lắm. Vậy cháu nên trở về, đừng để bà cháu lo lắng mà lâm bệnh tội nghiệp.

Hương kể hết những nỗi rắc rối trong gia đình từ ngày Lưu ra đi, cùng nỗi đau khổ của ba nó và các chị em nó như thế nào. Bà cụ ngồi, nước mắt chảy ròng ròng. Hai chị em nó cũng ứa nước mắt.

Nhưng thằng Lưu không còn bụng dạ nào để về nữa. Trước mặt nó luôn luôn chập chờn hình ảnh bà mẹ ghẻ. Nhìn qua trái, nhìn qua phải, nó chỉ còn thấy đôi mắt sâu thẳm của bà cố rọi vào mắt nó khiến nó phải nhắm mắt lại.

Đỗ mãi không được, bà cụ thương tình cũng cố nói vào. Các cụ già biết cảnh mẹ ghẻ con chồng chẳng ra gì lắm, nhưng nếu có dịp, các cụ cố nói vào cho người ta đoàn tụ. Các cụ quý nhất là sự sum họp trong gia đình. Tuy thế lòng thằng Lưu vẫn chưa lay chuyển.

Lâu quá, bà cụ mới ra dấu cho Hương xuống nhà dưới, khẽ bảo:

– Bây giờ nó còn ngại nhất là mẹ cô. Vì ba cô, chị em cô thương mà rui trở về, mẹ có hắt hủi thì làm thế nào?

– Không, mẹ con không hắt hủi nó đâu.

Mẹ con nhất định không muốn làm cho ba con đau khổ một lần nữa đâu. Mẹ con đã khóc lóc xin lỗi ba con mấy hôm nay mà.

– Thôi, bây giờ tôi bàn thế này: cô viết một bức thư về cho thầy mẹ cô, bảo tới đây tìm nó. Cô nói khéo là nó ra đi, hối hận, nhưng sợ ba và mẹ rầy la nên không dám về. Mong ba mẹ tha thứ cho nó.

Hương nghe lời, viết một bức thư. Xong, đọc cho bà cụ nghe. Bà tấm tắc khen hay lắm và gọi thằng Tính bảo mang thư đi. Hương giao cho nó ít tiền để nó đi xe. Còn thằng Quýnh nhất định chỉ lấy năm đồng để đi xe về thôi. Vì nó bảo nó là thợ đánh giày thì chỉ chuyên môn lấy tiền đánh giày; còn như dẫn đường thì chưa có khoản nào ghi là phải nhận tiền của ai cả. Nó nói đùa cho vui thôi, chứ quả tâm nó căm cảnh của chị em Lưu lắm.

Gần một giờ chiều, có hai người khách lạ, sang trọng theo sau một em bé đi vào gian nhà lá tối tăm. Hương đang ngồi chơi chột đứng dậy reo mừng:

– Kia, ba, mẹ!

Ba và mẹ chào bà cụ. Thăng Lưu sự hãi quá, giật tay chị. nó định bỏ trốn. Nhưng Hương đã nắm chặt hai cánh khuỷu nó. Ba nó vội vã nói cho nó yên tâm:

– Con đừng sợ, ba mẹ. lại đây để đón con về.

Nó không dám nhìn mặt mẹ nó. Nó có cảm tưởng đôi mắt đen sắc sảo đang muốn soi qua da thịt nó... đôi mắt dè dặt cả hai vai nó và làm cho tất cả đều nhuộm một màu buồn thảm.

Nhưng nó chột nghe tiếng ai bên tai:

– Này Lưu, con giận mẹ lắm phải không?

Giọng nói dịu dàng quá, tưởng như phát ra từ miệng mẹ nó.

Giọng ngọt ngào tiếp:

– Mẹ xin lỗi con, mẹ thật chẳng ra gì đối với con. Mẹ biết mẹ đã cư xử quá đáng với con...

Một tiếng nức nở rung cả thân thể người nói, chuyển sang thân thể nó. Nó bất giác ngửng lên. Nó thấy một cái mặt người... đàn bà... một mặt đàn bà hiền hậu như mặt mẹ nó, với đôi mắt mờ vì lệ ứa ra làm tăng thêm vẻ đằm thắm, cúi dần xuống phía nó. Nó chợt nghe lạnh như run chỗ xương sống: một cảm giác mới mẻ và rờn rợn làm tâm hồn nó như nghẹn đi và đôi mắt nhỏ bỗng chan hòa những nước.

11. ĐƯỜNG VỀ QUÊ

SƠN NAM

- *Phải bánh xe là xe không?*
- *Không.*
- *Phải thùng xe là xe không?*
- *Không.*
- *Vậy thì tiếng « xe » chẳng là một tiếng không không...*

NA-TIÊN TÌ-KHEO KINH

TIẾU công nghệ không bao giờ chết! Tiểu công nghệ muôn năm! Những lời hoan hô ấy thường ám chỉ ngành dệt tơ lụa nội hóa, nhưng hôm nay, chúng tôi muốn áp dụng nó vào giới xe đồ lữ. Bên cạnh những công ty triệu phú gồm trên hai mươi chiếc xe tối tân, mỗi chiếc chở trên bốn mươi hành khách, chạy bon bon nổi giông nổi gió, thì xe đồ là rõ ràng là quá bé bỏng như những khung cửi cổ lỗ bên cạnh những máy dệt tối tân của Tây phương hoặc của Nhật Bản. Đây này chiếc xe ngoại hạng, mang bảng số xa xưa từ đời CU . . . vì « tuổi hạc quá cao » bèn « gói mỗi da dùn », chạy qua khoảng đường xấu thì nhíp rít lên ken két, và tuy mới sơn nhưng nổi u nân, xù xì như da con cóc tía.

Nói đến tiểu công nghệ là nói đến tánh chất gia đình. Chiếc xe đồ lữ này cũng vậy.

Chủ xe đã quá năm mươi tuổi, đảm nhiệm công việc « sếp-phơ ». Và cậu lơ xe, người đồng hương với ông, được chỉ huy theo đường lối gia trưởng. Thỉnh thoảng nếu bị ông cần nhân, rầy rà oan ức, cậu lơ nọ cau mày rồi bỏ qua, như ngày xưa khi người cha áp dụng kỷ luật « phụ xử tử vong », « áo mặc không qua khỏi đầu ».

Mỗi buổi thứ bảy, vào khoảng một giờ trưa, cậu lơ và ông chủ không cần hò hét bắt mồi. Đã có một số thân chủ đến tìm. Đó là những thầy thợ về thăm gia đình. Họ không cần mang khăn gói vì ở nhà họ đã có sẵn bộ đồ mát để thay đổi. Tuần lễ đầu tháng, họ mua đùm đề từng kí-lô xà bông, từng cái áo thun con nít, đôi ba ổ bánh mì. Ai dám bảo là đàn ông không biết đi chợ, không biết tiết kiệm cho gia đình từng đồng từng cắc?

Xe chuyên bánh chậm chậm. Và lúc chạy hết tốc lực thì cũng không lẹ hơn ai. Trên mặt đồng hồ, ghi rõ ràng từ 0 cây số đến một trăm cây số nhưng cây kim đã liệt, đòng đưa nhẹ nhẹ như quả lắc... Ông « sộp-phơ » nheo nheo đôi mắt, chú ý vào công việc tiểu công nghệ, cả tay ngọc gót vàng đều làm việc. Thoi nhật nguyệt đấy là cái « vô-lăn » và máy âm dương là bàn đạp « ga » xăng. Đó là nói theo bài thơ khẩu khí của vua Lê Thánh Tôn. Thi sĩ đời nay có lẽ sẽ nói thêm: Chiếc xe đồ lỡ này là chiếc thoi dệt những mối tơ tình giao cảm trên nẻo đường đất nước, đưa những giọt máu trở về tim để gan lọc lại những gì là lành mạnh, vâng. . . vâng...

Tốc lực vừa phải của chiếc xe giúp cho du khách có đủ sự trầm tĩnh mà suy nghĩ. Xe chạy quá nhanh chỉ đánh thức sự kiêu hãnh và gây sợ sệt trong lòng người.

Ra khỏi bến Chợ Lớn – Cây Mai, không khí thay đổi. Mưa đầu mùa đã nhuộm màu xanh lục vào rặng cây ở chân trời. Con trâu cúi đầu ăn cỏ. Đôi bóng người xê dịch trên bờ ven nhỏ, che dù. Ai cũng là quen thuộc, nhìn nhau không ngỡ ngàng.

Hồi làn sóng văn minh vật chất mới tràn tới, người ta ao ước hoàn cảnh, địa vị của kẻ được ngồi trên xe hơi, dầu là xe đồ. Ngày nay khác hẳn, « Giấc Nam Kha khéo bất bình, bưng con mắt dậy thấy mình tay không ». Giá trị của đồng quê đã sáng chói, như viên ngọc quý bấy lâu không được ai lau chùi, nay lại chưng vào tủ kính. Ánh sáng tự do thật nhiệm màu. Đến cả những người thỏa mãn trong giấc Nam Kha, tay nắm đầy châu báu khi thức tỉnh, họ cũng muốn về quê để tạo lập một quê hương, một phần mộ. Cát bụi phải trở về cát bụi. Chúng ta muốn làm hột cát bụi ở thôn quê, vun quén cho lúa cho khoai; mấy ai muốn

kiếp sau của mình được làm hội cát bụi đô thành, ngọt thở dưới lớp vách xi măng cốt sắt, giam hãm trong mùi xăng nhớt?

Thôn quê là đây.

Cứ mỗi buổi trưa thứ bảy, hành khách của chuyến xe đò lữ này sống lại những phút « lằng lằng chẳng bận chút trần ai ». Không cần ánh trăng « chênh chếch bóng chiếu trên rặng tre ». Không cần tiếng hò nhịp nhàng xa đưa, tiếng thúc dục giã gạo thật đều, thật nhanh của bản đàn ca tân nhạc nào cả. Đây chỉ là những câu kinh, những tiếng chuông, tiếng mõ dành riêng cho kẻ chưa đắc đạo. Đằng này dưới ánh nắng đỏ lửa, nhìn những gốc rạ khô vàng cháy bên đường, khách hồi hương vẫn nghe hơi hướm của bông lai tiên cảnh phảng phất vào trong tâm hồn mình.

Ông « sộp-phơ » nói:

– Chạy mau làm gì? Kỳ rồi có ông nọ chạy mô tô mở hết tốc lực 120 cây số. Qua « cua», ông ta thắng lại thỉnh linh để tránh chiếc cam-nhông trước mặt. Nếu thắng không ăn thì chết. Đằng này, thắng rất ăn. Vì trớn rút tới bị chặn lại bất thành linh, anh ta nhảy nhồm trên xe, cần cổ bị gật lại, gãy cổ mà chết tốt. Xe vô chủ nhào lăn nằm dưới ruộng, máy vẫn nổ rầm rầm. Xe mình chạy như vậy là vừa. Bể nào tối nay mình cũng gặp vợ con... Máy thầy đọc nhật trình không? Tôi có mua một số đây. Đủ hết: tử vi, tiểu thuyết, tin tức.

Một hành khách với tay, cầm tờ báo lẩm bẩm đọc rồi chap sau nói với mọi người trên xe:

– Bữa nay có tin này ngộ quá. Nè... con nít chăn trâu giỡn nhau, đứa làm Ngọc Hoàng, đứa làm ông Địa, đứa làm Thiên

Lôi; Ngọc Hoàng ngồi trên đồng rơm, trả lời không xong, đưa Thiên Lôi nhè cầm ống quạt mà đốt. Rốt cuộc, bị phỏng nặng.

Có tiếng hỏi:

– Ở đâu vậy? Xứ đó chắc xa lắm. Con nít bây giờ ít biết giống điệu đó.

– Ở Tân Huê, Châu Đốc.

Người khác nói:

– Quê vợ của tôi đó! “Tân Huê, Tân Quới, Tân Long, ba Tân nhập lại không xong Tân nào”. Câu hát xưa nói về cù lao ông Hồ, trên sông Cửu Long. Con nít gì chơi dại quá. Cha mẹ sao không ai rầy la?

– Đâu có biết mà rầy la. Không ai dạy tụi nó trò chơi đó. Tụi nó chế ra. Miệt tôi, nghe nói hồi xưa con nít chăn trâu cũng giống « rắn mắt » một lần, nhờ vậy mà nổi danh. Móc đất sét, tụi nó nắn hình người

rồi đặt tên: đây là ông cả, đây là ông hương chủ, đó là ông hương sư, hương giáo, chánh lục bộ. Rồi hè một tiếng, tụi nó quăng mấy hình nhơn đó xuống sông. lồm bồm. Đất sét thì phải chìm. Trời xui đất. khiến, có sao có một tượng đất sét nổi linh bình. Đó là tượng ông hương cả. Hay được, dân làng thỉnh tượng đó về thờ, cất đình. Bày giờ còn danh là « đình Chấn Trâu ». Nước mình, xứ nào cũng có chuyện lạ.

Một giọng khác nói:

– Xứ của tôi ở xa lắm, vì mới khai phá nên sung túc. Trước năm kinh tế khủng hoảng 1930, thiệt là no đủ « trên ô-tô, dưới thời ca-nô ». Đời văn minh, khó mà xảy ra chuyện linh hiển lạ kỳ như ông anh mới nói.

– Vậy thì buồn quá!

– Đâu mà buồn. Cũng có cất đình nhưng đâm đơn về Huế mà không được vua Bảo Đại phong sắc thần gửi vô. Dân chúng mới chế biến ra nhiều ông hiền, ông thánh mà thờ! Tam hiền, nhị thánh.

– Chẳng hay quý danh mấy ông đó là ai?

– Điều ấy không cần biết, nói ra họ kiện chết. Đó là ba ông chuyên môn cho vay cắt cổ, tính theo bây giờ thì hồi đó họ ăn tới 3.650 phần trăm mỗi năm 365 ngày... tiền lời thì đem xây cất am Di Đà, đình Thần Nông... Ba ông cho vay tức là ba ông hiền.

– Còn nhị thánh?

– Là hai tay gộc, ruộng đất cò bay thẳng kiến. Tay thứ nhứt mang tật mù từ thuở bé nhưng đá gà rất tài tình. Ông ta dùng tay mà rờ đầu, cổ, mông, cựa, vậy... đá trăm độ bảo đảm ăn chín mười chín độ rưỡi. Đó là

ông thánh thứ nhứt. Ông thánh thứ nhì là một cậu công tử đi học trường « Bôn Đu-Me » về. Mỗi tuần, cậu lái xe hơi ra chợ để nhảy đầm. Cậu mang tật cà nhót một chân mà nhảy đầm rất tài tình. Tây với đầm ngắn cậu ta quá xá!

Có tiếng cười khúc khích. Ai nấy nhìn nhau, thông cảm. Chập sau bầu không khí dịu xuống. Cậu lơ nói:

– Bà con ai còn chuyện gì ngộ nói ra chơi, trước mua vui, sau làm nghĩa nè. Coi chừng xe qua mặt nghe! Bà con cô bác rút cái tay vô, ló cái đầu ra!

Ông « sộp-phơ » quát:

– Đùng hồn mày! Bỏ cái thói đó nghe. Ở đây bà con cô bác ai nhỏ bằng tuổi mày mà mày nói bằng cái giọng đó?

Một hành khách nói:

– Đứa cháu nó quen miệng nói câu vui vậy mà. Ông già này khó quá ta.. Này giờ sao ngồi êm rơ vậy?

– Ngồi êm chờ tôi nghe đủ hết.

– Vậy thì ông phải nói một chuyện gì để trả lễ lại chớ.

– Theo kỷ luật « sớp-phơ » nghe bà con... thì tôi không có quyền nói chuyện lúc mình hành nghề, và không được quyền ngồi gần gái đẹp. Rủi lãng trí thì hư hao... Nhưng mà bà con châm chế dùm. Bữa nay không có cô gái đẹp nào ngồi gần tôi. Mấy cỗ kiếm xe tốt mà đi chớ đâu thềm đi xe này, mất « le » hết. Với lại tôi là sớp-phơ lão thành, dẫu nói chuyện chớ luôn luôn nhớ nhiệm vụ. Bây giờ tôi nói chuyện ở xứ tôi. Không có tam hiền, nhị thánh. Có ông tổng bảy. ông phó ba với thầy xã hai cắt chín. Từ chợ quận ra chợ tỉnh, hồi xưa chỉ có xe ngựa, mấy người sang trọng hể đi thì

bao luôn một cỗ xe. Mỗi cuộc như vậy, thầy cai tổng cho « buộc-bo¹⁰ » bảy cắc, ông phó tổng tiết kiệm hơn, trả giá ba cắc. Thầy xã thì trả hai cắc chín xu thôi... Riết rồi thành « tà-ríp¹¹ », thành danh tổng bảy, phó ba, thầy xã hai cắc chín.

– Tại sao thiếu một đồng xu?

– Vì xe ngựa phải qua đò, đò ăn một xu. Thầy xã bắt buộc chủ xe ngựa phải chịu tổn phí đó, nên chủ còn có hai cắc chín. Bây giờ xin nói qua ông cai tổng. Về già ông sắm một chiếc xe ngựa đi riêng cho oai. Năm đó ông đi Sài Gòn mua được một con ngựa bắc thảo, thứ ngựa cao lớn dĩnh dàng mà nhà binh Tây hồi xưa dùng để kéo xe súng “cà-nông » lớn. Ngựa già, nhà binh dặt nó ra.

10 pour boire : tiền uống nước.

11 tarif: biểu giá.

Mỗi tuần, con ngựa bắc thảo đó kéo xe, đưa ông cai tổng ra chợ để hầu quan chủ quận châu thành.

Ngày ấy, dịp lễ 14 Juillet¹², tục gọi là lễ Chánh Chung¹³. Ông cai tổng đánh xe ra chợ tham dự. Kèn nhà binh thổi tò-te tí-te, cờ tam sắc đi tiên phuông, theo sau là binh sĩ nai nịch chỉnh tề đi đều bước. Con ngựa bắc thảo bỗng nhảy nhồm, trở mất. Ông cai ghì cương lại. Ngựa vẫn cứ lông lộn, hí vang rân. Giật mình, ông nhảy xuống. Đoàn quân nhạc tiến lại, ngày càng gần; kèn thổi tò tí te như trời trong tai. Con ngựa bắc thảo vụt hí lớn, phóng mình, dây cương vượt khỏi tay ông cai tổng.

Rồi đứng theo tinh thần kỹ thuật, nó đứng sau toán lính, đi biểu diễn. Ông cai tổng la hoảng, lính mã tà can thiệp đuổi con ngựa ra khỏi hàng ngũ. Nó đành thôi

12 ngày 14 tháng 7, quốc khánh nước Pháp.

13 quốc khánh.

lui, hăm hù. Số binh sĩ biểu diễn kéo qua, đi xa, vào thành.

Nhưng thừa lúc ông cai tổng sơ ý, nó vọt chạy lần nữa, chạy tuốt vào thành. Phải vất vả lắm mới đuổi nó ra ngoài được.

Rồi ông « sộp-phơ » kết luận:

– Lời tục ví “ngựa quen đường cũ” là như vậy đó. Chiếc xe hơi này không khác gì con ngựa “xích thố” quen đường cũ, ngày hai chuyến đi hai chuyến về như vậy hoài. Tôi thì như người nông phu đi giữa hai bên đồng ruộng. Mùa cày, mùa cấy, mùa gặt, lúc mặt trời mọc thả trâu ra ruộng, khi chạng vạng nhắc nhen kê . . . thủy thủy đều có mặt tôi.

Cậu lơ cười:

– Bây giờ thì ông thúc nó về đường cũ cho lẹ lẹ một chút. Mau lên con ngựa xích thố!

Ông « sộp-phơ » nói buồn buồn:

– Con ngựa này già quá rồi. Vài năm nữa cho nó vô nhị tì xe hơi của chệt ve chai ở đường Cây Mai. Còn tôi thì về vườn, xuống lỗ. . .

*

Nhưng khách bộ hiền¹⁴ sẽ về đâu? Họ cúi đầu xuống hình dung cái lúc mà xác chiếc xe CU này hóa ra con quỷ vô thường, từng bộ phận của nó sẽ trở thành những mảnh sắt vụn, cái đục, con dao yếm, như khi con trâu chết thì phân thây ra làm con cò, lược chải đầu, mặt trống. Sanh kế sẽ đưa đẩy họ về đâu? Họ còn được về quê hương mỗi tuần một lần, đúng ngày thứ bảy? Hay là họ sẽ phát tài, dời cả gia đình lên thủ đô để ngày đêm đầm ấm trong cửa rộng nhà cao? Hoặc là một trường hợp nào lòng sẽ xảy ra. Họ không về quê nữa, phó mặc

¹⁴ bộ hành.

việc sinh sống của vợ con cho vợ con đảm nhận. Rồi họ lê gót khắp đô thành, từ Bàn Cờ, Phú Nhuận, Hòa Hưng Tân Sơn Nhứt, ăn gỏi nằm nhờ, nhìn lá me rụng bên vệ đường, nhìn bóng mát cây trứng cá nhà ai rồi hững hờ dang tay hái trộm thử một trái để tự an ủi.

1955

12. CỎ RỪNG

THANH NAM

NẾU một ngày nào, người ta bóc những con đường sắt này đi, những con tàu sẽ không qua lại nữa và ta vẫn phải sống mãi ở đây . . .

Rất nhiều lần, Hảo nhìn lên cái chòi nước cao lênh khênh đứng ở cuối sân ga và nghĩ như vậy, Hảo không cần tìm hiểu xem tại sao mình đã có ý nghĩ đó cũng như chẳng bao giờ thắc mắc đến cái nếp sống tẻ nhạt của mình kéo dài từ ngày này qua

ngày khác giữa một nơi hẻo hắt. Cuộc đời của Hảo từ lúc bé dại cho đến khi trưởng thành đã bị gắn liền vào cái ga trạm nhỏ bé này, như những con tàu bám lấy những con đường sắt.

Hảo lên đây từ ngày nàng mới lên tám tuổi, sau khi đã theo học ở một trường quận miền xuôi, vừa đủ để biết đọc những pho truyện Tàu cho mẹ nghe và viết giúp mẹ những món tiền chi thu hàng ngày trên cuốn sổ chợ. Gia đình Hảo hồi đó gồm có một ông bố nghiện rượu, yêu những toa tàu và những chai rượu hơn yêu vợ con, một bà mẹ sống lầm lũi như một cái bóng và một người anh trai ngờ nghệch, thích làm một chân phu khuân vác ở ngoài ga hơn là cắp sách đến trường.

Năm Hảo mười bốn tuổi thì mẹ nàng qua đời. Người anh trai của nàng cũng bỏ nhà đi sau đó ít lâu. Cha nàng càng uống

rượu nhiều hơn để rồi cuối cùng tục huyền với một người đàn bà bán thức ăn trên xe lửa. Những sự thay đổi đó cũng chẳng khiến Hảo vui thêm hay buồn thêm.

Mười bảy tuổi, Hảo lấy chồng. Người chồng của nàng cũng là một nhân viên trong nhà ga và uống rượu cũng không thua gì bố vợ. Cho tới bây giờ Hảo vẫn không hiểu được tại sao nàng lại trở thành vợ của người đàn ông già hơn nàng đến gần hai chục tuổi, đen đũi và xấu xí như một chiếc đầu tàu xe lửa cũ kỹ kia. Cái hình ảnh mà Hảo nhớ nhất trong ngày cưới của nàng là đêm tân hôn. Người ta dẫn nàng vào một căn phòng nhỏ và để nàng ở trong đó một mình. Nàng ngồi trên chiếc giường có trải chiếc chiếu hoa hấy còn mới. Trong khi đó ở nhà ngoài, người ta thi nhau uống rượu và nói đủ thứ chuyện nhảm.

Một mỗi, Hảo ngã người xuống giường,

mặt áp lên chiếc gối mới có thêu những đóa hoa lớn. Rồi nàng ngủ thiếp đi cho tới lúc cảm thấy có một hơi thở nặng nề ở bên cạnh thì giật mình tỉnh dậy. Cái cảm giác đầu tiên của nàng là sợ hãi và buồn nôn, Giữa đêm khuya im lặng ngọn đèn dầu nhỏ đặt trên bàn, soi rõ nét mặt dần độn và đỏ nhừ của người chồng. Mắt y nhắm nghiền lại và cái miệng có những chiếc răng nửa vàng nửa đen hở ra. Hào rùng mình, quay mặt vào trong tường. Một lát sau nàng lại tiếp tục giấc ngủ bỏ dở, cho đến khi bàn tay người đàn ông kia lay khẽ vai nàng...

Ấy thế rồi Hào đã thành bác Tín gái, như tất cả mọi người chung quanh đã gọi. Cái tên Hào mờ dần theo những ngày tháng làm vợ của nàng để rồi bị quên hẳn.

Như vậy, đã ba năm. Những con tàu vẫn qua lại một ngày hai buổi. Những nét mặt chung quanh vẫn là những nét mặt

cũ. Chỉ có những ngọn cây rừng ở chung quanh là Hảo nhận thấy hình như chúng mọc cao thêm và mỗi ngày che lấp thêm một khoảng chân trời.

* * *

Tiếng gọi của gã đàn ông khiến Hảo giật mình nhìn lên. Ánh nắng chói lòa. Nàng chưa kịp nhận ra nét mặt của người vừa gọi.

– Kiên đây mà... Kiên ngày xưa vẫn sang chơi với anh Tú đó, Hảo nhớ không?

Hảo reo lên một tiếng nhỏ, Kiên là bạn với người anh trai của nàng hồi nhỏ. Y cũng bỏ nhà đi như anh nàng và bây giờ đã trở về, nhưng không còn là một gã thanh niên lông bông ngày trước nữa. Hảo ngáy người ra ngó Kiên. Mớ tóc đang nhật dờ nhảy lách tách dưới chân nàng. Kiên cười, đưa hai tay lên vuốt lại mái tóc bóng loáng:

– Cô Hảo trong tôi có lạ lắm không?

Hảo cũng cười gật đầu, lâu lắm nàng mới được nghe thấy một người gọi đến tên thật của nàng.

– Anh vào trong nhà chơi.

Vừa nói anh vừa cúi xuống nhắc rổ tôm lên và bước vào nhà. Kiên đi theo, tiếng giày đế da nện lộp cộp trên sàn xi măng.

– Ông cụ đi đâu mà không thấy ở nhà?

Hảo dừng lại và có cảm giác là nét mặt của mình lúc đó đỏ lắm. Nàng ngờ rằng Kiên đang chế diễu mình vì đã lấy một người chồng già.

– Anh nói sao?

– Bác đâu?

Hảo thở dài, nhẹ nhõm. Ra Kiên chưa hay tin nàng lấy chồng.

– Bây giờ tôi ở riêng rồi anh ạ.

Nói xong, Hảo vội vã bước nhanh xuống bếp. Tiếng Kiên đuổi theo:

– Ở riêng rồi à? Ai thế?

Hảo làm như không nghe thấy những câu hỏi đó. Nàng cắt vội mớ tôm lên chọn ăn rồi rửa sạch tay và bước lên nhà. Nàng rót nước mời Kiên:

– Nghe nói anh đã lập gia đình rồi phải không?

Kiên đỡ chén nước trên tay Hảo, cặp mắt nhìn thẳng vào người nàng:

– Làm gì có chuyện đó!

Và y hỏi lại Hảo:

– Cô ở riêng từ hồi nào, sao không nghe ai nói gì cả?

Hảo đứng dựa mình vào tường, lơ đãng:

- Ba năm rồi...
- Ai thế?
- Người này chắc anh cũng biết.
- Ai?

Nàng nói rất khẽ:

- Tín.

Kiên tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Tín? Có phải bác Tín . . .

Kiên không nói hết câu, nhìn chăm chap vào mắt Hảo. Nàng ngượng ngập gật đầu rồi quay đi, tránh cái nhìn bạo dạn đó và nói lảng:

- Có lẽ nhà tôi cũng sắp về rồi đấy! Hay là trưa nay anh ở lại đây ăn cơm với chúng tôi cho vui?

Kiên khẽ vạch tay áo nhìn chiếc đồng hồ mạ vàng lóng lánh rồi đứng dậy:

– Thôi, tôi phải về đằng ông chủ tôi ăn cơm trưa nay. Lúc khác tôi sẽ lại thăm . . .

Kiên ngập ngừng. Hảo biết rằng y chưa muốn đổi cách xưng hô với nàng. Hai người vợ vẫn nhìn nhau rồi Kiên chậm chạp ra cửa. Câu nói sau cùng của y là một câu nói bằng quơ nhưng Hảo cho là y ám chỉ nàng:

– Chóng thật. Mới ngày nào mà bây giờ đã bảy năm rồi. Về đây, trông cái gì cũng thấy khác....

Hảo nhìn theo gã đàn ông quen biết hồi nhỏ của mình. Y đi về phía nhà ga, chiếc bóng đổ nghiêng xuống mặt đường. Hảo thở dài quay vào, sửa soạn cơm trưa.

Nàng uể oải làm cái công việc hàng ngày đó và lần đầu tiên nàng cảm thấy khó chịu. Những con tôm không còn nhảy lách

tách nữa mà mềm nhũn dưới tay nàng. Hảo nghĩ đến bữa cơm sắp tới. Một chai rượu trắng ngắt ngưỡng đặt trên bàn. Vài ba món ăn khó nuốt. Hơi thở phì phì của anh chồng hôi mùi rượu. Tiếng húp canh xùm xụp. Những lời nói tục tằn, lỗ mãng. Những trận cười làm bắn tung tóe những miếng cơm nhai dở trong miệng người đàn ông xuống những món ăn. Hảo rùng mình không dám nghĩ tiếp nữa. Nàng rửa tay vội vã rồi đi nhóm bếp.

Tiếng keng khua từ ngôi trường tiểu học gần đó rộn rã nổi lên. Tiếng trẻ con ào ào đổ ra mặt đường. Chỉ còn nửa giờ nữa, Tín sẽ về. Y sẽ cởi trần ra và nằm xuống bộ ván hát ông ổng hai câu vọng cổ quen thuộc. Chỉ hai câu thôi và ngày nào y cũng hát tới, hát lui trong lúc đợi cơm.

Ngọn lửa đã bén hồng những than nhỏ. Hảo đưa một tay lên ngang trán lau

mồ hôi. Hình ảnh Kiên bỗng lại hiện ra, với bộ quần áo bảnh bao, với mái tóc bóng nhẫy.

* * *

Cái xóm ga nhỏ bé từ ngày Kiên trở về bỗng ồn ào hẳn lên. Ở một nơi mà ngày ngày người ta chỉ đợi có hai chuyến tàu đi về để được nhìn lên những bộ mặt mới lạ của hành khách thì sự có mặt của Kiên đã là một viên đá ném mạnh xuống một vũng nước phẳng lặng. Thằng bé lêu lổng ngày xưa bây giờ đã được người ta nhắc đến một cách trân trọng. Những tiếng đồn về Kiên làm ăn lớn ở Sài Gòn không ngày nào là không được truyền từ miệng người này sang miệng người khác. Sự thật thì chưa ai biết rõ là Kiên làm nghề gì ở Sài Gòn cả. Họ chỉ nhìn Kiên qua những cách chi tiêu rộng rãi của y và nhất là cái lối nói chuyện có thêm nhiều danh từ mới lạ mà y đã đem từ

Sài Gòn về. Cố nhiên là Hảo không thể nào không để ý tới sự có mặt của người đàn ông đó. Cả một nếp sống bình lặng của nàng đã bị xáo trộn hẳn lên. Những giờ Tín đi làm, Hảo thường hay thơ thẩn đứng chơi ở trước cửa nhà mình. Nàng hiểu tại sao mình làm như vậy nhưng không sao đặt tên được cho những ý nghĩ thầm kín đang dần vật trong lòng nàng.

Một đôi khi gặp Kiên đi qua cửa, cúi chào mình, Hảo lại thấy lòng mình bâng khuâng, thao thức. Nàng muốn gọi y lại, để được nghe y nói một vài câu như hôm đầu tiên y đến thăm nàng nhưng cái tiếng gọi đó chẳng bao giờ thốt ra được. Những cặp mắt tò mò của những người chung quanh và những cái miệng nhàn rỗi lúc nào cũng như sẵn sàng để nói đến việc thiên hạ đã khiến Hảo lo ngại. Vì vậy, Hảo chỉ còn mỗi một niềm an ủi cuối cùng là ngày ngày ra

đúng ở cửa để chờ Kiên và để được nhìn thấy Kiên mỉm cười cúi đầu chào mình. Hảo gọi đó là những giờ vui trong một ngày. Và những giờ vui đó sẽ vụt tắt khi tiếng keng khua rộn rã của trường học văng lên báo hiệu giờ sửa soạn hai bữa cơm buồn nản thường nhật.

Buổi chiều hôm đó, cũng như mọi bữa, Hảo đứng trước cửa, vợ vẫn nhìn những đám cây rừng xanh ngắt phía xa thì Kiên đi tới. Sau khi chào nàng, Kiên đứng lại chứ không đi thẳng như những lần khác. Hảo ấp úng:

– Mời anh vào chơi trong nhà . . .

Và nàng đi nhanh vào trước. Kiên chậm bước theo sau.

– Sao anh hẹn lại chơi mà từ bữa đó tới nay chẳng thấy anh tới?

Kiên ngược mắt nhìn lên mái nhà, không trả lời Hảo. Những tia nắng chiếu lọt từ kẽ lá chiếu xuống chỗ hai người.

– Bao giờ anh đi về Sài Gòn?

– Tối nay.

Kiên chậm rãi trả lời, mắt vẫn nhìn lên mái nhà. Hảo nghe thấy rõ một tiếng nấc ngắn ngủi trong cổ mình. Nàng nhắc lại câu trả lời của Kiên rồi hỏi khẽ:

– Sao anh về Sài-gòn sớm thế? Mới ở đây có ít ngày đã lại đi ngay, có việc gì vội hay sao?

– Không. Chẳng có việc gì vội cả nhưng ở đây buồn quá, tôi không thể nào ở đây lâu thêm được nữa.

Hảo cười gượng gạo:

– Thế ngày xưa, anh sống ở đây thì sao?

– Ngày xưa khác. Bây giờ khác. Ngày xưa chị còn là . . . cô Hảo bây giờ chị đã là. . . .

Cặp mắt của Kiên từ từ cúi xuống nhìn những ngón tay của Hảo đang đặt trên thành ghế.

– Là gì đi nữa thì tôi với anh cũng là những người bạn thuở nhỏ, Hảo tiếp, và tôi mong rằng anh vẫn cứ gọi tôi bằng tên Hảo như ngày xưa . . .

Hảo nói câu đó một hơi dài và nói xong nàng mới giật mình không ngờ là đã nói được một câu như thế. Và, nàng đứng lặng trước mặt Kiên, đôi mắt chớp nhanh.

– Tôi đi Sài Gòn lần này, có lẽ lâu lắm mới trở về đây được. Nếu tối nay, Hảo không mắc công chuyện gì, Hảo hãy ra ga . . .

– Không được đâu, Hảo run giọng trả lời, tôi không thể nào tới đó được!

Kiên đứng dậy đi lại gần chỗ Hảo đứng:

– Nếu vậy, chúng ta hẹn nhau ở nơi khác trước giờ tàu chạy, được không?

Hảo giật mình, hai bàn tay nắm chặt lấy thành ghế:

– Không ... không được đâu!

Kiên thở dài. Y nói bằng một giọng vô cùng tha thiết và Hảo có cảm tưởng như y đang đứng sát bên nàng:

– Hảo có biết không? Tôi về đây lần này chỉ mong gặp Hảo. Vì Hảo mà tôi trở về nơi này. Ngờ đâu, Hảo bây giờ đã không còn là Hảo ngày trước nữa. Tôi đi qua nhà Hảo, nhìn thấy Hảo đứng ở cửa hàng bao nhiêu lần mà không dám dừng lại để nói chuyện với Hảo. Tôi . . .

Kiên còn nói nhiều thêm nữa, những lời nói của y biến thành những ngọn gió mát rượi thổi vào tâm hồn Hảo. Trong một lúc, Hảo thấy khu rừng trước mặt xanh hơn lúc thường và ánh nắng chiều đã hết cả gay gắt. Chưa bao giờ Hảo được nghe những lời dịu ngọt như vậy từ miệng một người đàn ông thốt ra, ngay cả những lúc nàng được chồng âu yếm. Hảo thốt rừng mình. Bàn tay nàng rời khỏi thành ghế và che lấy mặt. Khi Kiên vừa đặt tay lên người nàng, toàn thân nàng run bắn lên. Nàng vội vã gạt tay Kiên ra và chạy lại góc tường đứng nép vào đó. Kiên vừa định bước tới thì một hồi keng vang lên. Những tiếng ồn ào của lũ trẻ nhỏ tràn ngập như thác nước ủa ra ngoài đường. Hảo kêu lên qua hơi thở rồn rập:

– Thôi, anh về đi. Về đi. Đã đến giờ, tôi

...

Kiên dừng lại. Gã đàn ông hiểu ngay câu nói bỏ lửng của nàng. Y nhìn ra ngoài cửa. Một vài đứa bé đi học về, đang lớn vồn vồn nhìn vào. Hảo giục thêm một lần nữa rồi úp mặt vào tường. Nàng nghe rõ tiếng giày của Kiên xa dần, xa dần . . .

* * *

Tiếng còi rú lên một lần cuối rồi cả đoàn tàu lừ lừ tiến vào bóng đêm. Đứng nấp vào một góc tối nhất của sân ga, Hảo nhìn theo đoàn tàu. Phía bên kia, Hảo thấy rõ chống mình đang lắc lư chiếc đèn đỏ trên tay.

Khi đoàn tàu đã khuất hẳn và chiếc đèn đỏ trên tay chống nàng không còn lắc nữa, Hảo mới men theo con đường cỏ trong sân ga, đi lối tắt về nhà. Những bước chân của Hảo dẫm lên đám cỏ rừng, lạnh buốt và nhói đau. Nhưng, Hảo không cảm thấy gì hết. Nàng chỉ nhìn lên cái chòi nước nằm cuối sân ga và nghĩ đến những ngày tháng

sắp tới. Tiếng keng khua tan giờ học. Cái bếp lửa than hồng. Hai bữa cơm đều đặn trong một ngày. Những cơn say ngu độn của ông chồng với hai câu vọng cổ vô nghĩa kéo dài năm này sang năm khác, nhất là hai câu vọng cổ. Hảo muốn bật khóc nhưng không sao khóc được. Tất cả còn lại trong lòng nàng là một sự trống rỗng khủng khiếp, một sự tiếp nối những buồn nản thường xuyên, chạy dài như những con đường sắt.

*(“Cỏ rừng” có tựa khác là “Buồn ga nhỏ”,
đã in trong tập truyện ngắn “Buồn ga nhỏ”
của Thanh Nam
do Phù Sa xuất bản năm 1963)*

13. TƯ

THANH TÂM TUYỀN

THIỆT cất tiếng ca: “Đêm đông gió bắc lạnh lòng, người viễn khách dừng chân nơi quán trọ nhìn cây trút lá trên hè vắng và lòng buồn mơ quay về dĩ vãng. Ôi những ngày thơ mộng đã qua không bao giờ tìm thấy nữa...”

Thiệt ca nức nở như những tiếng nấc nghẹn ngào. Đầu Thiệt nghiêng nghiêng bên tay đàn, những ngón tay buông bắt hấp tấp trên hàng phím trũng. Hết một

câu, Thiệt gõ nhịp xuống mặt cây “ghi ta” đã tróc sơn. Gian nhà trần, nền đất đập ẩm mốc. Ngọn đèn dầu lung lay treo ở cột trên đầu Thiệt. Trên cái ghế bố, ngoài Thiệt còn ba người khác: con Lai, chị Sáu và Tư. Lai nằm co gối đầu lên đùi Thiệt, chị Sáu hút thuốc lá, Tư ngồi thu ở đầu ghế. Xóm khuya dần và trận mưa tới. Bài ca dứt thì Tư cũng đã khóc. Con Lai cười:

– Anh làm tiếp bản nữa nghe chơi.

Chị Sáu nói:

– Rầu thấy mẹ lại mưa rồi.

Tiếng hát của Thiệt lẫn trong tiếng mưa hiu hắt, khuôn mặt Thiệt xa lắc. Tư ghét con Lai, nó lớn tuổi hơn Tư, ngộ hơn Tư, lão luyện hơn Tư. Con mắt nó xanh, tóc nó hoe vàng, nó có phần máu Tây trong người. Chị Sáu đã già úa không còn ngực, mặt ghiền nặng. Tư muốn không còn hai

người ấy để được một mình ngồi gần nghe Thiệt ca, những bài vọng cổ ấy thấm tận vào lòng Tư. Câu ca nào nùng đưa Tư vào nơi đây những kỷ niệm mà Tư không bao giờ có được. Tư cũng muốn bắt chước “viễn khách, quay về tìm dĩ vãng nhưng dĩ vãng của Tư ở đâu? Ai biết? Năm nay Tư mới mười bảy tuổi. Tư mồ côi cha mẹ năm được bảy tám tuổi gì đó. Ở với cha mẹ nuôi rồi trốn đi năm mười lăm tuổi để làm điểm. Dĩ vãng đâu phải là những hình ảnh mà người ta không muốn nhớ. Tư ở ruột cho vợ chồng chị Sáu — cả hai người này đều ghiền — đi khách và đưa tiền cho chị Sáu, chị nuôi cho Tư ăn mặc. Khi Tư bị bắt vợ chồng chị lo lắng cho Tư, còn hơn là có thân trong trường hợp hoạn nạn. Lâu lâu chị Sáu cũng biết điệu mua cho Tư chỉ vàng lúc dư dật. Chị Sáu cũng thương Tư, thỉnh thoảng chị an ủi hứa hẹn với Tư sẽ lấy Tư cho thằng con trai độc nhất của chị khi nó lớn lên. Năm nay nó mới có mười ba tuổi,

giữ việc canh gác của ngõ. Tư chẳng có một ý nghĩ nào.

Thiệt không ca nữa ngồi yên. Anh chẳng ngó Lai cũng chẳng ngó Tư. Bốn người không biết nói gì với nhau. Đầu xóm không có lấy một tiếng chân người. Lát sau chị Sáu nói:

– Tư này, con Phương chết rồi mà biết không?

Tư lắc đầu. Con Lai lên giọng:

– Ho ra huyết mà không chết sao được.

Chị Sáu chép miệng:

– Tội nghiệp, nó lấy được thằng chồng tốt mà trời không cho hưởng.

Chồng của Phương là một anh chàng khách trú làm thợ sửa xe hơi, đã ngủ với Tư một lần và có cho thêm Tư mười đồng bạc.

– Anh ca nữa đi anh Thiệt.

Con Lai kéo tay Thiệt ngồi xuống vì Thiệt muốn đứng lên.

– Thôi mày ơi, ca cho mày nghe hoài tao ngán lắm.

Thiệt lấy tấm áo mưa trùm lên người. Chị Sáu hỏi:

– Đi đâu thế mày?

– Đi kiếm chồng cho mấy con này.

Con Lai bảo:

– Nè em bảo anh lên xin ca trên đài phát thanh được đó nghe.

Thiệt mò mẫm tránh những vũng sình lợ. Mưa giở giọt gianh. Trời có ánh sáng màu sương đục. Thiệt lách hàng rào của trại cửa vào trong. Cả cái xưởng lớn chỉ treo một ngọn điện nhỏ. Máy móc nín thình và

gỗ xẻ nằm ngửa trên đất. Thiệt kiểm một cây gậy cầm tay chống rồi lại theo khe hở ra ngoài. Những khóm nhà lá nhấp nhô làm ngõ không thành lối. Ra đến lộ Thiệt đứng dựa núp sau một gốc cây. Tiệm cà phê của chệt ở đầu phố còn đông người. Thiệt đứng chờ đợi và chửi rửa trời đất.

Còn lại ba người đàn bà trong gian nhà, Lai nằm dài chiếm cả cái ghế bố, Tư vẫn ngồi dưới chân Lai. Chị Sáu ra đứng tựa cửa hút thuốc lá.

Chị Sáu hỏi Tư:

– Hồi chiều mày có mua thuốc uống không Tư?

– Dạ, rồi.

– Đúng tên thuốc không mày?

– Dạ đúng.

– Phải coi chừng bệnh, khổ nghe con.

...Những dòng nước mắt cứ từ con tim đau khổ dâng lên nghẹn lời...

Phải Tư đang cảm thấy đúng như câu ca của Thiệt hồi nãy. Con Lai nghe ngao một mình:

Một mai thiếp có xa chàng,

Đôi bông thiếp trả đôi vàng thiếp xin.

Rồi nó kêu lớn:

– Rầu thúi ruột chị Sáu ơi!

Chị Sáu gât:

– Mà mà cũng biết rầu sao mà?

– Trời ơi! Bộ tôi không là người sao chị.

Con Lai ngồi nhòm nửa người nói xong lại ngã xuống. Nó trên Tư, nhái một câu “chuồn chuồn” trong tuồng Hoa rơi của Phật: “Em Tư ơi! Ôi chưa đầy hai năm mà một vẻ đẹp, thùy mị kín đáo đáng yêu

trước kia nay đã biến thành hình dạng một nạn nhân khốn khổ. Em Tư ôi! Tội tình chi mà... em phải... ơ... ơ... đọa... đây...”

Con Lai khoái chí cười ngất. Tư khóc òa. Chị Sáu la:

– Tư, bộ mày điên sao Tư?

Tư vẫn khóc, nước mắt ẩm cả cổ họng. Con Lai cười, mắt nó nhắm hết lại:

– Đồ quỷ có im đi không, khuya rồi.

Một lát chỉ còn tiếng thút thít của Tư, và Lai chuyển sang ca bản vọng cổ « Đêm đông gió bắc lạnh lùng » của Thiệt.

Từ xa một người đàn ông đi lại, dáng thiếu nảo. Đến ngang chỗ Thiệt núp, người ấy bật quẹt châm thuốc không trông thấy Thiệt. Thiệt rút thuốc đến gần nói:

– Thầy cho em xin chút lửa.

Người khách bật cây quẹt khác cho Thiệt. Trông vẻ mặt khách dữ, Thiệt hỏi:

– Có phải hồi hôm thầy dặn em đón thầy không?

Khách không trả lời, Thiệt tiếp:

– Món này ngon lành lắm, em cam đoan thầy phải ưng. Lai mà.

Khách ngần ngừ một phút khẽ gật đầu và theo chân Thiệt. Thiệt bắt đầu ngăn sự im lặng của khách, nói:

– Thầy coi chừng lộ.

Thiệt bỗng nghe được tiếng hỏi ở sau lưng:

– Phương còn ở đây không?

Giọng nói người miễn ngoài, Thiệt yên bụng đáp:

– Món này ngon hơn Phương mà thầy.

Khách hỏi sang chuyện khác:

- Xóm này chưa bị rở?
- Đông thêm thầy ơi! Dễ gì mà đi.

Đất của xóm là đất của một hăng cửa máy nghiêng mãi xuống mé sông. Trại cửa bị xóm nhà lá vây bọc xâm lấn trông cũng tiêu tụy. Chị Sáu ra cửa nghe ngóng. Chị nghe tiếng chân người lạ và tiếng nói chuyện. Thiet và khách vào đến nơi đứng ở cửa. Con Lai ngồi dậy sửa lại đầu tóc. Tư cúi gằm đầu, mắt còn cay. Chị Sáu vốn vã:

- Mời thầy vô.

Khách vẫn đứng yên giữa cửa, người dong dỏng cao khoác áo mưa xám nhà binh, đầu không chải da mặt nhờn mồ hôi. Thiet ra hiệu chỉ Lai cho khách. Khách không nói và nhìn chăm chăm vào Tư. Tư không cục cựa. Chị Sáu vội thúc:

– Kia Tư.

Khi Tư đứng lên thì người khách đã ra ngoài. Lai nhìn Tư cảm tức. Lần thứ nhất Tư không ngờ đã thắng Lai, Tư thấy sung sướng. Chị Sáu đi trước dẫn lối, Tư đi gần khách phía sau. Tư hết khóc tỉnh táo, thỉnh thoảng liếc nhìn khách. Tư chẳng phân biệt được nét mặt. Càng vào sâu xóm càng tối càng yên tĩnh. Người khách cúi đầu qua những mái thấp. Căn nhà của chị Sáu gần mé sông. Thằng con chị Sáu đang ngủ trên bộ ván sát cửa vào. Nó choàng dậy khi nghe chị Sáu kêu:

– Dậy mày, ra ngoài trông cửa.

Gian ngoài hẹp thông sang nhà bếp chỗ chứa nước, kê bộ tủ thờ và một bộ ván. Gian trong vuông vức kê một cái giường – của anh chị Sáu – kéo một tấm “ri-đô” bản thủ. Khách ném cái áo mưa lên trên ván, Tư đi thẳng vào trong giường. Chị

Sáu khóa trái cửa và cùng thẳng con trai ra ngoài ngõ.

Tư thấy ngọn đèn được vắn sáng lên và hình như khách ngồi xuống bộ ván ở ngoài. Không hiểu sao Tư không dám lên tiếng kêu. Tư nằm xuống giường, lăn vào trong quay mặt vô vách. Nước lên cao đập vào những chân cừ ở dưới, mùi bùn nồng nồng. Tư ngủ quên trong vài phút ngắn. Tư tỉnh dậy nhẹ nhàng, người đàn ông nằm bên cạnh. Hấn ngửa mặt nhìn mái nhà im lặng. Tư e dè sán lại gần dúi đầu vào vai hắn. Người đàn ông quay lại với Tư, hỏi:

– Em sợ anh phải không?

Tư gật đầu.

– Việc gì mà sợ? Anh hiền không.

Người đàn ông ôm lấy Tư hỏi tiếp:

– Em biết Phương không? Lần trước

anh gặp Phương. Em hỏi Phương thì biết.

Rồi người đàn ông hỏi tên của Tư, Tư đáp, Tư tin giọng nói ngọt ngào của người ấy. Mưa rào xuống trên sông, gió thổi tắt ngọn đèn nhà tối thui. Người đàn ông hôn rất lâu trên môi Tư. Tư thở nhiều trong mũi. Khi Tư đã quen với hơi của người đàn ông, hấn bỗng nằm im và vuốt tóc Tư, nói:

- Em giống em gái của anh.
- Hay em là em gái của anh. Tư nói rồn.
- Nếu em là em của anh thì anh đánh đòn.

Tự dưng Tư thấy buồn. Tư hỏi:

- Em gái của anh đâu?
- Ở ngoài Bắc với mẹ anh.
- Anh vô đây một mình?

Người đàn ông gật đầu.

– Hồi nào?

– Di cư.

Người đàn ông kể cho Tư nghe chuyện gia đình:

– Em gái của anh ngoan lắm, anh hay ăn cắp tiền của nó, nó khóc. Nhưng khi nào anh không có tiền hỏi vay nó lại cho, chẳng bao giờ anh trả cả.

– Đến bao giờ anh tỉnh về ngoài ấy?

– Anh tỉnh về – Người đàn ông cười gằn: Anh tỉnh sao được, phải đợi thống nhất chứ.

Tư không hiểu thống nhất là gì. Người đàn ông tiếp:

– Nhưng anh không sống đến ngày ấy.

– Anh chỉ nói bậy nào.

Tư hôn vội lên môi người đàn ông vì không muốn nghe người ấy nói nữa. Khi Tư buông môi dựa tai vào ngực, Tư nghe giọng nói ở trong ấy:

– Mai anh chết mất rồi.

– Anh nói em sợ lắm.

Người đàn ông ôm ghì lấy Tư và người Tư thu nhỏ lại.

– Em ngoan lắm. Em ngoan như Phương vậy.

Tư gỡ tay bạn, hỏi:

– Anh biết Phương nhiều không?

– Một lần.

– Phương lấy chồng rồi.

– Tốt, rồi em cũng sẽ lấy chồng như Phương.

– Phương vừa mới chết. Ho ra huyết.

Người đàn ông nín thính. Tư hỏi:

– Anh có hôn Phương không?

– Sao lại không?

Tư thành thật bảo:

– Vậy mai anh phải về uống thuốc ngừa bệnh đi.

Người đàn ông bỗng cười dài, cười lớn vang động cả đêm khuya tĩnh mịch:

– Cảm ơn em, nhưng mai anh chết rồi còn đâu.

Tư rùng mình sợ hãi.

– Em biết anh đã hôn Phương, em còn dám hôn anh nữa không?

Tư choàng riết lấy lưng người đàn ông và hôn say đắm. Rồi Tư quờ tay sờ lên mái

tóc ướt sũng của chàng. Những ngón tay của Tư lần theo viền mắt chàng động lệ.

– Em thương anh.

Tư thấy yêu đương bỗng bật.

– Thật sao? Tư.

– Dạ.

Đó là tiếng nói tự con tim của Tư. Giờ phút trôi qua và người yêu « của Tư vẫn chưa trở về làm người khách. Chàng vẫn ôm ấp Tư như ôm đứa em gái. Mưa đã ngớt một cơn và bắt đầu cơn mới. Tư hỏi:

– Hồi nãy sao anh không đi với cô kia? Cô ấy đẹp hơn em.

– Anh không cần đẹp, và anh trông thấy em khóc.

Tư nhõng nhẽo áp má vào má người yêu.

– Anh muốn ở lại suốt đêm nay với em nhưng anh không có tiền để trả.

Tư tủi lắm đáp:

– Bốn trăm.

– Anh còn trăm bạc cuối cùng.

– Anh biết là em muốn anh ở lại với em, em thế nào cũng được. Nhưng em ở ruột cho chị Sáu, tiền chị ấy lấy em chẳng có quyền gì hết.

Tư kể lể tình cảnh với người yêu và Tư khóc:

– Giả tử em có tiền...

Người đàn ông vỗ về an ủi Tư, lấy tay lau nước mắt cho Tư, sờ trán Tư chàng bỗng kêu lên:

– Em đau?

– Không sao đâu anh. Tư sợ chàng sẽ hết yêu vội nói.

– Không phải, anh nghĩ là em phải uống thuốc cảm.

– Em không có tiền.

– Em biết là anh nghèo. Anh có bao nhiêu anh đưa hết cho em.

Chàng trở dậy đốt đèn mang vào giường. Chàng giở ví soi lên. Cái ví da đen già cũ rách bươm không có một tấm ảnh nào. Chàng mỉm cười hỏi Tư:

– Ví cũ quá hả? Của cha anh để lại cho anh, mấy chục năm đó.

Chàng lục hết các ngăn dưới mắt Tư, chàng nói:

– Một trăm độ nhất này để trả chị Sáu, còn lại của em tất cả là bao nhiêu, em đoán xem nào?

– Em không biết.

– Sáu đồng, sáu đồng đủ mua thuốc cảm.

Tư cất sáu đồng bạc vào túi, chàng nằm xuống dặn:

– Mai sáng em nhớ mua thuốc ngay nghe không.

– Dạ.

Chàng bỗng ngồi dậy nói:

– A! Anh còn để gia tài lại cho em. Em có thích không?

Tư ngơ ngác.

– Một tấm vé số. Hy vọng là trúng.

Tấm vé số gấp làm tư giấu trong một ngăn kín. Chàng bảo Tư:

– Tất cả hy vọng của anh đó. Anh cho

em cái hy vọng của anh. Em sẽ trúng nghe không. Chỉ cần độ một trăm ngàn thôi. Em trả nợ độ mười ngàn, còn lại em ra mở tiệm làm ăn, lấy chồng, đẻ con và sung sướng.

Tư hỏi lại:

– Biết bao giờ em được sung sướng như vậy?

– Được chứ, mai anh chết rồi. Cái hy vọng của người chết cộng với cái hy vọng của em to lớn biết bao nhiêu. Anh chết để cho em trúng số. Em phải trúng nghe không?

Tư hỏi ngây thơ:

– Anh chết thật? Tại sao anh lại chết?

Chàng cười:

– Anh chết chứ. Chết cho em trúng số mà. Nếu anh không chết làm sao em trúng được.

Tư không biết làm gì hơn là ôm người đàn ông vào gần mình. Tư nói:

– Em nhớ mặt anh. Trúng số em sẽ đi kiếm anh.

– Không thấy đâu em ơi!

Tư khóc nức bất ngờ:

– Anh chết thật sao anh?

– Anh chết thì em có mất gì đâu, đừng khóc nào, Tư.

– Nhưng em muốn anh sống.

– Ừ thì anh sống nhưng anh không bao giờ gặp em nữa cũng thế.

Tư cứ muốn được nằm mãi, mặt úp vào cổ người yêu và mặt người yêu áp vào tóc Tư. Ngoài cửa tiếng chị Sáu kêu:

– Xong chưa Tư, sao lâu dữ?

Tư đáp:

– Chưa, một chút nữa.

Chàng bảo:

– Thôi người ta đuổi anh đi rồi. Em có đuổi anh không?

Mắt Tư mờ đi sau màng lệ:

– Không, em không đuổi anh. Em muốn giữ anh ở lại mà không được.

Chàng mỉm cười:

– Em gái anh ngoan lắm. Đến ngày mở sổ em nhớ dò cho kỹ nghe. Em phải trúng số.

Tư níu lấy tay người yêu:

– Anh nằm nói chuyện với em thêm một lát nữa.

Tiếng thằng con chị Sáu nói đỏng bên ngoài:

– Đây, nó đang ruồng ở ngoài ghen.

Có cả tiếng con Lai nói:

– Du dương lâu vậy.

Chị Sáu bảo Thiệt:

– Mày đờn ca lên một khúc để chúng khỏi nghi mày.

Thiệt dạo mấy cung trầm nhất, lên giọng: “Ôi những ngày thơ mộng đã qua không bao giờ tìm thấy nữa, người viễn khách sau cuộc giang hồ phiêu bạt đêm nay chỉ còn biết than khóc cho bao mộng đẹp tan vỡ . . .”

Người đàn ông bảo:

– Thôi cho xong đi.

Tư nhìn trân trân người đàn ông cởi quần áo, nằm im không nhúc nhích. Chàng âu yếm cúi xuống cởi nút áo cho Tư. Tư vui sướng thấy mình không còn là gái điếm vì Tư không phải tự mình làm lỏa thể mình. Nhưng khi người đàn ông ôm lấy Tư thì Tư cố gắng nói:

– Em có bệnh anh à.

Chàng mỉm cười tha thứ nhìn vào mắt Tư, trong mắt chàng có tất cả sự âu yếm đủ cho một đời người.

Chàng trở dậy chưa kịp nói thêm lời nào với Tư thì chị Sáu đã mở khóa lảng vảng ở gian ngoài. Chàng mặc quần áo đi ra, hình như chàng có nhìn Tư lần cuối nhưng Tư không trông rõ mặt chàng. Tư theo ra đứng nép bên cửa. Chàng đứng ngoài sân giữa chị Sáu và Thiệt, móc ví trả

tiền cho chị Sáu. Tư bước vội ra ngoài vòng sau lưng chàng đi ra ngõ. Tư nghe chị Sáu nói:

– Lần sau thầy đến chơi, đây là nhà của tôi.

Tư ẩn vào ngách tối giữa hai căn nhà thấp. Tư nghe tiếng giày của chàng bước tới gần mình. Khi chàng đi ngang qua chỗ núp, chàng dừng lại châm thuốc lá, Tư khẽ gọi:

– Anh.

Que diêm chộp chờn. Tư thấy chàng mỉm cười. Tư vẫn không rời chỗ núp sợ chị Sáu bắt gặp. Tiếng chị Sáu kêu ở nhà:

– Tư ơi! Con quỷ đi đâu mất rồi.

Thiệt cũng kêu:

– Tư ơi!

Chàng tiến lại gần ôm lấy Tư mà hôn, Tư tựa cả người vào vách nhà, muốn ngã quỵ vì yếu đuối. Chàng đặt vào tay Tư cái ví da đen:

– Anh để nốt cho em cái gia tài của cha anh, trong ấy không có gì hết, chỉ có thể kiểm tra của anh. Em giữ để cất tấm vé số cho chắc. Nhớ nghe không, em phải trúng số nghe.

Cái ví da đã mủn lép kẹp. Chàng bỏ đi không nhìn lại, dáng người cao cúi xuống. Khi tiếng chân của chàng đã khuất Tư linh cảm chàng chết thật. Chàng không nói nữa. Tư cố gắng nhớ lại khuôn mặt chàng nhưng không được, hình ảnh mà mờ tan thành khói. Tư cố gắng nhớ lại giọng nói của chàng nhưng chỉ còn văng vẳng hơi gió

trên sông. Tư nhét cái ví da vào bụng rùng mình lo lắng. Đến mai Tư sẽ không thể nhớ ra chàng được nữa. Tư khóc, không dám khóc thành tiếng.

Nhưng một điều chắc chắn là từ bây giờ Tư đã có kỷ niệm, Tư đã có dĩ vãng để mỗi lần muốn nhớ Tư có thể gọi ra được.

Chúc em may mắn, Tư ơi! Anh từ biệt.

(“Tư” của Thanh Tâm Tuyền, đã in trong Tạp chí Sáng Tạo số 23 tháng 8 năm 1958)

14. BA VIÊN

TIÊU KIM THỦY

I

ANH ta ngừng bước phiêu lưu nơi ngưỡng cửa nhà trọ vào một buổi chiều xuân khói lửa.

Cả thành phố chìm đắm trong cảnh loạn lạc, trong sự thù ghét, nghi kỵ lẫn nhau. Tình cảm đã không được công khai biểu lộ nên đám người nghèo khổ lạc loài càng dễ bị hiểu lầm.

Anh ta về đây có lẽ vì không chịu nổi

cuộc sống nhiều gian lao nơi chốn rừng sâu nước độc?

Thật thế, vào năm 1949 cuộc chiến đấu vừa được bốn năm thì anh ta về Sài Gòn để rồi không đi nữa.

Anh ta là ai? Ba Viên, cái tên rất xứng với phong độ con người sống rất lâu trong cảnh ba đào.

Gương mặt anh ta đượm đầy vẻ khắc khổ, da xạm đen vì nhiều nắng tấp. Trong hai tròng mắt đầy tia sáng gay gắt, nơi cằm in lên một vết thẹo dài tỏ rằng Ba Viên không phải người hiền.

Anh ta muốn căn phòng cạnh phòng tôi. Ban ngày anh ta ngủ li bì, ban đêm anh mới ra phố mãi khuya lơ khuya lắc mới về. Anh ta làm gì trong bóng đêm?

Tức thì tôi quyết đoán mình đang sống cạnh một gã bất lương.

Có lý lắm. Bởi đêm 29 tết, khi nghe tiếng sột soạt trong phòng, dòm lên qua kệt cửa tôi bắt chợp Ba Viên hì hục mài con dao găm.

Đích thị anh ta là kẻ cướp.

Trong các thành phố đầy dẫy những kẻ gian phi, hung ác, nếu Ba Viên không có tâm hồn ăn cướp thì mài con dao găm mà chi?

Vì lẽ đó khiến tôi bắt đầu theo dõi rất chăm các cử động của anh ta.

Ngay sau đó ít lâu tôi biết sơ qua quá khứ của Ba Viên. Thì ra trong những năm tháng cũ anh ta trôi nổi khắp nhà ga, bến tàu, chợ búa, bến xe, nhiều lần dừng chân trong cánh cửa lao tù.

Dĩ vãng xa xôi tưởng bồi xóa được trong những ngày anh ta đi phiêu lưu qua vùng rừng núi, ngờ đâu anh trở về với gói

quần áo rách, một chiếc dao găm và thân mình cô độc quanh hiu...

Tôi rất ái ngại khi ở gần anh ta. Bao nhiêu người khác trong nhà trọ đều khinh và ghét anh ta chỉ vì anh ta làm họ sợ.

Nơi đây là nhà trọ nghèo nhứt thành phố chỉ vì nó xa đường lớn và ở sát đồn lính Tây trắng tối ngày âm ỉ tiếng giày đinh.

Đứng trên gác trọ trông sang thấy rõ cái sân cỏ rộng, một mô đất lớn cắm mấy cây cọc cao lênh khênh dùng làm bia mà cũng dùng xử tử những kẻ tù có tinh thần bất khuất.

Vì sự khan hiếm chỗ ở mà ai nấy phải đùm đậu trong nhà trọ này để lâu lâu nhìn thấy cái cảnh máu chảy đau lòng kia. Chớ còn Ba Viên một thân một mình quen với cái sống gió sương không kiếm được nơi nào sao lại phải về đây?

À, tôi hiểu rồi. Nơi tối tăm thường là chỗ ẩn núp của kẻ gian phi. Ba Viên ở đây chắc không ngoài ý nghĩ đó.

Tôi nhắm tính, mượn cho vay tiền góp ở căn số 1, ba cô gái giang hồ ở căn số 2, tôi ở căn số 3, Ba Viên đến mượn căn số 4, còn căn số 5 thuộc về Thúy Hồng và thân phụ cô từ Lục tỉnh lên tị nạn.

Trong cái tiểu thế giới này ai cũng có nguồn vui, duy Ba Viên thì lẻ loi hiu quạnh.

Thỉnh thoảng mượn cho tiền góp còn tạt ngang nói chuyện với tôi, chứ Ba Viên thì mượn tuyệt nhiên không.

Ba cô gái giang hồ Lan, Huệ, Nhung đôi khi sang phòng tôi mượn bút mực viết thư tình, còn phòng Ba Viên chẳng lúc nào họ bước chân vào.

Nói gì Thủy Hồng là gái chính chuyên

luôn tìm cách lánh mặt Ba Viên, vì lẽ gì tôi rất hiểu.

Tình cảm của mọi người dường như có giới hạn rồi.

Ba Viên hẳn cảm thấy nỗi buồn thấm thía vì bị khinh rẻ. Đôi lần anh ta lân la làm quen với tôi, tôi càng lo là để anh ta không lân la nữa.

Thế rồi vào buổi sáng mừng một tết, lúc tôi đứng bên cửa sổ nhìn thiên hạ gượng gạo đi chơi xuân ngoài đường, đột nhiên có tiếng gõ cửa. Tôi định ninh cô Thúy Hồng sang chúc tết liền bước lại mở cửa.

Tôi rất đổi ngạc nhiên thấy Ba Viên cầm bó hoa tươi, miệng cười:

– Chào anh và chúc tết anh...

Vừa nói anh ta vừa trao bó hoa. Tôi không ngờ Ba Viên có cử chỉ lịch sự như

thế. Thú thật lần thứ nhứt tôi thấy lòng rung động.

Anh ta đưa mắt nhìn tôi ngụ ý hiển từ.

Tôi mời anh vào phòng. Cố nhiên lần đầu tiên chúng tôi trở nên thân mật.

Ba Viên nói một câu khiến tôi nhớ mãi:

– Làm sao cho mọi người đừng thù ghét nhau, thân mật với nhau. Tôi ước ao được làm quen với cô Thúy Hồng.

Tôi thì tôi lấy làm lạ cho con người mà tôi đinh ninh có tâm hồn kẻ trộm lại có thể thốt ra câu nói đầy ý nghĩa.

Qua mấy ngày xuân, dần dần tôi hiểu Ba Viên hơn. Tôi cảm thấy anh ta có nhiều điểm tình cảm rất đẹp chứ không xấu xa như tôi tưởng. Tôi bắt đầu thích gần anh ta và xét thấy anh ta thâm yêu Thúy Hồng...

II

Hai mươi tuổi xuân, Thúy Hồng có một vẻ đẹp dịu dàng đậm thắm mà ai cũng ưa nhìn.

Khuôn mặt Thúy Hồng sáng như gương, điểm thêm đôi mắt đen lay láy, với đôi má núm đồng tiền, hai vành môi thắm thường mỉm cười để lộ hàm răng trắng đều đặn như hột bầu.

Đã đẹp về thể xác, Thúy Hồng còn có nhiều nét đẹp về tâm hồn. Nàng luôn luôn hòa nhã, kín đáo, không ham chưng diện điểm trang.

Ngày trước, Thúy Hồng làm giáo viên trường làng, năm ngoài bị bắt vì tình nghi, chịu sự giam cầm hơn sáu tháng. Thân phụ Thúy Hồng bán hết tài sản lo lắng cho, nàng mới được thả ra.

Cha con bỏ làng đùm tùm lên Sài Gòn tìm cái sống.

Nàng đi dạy học tư mỗi ngày vài giờ, kỳ dư may vá kiếm thêm. Giờ nhàn rồi tôi thấy Thúy Hồng đọc sách, học thêm.

Nàng yêu những gương anh hùng, liệt nữ, nàng cũng thường biểu lộ tấm lòng yêu nước qua ngôn ngữ, ước mơ.

Thỉnh thoảng Thúy Hồng vắng nhà. Hỏi thăm, mới hay nàng đến viện Dục Anh săn sóc trẻ mồ côi.

Từ ngày có mặt Ba Viễn ở nhà trọ, Thúy Hồng ít sang phòng tôi trò chuyện. Thấy tôi giao thiệp với Ba Viên, Thúy Hồng càng tỏ ra dè dặt hơn lúc nào cả.

Tôi không thấy có gì khó chịu đối với cử chỉ quá cân nhắc của Thúy Hồng. Xã hội còn nhiều thành kiến với người không địa vị, không nhà cửa, thì đừng trách Thúy Hồng lãnh đạm với Ba Viên.

Một hôm vào buổi chiều cuối xuân, tôi thất thập thoáng bóng Ba Viên đứng ở đầu thang gác đón Thúy Hồng.

Một lát sau Thúy Hồng dạy học về. Vừa bước vào thấy Ba Viên đứng đó nàng toan quay ra.

Ba Viên khẽ gọi:

– Cô Thúy Hồng.

Thúy Hồng đứng lại nhưng lặng im.

Tôi nghe Ba Viên nói:

– Cô Thúy Hồng! Xin lỗi cô, có lẽ cô khinh tôi như bao người khác khinh tôi. Trái lại tôi kính mến cô và bao nhiêu người khác. Tôi ước ao từ nay cô đừng nhìn tôi bằng cặp mắt nghiêm khắc nữa. Và lúc nào cô cần tôi giúp đỡ chuyện gì tôi rất sẵn lòng.

Nói rồi Ba Viên bỏ đi với vẻ mặt nghiêm trang. Qua buổi chiều và một đêm,

Ba Viên không về. Tôi băn khoăn nghĩ ngợi. Phải chăng Ba Viên quá khổ vì Thúy Hồng mà đường đột thốt ra những lời ấy? Yêu ư? Tình yêu của Thúy Hồng đâu thể bộc lộ một cách dễ dàng trước con người chưa có gì tỏ ra xuất sắc. Họa chăng con người làm rung động lòng Thúy Hồng ít nữa phải có một lý tưởng thanh cao.

Tình yêu của Thúy Hồng dịu dàng đắm thắm và kín đáo mà chín chắn nữa.

Nàng là một thiếu nữ có lý tưởng, giàu tình cảm, nếu gặp người cùng chung lý tưởng chắc chắn nàng đáp lại tiếng gọi yêu đương.

Trong những ngày gần gũi, tôi thoáng thấy Thúy Hồng thường mơ màng nhìn ra chân mây tươi sáng.

Chiều nay, khi chạm mặt với Ba Viên rồi, Thúy Hồng đã nghiêm trang càng

nghiêm trang hơn. Nàng có cảm tưởng gì đối với câu nói của Ba Viên? Khinh ghét, sợ sệt hay hối hận?

Còn Ba Viên đi đâu không về? Buồn rầu thất vọng ư? Hay là anh ta bị bắt rồi?

Cả thành phố đang loạn lạc. Ban đêm ở các ngã đường thường diễn ra cảnh cướp giựt, bắt cóc, ám sát, đâm chém. Những cuộc ruồng xét, bắt bớ của lính Tây rất là kịch liệt. Kẻ nào thường đi đêm hoặc có hành động lơ mờ như Ba Viên sẽ không tránh khỏi bị bắt.

Tôi ái ngại cho Ba Viên. Nhưng sáng hôm sau vừa thức dậy, tôi chợt nghe tiếng hút gió của Ba Viên ở thang gác.

Tôi mở cửa lò dầu ra hỏi:

– Anh Ba đi đâu đêm qua không về?

Ba Viên chỉ cười, tay ôm cái bọc lớn,

mở cửa đi thẳng vào phòng anh.

Có gì vui nên khiến sắc diện anh ta tươi tắn thế? Trúng mỗi chẳng?

Tôi vụt này ra một ý kiến lạ thường.

Đi ngay lại phòng Ba Viên, tôi đẩy cửa rón rén bước vào. Nghe tiếng động, Ba Viên quay phắt lại, sắc mặt tái đi. Tôi chợt thấy trên tay anh cầm cái bóp, dưới sàn gác một bộ đồ và chiếc dao găm còn dính máu.

– Trời! Ba Viên đã giết người cướp của?

Tôi kinh hãi thối lui lại. Ba Viên nhanh như chớp chồm tới giữ chặt tay tôi, thốt lời:

– Xin anh đừng làm huyền não, không phải tôi cướp của giết người. . . mà là tôi làm bốn phạm. . .

Bốn phạm! Hai tiếng ấy thốt ra từ cửa miệng Ba Viên một cách không ngại ngùng.

Thấy tôi ngơ ngác không hiểu, Ba Viên tiếp lời:

– Thú thật với anh tôi là. . .

Tôi ngăn lại không cho Ba Viên nói nữa, vì kịp hiểu anh ta là người gì rồi. Tôi nhẹ lời khuyên:

– Ở đây tai vách mạch rừng, anh có làm gì nên cẩn thận kẻo rồi mang hại.

Ba Viên buông tay tôi ra, cúi đầu xuống hai tròng mắt long lanh sáng.

Tôi cũng xúc động vì đã đánh giá sai lầm con. người Ba Viên. Giờ thì tôi cảm phục anh ta một con người tượng trưng cho lòng quả cảm, cho cuộc chiến đấu âm thầm giữa muôn ngàn nguy hiểm.

III

Từ đó thỉnh thoảng Ba Viên vắng nhà một lần. Mỗi lần như thế tôi hồi hộp đợi anh ta về. Anh ta về chậm, tôi lo. Nghe tiếng hút gió của anh dưới thang gác, tôi mừng. Nhưng rồi một hôm vào giữa mùa Thu anh ta đột ngột ra đi không một lời từ giả.

Anh ta đi đâu? Chắc lại phiêu lưu đến rừng núi nào rồi.

Những ngày xa anh tôi thấy buồn buồn. Mụ cho vay tiền góp, ba cô gái giang hồ Lan, Huệ, Nhung thỉnh thoảng nhắc Ba Viên giọng vui vẻ cảm tình chớ không khinh rẻ nữa.

Chẳng có chi lạ, Ba Viên khéo chiều chuộng, thân mật nên được họ mến.

Duy Thúy Hồng giữ thái độ im lặng.

Đôi khi tôi nhắc nhở Ba Viên trước mặt Thúy Hồng, nàng không chỉ trích, có lúc chăm chú nghe.

Tức thì tôi hiểu rằng đã có sự biến chuyển tình cảm trong lòng Thúy Hồng.

Người ta có thể ghét nhau vì chưa hiểu nhau, và người ta yêu nhau khi biết nhau đồng lý tưởng. Tuy vậy, Thúy Hồng chưa biểu lộ tình yêu với người đã ra đi.

Thấm thoát mùa xuân lại về, xuân này là xuân thứ năm của cơn loạn lạc. Thành phố miễn cưỡng đón xuân không vui mừng, không thỏa thích.

Vào chiều 23 tháng chạp, thành linh Ba Viên bước vào ngưỡng cửa nhà trọ với bộ cánh bạc màu của người thợ nhiều phong trần.

– Ba Viên!

Tôi mừng rỡ chạy ra nắm tay anh Ba Viên cũng vui mừng nắm tay tôi và hứa không đi nữa. Anh ta có hỏi tôi về Thúy Hồng, tôi mỉm cười trở vào phòng số 5.

Tối hôm ấy anh ta ra phố một mình. Đêm sau và đêm sau nữa anh lại đi vào bóng tối. Hùng sáng có tiếng hút gió của anh ta ở thang gác.

Bên ngoài dư luận chột xôn xao về tin lính Tây bị giết thây bỏ ở xó hè. Hiến binh và mật thám Tây mở cuộc lùng bắt dữ dội. Ba Viên thì thản nhiên nằm vắt chân chữ ngũ trên gác trọ.

Chiều 28 tháng chạp anh mang sang phòng tôi chai rượu mời đánh chén. Tôi uống qua loa còn Ba Viên uống thật nhiều. Anh ta say, anh ta lừ đừ chớ không hò hét. Mãn tiệc rượu anh ta về phòng rồi lủi thủi ra đi. Thành phố trong những đêm loạn lạc đầy sự im lặng nặng nề. Tôi ngủ thiếp đi một giấc.

Vào khoảng ba giờ khuya, tôi chợt giật mình vì tiếng đấm cửa rầm rầm.

Cửa mở tôi thấy Thúy Hồng đứng sừng sững trước mắt, mặt mày nàng tái mét, nàng kéo tôi lại trước cửa phòng. Nhìn xuống sàn tôi thấy Ba Viên nằm nghiêng một bên, mình mẩy đầy máu.

Trời! Ba Viên bị nạn rồi. Làm sao?

Thúy Hồng đưa mắt nhìn tôi như thăm hỏi ý kiến. Trong lúc hoảng hốt chúng tôi khiêng Ba Viên vào phòng giấu đi kéo anh ta bị bắt.

Quá xúc động vì tai nạn Ba Viên, Thúy Hồng quên cả giữ gìn. .. và không biết sợ khiêng đại anh ta để lên giường. Nàng bảo tôi xem xét vết thương của Ba Viên, còn mình trở ra ngoài chùi sạch vết máu.

Ba Viên bị trúng đạn xụi hết một cánh tay, máu ra nhiều. Không thuốc, thuốc cầm

máu, Thúy Hồng xé áo nàng thấm nước nóng băng bó cho Ba Viên.

Thúy Hồng tự tay săn sóc ân cần chu đáo, sự sốt sắng thân mật này làm tôi suy nghĩ. Người ta ghét nhau vì không hiểu nhau. Đến khi biết nhau cùng cảnh ngộ cùng chung lý tưởng, người ta yêu nhau như đôi bạn tình.

Thúy Hồng và Ba Viên cũng thế. Thúy Hồng không nói một lời nhưng tôi hiểu rằng tình thương dịu dàng vừa nảy nở trong một tâm hồn trong trắng. Chiều hôm sau Ba Viên lần hồi tỉnh lại. Anh ta ngạc nhiên khi thấy nằm trong phòng Thúy Hồng. Cảm động ghen ngào, anh ta nói:

– Cô Hồng, cô đã cứu tôi...

Thúy Hồng ra dấu bảo im vì bên ngoài Hiến binh vừa đến tra xét.

Họ lục lạo khắp nơi, khi đến phòng

Thúy Hồng, nàng ra đứng ngoài cửa vui vẻ trả lời các câu hỏi để họ không lòng xét trong phòng.

Một lần nữa Thúy Hồng cứu Ba Viên thoát nạn. Anh ta cảm động lắm.

Tối đó tôi sang thăm hai người, gặp lúc Thúy Hồng dứt cháo cho Ba Viên. Tôi im lặng nhìn từ cử chỉ của hai người và thầm phục sự hy sinh của Thúy Hồng,

Ăn xong bát cháo nóng Ba Viên ra dấu xin tôi điều thuốc lá. Anh hút coi ngon lành, mặt mày tươi vui. Thúy Hồng thì ngồi bên cạnh và chiếc áo rách.

Không khí trong phòng thật êm đềm. Trong cuộc chiến đấu đầy gian lao đây hẳn là giờ phút đầm ấm nhất của Ba Viên.

Những thời khắc như vậy thường trải qua rất mau, nhường cho tai biến nào nùng xâu xé lòng người.

Cuộc họp mặt giữa hai người quá ngắn ngủi. Chàng và nàng chỉ hưởng sự êm đềm có ba ngày. Ngày thứ tư nguy biến đổ đến.

Tôi còn nhớ rõ trưa 30 tết, giữa lúc mọi người lo cúng kiến rước ông bà tổ tiên và vui mừng cảnh đoàn tụ. Thúy Hồng ra bến xe đón thân phụ từ lục tỉnh lên, lúc quay về năng giục mình sắm sửa trước đám đông. Hiến binh Tây hung hăng ngang ngược xô đẩy tất cả người ở trọ ra đường.

Linh tinh báo trước có chuyện chẳng lành.

Quả nhiên trong khoảnh khắc bốn Hiến binh Tây lôi xềnh Ba Viên từ trong ra, tay dấm chân đá túi bụi. Anh ta chúi nhủi không biết mấy lượt, cuối cùng họ xô Ba Viên vào đồn, trong lúc anh ta ngắt đi mình đây những máu.

IV

Một nỗi buồn mênh mông xa vắng lắng xuống nhà trọ khi mọi người hiểu thấu hành động thâm kín của Ba Viên.

Buồn nhứt có lẽ là Thúy Hồng. Nàng được tiếng kín đáo và dè dặt thể mà cũng không giấu được nét ủ dột.

Tôi đọc trên gương mặt nàng cả sự buồn bã lo âu.

Đêm ấy dường như Thúy Hồng không ngủ vì ánh đèn sáng mãi bên phòng nàng.

Tôi cũng trần trọc suốt giờ. Đêm 30 tết của thời loạn lạc, thành phố không tiếng pháo, chốc chốc nổ rền một loạt đạn hay quả lựu đạn.

Mở cửa sổ ngó mông các hướng trời, tôi thấy ánh lửa lóe lên sáng rực. Làng nào

xóm nào ở xa kia hẳn đang làm mỗi lửa đạn.

Một ám ảnh nặng nề vụt đến với tôi. Ngày mai bước qua một năm mới biết Ba Viên có còn để trở về thế hệ mới của chúng ta?

Mấy cái cọc cao lênh khênh ở mô đất kia còn in sâu trong mắt tôi. Thường những buổi sáng mờ sương nghe tiếng xôn xao bên hè, tôi hé cửa dòm qua. Ba tiếng súng nổ, một thân người gục xuống chân cọc. Trong không khí huyền ảo của buổi tinh sương tôi có cảm tưởng ở trong giấc mơ.

Ngày mai của Ba Viên sẽ ra sao? Ám ảnh nặng nề làm tôi rùng mình không dám nghĩ ngợi nhiều. Khép cửa lại lên giường nằm cố nhắm mắt mà không ngủ được.

Đêm 30 tết trời lạnh lạnh. Lòng tôi cũng lạnh và rạo rực liên miên.

Tôi châm hết điều thuốc này đến điều thuốc khác. Khói thuốc lá mơ màng bay, tôi lặng nhìn như theo đuổi hình bóng chập chờn nào.

Có lúc tôi tưởng tượng Ba Viên không bao giờ chết. Con người ngang tàng như anh sẽ trở về sống với mỗi tình đậm thắm của Thúy Hồng.

Nhưng một ý nghĩ khác len đến xé tan niềm hy vọng mong manh. Đã lao mình vào cuộc chiến đấu ắt phải mất, còn.

Tôi càng suy nghĩ trí càng rối tung lên.

Năm giờ sáng mừng một tết, tôi vừa dỗ yên giấc ngủ.

Thình lình nhiều tiếng động quen quen nổi lên từ bên đồn lính. Ngày tết người ta không cử kiêng sự sát hại ư? Tôi ngồi phắt dậy, tim đập mạnh.

Tung cửa chạy ra, tôi thấy đèn trong phòng Thúy Hồng sáng quắc, đêm qua nàng không nhắm mắt? Tôi hoảng hốt gọi:

– Cô Thúy Hồng! Mau ra đây.

Vừa dứt lời, ba tiếng súng nổ. Có tiếng bật khóc nức lên ở trong phòng.

Tôi quay về mở tung cửa sổ, gió lạnh lùa vào, trời buồn hiu hắt phủ một màu trắng xóa như tang. Đằng kia mô đất, một xác người vừa rũ xuống bên cái cọc đen xì.

Tự nhiên tôi run lên, mắt cố nhường nhìn. Trong cảnh tranh tối tranh sáng, tôi thoáng thấy chiếc áo bành tô bạc màu của Ba Viên rơi trên sân cỏ.

Mắt tôi bỗng ướt rượi.

Tự dưng một tiếng nói vọng lên trong thâm tâm tôi, thiết tha ngày ngất hơn cả

tiếng nói của tình yêu: tiếng nói của quê hương yêu dấu.

Không khóc nữa, tôi mở tung cánh cửa bước mạnh ra đường.

15. MỸ THO

TRANG THẾ HY

 GÀY mai, tôi sẽ đi Mỹ Tho và đi bằng xe lửa. Tôi quyết định điều đó từ lúc nào? Không rõ lắm. Chỉ biết rằng sáng nay khi đồng hồ ré nhà bên cạnh báo thức ông chủ nó đúng năm giờ để ông đẩy chiếc xe đạp cũ kỹ nhưng rắn chắc, phía sau có cái cần xé to tướng ra ngõ hẻm, thì tôi đã nhanh nhẹn bước xuống giường ra đứng ngoài bao lơn căn gác để làm những động tác hô hấp rất đúng với phương pháp của những bậc thể thao gia cần mẫn và chăm chỉ.

Đã hơn một tháng nay, tôi mang tật ngủ trưa vì một duyên cớ nói ra hơi tự ái là tôi không muốn lắc đầu khi dì ba bánh cuốn hỏi tôi dùng một đĩa hai đồng hay ba đồng. Cái tiệm buôn nhỏ nơi đó tôi làm thư ký đã tạm thời ngưng hoạt động và ông chủ của nó đã thân ái phân trần với tôi rằng: sở dĩ tấm bảng hiệu chưa gỡ xuống, thì đó chỉ là một sự « lấy le » rất lương thiện để vay nợ mà thôi. Dì ba bán bánh cuốn biết rõ điều đó và nhiều lần dì biểu tôi cứ việc ăn rồi để đó chừng nào trả cũng được. Lòng tốt của dì ba thành thực như lắm cái “chừng nào có” của tôi cũng quá đổi mệt mỏi. Nhận thì tổn thương sĩ diện mà từ chối cũng làm cho dì ba không vui, thôi thì ba mươi sáu kế, chỉ có ngủ trưa là thượng sách.

Nói ngủ trưa nhưng vào khoảng bảy giờ, lúc dì ba đặt gánh bánh cuốn trước nhà, tôi đã thức rồi và nghe rõ ràng câu trả lời của bà chủ nhà trọ:

– Cậu ấy còn ngủ.

Kế hoạch gạt bỏ bữa ăn sáng của tôi đáng cho những nhà khảo sát về cơ thể học để tâm nghiên cứu, Tôi đề nghị bà chủ nhà cho ăn trưa vào khoảng mười giờ rưỡi và ăn chiều trước năm giờ. Sau một tháng theo lối ăn uống “mới” đó, một hôm tôi tạt vào nhà thuốc tây cân thử thấy mình nặng thêm được một ký lô thịt. Hỡi những người bán đồ điểm tâm, từ ông chủ hàng phở đến chị bán cháo đậu! Xin đừng tưởng tôi có ác ý phá phách sự làm ăn của các người. Đây là một sự thiệt có cầu chứng bằng tấm lòng ham chuộng chân lý của tôi.

Tôi không lấy sự dậy sớm hôm nay làm bằng cớ. Tôi siêng năng và hăm hở thành lình giữa những ngày thất nghiệp không phải nhờ chút sinh lực có thêm do một kí lô thịt mới mẻ nói trên. Sự hăm hở này bắt nguồn từ một ý nghĩ yêu đời nảy nở trong

người tôi khi nghe tiếng còi xe lửa hú gần, cùng một lúc với tiếng đồng hồ ré nhà bên cạnh. Tiếng còi quen thuộc quá chừng tại sao hôm nay tôi lại để ý. Tiếng xe lửa hú hôm nay đã làm sống lại trong lòng tôi hình ảnh của một người con gái. Ai đó có cười thì cứ việc cười, tôi không ngại, nhưng hãy biết rằng tôi không đỏ mặt chút nào. Con người ít ăn, ít nói, ít cười, ít mua vui, ít làm việc nghĩa... cái gì cũng “thiếu” hơn thiên hạ thì thiết tưởng người đời cũng nên rộng lượng ban cho y một cái “đa” để đời sống được công bình một chút. Và trong cái thứ “đa” có cái “đa” nào hơn đạo mà thơ mộng cho bằng cái “đa tình”. Nhờ vậy mà tôi lên cân chăng? Kết luận bây giờ còn hơi sớm.

Hãy trở lại vấn đề ngày mai tôi đi Mỹ Tho bằng xe lửa. Lời thiết đã khai ngay rồi, bây giờ bạn đã rõ khi viết những dòng này lòng tôi không có hướng về những bụi ô-rô cóc kèn mọc trên rạch Bình Chánh

hay mảnh tường loang lổ một nhà ga hiu quạnh. Tôi nghĩ đến một cô gái và tình yêu của cô gái đó có dinh dấp rất mật thiết với chuyến xe lửa Sài Gòn – Mỹ.

Cho nên ngày mai này, dù mưa, dù gió, dù giông bão đầy trời, dù Bộ Công chánh có quyết định bãi bỏ thành linh con đường xe lửa Mỹ trước ngày thông báo, tôi cũng nài xin cho nó chạy một chuyến sau cùng để tôi được ngồi trong lòng nó, trở về cái đô thị êm đềm thơ mộng mà ngày xưa tôi đã gọi là Mỹ Tho.

Mỹ Tho! Chao ôi! Cái tên sao mà đẹp để vô cùng.

*

Nhưng tại sao tôi gọi Mỹ Tho là Mỹ Tho. Đó là một điều cần giải thích.

O tròn như quả trứng gà.

Ồ thời đội mũ, ơ thời mang râu.

Việc đổi “tho” thành “thơ” ở đây không đơn giản khô khan như khi người giáo viên lấy phấn vẽ thêm cái cù ngoéo bên hông chữ O trên một tấm bảng của lớp học bình dân. Nó có duyên có hết sức thường tình mà rất đổi kỳ quan thơ mộng của nó.

Số là tôi tên Mỹ và người yêu của tôi là một cô gái mười sáu tuổi tên Thơ, cả hai đều chào đời, lớn lên và đi học tại Mỹ Tho. Tình yêu làm cho người ta có nhiều sáng kiến phi thường, cho nên trong một cuộc nghị bàn, chúng tôi đồng xác định rằng chữ “tho” không có nghĩa gì cả và quyết định đổi cái tên tỉnh lý chúng tôi là Mỹ Thơ. Ai có rầy ra sự lớn lối của chúng tôi, xin hãy dằn cơn thịnh nộ. Đây chỉ là quyết định của hai kẻ yêu nhau trong lúc túng ngặt đề tài để tình tự. Không phải là một quyết định của nghị viện bắt quan, dân, làng, nước phải

tuân theo. Và nếu rủi ro tôi có đắc cử dân biểu do những sự lầm lẫn thường có trong lịch sử thì khi cần biểu quyết về việc đổi tên đường sá hay đô thị, tôi không để cho tình cảm cá nhân xuyên tạc sứ mạng trọng đại của mình như vậy đâu.

Khi yêu, ai cũng thấy người yêu của mình là một bài thơ. Người yêu của tôi chẳng những mang tên Thơ mà quả thật nàng hết sức xứng đáng được mọi người coi là một bài thơ. Còn riêng đối với tôi thì nàng là muôn triệu bài thơ. Nàng là ý nghĩa của chữ thơ với tất cả sự vô tận của nó. Tôi và Thơ biết nhau, yêu nhau lúc tôi học năm thứ hai ban cao tiểu trường trung đẳng và Thơ học lớp nhứt trường tiểu học tỉnh lỵ. Tôi là học sinh ngoại trú trọ gần nhà cha mẹ Thơ. Việc tư tình của chúng tôi xoàng quá: gặp nhau, làm quen nhau có tình ý kín đáo rồi lần lần bộc lộ với nhau và sau hết viết thư cho nhau, đoạn này không có gì

đáng nói. Điều đang nói là chúng tôi yêu nhau nhằm cái năm kinh khủng nhất của thời đó: năm 1940.

Trong tỉnh và vài nơi khác ở miền Nam có những cuộc nổi loạn đàn áp tới bờ, đầm máu. Liên theo đó người Nhứt để chân qua Đông Dương với sứ mạng giải phóng Đông Nam Á của họ. Họ thức tỉnh rằng người Việt Nam là một dân tộc đã nằm ngủ trong một thế kỷ rồi, bây giờ phải đứng dậy làm người độc lập và nhớ rằng phải độc lập theo một kiểu đã định sẵn trong chương trình kiến thiết Đại Đông Á. Ban đầu tôi tưởng rằng tình hình quốc nội mới mẻ đó không có can hệ gì đến tình yêu của tôi, mặc dầu trường học của tôi bị quân đội Nhứt chiếm đóng và lớp học phải dời qua Đình bên kia đầu cầu quay. Theo lời người Nhứt nói, cả một vùng Đông-Nam-Á sẽ thanh vượng dưới gót chân của họ. Cũng như mọi người, ba má tôi chờ đợi sự thanh vượng đó để cho

tôi ăn học tới cùng. Nhưng tiếc thay, người ta chỉ ghi nhận được vài sự thịnh vượng lật vạt.

Một số người Việt Nam mới hôm nào hiền khô như cục đất bây giờ cạo đầu trọc lóc, đội nón lưỡi trai, mặc đồ kaki xám rộng phồng phình, bên hông đeo xề xệ một cái bi-đông nhôm, rượt đánh Tây chạy có cờ trong thành phố và lâu lâu về làng chơi ghé tạt nhà công sở làm mấy ông hội tề xanh mặt. Chuyện đó không vớt vát được gì và lai rai có tin đồn rằng ở Hậu Giang đã có người mặc quần cụt bằng bao bố tời.

Cuối năm học đó, ba tôi buồn bã cho biết gia đình không còn sức cho tôi học nữa và tôi phải tự kiếm lấy sự sống với số vốn văn hóa ít ỏi thu thập được. Tôi không buồn bao nhiêu. Một là tôi muốn xông ra vật lộn với cuộc đời như cậu Daniel¹⁵ của nhà tiểu thuyết Daudet. Hai là tôi đã chán

15 Nhân vật chính của tiểu thuyết *Le Petit Chose*.

ngậy cái kỹ luật khắc nghiệt có tiếng của trường trung đẳng Mỹ Tho. Tôi tự tin sẽ tạo được một địa vị xã hội trong nền “thịnh vượng Đại Đông Á” và cùng hưởng hạnh phúc với em Thơ của tôi trong sự thịnh vượng đó. Tôi nghĩ đến bộ đồ kaki xám, chiếc nón lưỡi trai, cái bị đông nhôm của những người Nhứt Bốn “lô-can” với tất cả cái khí phách hiên ngang của họ. Tôi đem việc đó bàn với Thơ. Thơ lắc đầu không tán thành và hẹn sẽ nói chuyện với tôi nhiều về vấn đề ấy trong dịp chúng tôi đi Sài Gòn, tôi đi lập thân và Thơ đi nhập học ở trường áo tím. Hôm ấy, Thơ mua hai vé hạng nhứt để chúng tôi được tự do tình tự trong cái toa xe lửa nhiều tiện nghi và vắng người.

Chuyến đi Sài Gòn bằng xe lửa hôm ấy quả là một sự kiện lịch sử trong đời tôi. Bài Thơ bằng xương thịt của tôi đã mọc thêm những nhánh nhóc tinh thần rực rỡ. Thơ đã nói cho tôi nghe nhưng tri thức vô cùng

mới mẻ về tình hình quốc nội và nhứt là về cái chương trình giải phóng Đại Đông Á của người Nhựt. Đại khái, Thơ cho biết đó là một hình thái xâm lăng độc ác được mặc cho một cái đẹp lấy tên giải phóng. Thơ cũng không quên cắt nghĩa về nguyên nhân sâu xa của vấn đề Nhựt Bản lô-can và những cái quần xà lỏn bằng bố tời. Tôi được học thêm một số danh tử mới như “trục tam cường phát xít”, “hai tầng lớp áp bức thực dân Pháp và quân phiệt Nhựt” v. v...

“Chao ôi! Nàng Thơ của tôi trong khoảnh khắc đã trở thành một vị thiên thần mở rộng tầm hiểu biết của tôi một cách ly kỳ. Tôi hỏi Thơ đã học chuyện đó ở đâu. Thơ cho biết đó là sự giảng giải của một người anh ruột đang làm cách mạng.

Lúc xe gần đến Sài Gòn, Thơ đưa tay cho tới hôn và dặn dò hãy nhớ lời nàng

nói. Tôi long trọng hứa sẽ y lời và để chân lên đất Sài Gòn trong lòng mang thêm một hoài bão đẹp bên cạnh cái đẹp thường tình của yêu đương.

Nhớ lời Thơ dặn tôi không thềm học tiếng Nhật, từ bỏ sự ham muốn nón lười trai, bi đông nhôm và nhiều ông Nhật Bản lô-can với tất cả sự hằn học, rẻ khinh. Tôi rảo khắp các vỉa hè Sài thành không tìm được sở làm nhưng nhứt định ăn khoai lang nấu, uống nước phong-tên chịu đựng chớ không thềm nhận một chỗ làm trong tòa soạn báo Tân Á mà một người bạn giới thiệu tiếng Nhật lúc bấy giờ có nhã ý giới thiệu vì Thơ cho biết rằng đó là cơ quan tuyên truyền cho chương trình Đại Đông Á bịp bợm của Nhật Bản.

Sự thất nghiệp của tôi cứ kéo dài, kéo dài cho đến tháng 8-1945 biến cố lịch sử xảy ra lúc tôi làm nhân viên kiểm vé của

công ty điện xa Đông Dương (C. F. T. I.).
 Mỗi tình của tôi và Thơ dang dở mà không
 ai oán hận ai vì không có ai phụ bạc ai cả.
 Sự hăm hở trước phong trào làm cho kẻ
 tiểu mọn nhất cũng trở thành quân tử nhứt
 là vậy.

Cho đến cách đây mấy tháng, do một
 sự tình cờ tôi được biết Thơ hiện giờ là một
 góa phụ mới ngoài ba mươi tuổi đang sống
 một cuộc đời nhàn nhã ở tỉnh lỵ Mỹ Tho.
 Lúc đó tôi không có ý kiến gì cả về tin tức
 đó. Ở trên đã nói rằng sự nhàn rỗi làm cho
 người ta đa tình. Bây giờ xin nói lại nghiêm
 chỉnh hơn một chút là hôm nay tôi quyết
 định ngày mai đi Mỹ Tho không phải theo
 quan điểm rất tâm thường của những kẻ
 tìm gặp người xưa để lải nhải vì sự bất diệt
 của mối tình đầu, rằng tim anh khép chặt
 từ thuở ấy, vân vân. Tôi xin thể bán mạng
 rằng tôi chỉ muốn gặp Thơ để nghe nàng

nói lại những điều rất đẹp của thuở nào trên toa xe lửa Mỹ.

Mười mấy năm qua, biết đâu bài thơ của tôi đã mọc thêm những nhánh rất rực rỡ, soi sáng tâm tư tôi giữa những ngày nhàn rỗi trong lòng cái đô thị đang bước vào mùa mưa ướt át nặng nề này?

*

Sự hào hứng của tôi sút mẻ bộn bằng khi tôi đứng trước cổng nhà Thơ. Đó là một biệt thự nhỏ nhưng diêm dúa sẽ làm nổi bật sự xơ xác của một anh chàng thất nghiệp dù rằng y đã tận dụng tất cả những phương tiện “lấy le” của y rồi. Nhưng người xưa của tôi tên là Thơ đã từng đứng kèm bên chữ Mỹ nghĩa là một bài thơ đẹp. Tôi nhớ chuyện đó để định thần lại và nhận vào nút điện. Một đoàn chó ủa ra. Một nữ

gia nhân chạy theo mắng chúng nó và kêu tên mỗi con. Không có tên nào tôi đã từng được nghe, dù rằng sự hiểu biết tên chó Tây của tôi khá phong phú, nhờ nhiều năm làm công với những ông chủ Pháp. Cô gia nhân yêu cầu tôi đưa một danh thiếp. Báo hại chưa? Người nhàn rỗi cũng có thể in danh thiếp nhưng phía dưới cái tên xôm tụ, phải ghi những chữ gì đây? Tôi lật bóp làm bộ tìm tòi và cố làm ra vẻ người có danh thiếp nhưng sơ ý quên đem theo. Đoạn tôi xé một tờ sổ tay ghi hai chữ Mỹ Thơ rất lớn đưa cho người thiếu nữ.

Một lát sau tôi được đưa vào phòng khách nhà Thơ và ngồi chờ ở đó gần nửa giờ. Ba bốn đứa trẻ trai có, gái có đang nô đùa với nhiều thứ đồ chơi quý giá. Người vú em kêu chúng nó bằng những cái tên mà dù muốn kêu tôi cũng không kêu được, mặc dù giọng nói tiếng Pháp của tôi rất “có hạng”.

Khi Thơ ra phòng khách, nàng nhìn bộ đồ của tôi nhiều hơn là gương mặt tôi. Chuyện đó không làm tôi mất thần. Người ta có thể nhìn bộ gió của cổ nhân mà thương chớ sao. Sau một hồi quan sát, Thơ à một tiếng để tỏ sự ngạc nhiên:

– Té ra anh mà tôi cứ tưởng ai. Bây giờ mới nhớ lại hai chữ Mỹ-Thơ. Anh nhắc làm chi sự đại đột của một thời?

Tôi bắt đầu mọc da gà và “xuống nước” từ phút đó. Tôi quan sát lại Thơ và tưởng nàng là một quảng cáo viên của một nhà sản xuất mỹ phẩm. Thơ tô môi và sơn móng tay móng chân bằng màu đỏ huyết bầm, kẻ chân mày sắc sảo đằng đuôi bén ra như một lưỡi dao nhọn. Tóc hót ngắn theo kiểu *garçonne*. Bộ Âu phục Thơ mặc cắt may rất đúng phương châm: “ít tốn vải nhứt và giới thiệu cơ thể một cách trung thành nhứt”. Đó là một thứ hàng màu gạch bông đỏ sẫm

rất lớn làm mệt mắt như một phim tô màu technicolor mà người xem ngồi hạng bát sát màn vải.

Người nhà bưng lên hai ly cam. Thơ mời tôi một miếng Lucky và tự châm cho nàng một miếng. Tôi mở lời trước và hỏi thăm về người anh năm xưa với ý định dẫn câu chuyện lần hồi trở lại cái thời Nhứt thuộc có chuyến xe lửa trên đó Thơ đã giác ngộ tôi về chủ nghĩa Đại Đông Á của Thiên Hoàng. Thơ mỉm cười thương hại:

– Đó là người đại dột đáng cho đời tội nghiệp.

Tôi muốn ra về lập tức nhưng sợ khiếm nhã. Hơn nữa, tôi cũng muốn xem bài thơ Đường luật ngọt ngào của tôi thuở nọ bây giờ đã trở thành một tác phẩm của trường thơ nào. Than ôi! Đó là một bài thơ phi xu hướng, bạn của nhạc điệu Rốc-ken-rôn, bà con với kiểu tranh diễn đạt một quan niệm

nhân sinh lấy khoái cảm của da thịt làm cứu cánh. Thơ không phải không chồng như tôi nghe tin. Chồng nàng là... mà thôi nói ra làm chi cho nhiều chuyện? Nội một việc đặt tên cho đàn con và bấy chớ tưởng cũng đủ rồi.

*

Xe lửa Mỹ Tho ôi! Người có một linh hồn đa cảm. Con người đa cảm khi sắp chết ứa muốn viết lại đời mình. Người còn sống không bao lâu nữa. Có lẽ người đang viết lại đời người. Vậy người hãy nhớ ghi nhận một sự kiện. Rằng trong những ngày hấp hối, người đã chở trong lòng người một hành khách thuộc về phe binh vực tình yêu. Hành khách hồi chuyển đi về Mỹ đã suy gẫm về những điều đẹp đẽ nhất trong tâm hồn một người con gái. Và trong chuyến trở lại Sài Gòn, anh ta đã cố xua đuổi mà

không sao xua đuổi được những điều xấu xa nhứt trong tâm địa của một người đàn bà.

Và cái thành phố Mỹ Thơ nữa! Hay cho phép tôi thu hồi lại cái cù ngoéo bên hông chữ O của tên người, để cúi đầu chịu lỗi với nàng Thơ về sự bướng bỉnh của một thời nông nổi.

Mỹ Thơ! Mỹ Thơ! Ôi, một cái tên đẹp đã không còn nữa trong lòng tôi tự hôm nay!

16. NHỠ TÀU

TUYẾT HƯƠNG

CHÍNH giờ năm phút rồi! Nếu xe lửa chạy đúng giờ, chín rưỡi sẽ tới ga Dalat. Từ ga về đây độ mười lăm phút. Chỉ bốn mươi phút nữa Tuấn đã dừng ở trước cửa, và tiếng chuông sẽ reo vang... Nhưng tôi sẽ chạy ra đón trước khi chàng có thì giờ giờ tay ấn vào nút chuông.

– Tuấn!

Tôi vội lấy tay che miệng khi nhận biết mình vừa nói gì. Chợt ngừng lên, tôi bắt

gặp bóng dáng mình trong tấm gương ở tủ áo. Má tôi đỏ hồng như khi đứng bên bếp than hồng rực. Ấp lòng bàn tay vào má, tôi cảm thấy sức nóng ở má thấm dần sang tay. Tôi lo lắng hỏi thăm:

– Liệu Tuấn có nhận ra mình không?

Hơn sáu năm rồi. Ngày ấy tôi còn để tóc dài, tinh nghịch như... một cô nữ sinh đệ tứ. Bây giờ, với mái tóc uốn cong, với vẻ dịu dàng từ tốn này, tôi cảm thấy mình là một người khác. Tuy vậy tôi tin là Tuấn sẽ nhận ra tôi ngay. Bởi vì... chàng đã nói không muốn xa tôi mà.

Tưởng tượng đến lúc chàng xách va-li đứng trước cửa, tôi nhớ lại tối ngày xưa. Cái ngày chàng còn là cậu học trò ngọc nghêch, xách một va-li to tướng đầy quần áo và sách vở, đến trước cửa nhà tôi bấm chuông.

Ngày ấy tôi đã không ra mở cửa, lại đứng nấp sau cánh cửa phòng khách để ngắm dung nhan cái người mà tối qua, khi anh tôi báo tin sẽ đến ở trọ, tôi đã hỏi:

– Người ta thế nào?

– Cũng giống anh Phong. Anh em mà.

– Tên là gì ạ?

– Tuấn.

– Tuấn... Chà, tên nghe oai quá. Chắc tuần tú lắm. Em sẽ phải gọi cái ông tuần tú đó bằng gì? Bằng ông nhé.

– Người ta hãy còn nhỏ. Nhưng nhiều tuổi hơn thì cứ gọi bằng anh, xưng là tôi.

Tôi muốn xem mặt mũi cái người mà mình phải gọi bằng « anh Tuấn » ấy ra sao. Và tôi đã suýt chết sặc khi thấy một anh chàng cao lớn, một tay xách va-li, một tay cầm mũ, rụt rè mãi ngó vào trong nhà đến

nổi vấp vào bậc cửa, tí nữa thì lộn nhào. Chiếc mũ cầm ở tay rơi xuống nền nhà lăn lông lốc như quả bóng.

Mấy tháng đầu tiên, mỗi ngày chỉ hai bữa ăn tôi mới nhìn thấy mặt Tuấn. Một cái mặt lúc nào cũng cúi gằm và đỏ như mặt Quan Công. Ngày nghỉ cũng suốt ngày ngồi trong phòng. Đến nỗi khó tính như mẹ tôi mà phải nói:

– Cậu Tuấn cứ như cô con gái cấm cung ấy. Con trai phải bạo dạn chứ. Không đi đâu thì xuống dưới nhà, ra vườn dạo chơi. Cứ ngồi một chỗ như thế yếu người ra đấy.

Để trả lời, mặt Tuấn đỏ thêm một ít. Về phần tôi, bắt đầu thấy Tuấn đáng thương, không nhại các cử chỉ và lối mời mẹ tôi ăn cơm để cười nữa. Bố mẹ chết cả, có một người anh trai thì lại đi xa, phải lạc đến

một gia đình ít thiện cảm với người ngoài như gia đình tôi kể cũng đáng thương.

Bữa cơm tôi đã chịu khó mời mỗi khi thấy Tuấn ăn ít quá. Đôi khi tặng chàng một cái nhìn thân thiện. Để cảm ơn, mặt chàng cũng đỏ thêm một ít. Chưa bao giờ chúng tôi nói chuyện với nhau.

Mãi tới một buổi tối, tôi thức khuya học ở nhà ngoài. Đang mải học, chợt tôi nghe có tiếng một vật gì nặng nặng rơi trên sỏi. Lắng tai nghe, không thấy gì nữa. Cho là mình nghe lầm. Nhưng một lúc sau, tôi thấy hình như có ai chạm vào cánh cửa. Lại yên lặng. Rồi có tiếng bước chân rất khẽ xa dần. Đúng là có người. Nhưng ai tới chơi vào giờ này? Và cổng ngoài đóng, tại sao không gọi cửa mà vào được? Chắc là trộm. Giá vào những hôm khác thế nào tôi cũng leo năm bậc thang một, lên gác gọi cả nhà dậy. Nhưng tối nay không hiểu sao tôi lại

bạo dạn, cứ đứng dán tai vào cửa mà nghe ngóng.

Không thấy gì nữa. Hay « nó » đi rồi? Đấy, lại tiếng bước chân. Hình như người ta tiến về phía cửa tôi đứng. Thôi, đúng là trộm đang tìm cách mở cửa.

Tôi thấy lạnh ở xương sống. Nhưng chợt nhớ mọi khi mẹ tôi vẫn bảo hễ có trộm cứ đứng trong nhà lên tiếng. Thấy mình còn thức sao nó cũng bỏ chạy. Nghĩ vậy tôi đằng hắng, và lên tiếng:

– Ai thế? Ai ở ngoài ấy thế?

Thằng ăn trộm này ghê thật, đã không chạy còn lại gần hơn. Y như nó đã đứng sát cửa. Tự nhiên tôi hoảng sợ. Vừa đúng lúc định leo năm bậc thang một lên gác cầu cứu thì có tiếng gõ cửa rất nhẹ, và tiếng nói gần như nói thầm:

– Tôi đây.

– Tôi là ai?

– Là tôi . . . Là Tuấn. Cô Dung đây phải không? Làm ơn mở cửa cho tôi.

Bấy giờ tôi mới hết sợ, yên trí mở cửa. Hết sợ thì lại buồn cười. Trông thấy chàng, tôi vừa cười vừa hỏi:

– Cổng đóng anh làm thế nào vào được?

Đứng xem tôi tra then vào chốt cửa, Tuấn nói rất tự nhiên:

– Tôi leo qua rào.

Nói rồi Tuấn mỉm cười bẽn lễn. Coi như một “kỳ công” vậy. Tôi trách nhẹ:

– Rào cao thế mà leo qua được, anh có thể làm trộm đấy.

– Tại tôi về muộn, không dám gọi cửa sợ phiền.

Gàn quả! Tôi muốn hỏi tại sao lại về muộn thế. Nhưng thấy vẻ ngượng nghịu lúng túng của chàng thì lại thôi, để yên cho chàng lên gác. Từ hôm sau, bữa cơm nào Tuấn cũng nhìn tôi một cái trước khi ngồi vào bàn.

Và thỉnh thoảng đã xuống vườn dạo chơi. Nhiều lần bắt gặp Tuấn đi lang thang ở vườn như một cái bóng, tôi cảm thấy hết cả sự lẻ loi trơ trọi của chàng. Tôi muốn mẹ tôi nhận chàng làm con nuôi, để chàng có một gia đình, được hưởng những gì ấm cúng thân mật. Tôi muốn chia sẻ vui buồn với chàng. Nhưng tôi không dám nói ra. Một hôm Tuấn xuống dưới nhà, nhìn quanh như muốn tìm gì. Tôi hỏi, chàng cho biết muốn tìm một cái chai con. Tôi đưa cho Tuấn lọ đựng mực của anh tôi. Ai ngờ anh tôi cũng cần cái lọ ấy! Anh cáu lắm. Tuy anh không nói gì, song Tuấn có vẻ buồn.

Vẻ buồn của Tuấn làm tôi băn khoăn áy náy. Buổi chiều tôi đón chàng đi học về, hỏi:

– Chắc anh buồn anh tôi. Thật ra lỗi tại tôi. . .

– Ô, có gì đáng quan tâm.

– Thật không? Nếu không có gì đáng quan tâm thật thì anh xuống dưới nhà chơi cho vui vẻ.

– Vâng.

Rồi Tuấn thản nhiên đi vào, không buồn nhìn tôi lấy nửa cái. Có thể chàng còn giận, và cũng có thể chàng là người bất lịch sự “nhất thế giới”. Vừa buồn, vừa giận. Vừa thấy Tuấn đáng thương, vừa thấy đáng ghét. Tôi nhủ thầm sẽ không bao giờ nói chuyện với chàng nữa.

Nhưng một chiều thứ bảy tôi mãi lau cửa kính thì có tiếng hỏi:

– Cô Dung chịu khó quá nhỉ.

Tôi quay lại. Tuấn đang nhìn tôi làm việc, mặt tươi tỉnh khác hẳn mọi ngày. Quên mất điều đã thăm nhủ, tôi cũng cười vui vẻ:

– Anh có muốn thành ra chịu khó không?

– Có... Nhưng tôi lười lắm.

Nói thế, nhưng một lúc sau chàng đã xắn tay áo, tìm khăn lau giúp. Tôi hỏi:

– Anh Tuấn không đi chơi à?

– Đi chơi đâu?

Cứ cái lối nói như “cẩn” người ta vậy! Tôi hỏi nữa:

– Anh không có bạn à?

– Có... Nhưng tôi lười lắm.

Tôi cười ngoặt ngoẹo, hỏi vặn:

– Thế tại sao anh lau cửa?

– Muốn làm thử xem sao.

– Vậy ra anh muốn thử xem sao chứ không phải chịu khó. Vậy anh có muốn thử đi chợ xách giỏ không?

– Cũng được. Bao giờ đi cho tôi biết.

– Sáng mai. Chủ nhật nào tôi cũng phải đi chợ, thay phiên cho chị Liên.

Thế là chẳng mấy chủ nhật Tuấn không đi chợ với tôi. Không dám để chàng xách giỏ, song bao giờ chàng cũng vác hộ tôi mấy gói nặng nhất. Đi thì đi, về thì về, chẳng bao giờ chàng nói chuyện ở dọc đường, chẳng bao giờ hỏi tôi có mệt không. Có hôm tôi cho là chàng ngớ ngẩn, có lần tôi lại kết luận chàng hà tiện lời nói. Đôi khi

hiền lành hơn, tôi nghĩ chàng có một tâm sự buồn. Nhưng muốn nghĩ gì tôi vẫn để chàng được tự do im lặng.

Nhưng, (đời vẫn có chữ nhưng!) một lần về đến nửa đường. Tuấn đi chậm lại và hỏi tôi có mỏi chân không. Tôi nghĩ thầm:

– Chắc anh chàng mỏi làm nên mới hỏi mình như vậy .

Tôi hỏi Tuấn có mệt không thì chàng chỉ chiếc ghế ở bờ hồ, nói:

– Không mệt, nhưng chỉ muốn ngồi xuống đây...

Tôi kinh ngạc kêu lên:

– Ngồi xuống đây sao được!

– ... Và không về nữa.

Tuấn đứng lại. Nét mặt trở nên mơ màng, xa xôi. Tự nhiên tôi cảm thấy sợ sợ.

Và tôi nói với về bối rồi:

– Anh ngồi đây, tôi về trước vậy nhé.

Mặt Tuấn bỗng ửng đỏ, nói vội:

– Đùa một tí. Ai lại ngồi đây bao giờ.

Rồi vừa đi Tuấn vừa nói chuyện. Lần đầu tiên chàng hoạt bát đấy.

– Cô Dung có biết trận đánh này gọi là gì không?

Tôi nhìn chàng và lắc đầu:

– Chịu. Gọi là đánh nhau.

– Kể ra chỉ là giặc. Nhưng đối với một nước nhỏ như nước mình, dù người Pháp đã ở ngay trong nước cũng nên gọi là chiến tranh. Cô có thấy không, mặt trận rộng dần...

Tuấn nói nhiều lắm. Tôi nghe rất chăm chú... không ngắt lời chàng và cũng không

hiểu gì hết! Tuấn hỏi gì cũng không biết. Cuối cùng tôi nói:

– Giặc, chiến tranh nóng, chiến tranh lạnh, dành độc lập gì nữa, tôi không hiểu bởi vì không muốn hiểu. Tôi chỉ muốn không có chiến tranh, và người Pháp đi khỏi đây. Chắc anh cho là tôi ngu và nhút nhát lắm. Nhưng tôi không muốn giết nhau, không muốn làm khổ lẫn nhau. Chết vô ích quá! Tôi chỉ muốn hòa bình, thế thôi.

– Thế thì phải tranh đấu.

– Thì tranh đấu. Nhưng tôi không muốn đổ máu, tôi không hiểu gì hết...

– Không hiểu thì phải tìm hiểu.

– Hiểu để làm gì?

May sao vừa về tới nhà, Tuấn lại trở lại lầm lì. Nếu không chắc không thoát khỏi chiến tranh giữa tôi và chàng. Một điều tôi

đã nói trước là không muốn.

Tôi làm cơm có biệt tài về môn cháy và mặn. Hễ có mặt tôi ở trong bếp là y như có mùi khét lẹt. Vì vậy chủ nhật nào tôi cũng được nghe mẹ nói:

– Con gái vụng đâu mà vụng thế! Bữa nào cũng cháy với mặn. Rồi ra ai dám rước?

Tôi nghĩ mình đâu có vụng đến thế. Thật vậy. Nếu canh không cho quá tay nước mắm chắc rất ngon, món thịt bò xào không để quên trên bếp than hồng quá sẽ rất khéo. Tại tôi cho quá tay nước mắm, tại để quên chứ đâu phải vụng. Vậy mà cả nhà chẳng ai bênh. Ai cũng về hòa với mẹ để pha trò mới tức chứ. Nhưng đấy là chuyện về trước. Bây giờ hễ món nào mẹ kêu vụng, không ai ăn, dù cháy khét hay mặn đắng chính tôi không nuốt nổi, vẫn hết như thường. Cứ món nào bị chê là y như Tuấn ăn cho bằng hết. Ăn một cách ngon lành, vui thích chứ

không phải miễn cưỡng hay... làm phúc đâu. Tại vì cơm cũng hết nhiều hơn.

Tôi cho là vì ngon miệng nên Tuấn ăn được. Nhưng chị tôi không đồng ý, bảo rằng phải ăn nhiều cơm cho trôi cái mặn đắng và cháy khét. Đã hết đâu. Chị còn bảo Tuấn thương hại tôi. Im đi thì hậm hực, mà cãi với chị bao giờ tôi cũng đuối lý. Theo ý tôi, chả ai dại ngu đến nỗi thương hại kiểu ấy.

Chị chỉ cười rất đáng ghét và nói một cách rất đáng tức:

– Thương thì ngu đến nỗi ấy đấy.

✱

Thấm thoát đã sắp tới nghỉ hè. Tuy bạn học thi, song tôi vẫn nhận thấy dạo này Tuấn có vẻ buồn buồn. Chàng hay xuống dưới nhà, nhưng chỉ ngồi yên lặng, không làm và cũng không nói gì hết. Tỉnh

thoảng lại thở dài. Đôi khi tôi bắt gặp Tuấn ng82i nấp sau cánh cửa sổ nhìn tôi đi lại ở ngoài sân. Vẻ buồn buồn của chàng làm tôi áy náy, không yên tâm và cứ bồn khoăn thế nào. Mà có gì áy náy, bồn khoăn, sao tôi cũng phải hỏi:

– Chị ạ, anh Tuấn dạo này làm sao mà có vẻ buồn quá.

– Anh ấy nhớ nhà chứ gì.

– Chả có lẽ. Sắp được về nhà rồi, việc gì phải buồn.

– Hay nhớ ai. Nhớ “sắn”.

Càng ngày tôi thấy chị đáng ghét. Cứ cái lối trả lời khiêu khích như vậy! Song tôi cố nén tức, hỏi thêm một câu cho trí tò mò được thỏa mãn:

– Cho rằng nhớ ai, hết hè lại gặp chứ sao?

– Nhỡ không gặp nữa thì sao?

Tôi không thèm hỏi nữa. không hỏi, song vẫn áy náy, vẫn băn khoăn. Sau cùng, không dùng được, tôi đã hỏi Tuấn:

– Anh nghĩ gì thế?

Tuấn không trả lời. Chỉ cúi đầu. Tôi lại hỏi:

– Anh có chuyện gì buồn phải không?

Tuấn nhìn tôi. Cái nhìn làm tôi bối rối và có cảm giác瑟瑟 như hôm nào, lúc đi chợ về tới bờ hồ. Tôi đã bỏ đi chỗ khác.

Tối hôm ấy, sau khi ăn cơm, tôi ra đóng cổng ngoài. Khi trở vào, chợt thấy bóng người thấp thoáng dưới gốc cây mít, cạnh rào. Tôi vội dừng lại. Nhờ ánh đèn ngoài đường chiếu vào, nhận ra Tuấn tôi mới hoàn hồn, hỏi:

– Anh Tuấn làm gì ở ngoài này thế?

– Tôi... à, không. Ở ngoài này chơi thôi.

– Anh ác quá. Làm tôi hết cả hồn, tưởng là trộm. May sao vẫn ông trộm hôm nào.

– Chắc cô ghét thằng ăn trộm ấy lắm.

Tuấn cười. Tiếng cười của chàng làm tôi ngạc nhiên. Nhưng chàng đã nói sang chuyện khác:

– Đã tới hè. Tôi sắp về...

– Anh có mong về không? Tôi ước được đi xa để mong...

Tôi ngừng giữa câu, kinh ngạc khi nhận biết Tuấn mình rất lạ. Cái nhìn làm tôi bối rối, sợ hãi hơn những lần trước. Tôi muốn bỏ vào trong nhà. Nhưng Tuấn đã bước lại gần, nói rất nhanh và nhỏ:

– Dung, tôi không muốn xa Dung!

– Ô, Anh Tuấn. . .

Tôi kêu lên và bỏ chạy vào trong nhà. Mặc Tuấn đứng ngẩn ngơ như người nhớ tàu dưới gốc cây mít. Đêm hôm ấy, tôi lại mơ thấy gặp Tuấn dưới gốc cây mít, trong vườn tối um. Tôi lại thấy chàng nhìn tôi, tiến lại gần và nói:

– Dung, tôi không muốn xa Dung!

Tôi sợ hãi kêu lên. Thì ra một giấc mơ. Tim tôi còn đập rất mạnh. Trong đêm tối, nửa bàng khuỷng, nửa kinh hãi, tôi muốn có người để nói chuyện. Tôi có cảm giác bơ vơ lạc lõng. Nhìn chị nằm bên đang say giấc ngủ, tôi muốn gọi chị. Nhưng tôi chỉ nằm yên. Yên lặng không nhìn, không nói với bất cứ ai cho tới ngày Tuấn đi.

Tuấn đi rồi, đôi lúc tôi thấy nhà vắng vẻ và hay buồn vô cớ. Có nhiều lúc tôi nhớ mong vợ vẫn, những lúc ấy tôi muốn Tuấn trở về. Tôi mong chóng hết hè, hy vọng chàng sẽ tới. Nhưng mỗi lần nghĩ đến Tuấn,

tôi lại nhớ tới câu nói tối nghĩa của chị:

– Nhớ không gặp nữa thì sao?

Tại sao lại nhớ không gặp nữa? Không hiểu, nhưng tôi không hỏi. Tự nhiên tôi thấy có nhiều thứ không nên hỏi, đừng cho ai biết. Cũng như đêm nào nhìn chị ngủ say tôi muốn gọi để nói chuyện cho hết băng khuâng cho đỡ bơ vơ lạc lõng mà tôi chỉ nằm yên.

Rồi hè hết, niên học mới bắt đầu. Vẫn không thấy Tuấn. Cuộc đời cứ trôi đều đều, bình thản như không có gì đáng chú ý, như Tuấn chưa hề đến nhà tôi. Nhưng tôi vẫn nghĩ đến chàng, vẫn văng vẳng bên tai một câu nói trở nên tha thiết:

– Dung, tôi không muốn xa Dung!

Ngày tháng qua, tôi vẫn mong chàng đến, hy vọng chàng trở lại. Vẫn cảm thấy nhà vắng vẻ, hay buồn vô cớ... Cho tới một

ngày kia, khi tôi cắt bỏ mớ tóc dài, bắt đầu đòi mua dép cao gót, chỉ mặc áo may vừa người, làm bếp không mặn và cháy nữa. Ngày ấy tôi đã tìm ra lý do sự mong nhớ, duyên cớ sự buồn vợ vẫn: “Tôi cũng không muốn xa Tuấn.” Thời gian vẫn qua. Từ Bắc vào Nam, từ Sài Gòn lên Đalat, càng ngày tôi càng mong chàng đến, hy vọng chàng trở lại. Càng ngày tôi càng cảm thấy vắng vẻ, hay buồn vợ vẫn. Buồn bao nhiêu không muốn xa Tuấn bấy nhiêu. Đôi lúc buồn quá, tôi muốn có người để nói chuyện, để hỏi thăm Tuấn. Nhưng cũng như ngày xưa. Chỉ muốn chứ không thể nói hay hỏi. Có nhiều thứ không nên nói cho ai biết. Nhiều thứ đừng nên hỏi bất cứ ai. Và cũng như ngày xưa Tuấn ngồi sau cánh cửa nhìn tôi đi lại ở ngoài sân, bây giờ tôi cũng hay ngồi sau cánh cửa, nhưng chỉ nhìn một bóng người khoác áo thời gian.

Thế rồi có một hôm Tuấn gửi thư, cho biết ngày sẽ tới...

✱

Tưởng lượng tới lúc trông thấy chàng xách va-li đứng trước cửa, tôi chạy ra đón. Tôi sẽ chạy ra trước khi chàng có thì giờ giơ tay ấn vào nút chuông, tôi sẽ không để chàng vấp vào bậc thềm và đánh rơi mũ như ngày nào. Tôi sẽ gọi tên chàng. Gọi một cách tỏ hết sự tưởng nhớ trong bấy lâu, không chút giấu diếm, không chút dè dặt. Rồi chúng tôi sẽ nhìn nhau, nhìn lâu bằng quãng thời gian xa cách. Một cái nhìn thay cho bao lời nói đã để dành trong bấy lâu. Tôi sẽ giơ tay cho chàng nắm lấy. Chúng tôi cùng đi vào. Tay trong tay, chúng tôi đi thẳng tới con tàu đưa tới bến hạnh phúc.

Có một con tàu chuyên môn đi đón những kẻ yêu nhau thành thật tới bến hạnh phúc. Lần này tôi quyết không để lỡ chuyến tàu ấy.

Kim chỉ phút của chiếc đồng hồ treo tường đã quay được một phần tư vòng. Có tiếng xe đỗ trước cửa. Không cần biết xe ai, tôi chạy vội ra hiên. Tiếng mở cửa xe rồi đóng. Có bóng người thấp thoáng trước cửa. Đúng rồi. Chưa trông thấy người tôi đã chắc là đúng. Tim tôi đập loạn lên. Con đường từ bậc thềm tới cổng hôm nay sao dài quá! Tôi chạy nhanh đến nỗi khi tới nơi phải vịn vào cửa. Y như khi hãm phanh xe đạp vậy. Nhìn qua khe cửa, tôi thấy một người hơi cúi xuống. Đúng Tuấn của tôi rồi. Kia, chàng đã ngừng lên. Trông chàng có vẻ già dặn hơn, đẹp trai hơn nữa. Nhưng đúng là người tôi vẫn mong chờ, vẫn tưởng nhớ. Thời gian có thay đổi gì đâu.

Cánh cửa vừa mở, tôi định reo lên cái tiếng xiết bao thiêng liêng, êm dịu đã thầm gọi bao lâu nay thì chợt nhận thấy ở sau Tuấn còn có ai nữa. Tuấn đã nhận ra tôi. Chàng gọi một cách mừng rỡ:

– Cô Dung!

Tôi chỉ hơi gạt đầu. Còn đang mãi nhìn người ở sau chàng hiện dần ra. Một người đàn bà trẻ và đẹp, “sắp” có con. Tự nhiên tới nhủ thầm:

– Chắc chị dâu Tuấn.

Tôi nín vào ý tưởng đó như người sắp chết đuối vớ được cái phao. Tôi muốn nhìn lại chàng và gọi tên nhưng mắt vẫn không rời người đàn bà. Cái người tôi không muốn biết ai, không có can đảm tìm hiểu người ta là ai. Vẫn biết rồi sẽ biết, song tôi muốn đổi cả cuộc đời để dừng tới lúc sẽ biết ấy. Linh tính đang nói, nhưng tôi đã bịt tai lại. Có

cách nào diễn tả nỗi tâm trạng của tôi lúc ấy chẳng?

Một cơn gió lạnh lướt qua. Những cánh anh đào nở muện rơi lả tả trên mặt đường, vỉa hè. Màu hồng dịu của anh đào khi tàn úa trở nên đỏ sẫm và tai tái. Tuấn và người đàn bà đã đứng trước mặt tôi. Trông dáng họ đứng bên nhau, tôi cảm thấy cái phao mình vừa nắm được sắp nổ tung. Rồi chính Tuấn đã làm phao nổ, khi chàng quay nhìn người đàn bà đứng bên, nói một cách âu yếm:

– Đây, cô Dung mà anh vẫn nói chuyện với em.

Tôi nhìn Tuấn, nhìn người đàn bà. Nhưng chỉ thấy màu đỏ tai tái của những cánh anh đào vừa rụng, nằm lẫn lộn trên vỉa hè, trên mặt đường. Tôi có cảm tưởng đó là những mảnh vỡ của trái tim tôi.

Mặt trời miên núi thản nhiên trải trên cánh vạt những tấm lụa vàng vá vúi, chỗ đậm chỗ nhạt. Nhìn màu vàng của nắng, tự nhiên tôi không muốn chết đuối. Tôi nhìn Tuấn, gọi tên và kêu cứu. Chỉ một hơi thở dài thoát ra. Tôi thấy người đàn bà nhìn tôi và níu tay Tuấn. Kỳ lạ chưa! Tôi thấy rõ ràng cách người ta níu tay Tuấn giống hệt như khi tôi vớ được cái phao níu lấy. Cũng cái dáng sợ chết, muốn kêu cứu như tôi. Chắc không ai lôi được Tuấn ra khỏi bàn tay ấy, cũng như không ai lôi được cái phao ra khỏi tay tôi.

Chóng mặt, mệt rã rời. Tôi dựa vội vào cánh cửa. Tôi nhìn Tuấn đứng trước mặt, nhìn Tuấn khoác áo thời gian ngồi sau cánh cửa. Tôi nhìn như người sắp chết đuối giương mắt nhìn sự sống một lần cuối cùng, trước khi buông tay chìm vào dòng nước. Bên tai tôi văng vẳng một tiếng nói đã trở nên xa xôi mơ hồ, xa xôi và mơ hồ

như tiếng nhạc của thần tiên xuống đón một linh hồn về trời:

– Dung, tôi không muốn xa Dung!

Tất cả đều trở nên xa xôi, mơ hồ. Sau cái xa xôi mơ hồ ấy, bóng một con tàu vùn vụt chạy. Tôi chỉ đứng yên nhìn nó chạy. Không thể níu lại, cũng không thể níu thời gian lại.

Như một người đến bến trễ, nhớ chuyến tàu cuối cùng phải trở về nhà, sống như vẫn sống, tôi nói một cách an phận và biết điều:

– Mời anh chị vào chơi trong nhà.

Đi trở vào, không một tư tưởng thành hình trong trí óc. Ngơ ngẩn và luyến tiếc. Tâm trí còn mơ tưởng bóng một con tàu không gặp.

Thì ra chuyến tàu đưa tới bến hạnh phúc chỉ đến đón có một lần. Tôi đã để nó đi qua từ bao giờ. Bây giờ muốn gặp mới biết đã trễ.

17. ĐÔI CÁNH GỠ CỦA THIÊN THẦN

VĨNH LỘC

*La plus grande protestation
contre la vie, c'est la mort.*¹⁶

G. ROBIN

ANH ta uống từng ngụm nhỏ, tiếng lưỡi đánh lép chếp trong miệng như người đang nhấm nháp một cách chậm rãi, thanh nhàn. Tiếng ù ù không lớn lắm nhưng dai dẳng của máy điều hòa không khí bỗng dừng làm tôi khó chịu. Tay tôi bắt đầu run rẩy. Tôi nghe rõ ràng tiếng ca sắt va vào

¹⁶ Sự phản kháng lớn nhất chống lại sự sống, là cái chết.

miệng anh ta. Tiếng động kim khí trong khoảnh khắc như át hẳn tiếng máy lạnh trong phòng bệnh. Tôi có cảm tưởng như ai ném một hòn sỏi xuống lòng giếng sâu. Hòn sỏi va chạm nhiều lần vào thành giếng làm thành tiếng ngân dài dội trở lên.

Người bạn bên cạnh bật lên ho sù sụ. Anh ta sắc thì đúng hơn. Sau đó tiếng anh ta ào phào, như người quờ quạng trong bóng tối:

– Không sao đâu... anh nên nghỉ tay một chút. Hình như anh hơi bị xúc động.

Lúc bấy giờ tôi mới nhận thấy cái thế nằm khó khăn của tôi. Bên chân phải bị gẫy đặt dài theo chiều dốc của chiếc sườn sắt như có hàng ngàn mũi kim châm vào tê điếng. Chân trái tôi gập lại, mỏi rời vì phải chống cho mình khỏi bật ngửa ra. Xương sống tôi thì nhức nhối vì bị vặn cong theo một chiều ngược. Trong một giây tôi tưởng

chùng sẽ đánh rơi chiếc ca sắt xuống nền gạch bông. Tiếng động lúc này có thể khiến cho cái việc kinh khủng tôi đương làm bị phát giác. Mồ hôi bắt đầu vã ra trên trán tôi: « Tại sao y uống chậm thế? Khỉ quá, mình mất tự chủ rồi. . . Không. . . Anh ráng lên. . . Anh phải ráng lên chút nữa. . . Tôi mệt quá... Chiếc ca sắp rớt bây giờ...

Trong giây phút khuây khỏa dằng dặc ấy tôi hồi tưởng lúc đương thả từng viên thuốc trắng vào ly nước. Vừa làm tôi vừa đếm nhẩm trong bóng tối. « Dung lượng thuốc tới bao nhiêu mới đủ công hiệu ». Anh ta bảo chúng hai chục viên, một ống trịn. Mi mắt tôi mọng cứng và chỉ muốn sụp xuống. « Bao nhiêu viên rồi? » Tôi quờ quạng lên mặt bàn, tay chạm phải cái bao giấy rỗng tuếch, đã thấm ướt sũng cả đáy. Tôi thò một ngón tay vào khoảng trong lòng ca sắt. Từng viên thuốc chưa tan còn lổn nhổn dưới đáy ly. Một thứ nước lệt sệt

quyến lấy đầu ngón tay, tôi đưa ngón tay lên miệng. Chẳng có mùi vị gì cả. Thật là dễ chịu. Có thể đó là cảm giác của anh ta. Nhưng tôi lại nghĩ rằng việc làm của mình thật liều lĩnh. Sớm mai khi người ta phát giác ra vụ này thì số phận tôi sẽ ra sao. Với hai bàn tay liệt bại anh ta không thể làm cách nào nốc trọn được cả một ly đầy cái thứ thuốc trắng đục này. Lẽ cố nhiên sẽ có một kẻ thứ hai đã giúp anh thực hiện ý muốn khủng khiếp đó.

Anh thúc đẩy chứ. Hình như thuốc đã sóng ra cổ tôi.... Không sao đâu. . . Anh giúp tôi một chút nữa là xong. . .

«Tại sao anh lại bình tĩnh như vậy. Không, tôi có thấy gì đâu...» Trong khoảng đen dày đặc tôi chợt nghe cái tiếng thì thầm hỗn hển của mình. Tôi đưa tay vuốt những hạt mồ hôi trên mặt. Tiếng máy lạnh đều đặn, dai dẳng. Tôi có cảm tưởng như ai vịn

từng đốt xương sống. Hai bên thái dương tôi bị kẹp cứng lại, nhức buốt như lúc bị động tới vết gãy nơi hông.

Rồi đột nhiên toàn thân tôi nhẹ nhõm. Giấc ngủ bắt đầu đưa đẩy tôi trên chiếc nôi êm dịu. Chiếc ca sắt trắng men trắng cầu bầu và sứ lở lờ mờ hiện ra. Tôi thấy mình đang đếm nhắm những viên thuốc ngủ.

Ngọn đèn từ phòng trực hắt sang soi lờ mờ trên dãy giường trắng im lìm. Một con bệnh nào đó cửa mình rên rĩ trong bóng tối. Đèn tắt rồi một lát sau tôi nghe vẳng lại tiếng thì thào quen thuộc từ giường bên cạnh.

– Bữa nay chị không lại thăm anh sao?

– Có lẽ nhà tôi bận. Thằng cháu nhỏ bị sốt từ hôm kia.

Tôi có kể về anh ta cho vợ tôi nghe. Nàng rất ngạc nhiên, gần như kinh sợ, không

thể tin rằng lại có một con bệnh nằm dai dẳng ở khu « hành lang tử thần » (tiếng này do tôi đặt ra) này ngót mười mấy năm trời. Mấy ngày đầu tôi thường để ý đến sự săn sóc cần mẫn gần như săn sóc một đứa trẻ thơ của mấy người y tá xung quanh chiếc giường bệnh bên cạnh tôi. Anh ta nằm bất động trong lớp vải trắng, chỉ còn lộ ra khuôn mặt sưng sưng với mái tóc ngắn lởm chởm. Vào mỗi buổi sáng bác sỹ dừng lại một chút, không phải để thăm mạch mà để hỏi anh ta những câu thường lệ:

– Khỏe chứ? Có ăn được cơm không?

Tôi để ý trong lời nói thân mật và nhân từ ấy có thoáng một niềm xót thương từ hôm tôi biết được rằng anh ta là một thương binh. Một viên đạn ác nghiệt đã vệt qua óc anh làm đứt gãy thần kinh chính. Sự sống đã lìa bỏ cái thân thể mạnh mẽ trước kia, chỉ còn để lại có đôi mắt, tiếng nói và

một nỗi tuyệt vọng khủng khiếp. Những người y tá đến săn sóc thường hay nói đùa với anh một vài câu chuyện rất vô tư ngụ nhiều an ủi. Tôi không thể nào quên được nụ cười của anh ta vào mỗi lần bác sỹ tới thăm và ân cần hỏi chuyện. Nụ cười bình thản, không gợn nét vui, đầy can đảm và chịu đựng. Cái nụ cười mang vẻ ngạo nghễ của người đương chiến đấu với số mệnh thảm khốc của mình khiến tôi liên tưởng đến nụ cười của một pho tượng đá trắng trong khu công viên kia.

Chúng tôi làm quen với nhau do sự trung gian của vợ tôi. Lần đầu khi nàng bỏ một miếng cơm vào miệng anh ta thì anh ta cố gắng quay sang phía tôi. Đôi mắt sâu hóm nhìn chúng tôi, một cái nhìn đầy biết ơn và buồn bã khiến tôi muốn rớt nước mắt. Đêm thứ nhất anh hỏi:

– Anh chị được mấy cháu rồi.

– Chúng tôi được hai cháu. Nhà tôi cũng phải đi làm, cuộc sống khó khăn lắm.

..

Trong bóng tối vọng sang tiếng nói u uẩn, tiếng nói của người bạn:

– Tôi nằm trong này có lẽ cũng gần mười năm...

Anh dừng một lát, khoảng cách đó đủ cho tôi hiểu đến rợn người lên sức chịu đựng của anh trước điều bất hạnh.

– Chẳng biết những gì đã xảy ra ở ngoài đó. Tôi nghe nói như chiến tranh đã hết rồi.

– Người ta đã ký hiệp định Genève hơn một năm trước đây...

– Tôi bị bắt trong một cuộc hành quân, rồi đi lính thân binh... Hiệp định Genève là thế nào, có phải họ đã trả độc lập cho mình rồi không?

Tôi định nói với anh rằng đó là điều đau sót vì khi ký hiệp định ấy người ta đã chia cắt đất nước chúng tôi.

Nhưng tôi chỉ nhìn anh ta mà gật đầu trong lòng không khỏi chua xót nghĩ rằng: Chiến tranh hay hòa bình hay độc lập đối với anh còn có nghĩa gì. Tôi đã nhầm vì anh bảo:

– Họ đã đốt nhà chúng tôi. Mẹ tôi chết thiêu trong đó. Em tôi đi kháng chiến biệt âm vô tín, còn lại một mình ông già tôi sống vất vưởng với thửa ruộng còm...

Anh nói từng chập như người thở dài. Tôi có cảm tưởng như nhìn thấy pho tượng đá nhỏ nước mắt.

Một đêm khác anh đánh thức tôi dậy mà hỏi:

– Anh có thấy ánh đèn bên giường số 5 không?

Tôi đáp:

– Hình như ông ta vừa được giải phẫu hồi trưa nay.

Giọng anh chậm rãi:

– Tính mệnh ông ta lúc này trông vào cái ánh sáng nhỏ ấy. Thật là kỳ quặc khi mà ngọn đèn tắt lên thì lại là lúc ông ta gần cái chết nhất. Tôi được biết đó là phương pháp kiểm soát hơi thở của những bệnh nhân mới rời phòng giải phẫu, còn nằm trong ảnh hưởng của thuốc mê.

Người bạn bên cạnh kể:

– Trong mười năm nay đã năm lần người ta đem tôi « đi màn thịt » như vậy. Máy người y tá cho tôi biết là trong bụng đại của tôi có sạn. Những hạt vôi nhỏ làm bít đường tiểu tiện. Tôi hỏi họ: Như vậy có sao? Một người giải thích: Bít đường tiêu tiện rồi lên một cơn sốt rồi. . . đi đời. Tôi

bật cười tự nhủ: điều ấy có ăn thua gì tới tôi. Tôi hỏi một người y là: Tại sao bác sỹ không để tôi chết đi cho rảnh. Người y trả lời: Nghề nghiệp của chúng tôi là cứu người ta sống.

Về sau tôi được biết là tôi đã nằm ở bên cạnh ngọn đèn ấy nhiều đêm. Những dịp ấy tôi thường chỉ cầu mong ngọn đèn sẽ bùng lên thật lâu, hoặc là có một sự sơ sót đó của bác sỹ trong lúc giải phẫu. Nhưng buồn thay điều đó lại ít khi xảy ra trong cái bệnh viện này. Xin lỗi anh. Tôi đã kể hơi nhiều về những chuyện bất hạnh của tôi. Có lẽ cũng khuya rồi đây...

– Máy đêm nay tôi xin thuốc rồi bỏ lăn lóc trên bàn, bắt đầu hết tin ở những viên thuốc ngủ rồi.

– Tôi cũng vậy. Tôi mất ngủ nhiều đêm vì tiếng máy ù ù này, vì cái bóng tối lạnh lẽo và những tiếng rên la của bọn hấp hối. . .

Anh có nghĩ rằng uống một liều mạnh quá thì chết được không?

Câu hỏi làm tôi lạnh xương sống. Tôi tự hỏi anh ta làm cách nào để nuốt được những viên đó, thì anh lại tiếp:

– Tôi để dành được khá nhiều, trong một bao thuốc lá, bằng cách đánh lừa mấy người y tá trực. Họ đưa thuốc cho tôi mà không quên dặn dò: uống nhiều cũng có hại đấy. Anh cho tôi là lẩn thẩn, phải không? Nếu anh đã từng sống những đêm dài như tôi, rồi khi thức dậy lại thấy người ta săn sóc mình như một đứa trẻ nít, với cái ý định hiển nhiên là không cho mình chết trong khi anh thấy rằng sự cố gắng của họ hoàn toàn vô ích thì anh nghĩ ra sao?

Phía giường đối diện với chúng tôi ngọn đèn báo hiệu sự có mặt của Tử Thần bùng sáng lên từng chớp. Tôi bắt gặp khuôn mặt xương xương lạnh lùng, bình thản

của người muốn được chết mà không toại nguyện. Trong bóng tối tôi nghe như có bàn tay nào đè lên tim mình. Một nỗi khắc khoải kỳ dị choàng lấy khắp người tôi.

Người bạn giường bên lại cất tiếng, giọng anh trầm và nhỏ như tôi nghe người nói thắm vào tai mình, mỗi câu nói làm nhịp cho tiếng đập trong tim tôi, một nhịp đập dồn dập, hốt hoảng.

– Tôi nằm bệnh viện này tới ba năm mới gặp được cha tôi. Ông lần mà từ quê chúng tôi tận miệt Cà Mau. Gặp tôi ông mừng chảy nước mắt. Ông mặc bộ bà ba đen rách ở nhiều chỗ và đi đôi guốc mộc lở lói. Tóc ông bạc trắng mặc dầu ông mới ngoài năm chục tuổi. Ông mang cho tôi mấy bao thuốc bao xanh. Chắc chắc ông đã dành dụm hàng năm để có được món tiền mua giấy xe lên thăm con. Khi tôi nói cho ông rõ sự thật thì mặt ông rầu rầu, những

tia máu đỏ vẫn lên trong lòng mắt như lúc người say rượu. Tôi khóc ẩm ức như đứa trẻ con trong lúc bàn tay gầy guộc của cha tôi sờ nắn trên cánh tay đã chết của tôi. Một chặp sau ông bảo tôi: Ở dưới yên rồi nhưng cực lắm con ơi... Thằng Út – em tôi – người ta bảo nó đi tập kết. Người lại nói chết rồi. Tôi biết rằng cha tôi không muốn kể những chuyện đó nhưng ông không biết nói gì hơn. Khi tôi bảo: Con ở đây được người ta nuôi ăn và săn sóc dễ chịu thì ông có vẻ bớt rầu rĩ. Ông ở với tôi chừng một tiếng đồng hồ thì người ta đuổi ra. Ông bảo sợ lâu lắm mới trở lại thăm được và hỏi chừng nào tôi định về dưới. Tôi nói: Con ở đây chưa biết tới chừng nào và người ta có thể nuôi tôi tới khi tôi chết. Câu nói cố gắng làm ra khôi hài, nhưng hai con mắt của cha tôi vẫn sâu trũng xuống mà nhìn tôi. Ông lồm lũi lê guốc trở ra, lưng còng xuống và hai vai như có gánh nặng. Tôi nghĩ tới cha

tôi đã già yếu lại phải làm ruộng một nắng hai sương cực khó chắc cũng chẳng còn sống được bao lâu nữa. Đêm đó tôi cắn nát lưỡi mình ra, nhưng người ta đã tới kịp. Tôi bảo người y tá đã cứu sống tôi: nếu tôi còn được một cánh tay thì nhất định là các ông vô phương giữ tôi lại... Ông ta bật cười đoạn đốt một liều thuốc cho tôi hút, mặc dầu đó là điều cấm kỵ trong phòng bệnh.

Hình như anh ta ngủ thì phải.

Mi mắt tôi đã nặng trĩu nhưng tôi ráng trả lời:

– Tôi vẫn nghe anh kể đấy.

Anh ta lại tiếp tục:

– Những đêm về sau, khi mất ngủ, tôi thường để tâm suy nghĩ về cách chết. Tôi đã quyết định rồi. Họ sẽ thất bại. Rồi tôi tìm ra một phương pháp mới hợp với khả năng và điều kiện của tôi. Tôi từ chối những bữa

cơm do nhà thương đãi và nhất định không chịu hé răng dù là để người ta cho uống một hớp nước. Không rõ tôi đã chống cự như thế được bao lâu. Tôi lả đi. Trong cơn mê sảng tôi thấy mình được thoát... Gần sáng tôi thức giấc khi nghe tiếng loáng thoáng người bạn bên cạnh.

– Ông già bên số 5, anh còn nhớ không. Ngọn đèn ông ta đã bật sáng quá lâu.

Tôi ngó sang phía chiếc giường trống không, lúc quay lại bắt gặp đôi mắt tư lự của anh:

– Thật vô lý – giọng anh hậm hực, chua chát – Ông ta vào đây đã ba lần, người giàu có và rất quý mạng sống. Còn tôi, cái thằng tứ cố vô thân, nghèo mạt, rất mong được chết cho rảnh thì cái ông thần chết lại nhất định không thêm tới rước đi cho. À hôm qua tôi đương kể tới đoạn tuyệt thực phải không anh? Lẽ tất nhiên người ta lại bắt tôi

phải sống. Tôi hồi tỉnh lại và thấy hai hàm răng mình bị khớp cứng. Một cái ống cao su dài và nhỏ thông vào trong cuống họng tôi. Cô y tá thấy tôi đã tỉnh thì lạng là gỡ miếng sắt trong miệng tôi ra. Giọng cô ta trong trẻo và dịu dàng:

– Ông chịu khó dùng chút sữa cho khỏe.

Tôi nói cảm ơn, tiếng run run, thều thào. Chắc cô không khỏi buồn cười vì lúc đó tôi chẳng khác nào đứa con nít đương làm nũng với bà mẹ sau khi bị phạt đòn. Khoảng chín giờ bác sỹ lại bên giường tôi. Tôi tưởng ông sẽ rầy tôi như bất cứ những bệnh nhân hay y tá nào có lỗi. Nhưng ông chỉ nhìn tôi hồi lâu, đôi mắt nghiêm nghị bấy giờ có thoáng một vẻ ái ngại, khoan dung. Rồi ông đặt một bàn tay lên vai tôi, giọng thật nhân từ:

– Tôi khuyên anh nên cầu nguyện.

Tôi nhờ người y tá nói giùm là tôi rất cảm ơn bác sỹ và nếu có Thượng Đế thì tôi sẽ xin Ngài cho tôi được chết. Vị lương y già mỉm cười mà bảo:

– Tôi không nghĩ rằng anh sẽ khỏi bệnh vì một phép lạ. Nhưng chừng nào, mỗi buổi sớm khi thức dậy anh còn trông thấy ánh sáng mặt trời, thì chúng ta vẫn có quyền được hy vọng...

Cô y tá bỏ đi lúc tôi bắt đầu một giấc ngủ mệt nhọc. Hình như tôi có gặp lại cha tôi. Trong giấc mơ người buồn rầu hỏi: Chừng nào con về? Tôi không trả lời chỉ cười ngất, nhớ lại một lần đã nói với cha tôi: Con ở đây được người ta nuôi cho tới khi nào chết thì thôi.

✱

Buổi chiều vợ tôi vào thăm dặt theo đứa con trai đầu lòng. Sự có mặt của tuổi

thơ và tiếng nói líu lo chim sẻ của thằng bé khiến tôi tránh lòng nghĩ tới số phận người bạn nằm bên cạnh. Anh từ chối miếng lê nơi tay vợ tôi. Giọng đầy xúc động:

– Tôi không biết lấy gì để tạ ơn chị. Từ thuở nhỏ, đây là lần thứ nhì tôi được gặp một người đàn bà dễ thương và dịu hiền sẵn sóc đến tôi. Người thứ nhất là mẹ tôi. Chiến tranh giết mất một người mẹ hiền hoàn toàn vô tội...

Tôi nhắm mắt lại hình dung thấy mình đương đi sâu vào con đường hầm lạnh lẽo. « Chiến tranh đã giết mất một người mẹ hiền, hoàn toàn vô tội ». Tiếng anh thê thảm vang vọng vào bóng tối mênh mông. Tôi có cảm tưởng như đương và đầu vào thành đá trong đường hầm. Chân tôi dẫm lên những hòn đá dăm nhọn hoắt. Hơi lạnh của đá và rêu thấm vào tay tôi đương quờ quạng trong khoảng đen khủng khiếp.

« Mình phải đi như thế này trong bao lâu nữa ». Hình như chân tôi bị đá nhọn của đứt ở nhiều nơi. Một nỗi đau đón buốt xé và ghê rợn như lúc người ta lách lưỡi dao bén vào da thịt. Như lúc bắt đầu cơn sốt rét rừng. Như khi cơn đau đầu vừa dứt và mồ hôi từ những lỗ chân lông vã ra, lạnh rùng mình.

Một lúc nào đó tôi bỗng vùng chạy trong cái âm thanh rừng rợn như tiếng một người bị đẩy xuống vực sâu, tiếng la dài thảm thiết tuyệt vọng tưởng như không bao giờ dứt. Trên khoảng đường đầy đá nhọn ấy một chân tôi mỗi rục kéo lê bùn chân gầy nhúc nhối. Hai khuỷu tay tôi trầy trụa. Bây giờ tôi biết chắc mình sẽ phải làm gì.

– Gói thuốc anh tìm ở ngăn bàn phía dưới. Vâng cái bao xanh đấy. Khéo không rớt những viên thuốc thì uống...

Tiếng nói bình thản của anh ta đập vào tai tôi giữa lúc tôi đang lết trên đã dậm sặc nhờn. Trong bóng tối lạnh lẽo có thoảng mùi tanh của rêu mốc và nấm độc. Tôi bắt đầu đếm nhẩm từng viên thuốc qua tiếng ù ù dai dẳng của máy điều hòa không khí. Một ngọn đèn nào đó trong hành lang tử thần lóe sáng khoảng một giây đồng hồ. « Tôi lấy quyền gì mà định đoạt mạng sống của một người đồng loại. Tôi không sống cái đau khổ của anh ta, tôi biết gì về sự tuyệt vọng ». Vậy mà tôi đang bắt đầu công việc của một tên sát nhân. Kẻ sát nhân khoác những danh nghĩa nhân đạo.

Chiếc ca sắt rời khỏi tay tôi. Một tiếng động dữ dội phát lên như tiếng nổ bất thần một trái lựu đạn trong cơn mê sảng của kẻ thương binh hấp hối trong đêm chiến trường. Tôi không biết đã buông tay xuống khỏi ngực anh ta từ lúc nào, chỉ nghe nơi mu bàn tay đau tiếng như bị đập mạnh

bằng một phiến đá. Từ vết gãy nơi hông, từ những đốt xương sống bị vặn oằn oại, từ bên chân trái co quắp những cảm giác đau nhức dồn dập đến. Rồi đột nhiên ai đó đập một nhát búa vào sau óc tôi. Giấc ngủ đến như một cơn bão lật úp con thuyền bé nhỏ. Chiếc thuyền chìm dần trong lớp sóng ấm áp, cuộn cuộn của trùng dương.

Tháng chạp 1961

18. VIẾT THƯ BUỔI TRƯA

VÕ PHIẾN

TUYÊN đang múc canh chan vào chén cơm, chợt chàng nghe một giọng đàn bà dữ dội:

– Tao ném bể mặt mày ra. . .

Chàng quay đầu lại. Thì ra là cô gái vừa dọn cơm cho chàng vừa rồi. Cô con gái nắm một viên đá lớn, tay khép cứng vào thân hình, quặt xuôi ra sau, đầu chồm tới trước, đối diện với một người đàn ông mặc cái quần cụt đen, ở trần. Không biết cuộc

cãi nhau bắt đầu từ lúc nào, Tuyền vừa ăn vừa mãi nghĩ ngợi không để ý tới. Cũng không biết người đàn ông là gì của cô ta – chồng hay anh? – Chàng chưa kịp đoán ra. Trẻ con đã kéo đến xung quanh hai người, hàng phố đã có nhiều kẻ ra trước cửa theo dõi.

Người đàn ông nói nhỏ và ít, nhưng có vẻ muốn tiến tới để đánh.

Cô gái hét lên:

– Này coi chừng, tao ném bể mặt ngay... Chỉ có cha mẹ tao mới được mắng chửi, đánh đập tao, ngoài ra bất kỳ đứa nào động tới tao, tao đập bể mặt nó ra.

Tuy nói thế, người con gái muốn sắp sửa quay vào. Tuyền chột mím cười: sau khi dọa « đập bể mặt » một người đàn ông, có lẽ cô gái đã cảm thấy mình hung dữ quá, cô ta biết mình có thể mất cảm tình của quần

chúng xung quanh, và nhất là cái linh tính đàn bà báo cho cô biết như thế rất không đẹp đẽ, cho nên cô ta vội chữa lại, phân trần về tính dịu dàng hiếu thảo. đối với cha mẹ. Cô ta lần trốn sau luân lý như sau một tấm bình phong, và sau khi lấy lại sức mạnh cô ta mới hét lên lần nữa, bạo dạn hơn, đòi đập người đàn ông! Tuyên nghĩ đến sự nâng đỡ tinh thần công hiệu lạ lùng của những ước lệ trong xã hội, và sự lợi dụng quý quai của cô con gái.

Người con gái quay vào, bước đi cố ý đường hoàng, quan trọng. Tuyên tò mò nhìn theo. Nếu khuôn mặt không bệch và hơi trần một chút thì cô gái cũng khá đẹp, thân hình cân đối, tuy cổ làm ra rắn rỏi nhưng dáng bộ vẫn còn uyển chuyển. Cơn giận làm cho nét mặt lạ hẳn. Vừa rồi, trong khi dọn cơm, trông cô ta tươi tắn thế, hai con mắt linh động tình tứ thế, mà vụt một cái nét mặt bây giờ lạnh hẳn đi, cái nhìn

đường đột số sàng và chiếu thẳng không một chút ý tứ.

Cô ta đi gần tới bàn ăn của Tuyền mà như không biết đến chàng đang ngồi, như đó là một chuyện quá nhỏ nhặt không đáng kể. Tuyền ngẩng nhìn gương mặt lạnh, rần rần như tê dại của người con gái. Không ngờ cô ta vụt ngổ thẳng vào chàng đột ngột và lạnh lùng như ngó vào bức tường. Không bao giờ một người đàn bà nhìn một người đàn ông như thế. Bất giác Tuyền ngoảnh về phía khác. Và chàng giật mình đưa tay sờ lên túi áo sơ-mi. Chàng chợt có cảm tưởng như cặp mắt vừa rời chiếu vào chỗ ấy. Bàn tay chàng đưa lên, phác qua một cử chỉ bảo vệ, vô ý thức. Chàng lại sờ đụng cái phong bì xếp đôi ló lên trên túi áo, ngón tay trở rờ rẫm vu vơ hai góc phong bì rồi bỏ ra. Tuy vậy sự đụng chạm nhanh chóng ấy đã đủ nhắc lại nỗi vui sướng của chàng.

Tuyền cúi xuống chén cơm, quên cảnh cái cọ vừa rồi, trở về với cái sung sướng đang tràn ngập trong lòng chàng. Bức thư của Trang vẫn nằm trong túi áo. Chàng nhất định giữ nguyên đó, chưa chịu đọc. Một hy vọng phập phồng, sung sướng chơi vơi lay lắc chàng suốt một giờ đồng hồ rồi. Chàng sẽ giữ cảm tưởng đó lâu hơn nữa. Chàng sẽ từ từ ăn xong bữa cơm, sẽ hớp nước trà chậm rãi như mọi ngày – với bức thư của Trang trong túi – chàng sẽ thủng thỉnh khoan thai đi về nhà trọ, sẽ thảnh thơi đón gió mát trên đường cái, phơi đầu dưới nắng, nhìn người qua kẻ lại, chàng sẽ gặp những chiếc xe hai con bò lịch kịch kéo đi chậm rãi, chân chàng sẽ giậm lên vùng đất với chỗ cái giếng công cộng ở ngã ba đường kia, chàng sẽ đi ngang qua trước gánh xi-rô nước đá của người chệch bầy bán dưới bóng cây bút bút trước trụ sở hiến binh v. v. . . chàng sẽ đi như mọi ngày, lẫn lộn

trong mọi người, trong hoạt động của phố xá, như không có việc gì xảy ra — với bức thư của Trang trong túi! Và với bức thư của Trang trong túi, chàng sẽ trông thấy những hoạt động tầm thường của thành phố dưới một vẻ rạng rỡ khác thường.

Sự sung sướng trong lòng mình, chàng thấy nó rưng rưng như hạt nước trong tụ ở đuôi lá sắp sửa muốn rụng xuống. Nhưng chàng không muốn cho nó rụng xuống. Chàng muốn nường nhẹ mãi cái cảm xúc rưng rưng ấy. Vâng, về tới nhà chàng cũng sẽ không vội vàng, chàng cẩn thận khóa cửa tầng dưới lại để cho khỏi có khách đến thỉnh linh quấy rối, chàng sẽ lên gác, thay quần áo, xô cửa kính ra cho gió thổi vào bức màn lớn giăng phía sau bàn viết để che khuất cái ghế bố, bức màn giăng thay thế tấm vách ấy sẽ lay chuyển phấp phới làm ra một niềm vui rộn ràng. Và một mình trên từng gác rộng thênh thang (mỗi tiếng

chàng khoa ghế vang lên nhắc nhở cái tự do của một đời sống độc thân), chàng thông thả khoan khoái trông qua các bức tường trắng tinh, trống trải, không có treo một bức tranh nào, chàng dựa trên cái mép bàn quen thuộc, gát chân trên mặt bàn... Và trong sự thanh thoi tuyệt vời như thế, trong khi dưới đường cái leng keng tiếng chuông của trẻ bán kem, ở đầu sân bay, trước cửa sổ của chàng, cây cờ lồng của sở hàng không vung vẩy những khoen đỏ và trắng giữa trời xanh vời vọi... trong khi ấy Tuyền sẽ mở thư ra đọc.

« Mình sẽ đọc thư Trang như thế, như nếm từng giọt rượu quý! Trong sự yên tĩnh hoàn toàn », Tuyền nghĩ như vậy, tuy chàng không hề biết uống rượu, và không hiểu người ta trân trọng « giọt rượu quý » như thế nào.

Chàng vừa uống xong hớp nước trà cuối cùng, và gọi cô chiêu đãi viên đến tính tiền. Chàng nhìn lên mặt cô ta mỉm cười dịu dàng, tò mò. Vẻ mặt cô ta cũng đã dịu xuống và Tuyền trông như cô ta lại có liếc qua phong thư trong túi chàng một lần nữa. Thực là kỳ lạ, linh tính của người đàn bà! ». Chàng vừa nghĩ vì lấy làm ngạc nhiên không hiểu cái gì nơi chàng đã tiết lộ nổi sung sướng, và cái gì đã gieo sự nghi ngờ về lá thư cho người con gái này.

Nhưng khi bước ra khỏi cửa tiệm thì Tuyền tự chế nhạo sự đa nghi của mình, xóa tan thắc mắc với một thái độ tha thứ rộng rãi: « Đã chắc đâu cô ta nhìn lá thư? Những khi ngượng ngập không dám nhìn thẳng vào mặt người đối diện, ta vẫn thường nhìn vào cà-vạt người ấy, hay một cái gì ở ngực và cổ. . . Có lẽ thế? »

Tuyền bước ra đường. Và chàng thủng thỉnh khoan thai đi về nhà trọ, thanh thoi đón gió mát trên đường cái, phơi đầu dưới nắng, nhìn người qua kẻ lại v.v... đúng như chàng đã phác họa trong trí.

*

Tuyền mở thư ra đọc:

Kính thưa anh,

Anh đừng trông đợi, chiều mai chắc em không đến gặp được anh đâu. Có nhiều điều bất tiện. Em xin anh tha lỗi cho em. Những điều anh đoán đều đúng hết, nhưng anh hiểu cho em.

T. B. – Em mới đau dây, tay cầm viết còn run, em viết vội vàng có khó đọc không anh?

Em

Đây là lần đầu tiên Trang viết thư cho chàng. Lần đầu chàng đụng chạm, chàng

nằm trên tay một cái gì của Trang. Tờ giấy của Trang, chữ viết, lời nói của Trang rành rành trên mặt giấy đối với chàng lạ lùng kỳ diệu quá. Từng chữ từng chữ, tất cả những dòng này là do bàn tay của Trang viết ra. Và những câu này là do Trang suy nghĩ, đắn đo, và để gởi đến cho chàng. Một việc như thế làm cho chàng bàng hoàng bỏ ngõ, như không thể tưởng tượng được, không ngờ được.

Đây là một từ chối. Nhưng Tuyên không thất vọng. Trái lại, cảm giác buồn chỉ lướt thoáng qua một chút rồi niềm vui sướng lan tràn rất nhanh, tỏa ra mênh mông, mênh mông... Sự từ chối của Trang như chàng đã đón chờ từ trước, nhưng mà sự từ chối đó không liên can tổn hại gì đến mối tình của Trang. Chàng chắc ở hạnh phúc mình đến nỗi sự từ chối lại càng tăng thêm thương yêu.

Tuyền thấy không lúc nào bằng lúc này chàng gần gũi Trang, hiểu Trang, như chan hòa làm một với tâm trạng của Trang. Chữ « thông cảm » đặt ra như chỉ để mà dùng trong trường hợp này. Chàng « thông cảm » rõ ràng sự khép nép kính cẩn vờ vĩnh của người yêu qua những chữ Kính thưa anh, « thông cảm » thái độ giữ gìn dè dặt trong những câu nói tắt. Nhưng mà Trang giấu sao được. Chàng thông cảm, quá rõ cái cảm tình nồng nàn, cái thân mật trong giọng nàng!

Tuyền đọc đi đọc lại bức thư. Rồi mắt chàng rời bức thư, ngó ra ngoài cửa sổ, chàng trông theo cây cờ lông ngoài sân bay đang vẫy vẫy trong gió. Sự sung sướng làm mát lịm tâm hồn chàng. Tuyền đặt tay lên bức thư để trên bàn, kêu nhỏ nhỏ. « Em! ». Sau lưng chàng, bức màn xanh buông xuống tận đất lay động kêu phật phật nhẹ nhàng trong cảnh nhà vắng vẻ. Và lúc đó Tuyền

có cảm tưởng chỉ có một gian nhà rộng và vắng vẻ như thế này với những tiếng động se se, kin đáo của nó mới là khung cảnh thích hợp để một người ngồi hưởng hạnh phúc của mình, thẩm thía giá trị từng phút từng giây sống trong hạnh phúc.

Tuyên ngồi nghĩ đến màu da trắng hơi dợt, hai hàng chân mày đen rậm, cặp mắt đen láy của Trang. Cặp mắt hơi sâu của nàng, mỗi lúc nhìn anh là làm cho cả hai người đều rối loạn. Cái thiết tha mà sợ hãi ngượng ngùng trong hai mắt sâu đen ấy làm cho Tuyên không dám đường hoàng gặp nó. Cặp mắt ấy bây giờ như đang có trong phòng, đang nhìn chàng, bởi sự hiện diện của Trang quá rõ rệt bên chàng lúc này, khi mà chàng đang đặt tay lên lá thư nàng viết. Trang đang nói với chàng thế nào đây? Tuyên liếc mắt đọc lại: Kính thưa anh, cái dè dặt khép nép vờ vĩnh như hiện hình ra trước mắt chàng!

Tuyền lấy giấy ra viết:

Em,

Em đau lúc nào mà không cho anh hay? Lại sốt nặng nữa rồi, phải không em? Chiều mai anh đến thăm em tại nhà, dù chú Tân có để ý cũng mặc!

Những câu ấy không nói được sự phập phồng dồn dập trong ngực Tuyền. Nhưng chàng tin rằng Trang sẽ nhìn suốt qua những hàng chữ đó như tấm gương trong để nhìn thấy cái xôn xao của mình. Vô tình chàng bắt chước cái vắn tắt của Trang, như thâm nhập vào tâm hồn Trang, thấy thấm nhiễm nơi mình cốt cách của người yêu. Nhưng mà sự xao động của chàng mạnh mẽ quá, chàng không giữ nổi sự thản nhiên vờ vĩnh nữa, chàng viết liều.

Anh thương bàn tay run của em quá, bàn tay của em anh. Tuyền nghe nóng mặt,

choáng váng như say. Chàng hơi ngợp về sự liêu lĩnh lảng lơ của mình, ngừng lại một chút, rồi mới viết bên dưới:

Anh.

Tuyên đọc lại mấy hàng mình vừa viết ra. Mấy dòng chữ ngắn ngủi quá, ngắn chận lại cảm xúc dào dạt còn ứ trong lòng chàng. Tuyên có cảm tưởng như mình lấy ngón tay đè xuống một cánh bướm, để cho cánh kia còn quạt dẫy chấp chơi chấp chơi. Mấy dòng này chỉ ghi lại một chút mà thôi, cảm xúc của chàng còn phấp phới rộn ràng ở cả ngoài bức thư.

Tuyên ngồi im, mỉm cười vu vơ, chờ đợi những xô xao do chính các dòng chữ mình viết ra quấy động mạnh trong lòng đủ thì giờ dịu dần xuống, biến thành một cảm giác êm ả. Và trong khi chàng có vẻ như lắng nghe tiếng chuông leng keng của

đứa bé bán kem xa dân thì trí chàng đang đuổi theo một vài kỷ niệm.

★

Tuyền gặp Trang trên một chiếc xe ngựa, một hôm đi về làng quê ở An Qui.

Đêm ấy có trăng. Trời trong vắt, mát mẻ. Tuy chạy đêm, người đánh xe không thắp đèn vì trăng trên đường đủ sáng.

Xe chạy ra hướng bắc, Tuyền ngồi trên ghế phía tay phải, vì thế nếu quay mặt vào xe thì chàng lại có mặt trăng ở sau lưng. Tuyền đành xoay ra nghiêng mình, để có thể ngược lên nhìn mặt trăng chạy theo một phía mũi xe.

Bên phía đối diện là một thanh niên cao nhòng và một cô gái. Người thanh niên rất vui tinh. Khi Tuyền vừa bước lên xe,

y đã toát miệng cười chào và bắt chuyện. Nhưng Tuyền không sốt sắng mấy, thành ra chẳng bao lâu câu chuyện bị bỏ dứt. Trong xe bốn người cùng im lặng. Anh đánh xe ngồi bệch xuống sàn xe, quay xéo về một phía, bỏ thòng hai chân đu đưa giữa lưng, dựa vào tấm ván chắn phía trước, lơ đãng nhìn đồng ruộng hai bên đường. Người con gái ngồi trước mặt Tuyền khuất trong bóng tối, chỉ thấy lơ mờ một khuôn mặt trắng, hai mắt hơi sâu, hàng chân mày đen đậm. Nàng ngồi hoàn toàn im lặng bên cạnh chàng thanh niên luôn luôn cựa quậy và ba hoa.

Người thanh niên có cái cổ dài và gầy. Nước da trông như bị rám nắng. Tuy là ngồi cùng một ghế với cô con gái nhưng y ở phía trước cho nên ánh trắng có thể chiếu sáng từ ngực trở lên. Tuyền trông thấy rõ những vết mụn lớn và chất dầu tiết ra lóng nhầy trên mặt y, chàng thấy rõ những dấu hiệu

của cái phần hoạt động sinh lý phát tiết ra thô bạo, hỗn hào quá trên khuôn mặt y như lau sậy cây cỏ ủa mọc loạn xạ trên miếng đất hoang mới vỡ, quá tốt. Cho đến hai con mắt của y cũng có cái linh động vô kỷ luật của dã thú. Nó vụt nhìn xộ vào mặt ta, reo mừng, sổ sàng, rồi vụt lảng qua chỗ khác. Nó như cặp thỏ hoang nhảy giỡn tung tăng không biết đường nào mà đón bắt.

Tất cả gân, thịt, trên mặt y đều được xử dụng không ngừng để thể hiện các sinh hoạt tâm lý rất náo nhiệt: đầu y lắc qua lắc lại, miệng nhấp nháy, tay chân vung vẩy luôn. Khi nào y ngừng nói, ngừng cử động, cái thân thể ấy tụt lại sự hoạt động bên ngoài một lát, tức thì trông y có vẻ chơ hơ ra. Khi ấy tuồng như cả người y bị bỏ lửng và đang chờ đợi, ngo ngác: hai vành tai to tướng dầu tới đón đợi. Bởi vậy những lúc đó không kéo dài ra lâu. Y lại tìm một có khác để tiếp tục nói và cử động.

Dứt chuyện với Tuyền một lát, y sực nhớ đến mấy trái quít trong bao, lấy ra mời mọi người ăn. Y thành thực, vui vẻ, vốn vã quá nên không ai từ chối được. Người con gái cầm lấy quả quít, bóc vỏ chậm rãi trong bóng tối. Cho đến khi Tuyền đã bỏ múi quít vào miệng, liếc mắt nhìn lại, chàng vẫn thấy mấy ngón tay trắng nõn của nàng còn lần dò bóc vỏ, hơi lơ đãng.

Tuyền quay nhìn ra ngoài trời. Đêm trăng thật là đẹp. Mọi người đều cảm thấy thoải mái như là đang dong xe dạo chơi hóng mát chứ cuộc đi không có mục đích thực tế nào khác. Hai bên đường không có nhà cửa. Toàn là đồng ruộng đã cắt xong, trơ gốc rạ, trông rộng rãi, khoáng khoáng. Mắt có thể trong tận xa cùng, chỗ ánh trăng lù mù như khói tỏa. Người đánh xe không giục con ngựa đã mỏi, để cho nó cứ thủng thẳng gục đầu xuống chạy chậm chạp trên con đường tối tẻ, đá trời lờm chờm. Thỉnh

thoảng chân ngựa vấp mạnh vào một viên đá, móng sắt quẹt vào đá tóe lửa, con ngựa gục chồm tới, giật mạnh chiếc xe, rồi gượng lại bước đều đều.

Bỗng chàng thanh niên cất tiếng hát. Qua một chút ngạc nhiên vì sự khởi đầu đột ngột, rồi tất cả để tai nghe khoan khoái. Y có giọng hát hơi ồ ề, nhưng ấm. Không những y hát đúng, mà ý nhạc được diễn tả một cách có ý thức. Hết bài này tiếp sang bài kia, y hát mỗi lúc một lớn giọng, mỗi lúc một say sưa, như là y bị chính mình lôi cuốn tới. Bắt đầu bằng những điệu hát dịu dàng, y héch mặt lên, lim him hai mắt, mơ màng quá đáng như trên sân khấu cải lương. Rồi y chuyển lần lần sang những điệu vui vẻ. Đà lôi cuốn lại càng mạnh mẽ, y như bị hút gập tới theo dòng nhạc. Không biết bắt đầu từ lúc nào y hết mơ màng, mà vươn dài cổ tới trước, lúc la lúc lắc cái đầu vất vưởng. Rồi chân tay y tiếp theo cử động, gõ nhịp.

Ban đầu sự say mê nồng nhiệt của y lan truyền đến những người xung quanh, và ai nấy đều sung sướng tán thưởng y. Nhưng đến một lúc y không còn lôi cuốn người khác theo mình được nữa: y lướt tới mạnh quá và mọi người rơi lại phía sau. Từ sự say sưa hào hứng bước sang cảnh lố bịch y không được báo hiệu. Bấy giờ thì thành ra y làm ồn rồi! Khi không phải là một đứa trẻ con mà là một người cao lớn lêu nghêu đứng ra làm ồn một cách hăng hái ngay thơ thì ai cũng chịu là một cảnh khó coi.

Người đánh xe vẫn ngồi yên lặng phía trước. Anh ta đã quen chịu đựng những cá tính kỳ cục nhất của hành khách và có đủ kinh nghiệm để chọn một thái độ khôn ngoan. Tuyền tò mò nhìn về phía người con gái. Chiếc xe vừa qua một chỗ quanh. Ánh trăng thỉnh linh soi hắt vào mặt nàng. Và ngay lúc đó Tuyền bắt gặp hai mắt cô gái ngược lên như tìm chàng, chờ sẵn để đón

chàng. Hai người tự nhiên cùng mỉm cười với nhau. Về phía người con gái cái cười có nghĩa một sự phân trần. Từ khi tiếng hát bắt đầu cất lên to quá, ồn ào quá mức, nàng vội vã chờ đón Tuyền, và cái cười đó như muốn nói: “Đó! Ông coi, tôi cũng biết thật là lỗ bịch. Tuy gã này ngồi sát bên nách tôi nhưng tôi không tán thành gã chút nào. Biết làm sao được, tại gã đẩy chúi, tôi không dính dự gì vào sự lỗ bịch ấy cả, ông coi đấy”. Còn cái cười của Tuyền chỉ là vui vẻ biểu đồng tình.

Vụt một cái chiếc xe quay ngoặt về hướng cũ, và mặt người con gái lại chìm vào bóng tối. Tuyền có cảm tưởng như ở chỗ khuôn mặt cô ta mới xuất lộ vừa rồi nụ cười vẫn còn sáng lên. Mắt chàng chăm chăm nhìn vào chỗ đó, càng nhìn càng cố bắt được cái điểm sáng ấy thì nụ cười lại càng mờ rất nhanh tắt biến, ở phía bên kia chỉ còn lại một khuôn mặt trắng mờ mờ

như cũ, không thể phân biệt được một biểu lộ tình cảm nào.

Tiếng chân ngựa vẫn lốc cốc, thùng xe vẫn cộc cạch cạch cạch kêu như cũ, con ngựa vẫn vừa chạy vừa né đầu về một bên, anh chàng thanh niên vẫn hát. . . Nhưng giữa sự ồn ào di động, ánh trăng vừa chóa xuống hai nụ cười đồng tình rồi vụt tắt đi đã đặt hai người vào một tình thế khác thường, và Tuyên có cảm tưởng vô lý như không khí quanh mình chứa đầy những xúc động êm dịu nhẹ nhàng. Chàng lâng lâng hớn hờ. Nói theo kiểu tiểu thuyết, chàng cảm thấy “một làn gió mát thổi vào tâm hồn”. Có lúc chàng hé miệng cười một mình. Và chàng giật mình ngó lại, tự hỏi không biết lúc đó người con gái đang nghĩ gì. Hình như cô gái cũng có lúc nhìn thăm dò lên mặt Tuyên. Nếu hai người cùng trông thấy mặt nhau rõ ràng thì sự thể đã dứt khoát: hoặc cô gái vội nghiêm nét mặt lại để cải chính

mọi sự hiểu lầm, hoặc nàng ra mặt thân nhiên nguội lạnh làm như đã quên mất cái cười không quan trọng vừa rồi. . .

Như thế dù nàng có tự dối mình thì Tuyên cũng nhận được một cách giải đáp. Đằng này sau sự thân mật lỡ trớn tình cờ bóng tối buông xuống cấm ngăn mọi trao đổi tình ý. Việc nghĩ đến nhau, theo dõi nhau thăm lén chỉ vì cái bóng tối ác nghiệt đó.

Bánh xe lăn trên cầu ván kêu rầm rầm, người thanh niên ngừng tiếng hát, quay ra phía sau, trông xuống dòng suối Lô Ô. Rồi y sửa soạn, cúi xuống sàn xe quờ tìm đôi giày, xỏ chân vào, buộc dây vôi vàng.

Lúc xe dừng lại, cả ba người: chàng thanh niên cao nhòng, cô gái và Tuyên đều ngạc nhiên thấy mình xuống cùng một chỗ. Ba người đi bộ vào trong xóm, đi bên cạnh nhau chừng vài mươi phút.

Tuyền không còn nhớ trong suốt quãng đường đó chàng và Trang có một cử chỉ hay lời nói nào có lợi cho sự quen biết nhau thêm. Lúc bước xuống xe hai người nhìn nhau rất nhanh, bày tỏ sự kinh ngạc rồi đi được mười bước Tuyền lại bắt chuyện với người thanh niên để phá sự im lặng. Nhờ đó chàng biết y tên là Lạc Hà. Y biết thổi sáo, thổi nhiều thứ kèn, sở trường về cây saxo-ténor, cuối năm 1945 y đã được một sĩ quan Trung Hoa tuyển vào một giàn nhạc đưa về Quảng Châu, mở cải ba (theo y thì nhằm một mục đích chính trị nào đó), nhưng làm việc được ba tháng viên sĩ quan nọ bỏ ngang chương trình và trả y về nước. Y đã nhập vào nhiều đoàn văn công kháng chiến, đã thổi kèn mướn cho mấy gánh hát, và hiện giờ y làm công cho công ty Capitol trên con đường 19... Y nói huyền thiên. Tai Tuyền vừa nghe y nói, vừa theo dõi tiếng chân của Trang khua động sau lưng mình.

Đến chỗ đường rẽ, Tuyền đứng lại chào hai người. Nhạc sĩ Lạc Hà bắt tay chàng thật chặt, cười nói:

– Chào anh. Tôi thì còn nửa cây số nữa.

Tuyền vui vẻ.

– Nửa cây số, đêm thanh vắng, nếu anh tới nhà trọ còn cao hứng muốn thổi sáo thì ở nhà tôi có thể nghe được!

Chàng quay về phía người con gái hỏi:

– Cô cũng đi về bên xóm An Tây?

– Dạ.

Và Tuyền rẽ về đường mình. Trong cái nhìn cuối cùng giữa hai người, vẫn còn cái lườm lự ngượng ngùng vì một vấn đề chưa thanh toán xong. Sự đối đáp giữa Tuyền và Trang chỉ có như vậy mà thôi. Nhưng những gì quan trọng về quãng đường đi đêm đó không phải là cử chỉ hay lời nói

của chàng và của Trang, mà là đồng ruộng rộng, là bầu trời đêm đỏ, mùi sương trong đêm đó, là một cảm tưởng từng bùng thấp thỏm rất lạ lùng.

Khi biết chắc anh chàng nhạc sĩ và Trang đã đi xa không thể trông được nữa, Tuyền dừng lại và quay nhìn về phía họ. Không còn gì nữa, chỉ có ánh trăng trên đồng rộng.

Đứng một mình, Tuyền mỗi lúc mỗi ngạc nhiên trước tâm trạng bồi hồi của mình. Có phải chàng đã yêu Trang? Chàng chỉ bất giác nhớ lại những bóng cây dừa lù mù trong xóm xa, những ao rau muống cạn khô bên con đường mà ba người vừa đi qua, tiếng chó sủa ran lên, sủa chuyển từ đầu xóm tới cuối xóm ngay từ lúc ba người vừa bước chân xuống xe ngựa. Dưới ánh trăng, chàng không trông rõ những con chó chạy ở phía nào trên đồng ruộng rộng,

nhưng chàng nghe tiếng chân chúng chạy chạm vào gốc rạ khô lết sệt. Thỉnh thoảng từ trong sương trắng một con chó chạy xổ đến tận bên chân ba người rồi dừng lại nhìn theo.

Đâu phải là yêu nhau? Tuyền chỉ nhớ lại quãng đường kỳ lạ đó thôi. Và đứng một lúc lâu, Tuyền đưa tay lên xoa mặt, đung nhăm cái chót mũi lạnh ngắt. Mùi vỏ quít cay cay thơm thơm còn vương trên các ngón tay phất vào mũi chàng. Chàng ngạc nhiên như chợt tỉnh dậy thành linh và bắt gặp lại cặp mắt Trang đón nhìn chàng, và bắt gặp nụ cười của nàng trên chiếc xe ngựa, nụ cười đã tan biến mất trong bóng tối mà ban nãy chàng không tài nào gọi lại được. Chàng cố gắng giữ lại trong trí nụ cười ấy, nhưng một lần nữa nó lại mờ đi rất nhanh và tan biến mất. Lần này thì vĩnh viễn. Tuyền thử đưa các ngón tay lên hít mùi vỏ quít, nhưng không thể nào kêu

gọi nó lại được nữa. Chàng bước đi, thỉnh thoảng đưa cả bàn tay úp lên mũi.

Chỉ có vậy thôi, đâu đã là yêu Trang?

Tuyên vẫn cho rằng nếu sau đó chàng không tình cờ gặp lại Trang đôi ba lần nữa; những lần thực sự là gặp gỡ, có chuyện trò cười nói hân hoan với nhau, thì tình yêu hẳn là chưa bắt đầu.

Nhưng mà mãi về sau, cho đến bây giờ, mỗi lần đi về một miền quê vào dịp đêm trăng trong mùa khô ráo, lúc bước chân chàng khua những gốc rạ lẹt set, tai nghe tiếng chó sủa chộ trong xóm, tự nhiên trong lòng chàng cũng thức dậy những bồn chồn lo lắng sung sướng. Trong lúc đi đó tất cả năm giác quan chàng mở rộng ra đón chờ, như một tấm lưới nhện mỏng mảnh mà giăng ra mệnh mông, đến nỗi mỗi hơi gió nhỏ, mỗi tiếng khua đều làm cho nó rung rinh xao động. Tấm lưới cảm quan

của chàng trong đêm đó đã bị xúc động và ghi giữ mãi mãi ấn tượng, đến nỗi về sau chàng vẫn còn lẫn lộn ánh sáng trắng, mùi đất khô sương ướt, đồng ruộng ra và tiếng chó sủa, lẫn lộn những thứ đó với hạnh phúc và hy vọng.

Và cho đến trưa nay, lúc Tuyền buông bút xuống ngồi trước bàn, kỷ niệm đến trước nhất trong trí chàng vẫn là đêm trắng hôm đó.

*

Tuyền đứng dậy, bước ra trước hiên, nhìn quanh bốn phía trời đất. Nắng chang chang, những gió thổi khoan hòa.

Chàng dựa bao lơn nhìn xuống thành phố An Khê vì bỗng nhiên chàng yêu mến những hoạt động rất tầm thường của nó, chàng cúi xuống theo dõi một cách âu yếm những hoạt động ấy.

Một chiếc xe ngựa lắc lư lắc lư từ ngã chợ Đồn lại, một tí bụi mù bốc lên phía sau xe. Lúc nó chạy đến giữa cái cầu dài trên con sông Ba, Tuyên để ý thấy trên xe chỉ hai người hành khách: hai người khách lỏng chỏng trên chiếc xe trống trải nhỏ bé dưới gió nắng mênh mông, trên con đường đất đỏ dài ngun ngút và thưa thớt xe cộ, cũng làm cho Tuyên bồi hồi nôn nao.

Trên mái nhà, chim se sẻ kêu chách chách rộn ràng. Thỉnh thoảng một con sẻ núp dưới một cây đà ngang ngay trên đầu chàng cất cánh bay vụt ra kêu r... rù một cái. Từ dưới vườn vang lên tiếng những con ngỗng kêu chát chúa. Chàng nhìn xuống sau vườn nhà mình: ba con ngỗng núc ních quanh quần dưới bóng cây đu đủ, một con bồ câu nằm mẹp xuống trên một bụi tam cấp mát mẻ...

Phía bên kia đường, đối diện với nhà

chàng, một đám người thập thò trước nhà hộ sinh, nón lá úp sau lưng, đầu chồm tới, tranh nhau nhìn vào trong nhà: có lẽ một trường hợp đẻ khó? Tại sao một sự nguy biến như thế lại diễn ra yên lặng như không dám làm náo động đến buổi trưa? Trong khi ấy vài người tài xế ngồi trên đầu xe trò chuyện thảnh thơi dưới bóng cây bút bút trước trụ sở hiến binh, bên cạnh một gánh phở. Và năm ba đứa trẻ đi lơ thơ dưới hàng cây gòn cao vút, đẩy những trái xanh lòng thòng mà không có chiếc lá nào, để lọt trời xanh mênh mông qua những kẽ cành thưa thớt.

Gió thổi. Sao mà Tuyên thấy chơi voi như gió lọt thốc tận vào trong lòng mình, trống hoác. Chàng ngược lên ngơ ngẩn nhìn theo hai con diều lượn vòng trên phía sở Mỹ, ở đầu cầu sông Ba. Và chàng bỗng để ý thấy nổi sung sướng làm cho chân chàng run lên nhẹ nhẹ trên sàn gác. Rồi toàn thân

chàng khe khẽ máy động, không cưỡng nổi với sự cảm xúc.

Tuyên vội vã trở vào bàn, cầm lấy lá thư. Chàng biết chàng sẽ viết nữa, vì không thể nào không viết được. Yêu thương tha thiết lại tràn đến lần nữa như một đợt thủy triều mới tràn đến ngập cả tâm hồn chàng. Chàng đọc lại vội vã:

*... Anh thương bàn tay run của em quá,
bàn tay của em anh.*

Anh

Chàng muốn viết ngay lập tức nhưng mãi không biết nói câu gì, cuối cùng chàng chừa trống một quãng trên giấy, rồi viết:

T.B.— Lần đầu trước, em nhác uống thuốc nên lâu lành. Ráng uống đi em nhé! Nhé!!

Lại một lần nữa Tuyên choáng váng. Chàng tự cho phép một giọng thân mật quá trớn. Chàng có cảm tưởng như mình vừa vỗ một bàn tay nhẹ nhẹ lên lưng bàn tay của Trang. Vâng, chàng vỗ bằng hai chữ “nhé! nhé!” ấy. Sao chàng có thể liều thế?

Chàng sức nhớ có lần một người bạn cầm cái hình chàng mới chụp, chê rằng đôi môi quá dày, có vẻ đòi hỏi nhục cảm. Người bạn ranh mãnh, chỉ chê cái môi của tấm hình mà không nói đến môi chàng. Và chàng cũng nhìn vào tấm hình như quan sát một kẻ thứ ba, xác nhận sự thực khách quan đó.

Chàng lo ngại: đọc thư, qua giọng thư. Trang có sẽ cảm thấy môi chàng quá dày không?

– Không thể được. Bức thư này không thể gửi được. Đây là một cái thư viết cho mình chứ không phải cho Trang. Những

câu ấy viết cho nhẹ nhàng cái xôn xao của mình, không thể để ai đọc. Rồi mình sẽ viết lại cái khác.

Ngực Tuyên vẫn còn đập hồi hộp, chàng chưa thoát khỏi cảm xúc, nhưng đã bắt đầu thấy rõ cái vắn tắt và lối “tái bút” của mình quá giống thư của Trang, giống đến nỗi nếu Trang nhận được nàng sẽ thấy buồn cười. Chàng quả quyết: “Rồi nhất định sẽ viết lại”. Một ý nghĩ thoáng qua trong trí, chàng mỉm cười: “Sao giống nhau thế? Hay nàng cũng viết thư với một tâm trạng như mình?”

19. VƯỢT THÁC

VŨ HẠNH

KHI tiếng nước réo sôi trong chiếc ấm đồng dịu lẫn cùng với ngọn lửa lụi tàn, ông Tư Mể lại nghe thêm rõ tiếng thác ào ào dội xuống lòng sông. Ông ngược nhìn gã con trai đang nằm chèo queo trên chiếc bè tre cắm ở ven bờ và hướng về phía quãng sông tỏa khói mờ mịt, thấp thoáng ẩn hiện những ghềnh đá lớn nhấp nhô.

Ánh sáng thay dần từ màu tái nhạt sang màu vàng tươi, ngọn cây trên các đỉnh núi quanh vùng như cháy rực lên trong

buổi hừng đông chỗi dậy vội vàng. Cảnh sống âm thầm của khoảng rừng núi bao la nhường bước cho sự nhộn nhịp khi ngày trở lại. Ông Tư Mễ yên lặng ngồi nghe từng tiếng chim quen thuộc vọng đến từ các bờ cây, hốc đá, từ tiếng bìm bịp đột ngột trở canh, đến tiếng chèo bẻo sắc sảo chào đón mặt trời, những tiếng bù chao, chắc hoạch rộn ràng trong những bụi lùm. Những tiếng chim ấy kế tiếp nhau theo một thứ tự thời gian gần như cố định của chốn sinh hoạt hoang vu, khiến ông Tư Mễ thoáng có cảm tưởng rằng bao năm tháng trải qua trên quãng đời mình không có chút gì thay đổi.

Ông giở nắp ấm, đặt vôi xuống mớ lá khô dôn lại xế chiều ngày qua ở trên bờ sông, và cúi mái đầu bạc xuống để nhờ hơi nước từ trong lòng ấm bốc lên xông cho sáng tỏ đôi mắt già nua. Ông ngửi thấy mùi nồng chất của vị chè tươi và tìm lại sự xúc

động khoan khoái quen thuộc hằng ngày,

Ông rút chè ra chiếc bát sành khá lớn, tay nâng ấm nước cao lên cho chè sủi bọt ở trong lòng bát. Qua vòi nước tuôn dài, ông Tư nghĩ đến những dòng thác lớn, cao vợi, đã từng vượt qua, một nỗi kiêu hãnh pha lẫn ít nhiều xót xa làm cho bàn tay của ông run rẩy nhẹ nhàng suýt làm bắn tung chè ra vành bát.

Đặt chiếc ấm xuống hai tảng đá nhỏ kê làm bếp nấu, ông Tư xòe hai bàn tay gây gò hằn những đường gân to lớn, hong trên miệng bát, ngồi chờ nước nguội.

Người con trai ông Tư vẫn chưa chịu dậy. Bây giờ gã đã quay đầu về phía bờ sông để tránh ánh nắng sáng lóa giữa dòng chiếu hắt ngược lên. Gã nằm nghiêng, hai chân co lại kẹp lấy đôi tay, đầu hơi ngược về phía sau khiến cho cổ gã dài ra và vẻ mặt gã càng thêm thiếu ngủ.

Cái mền đã cũ bị gã đập dòn xuống dưới chót cùng của tấm chiếu lát sồn mồn, một chéo tung ra thành bè chực rơi xuống nước.

Ông Tư nhiều lần muốn gọi con dậy nhưng nhìn cặp mắt nhắm nghiền và hơi thở nhẹ phì phò đều đặn qua hai manh áo vải nâu che trên lồng ngực ốm o, ông lại cố nán chờ đợi. Tự nhiên, ông Tư cảm thấy một nỗi cô độc lạ lùng bao phủ lấy mình. Hầu như núi rừng, chim muông, dòng sông lở đờ trước mặt, tiếng thác rì rào đằng xa, và người con lớn của ông đang nằm im lìm, mê mệt, tất cả đều thuộc về một cõi khác, mỗi lúc rời xa hẳn ông, không còn quan hệ với ông như trước. Ông đưa hai tay vuốt lấy mặt mình, thấy bàn tay chai đá cọ xát vào những nếp nhăn như chạm vào một thân cây cằn cỗi. Ông cất tiếng kêu:

– Cả Hộ!

Người con trai ngả đầu tới, vẻ mặt đột nhiên tỉnh táo như vừa bừng dậy sau cơn suy tưởng, cặp mắt mở nhìn chòng chọc về phía bếp lửa đã tàn.

– Dậy con! Trưa hung rồi đó. Uống một bát nước chè nóng rồi cha con mình xuôi thôi. Qua khỏi ngọn thác ta sẽ thổi cơm ở ngõ Suối Dài.

Ông Tư tránh nhìn vào mặt con mình, vừa nói vừa cúi rót phần chè tươi còn lại trong ấm vào chiếc bát sành.

Cả Hộ chăm rãi ngồi dậy, thù người một lát để nhìn cái bóng của mình chiếu dài xuống nước với mớ tóc bù, rồi uể oải bò lại chỗ sợi dây mây neo bè vào một gốc cây, ì ạch kéo mạnh cho bè đậu sát bờ sông. Những người đi bè trong lúc về đêm phải ngủ xa bờ để tránh thú dữ và chỉ có những trường hợp hết sức đặc biệt mới gặp những con hổ đói phiêu lưu dám lội xuống nước

tìm môi. Gã đứng lên, loạng choạng ở trên mạn bè chòng chành đùa nước bì bọp ven bờ, rồi nhảy một bước nặng nề lên bãi.

Ông Tư đợi con uống từng ngụm một cho cạn bát nước, mới cất giọng nói khàn khàn cố gắng cho được ngọt ngào:

– Cả à, tuổi tao năm nay là sáu mươi hai rồi đó. Sáu mươi hai tuổi cũng chưa phải già, nhưng hồi trẻ tạo cực quá đỗi, phải đi phụ bè từ lúc mười lăm cho đến năm ba mươi tuổi mới đủ số vốn buôn riêng một mình. Từ ấy đến nay lên thác xuống ghềnh trang trải bao nhiêu công nợ của ông nội mày, rồi còn mua đất, mua vườn, dựng nhà, dựng cửa, nuôi cho chúng mày khôn lớn, làm sao mà không suy mòn cho được? Bây giờ tao biết mình yếu lắm rồi. Chống bè qua vài ngọn thác đã thấy bải hoải chân tay. Ngồi suốt cả ngày dưới nắng, tối đến là không ngủ được. Nhưng tre tàn thì măng

mọc, tao còn trông cây ở mây. Đôi khi tao muốn nghỉ hẳn nghề này để mây ăn học rồi theo nghề khác nhưng mà tính thế không xong. Em mây thì đông, mẹ mây thì già, khó lòng để mây ngồi yên trên ghế nhà trường. Chỉ có con cái những nhà có của mới tính cái việc ăn học lâu dài. Nhà nghèo mà học như mây tao tưởng cũng nhiều rồi đó. Với lại cái nghề đã nuôi gần trọn đời tao, đã gây dựng nên gia nghiệp của mình, bỏ đi sao được? Mình mua tận gốc, mình bán tận ngọn, sống cảnh trên trời, dưới nước chẳng ai ràng buộc chi mình. Kể chi nỗi khổ dọc đường, qua mấy thác ghềnh? Mây xem, có cái nghề gì mà không khổ sở gian nan? Nghề gì rồi cũng có thác, có ghềnh, Cả à. Đừng có sợ khó mà hư con người. Tao thấy cái cảnh ăn không ngồi rồi là hại một đời, đó Cả.

Giờ chỉ có mây là lớn, rán mà chèo

chống nuôi lũ em mày. Có tao chỉ dẫn đường đi nước bước, một năm hai năm là thạo thành rồi. Chừng đó tao có chết đi thì cũng yên lòng. Nếu trời cho tao còn sống thì cũng vui vẻ cảnh già với lũ cháu con. Vậy mà qua thác Kha Li, rồi thác Bà Châu, mày cứ đòi băng ngô núi không chịu cùng tao ngồi bè vượt thác là có làm sao? Đâu có vậy được. Đi bè phải giữ lấy bè, chết sống với bè. Nhưng nghĩ mà xem, có gì là khó lắm đâu? Mười lăm tuổi đầu tao đã vượt thác rồi đó. Nay đã già rồi, cũng chẳng hề gì nữa đó. Tuổi Tị của mày năm nay là hai mươi mốt, à, hai mươi hai, chớ có ít ỏi gì đâu! Thôi đi, Cả à, mày cứ chịu khó một chút là xong hết cả, vượt được một thác thì bao nhiêu thác coi là thường. Ra đến giữa dòng mày chỉ bám chặt xuống bè, khi bè lao theo ngọn thác thì mày cố nín hơi thở, cứ nhắm mắt lại, bè chìm xuống lòng hồ sâu rồi theo dòng nước đẩy luôn mà trôi

lên ở mặt sông. Chỉ trong chốc lát, thế là thoát rồi.

Cả Hộ vẫn ngồi chăm chăm nhìn ra mặt sông, không nói năng gì. Ông Tư đứng lên gài cái khuy ở trên lồng ngực, kéo hai ống quần xéch lên cho gọn, rồi bảo:

– Đi con, cha chỉ có con là lớn, phải biết nghe lời. Vượt thác đôi lần rồi con lại thèm cho coi. Đi trên con sông bằng phẳng nó buồn chán lắm, mình không thấy được tài sức của mình. Cha nghĩ, cái gì rồi người cũng chống chỏi được. Bây giờ chỉ còn có mỗi một cái thác này là gần như xong con đường rồi đó. Thác Mang Mang này chảy mạnh hơn thác Bà Châu, hơn thác Kha Li, nhưng chảy càng mạnh thì qua càng mau, thoáng chốc là vượt xong rồi. Chặn được cái nguy, cái nguy nó đẩy mình lên, vui lắm đó Cả. Vượt một cái thác chẳng qua như uống bát nước chè nóng vậy thôi. Thế mà

bỏ thác leo quanh bờ núi có khi mất nửa ngày trời. Đứng lên, con à, gói chặt đồ đạc cột kỹ vào bè, rồi cha con mình xuôi sớm. Có ướm bao nhiêu chẳng sợ. Tới ngõ Suối Dài đem ra phơi phong ngoài bãi, chốc lát là ráo khô rồi. Đi với cha đâu có việc gì phải ngại.

Ông Tư úp cái bát sành lên trên nắp ấm rồi đem xuống bè. Cả Hộ quay người nhìn quãng rừng núi trùng điệp ở sau lưng mình rồi chống hai tay lên gối đứng dậy. Gã bước nhè nhẹ lại phía bờ sông, liếc nhìn rất nhanh ra phía ghềnh đá lô nhô giữa dòng, lưỡng lự giây lát trước khi bước xuống. Gã đứng chập choạng giữ lấy thăng bằng trên những cây tre chao đảo rồi ngồi phịch xuống quờ tay gói những chần chiếu bỏ vào một cái bầu nhỏ trát chai kỹ lưỡng. Ông Tư cầm chiếc sào dài đứng ở cuối bè nhìn về quãng sông trước mặt nhưng vẫn

chú ý theo dõi cử chỉ của con. Giây phút im lặng kéo dài và tiếng thác nước tưởng như vang dội mãnh liệt khác với ngày thường.

– Cả à, ta đi trên quãng sông này gần năm mươi năm rồi đó. Ta quen thuộc nó hơn quen nhà cửa của mình. Mỗi một cái ghềnh, mỗi một bờ đá ta nhớ như in, như khắc trong đầu. Ta rõ lòng sông hiểm trở hơn rõ lòng người nhiều lắm. Con chưa thấy khi nước lụt tràn về dòng sông lên cao ngập cả ngọn tre ven bờ kia lặn. Nhìn về phía trước ở bên tay trái mà xem. Có thấy rêu rác bám trên những ngọn là ngà đó không? Đã ba bốn tháng qua rồi mà dấu mực nước vẫn còn. Bây giờ mình đi trong con nước dịu, thiệt là dễ dàng không biết chừng nào. Lòng sông, nó còn hiền lành hơn là lòng dạ nhiều người ở chốn phố phường nữa đó. Đừng sợ, Cả à, ta đã già rồi, yếu rồi, chỉ còn trông cậy ở mỗi mình con. Mở cái dây

neo rồi cầm lấy cây sào chống. Ra đến giữa dòng trên thác thì con cứ ngồi cho vững, để đó mặc ta.

Cả Hộ tháo sợi mây cột bè và ném xuống nước. Gã nghe lời cha một cách lạnh lùng, vẻ mặt lăm lì như mãi đắm chiêu theo một ý nghĩ bận rộn bên trong. Ngồi ở mạn bè quờ tay rút cây sào chống gã thông thả đưa xuống nước và cứ ngồi thế đẩy bè lui ra. Mảng bè to lớn chòng chành giây lát rồi lừ lừ tiến ra giữa lòng sông rộng rọi nắng chói chang. Cả Hộ rút vội cây sào gài vào thân bè và lết vào giữa, hai tay xang ra chống xuống thân tre nêo chặt, bó sát từng lớp lớp dày. Gã không dám ngó trước mặt, chỉ ghéech đôi mắt nhìn nghiêng về phía bên trái, ngắm nghía mấy lớp rác rêu còn đọng trên ngọn tre cao.

Ông Tư cúi khom trên cây sào chống cố giữ cho bè từ từ trôi nhẹ vào giữa lòng

thác Mang Mang. Mái tóc bạc trắng của ông phản chiếu ánh nắng phát phơ theo ngọn gió sớm man mát thổi về từ các đỉnh non xa vời. Những ngón chân ông bám chặt vào dưới mặt bè như bám vào mảnh đất sống lênh đênh quen thuộc lâu đời, đủ sức chuyển tiếp cho ông sức mạnh của lòng tự tin vững chãi.

Mảng bè cứ thế trôi đi, yên lặng, lừ lừ tiến vào giữa dòng.

Bỗng nó tránh hẳn một phía khiến cho Cả Hộ suýt nhào khụy xuống, rồi lại giữ lấy thăng bằng như cũ:

– Ở đây có vật đá ngầm rộng lắm. Gần vào lòng thác, đó Cả.

Bất giác, gã trai trẻ nhìn lên trước mặt và thấy một khoảng nước rộng cuộn tròn lẫn mình xuống một vực xa. Những tiếng âm âm vang động mỗi lúc một gần như

trút tất cả ồn ào khủng khiếp của chốn núi rừng hoang vu để xoáy sâu vào địa phủ. Các ghềnh đá nhô lên, nhọn hoắt, lởm chởm như loài quái vật chúa nanh giờ vuốt trong những thế đứng hết sức dị kỳ. Bọt trắng tung tóe tỏa mờ từ xa như lớp sương dày cho cả núi rừng phía trước. Dần dần gã cảm thấy chiếc bè trôi nhanh như văng theo một sức hút phi thường cuốn về giữa thác. Hốt hoảng gã quay nhìn về cuối bè. Ông Tư Mễ cầm ngang cây sào đứng yên như một tượng đồng, đôi mắt không chớp nhìn về trước mặt, uy nghi như một viên tướng dũng mãnh bắt đầu lâm trận.

Gã bỗng kêu lên:

– Sắp vượt thác chưa?

Tiếng nói ông già vang lên trong sự trút đổ vang âm mỗi lúc càng thêm dữ dội:

– Chưa đâu. Lòng thác còn dài.

Gã cố chồm lên và vội thụp xuống khi thấy lườn nước như một sức cuốn phũ phàng nhào đi trước mặt. Bỗng gã rú lên:

– Thôi đi! thôi đi!

Ông già hét lên:

– Đừng sợ!

Gã nhào ra ở mạn bè:

– Cho con lên bờ! Không dám vượt thác... Con nhảy xuống nước!

Ông già giận dữ bước đến hươi cây sào lên như muốn giáng xuống trên đầu con mình, rồi bỗng dừng tay, quát lên hùng hổ khác thường:

– Ngồi yên trên bè, đừng sợ!

Nhưng gã tru tréo kêu lên:

– Không! Không! Con không ngồi được trên bè. Con nhảy xuống nước bây giờ!

– Đồ khốn nạn!

Ông già nhào tới đầu bè, thu hết sức lực chìa cây sào dài xuống lớp đá ngầm, cố đẩy trạch bè ra khỏi dòng nước cuốn trôi.

Đuôi bè lắc lư, vùng vẫy, những muốn quay ngược chiều lại, nhưng ông Tư Mễ đã chuyển tất cả gân sức hướng bè tiến về một vùng nước phẳng, nằm trong một khu vực ghềnh lỏm chồm gần kề. Những đường gân trên cánh tay ông như những sợi thừng săn chặt đến độ căng thẳng tột cùng trong khi toàn thân quỳ xuống mạn bè co lại giữ thể chống đối giằng co quyết liệt để giành chủ động trước sức nước đẩy phũ phàng. Miệng ông mím chặt, đôi mắt trợn trừng, sắc máu nhuộm hồng khuôn mặt đỏ dần ra màu nâu đậm rồi màu tím sẫm.

Khi mảng bè vào trong vùng nước yên tĩnh, mồ hôi đã thấm ướt sưng áo quần của ông Tư Mễ. Suốt quãng thời gian khá

lâu chống chọi với sức nước cuốn, ông lão không nói một lời, không quay nhìn lại đứa con đang bám chặt xuống thân bè, tóc buông xủ dài trong cái dáng điệu vô cùng thiếu nảo. Đến lúc cho bè đậu sát bờ ông lão mới thả cây sào, chống đôi tay run rẩy lên sườn và giương cặp mắt trợn trừng che mờ mồ hôi chảy xuống từ một vầng trán nhăn nheo, quay nhìn chăm chăm Cả Hộ. Ông nói quát lên trong một hơi thở hào hển mệt nhọc khác thường:

– Bước lên! Đồ khốn! Chun vào bờ bụi mà đi cho được bình yên cái mạng của mày! Để mày ăn học thêm được nhiều năm ở trường là như vậy đó. Sợ khó, sợ khổ, chỉ muốn chui rúc cho xong cái kiếp tồi tàn. Mày làm khổ tao bao nhiêu, mày có biết không? Tao chết ở trong gan ruột vì mày đây này. Cùng đi một lần mà bao nhiêu bè đã về tận nơi tận chốn còn tao thì cứ lênh đênh trên nước đợi mày bò theo dọc núi

mà đi để tránh thác ghềnh. Mặt kiếp cho mày! Nếu không thương hại mẹ mày thì tao đã đập đầu mày xuống nước từ lúc nãy rồi. Bước gấp lên đi, còn đợi chờ gì, hở thằng khốn nạn lạc nòi kia hở?

Ông Tư còn nói, còn chửi nhưng giọng ông lạc hẳn đi, đầu vầng, tai ù, ông thấy cổ mình nghẹn lại và hai ống chân bủn rủn không sao đứng vững ở trên mặt bè bồng nhiên như đang quay đảo, chập chờn.

Cả Hộ cúi đầu lúi đi qua những bụi cây chẳng chịt, không dám quay nhìn trở lại. Gã có cảm tưởng cặp mắt giận dữ của người cha già như hai mũi nhọn đang đuổi theo sau, đâm mạnh vào nơi ót gã. Gã không dám nghĩ đến việc vừa xảy ra và cố vạch gai chạy theo bờ sông gập ghềnh, um tùm cây lá. Khi lên đến một dốc cao, đã mệt lắm rồi, gã bèn dừng lại để thở, cúi nhìn trở xuống.

Người cha già nua với bộ quần áo vải

đen bạc màu và mái đầu bạc xóa ngời im dưới nắng như một tảng đá lạc loài ven sông. Gã thấy ái ngại trong lòng, không muốn đi nữa, cứ đứng tần ngần nhìn mãi mẫu người bất động lâu lâu mới thấy lác lác theo mảnh bèo chao dưới sóng theo cơn gió mạnh từ đầu đột ngột thổi về.

Nhưng rồi cuối cùng người cha già yếu của gã từ từ đứng dậy. Gã muốn kêu lên một tiếng thật to nhưng cổ họng nghẹn lại, khiến gã đứng yên bối rối trong lòng. Chiếc bè từ từ trôi ra giữa sông và hình ảnh ông già lẻ loi trở thành bé nhỏ quá chừng giữa khoảng nước rộng. Lưng ông như khòm hẳn xuống và cái dáng điệu không còn vững mạnh như trước. Đến gần ngọn thác dòng nước cuốn bè phẳng phẳng trôi đi. Bỗng chốc gã thấy cha mình như mất thăng bằng, lão đảo ngã xuống, đánh rơi mất cây sào chống. Nhưng trong một phút, ông lão chồm lên, rồi lại loạng choạng nhào tới.

Mảng bè vùn vụt trôi mạnh tiến vào ngọn thác như một mũi tên khổng lồ phóng vào miệng hố sâu thẳm. Thành linh, mảng bè không có người lái, chồm lên, tuôn mạnh vào một thớ ghềnh rồi dội hẳn lại, ông lão bật ngã chơi với nhào xuống giữa dòng thác lũ cuốn tràn.

Cả Hộ chớp vội mi mắt, tưởng chừng nhào theo, hốt hoảng bám vào một cành gai bám bên mình. Gai xóc đầy tay nhưng gã không thấy đau đớn, không nhìn thấy máu rỉ tuôn ở trên da thịt. Gã cứ nhún người, cố tìm bóng dáng người cha nhưng thác nước lũ hung hăng đã xoáy sâu vào lòng hố, chỉ có bọt xóa trắng ngàu và ít rêu rác thỉnh thoảng hiện lên rồi bị giật đi. Mảng bè không chủ phóng xuống vực sâu rồi chìm mất dạng. Lát sau về phía trước xa, ở một mặt thác bình hơn, mảng bè bỗng nhiên hiện lên như rút ra khỏi nanh vuốt thác ghềnh và theo dòng sông lướt tới.

Cả Hộ chăm chăm nhìn theo đến lúc mảng bè chỉ còn là một vệt mờ ở trên mặt nước đằng xa. Qua một khúc sông rẽ ngoặt, vệt mờ vụt xóa tan đi. Gã cứ yên, đầu óc tê dại không còn biết nghĩ ngợi gì. Lâu làm gã mới nghe tiếng lốc cốc của con mỏ kiến ở trên một ngọn bương cao.

Gã ngược nhìn lên. Mặt trời đã lách qua khỏi khóm giang, vãi nắng tung tóe lên trên người gã.

Mặt thác lạnh lùng vẫn tuôn tràn về lớp lớp xuống lòng vực sâu xóa bọt trắng ngần, vang động tiếng ồn dữ dội.

Tự nhiên, gã cảm thấy nổi cô độc lạ lùng và khắp núi rừng tỏa lên một sự lạnh lẽo vô cùng khủng khiếp. Rồi mối đe dọa từ đâu vây bọc lấy gã. Tiếng nước réo gầm gào thét ghê hồn, sườn dốc như cao vụt lên và cây rừng, đá núi che dấu bao nhiêu bí mật hãi hùng. Gã kêu thét lên như tiếng rú dài

hốt hoảng và nghe từ trong hốc núi âm u, từ dưới vực sâu thăm thẳm nhiều tiếng dội vang quái gở lạ lùng. Gã vụt chồm dậy, lao mình về trước, bươn qua gai bụi um tùm, cố tìm lấy một lối thoát.

*

Đã mấy hôm rồi, mảng bè cứ trôi theo sức nước đùa, ngần ngừ dừng lại ở các ghềnh đá giữa dòng rồi lại quày quã trôi đi. Có lúc về đêm nó tấp vào một bãi rộng, lừ đừ men theo một bờ sỏi vụn như tìm chỗ để nghỉ ngơi rồi theo sức đẩy bất thần của một luồng nước tràn lên cùng với một cơn gió núi bốc dậy, vội vã hướng về lòng sông lổm đổm sao khuya. Đôi lần trong khi lững lờ, gặp một ngọn suối chảy vội ra sông, mảng bè bị xô rạt về giữa dòng rồi lại lênh đênh để tấp vào một vịnh nhỏ tỏa bóng đen dày từ những cành si cổ quái sà trên mặt nước. Nằm đấy nhiều ngày, mảng

bè đóng lớp rêu xanh dày cộm lại bị lá úa tuôn đầy như một nắm mỡ bấp bênh, rồi dòng nước lũ đột ngột tràn tới, kéo đi hết sức vội vàng.

Cứ thế, mảng bè vô chủ trôi xuôi, ngày lại qua ngày. Rồi một buổi chiều mảng bè bị đẩy nằm ngang vào hai ghềnh đá giữa dòng sông hẹp. Nước sông bị ngăn đón lại bất ngờ, vọt qua mảng bè, biến thành một cái thác nhỏ. Cách một ngày sau, một cái xác chết chương ình đã bị rửa trôi nhiều chỗ tập về. Nhiều người xuôi sông, bị nghẽn mất đường, hì hục kéo bè ra khỏi kẹt đá, hốt hoảng khi nhìn thấy xác đã gần rục rã. Vài người căn cứ vào mái tóc bạc, vào bộ áo quần và cái vóc dáng kẻ chết, đoán chắc là ông Tư Mẽ. Còn người con trai ông Tư thì không thấy gã trở về. Mẹ gã mỗi ngày vẫn ra ngoài ngõ đón những lái buôn quen thuộc để hỏi thăm chừng. Nhưng không một ai biết gã trôi giạt về ngã lối nào. Họ

chỉ nghe nói phong thanh vài người kiếm củi ở gần Rừng Lá dưới thác Mang Mang có gặp nhiều mảnh vải nâu dính máu khô đen phất phơ trên một nhánh gai trong núi và một sọ người da thịt bị găm nham nhở nằm lẫn dưới gốc một bụi chà là còn in móng vuốt cào cấu của cọp. Nhưng họ không chắc đó là Cả Hộ, bởi vì gã phải theo bè cùng ông Tư, làm sao mà lọt vào trong rừng được?

20. MƠ HƯƠNG CẢNG

VŨ KHẮC KHOAN

*Tùy bút này viết đăng ở Tạp chí Phổ
Thông, Cơ quan Hội Ái Hữu Cựu Sinh viên
Trường Luật xuất bản năm 1953 tại Hà Nội,
trong một hoàn cảnh chính trị đặc biệt.
Đọc truyện này, độc giả nên đặt mình
vào khung cảnh đó.*

Tác giả

Để nhớ lại một chuyến đi, Nguyễn
đặt tên con gái là Hương Cảng.

Gọi lên, Hương Cảng gọi đến sóng gió
đại dương, boong tàu bênh bồng và chất

men tú chiếng của những nơi chung đụng tạm bợ nhiều giống người và rất nhiều tâm sự. Hương Cảng lại bằng da, bằng thịt, gọi lên một chiều bức gió, giữa hai tợp rượu ở một xó đất liền, gọi lên để thấy nó sừng sững trước mặt, ngả nghiêng xô lại như bến cập tàu, để rồi ngậm ngùi thấy mình biến thành một con tàu cắm neo ở bến, — Hương Cảng — đặt tên cho con, mà chỉ gọi đến trong muôn một cái bản khoản của mình, chỉ để ý đến sức gợi cảm của một chữ, bất chấp cả ý nghĩa một cái tên, bất chấp cả đến tên thằng con giai sinh trước vốn thuộc bộ Sơn . . . Nguyễn thật đã đạt tới cái mức tượng trưng của nghệ thuật đặt tên.

Nhưng tại sao, chiều nay, tôi lại chột nghĩ tới Nguyễn? Tại sao chiều nay tôi nhớ đến một cái tên người — dầu là đàn bà. Hương Cảng năm nay đã mười mấy rồi nhỉ? Có phải vì một chất rượu mạnh mà

Nguyễn đã bảo tôi cách pha phách, hay là vì cái người khách hàng lâu đều mới bước vào, dườn dưỡn ngồi trước mặt tôi, trong quán rượu tôi thường lui tới? Có nhiều khi chỉ một tà áo thấp thoáng giữa hai cánh cửa khép hờ, một khoe mắt, một điệu hát dè dè, một mùi hương dăng dăng, một tiếng cười ngửa cổ trắng ngần, có nhiều khi, cũng đã làm cho ta nghĩ đến bao nhiêu việc đã qua, bao nhiêu việc đã tưởng im lìm trong dĩ vãng.

Có những chiếc tàu bể đắm từ một thế kỷ nào xa lạ, thế rồi một đêm trăng thượng tuần nhếch mép chột cựa mình xô địch ở đáy đại dương. Có những chiếc bánh madeleines của Proust trong cuộc phiêu lưu ngược dòng thời gian thăm thăm vào vực ký ức. . .

Giờ đây, — gió không nổi — chỉ có màu vàng một cốc men trộn ánh chiều tà,

tiếng ổng ẹo của cục đá nhấp nhô theo sóng rượu mà đùa với thành cốc. Giờ đây, ở lại còn cả một khung cảnh có hồ xa xa có liễu xanh xanh, có chiếc Tháp Rùa, muôn hình vạn trạng, khi cục mịch cô đơn sừng sững, khi mỏng tanh như một tấm bìa bài trí sân khấu.

Sân khấu là một quán rượu. Có hai nhân vật: một ngồi lặng bên cốc rượu, một mới tiến vào. Người suy nghĩ ngồi đã khá lâu. Không phải vì rượu cạn bởi không có gì nhắm với rượu. Nên khi người thứ hai tiến vào thì người thứ nhất vội thôi suy nghĩ để rót liều chai nước soda vào cốc rượu mạnh. Nhắm liều. Không có mực Bắc Hải, ầu là ta dùng cái khoản lạc rang. Khoản lạc rang là người thứ hai, khó định tuổi, y phục màu xám, may theo kiểu Anh Cát Lợi, sát vào người mà lại rộng rãi, kín đáo mà dỏm dáng. Nhưng có một cái gì ở con người này mà người thứ nhất — chính là kẻ cầm bút

đang chê ngoạc những dòng vắn vơ này — mà tôi thấy ngang ngang, khó chịu — một củ lạc thối, một sợi mực hầy còn dai — không biết có phải tại chiếc cà-vạt lắm màu, lằng nhằng nhiều nét, hay đôi mắt hùm hụp một mí hay là tại chiếc áo lót mình màu quá sáng đối với nước da tái sạm... hay đôi giày cầu kỳ chạm trổ, mũi hót cong veo? Có lẽ là tại tất cả. Tất cả là một không khí mà tôi đã linh tính được giá trị — một thứ đồ nhảm kể ra cũng thường nhưng có lúc, như lúc này chẳng hạn lại rất được việc. Cái không khí đó, lưng chừng cốc rượu, tôi bèn mệnh danh là Hồng Kông — tại sao? Hồng Kông dất dây Hương Cảng — tại sao?

Thế là danh từ Hương Cảng đã nổi lên nền ký ức. Theo liền là ông cụ thân sinh: anh chàng Nguyễn. Tại sao?

Nhưng tại sao lại tại sao?

Nguyễn có một cuộc sống ô ạt, một cá tính rất sắc cạnh và tất nhiên rất quyến rũ. Không những thế Nguyễn lại viết. Nghĩa là lấy ngay cái ô ạt của cuộc sống bừa bãi của mình làm đối tượng cho sự suy nghĩ để rồi, từng chữ, từng câu... giải rộng và dài những cơn tâm sự lên trên giấy trắng. Cũng vì thế mà ảnh hưởng của Nguyễn đã in hằn lên nhiều người chung quanh. Ở đây... thỉnh thoảng những người quen Nguyễn thường vẫn gặp lại, nhận ra ngùi ngùi nhận ra đây đó một vài cử chỉ, một vài lối nói, nét cười. . . cách viết của một con người không những đã sống để viết. . . nhưng lại luôn luôn rất bản khoản về cuộc sống và ý nghĩa của việc cầm bút.

*

Hương Cảng vào lúc này chắc là sắp nhộn nhịp. Cuộc sống bên đó hình như chỉ thực sự bắt đầu khi ánh điện thay thế cho

ánh mặt trời... rên rĩ nhịp kèn. tôi bởi nhịp trống, hung hổ, đen trắng những phím dương cầm. Có ai lại dò đài bá âm Hương Cảng vào lúc “nhật xuất”.

Người Hương Cảng chắc phải lắm loài. Có hệ thống ngang của Tưởng. Có hệ thống dọc của Mao. Nhưng cái hệ thống nặng nhứt nhất vẫn là cái thứ hệ thống không Mao, không Tưởng, gồm những người đuổi theo tiền từ Nam Kinh tới Hoa Nam để rồi cập tới bến này — ruộng đất đã thành từng gánh quốc tệ, quan kim và nay lại trở nên những gói đô-la —; những người đã từ lâu không nghĩ; những người chỉ còn biết có quay cuồng xanh đỏ với đèn nê-ông, này là nhịp ba, đây lại nhịp đôi. Lại có những người, giữa hai tợp nước trà và nửa cái bánh bao, ngây thơ rủ rủ với nhau:

— Ô... Mao cũng như Tưởng mà! Này nhé..,

—Ồ... Tưởng cũng như Mao mà! Này nhé...

Chung quy chỉ có cái ông Et-sen-hao-ơ và Ma-len-cô là thiệt, hỡi ơi!

Đôi khi cũng có dăm ba bộ mặt cúi gằm: họ giạt về đây, bởi chẳng ai dung, Mao có lẽ cho họ là quá khích hoặc lừng khừng. Tưởng tất cũng không chịu được họ. Bởi lừng khừng hay quá khích.

*

Người khách hàng ngồi trước mặt tôi, nếu có tản bộ ở một ngã đường Hương Cảng thì sẽ thuộc loại nào? Và tại sao con người đó lại gọi cho tôi cái danh từ Hương Cảng? Và tại sao đột nhiên cả một vấn đề lại được đặt ra? Vì tất cả — người khách hàng, cốc rượu mạnh, ánh chiều sắp tắt, Hương Cảng... Nguyễn — đã lùi hẳn về một bình diện thứ hai xa lắc. Chất xám của óc con

người đã làm việc: bình diện thứ nhất là bình diện trừu tượng. Những vấn đề đặt ra ở đó vẫn đòi hỏi một giải quyết thực tiễn. . . bởi phát sinh từ những hình ảnh, sự việc cụ thể. Con centaure là một quái vật, nhưng nhìn kỹ, quái vật đó cũng chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng một nghệ sĩ nào đó bắt nguồn từ một con người và một con ngựa, từ một con người cưỡi ngựa.

Vậy thì, đầu Ngô mình Sở, lời thôi, lếch thếch, một vấn đề đã được đặt ra.

Vấn đề là: Viết và sống.

✱

Tôi gặp Nguyễn khi chàng đã ngấy cuộc sống, cuộc sống của chính chàng mà chính tay chàng đã tỉ mỉ phân tích, soi bói từng khía cạnh. Tác phẩm của chàng kể về một niềm tâm sự lê thê, day dứt rằng sống, thôi đã đến lúc mất hết bất ngờ, nhất cử nhất

động là để bước lại những bước chân quá thuộc lối trên những con đường mòn mỗi hôm qua mà ở mỗi lối ngoắt lại đều đều hiện lên những bộ mặt lên mô, mới thoáng nhìn đã thuộc giọng nói, vừa cất tiếng đã biết rõ hướng câu chuyện...

Chàng sống và viết, luôn luôn bị một cái “tôi” ám ảnh, viết và sống để thực hiện cái « tôi » quái đản của chàng.

Nhưng một đêm trăng hạ trần chênh chếch, Nguyễn bâng hoàng thấy cái « tôi » đó ngơ ngác nhìn chàng. ẩn hiện trên bãi nước tiểu của chính chàng. Nguyễn rùng mình, vì trong giây phút, chợt tìm thấy lại cử chỉ mà chàng chưa từng làm. Một cử chỉ ý thức mà lại hợp lý. Cái “tôi” ở bãi nước tiểu âm thầm đòi hỏi một giải quyết. Ngòi bút của Nguyễn trù mẩn phác họa hình dáng một khẩu lục liên. Khẩu lục liên khắc ra nhiều tiếng nổ lịch sử. Nguyễn gục xuống,

để rồi lại đứng dậy: cái « tôi » ở bãi nước tiểu lạng lẽ nhắm mắt. Nguyễn tập tễnh tập đi những bước đi mới, đều đặn, thẳng thắn, nhưng bước đi không tùy ý ngàn dài không được theo sở thích loạn choạng, những bước đi theo sát nhịp bước của người tiến trước để giữ nhịp cho những kẻ theo sau. Nguyễn lên đường, thôi cô đơn, thắc mắc, vì Nguyễn đã bỏ thói độc hành để đồng hành cùng những bạn đường mới.

Con đường hẳn phải vui bởi Nguyễn vừa đi vừa hát. Ngòi bút của Nguyễn từ đó thôi bực rọc. Dòng chữ theo dòng tư tưởng đều đều sắp hàng thẳng tắp. Con đường vui cũng là con đường một chiều. Và người đi đường yên tâm dẫn bước — còn đâu là những bước đi ngang, chân nam đá chân chiêu? Còn đâu là những bước giang hồ thủng thẳng một mình, một gậy theo hút một ven dê? Còn đâu?..., những người đi đường không có thì giờ để nghỉ phải tiến

cho kịp bước tiến của bạn đồng hành, người đi đường có lẽ cũng không có thì giờ để viết — vì phải sống, sống mạnh và đầy đủ. Bất bình tắc mình, nhưng con đường đã vui, cuộc sống đã trọn vẹn thì kêu lên làm gì; và viết thì viết gì?

Viết rằng:

Trăng hoa vàng lay lắt cạnh bờ mây

Có lẽ là tại Xuân Diệu đã bất bình với cuộc sống — để rồi trốn tránh — vào một thời mà trăng có chiếu xuống nơi Xuân Diệu ở thì cũng chỉ đủ để làm lấp loáng nổi được một bãi nước tiểu. Vũ Trọng Phụng rũ rượi chết trong nghèo khổ tất phải bất bình với những bữa tiệc quá linh đình, những tấm bồ thừa thãi trong những cơn hành lạc của những thú Nghi Hách. Nguyên Hồng hình như đã thôi viết và Gorki nếu có quyển rũ ta, cũng vẫn là Gorki của thời tiền cách mạng. Gide cũng chỉ còn ngêch

ngoạc vào trang nhật ký, đôi lời giới giảng, sau khi nhận giải Nobel. Và ở bên Pháp, mỗi khi một nhà văn mặc áo đeo gươm để trình trọng ngồi vào một cái ghế bất tử thì nhà văn đó cũng thôi bất tử. Thanh gươm hàn lâm tuy chẳng bao giờ sắc cạnh ấy thế mà cũng đủ đâm chết được người! Một nhà văn đã nằm xuống. Và một ông hàn được khai sinh, để sống dai, ngồi dai, ăn tiền phụ cấp. . . Âu cũng là một cách sống!

Nhưng Nguyễn tất sống khác, bởi cái sống của Nguyễn không có nghĩa là ngồi dai ăn tiền mà có đủ ý nghĩa trọn vẹn của một cuộc sống nhật nhật tân, hựu nhật tân. Âu cũng là một cách sống.

Nhưng vấn đề không là sống, mà sống và viết.

✱

Tôi xa Nguyễn từ buổi Nguyễn lột xác

lên đường. Tôi ở lại chịu nhận lấy nghiệp bất bình của một loại người mà viết đã thành ra một nhu cầu gần như sinh lý. Tôi ở lại bên cạnh một bãi nước tiểu, hần học trong một thế ngõ cụt. Để sống không trọn vẹn. Để viết. Về những đêm tuần trăng đủ sáng, cái “tôi” hiện lên trên bãi nước tiểu thật ra cũng khá thiếu nảo. Ngòi bút đã thấy vùng vằng với giấy trắng mênh mang, khi cũng muốn phác mạnh một nét đen xì... như Nguyễn, chẳng hạn.

Nghĩa là cố tìm ra một thứ pháo xiết (Năm 1953 tây lịch người Hà nội hay tự tử bằng pháo xiết.) gì để xóa nhòa hoặc cái “tôi” trên bãi nước tiểu, hoặc chính ngay bãi nước tiểu. Vì đôi khi, đóng kỹ cửa buồng, độc thoại, tôi lại hỏi tôi: Viết để làm gì? Viết cho ai đọc? Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh? Ôi là cái ma túy của những danh từ? Vì đã nhiều dòng chữ quần quai qua bờ kiểm duyệt, dòng ngược dòng xuôi,

mà tựu trung người cầm bút chân thành vẫn thấy bản khoản mỗi khi cầm bút, nhất là mỗi khi đặt bút xuống bàn, đọc lại những gì mình viết.

Nghệ thuật? Một danh từ. Nhân sinh đôi khi cũng mờ ảo. Vậy sao không thành thực mà nhận là trước hết, mình viết cho mình? « Mình » là một cái gì rất cụ thể, đói ăn, khát uống, thèm viết. Mình viết cho mình, đã làm sao, nếu thành thực? Và nếu có ai động cớ thêm một biểu ngữ hay một châm ngôn, nếu có ai thừa thì giờ lý luận, nếu có ai thích lý luận bởi lười viết, bởi sống yên, hãy đừng cười, mà trịnh trọng tuyên bố với họ là: nghệ thuật vị nghệ sĩ!

Hãy cứ sáng tác cho nhiều. Nếu bản khoản thì lấy ngay cái bản khoản đó mà biến thành chất văn, chất thơ, chất họa, chất nhạc. Đừng để bút khô mực. Đừng cho giấy được phép trắng ngân. Hãy dần

xuống vãi những hần học của mình, ca lên những khúc đoạn trường, nếu thành thực thấy là đứt ruột. Hãy xoa mặt chườm bằng hai mươi nhăm mẫu tự la-tinh, xếp thành từng tập, tất cả những gì nó làm mình sức tỉnh nửa vời giấc ngủ đáng nhẽ phải ngon. Đừng bịt mũi nhắm mắt khi đi qua một bãi nước tiểu của bất cứ ai – cố giữ đừng nôn để rồi chọn màu mà vẽ, truyền cái buồn nôn đó lên mặt vãi.

Viết cho mình mà kết quả lại là viết cho người.

Tiếng tì Tầm Dương và đất trích Giang Châu. Giọt lệ người áo xanh rỏ xuống vì ai? Mà người kỹ nữ nơi giang đầu “điều hiu lau lách” có ôm đàn cái đêm “quạnh hơi thu” thuở trước thật cũng chỉ để

... than niềm tẩm tức bấy lâu.

Viết cho mình, tất nhiên, và luôn thể cho tất cả những ai “một hội, một thuyền”. Để gục đầu vào nhau mà cùng ý thức được cái kiếp lận đận ở một ven trời đất trích.

✱

Cốc rượu đã cạn nửa. Ý nghĩ theo men, đã bốc ra lời, bởi tôi cảm thấy hình như người khách hàng ngồi trước mặt có nhìn tôi. Cái nhìn đó có giá trị ngang cái nhìn qua một lỗ khóa. Tôi tự thấy ngượng ngịu như một sương phụ đang thay áo. Tôi ngoảnh lên, đủ để biết rằng người khách hàng đang thưởng thức một cốc cà phê đá, và bắt chợt một khoe mắt đưa ngang cộm cộm một mí. Có những bộ mặt khó chịu, có những bộ mặt xấu xí mà quyến rũ, có những bộ mặt bự, có những mặt hoa da phấn và có những bộ mặt cứ thoát trông đã muốn buồn nôn. Người khách hàng tất

phải có một bộ mặt thuộc loại cuối cùng. Tại sao? Tại sao lại uống cà phê đá? Tại sao lại nhìn ngang? Chiếc cà-vạt? . . . Bộ áo diêm dúa? . . . Tôi không muốn đặt câu hỏi — làm như là ở cái thời này, nơi đây đã thiếu hẳn những vấn đề chưa giải quyết! Tôi chỉ tưởng đến khi mà một người nào đó thuộc loại người này — cầm lấy tờ báo này, mà đọc những dòng túy lúy này.

Không! Tôi không viết cho hần. Nếu ở bên Tầm Dương tôi có là một kỹ nữ, thì hần cũng không thể nào lại là một ông Tư Mã áo xanh. Ở đây làm gì có lau lách? Đầu thu, đất trích là đất trích của riêng những đứa chúng tôi.

Tôi nhìn xuống bàn tay. Mười ngón đang là mười con rắn độc. Thế ra ai cũng có thể là một sát nhân,— ôi ý nghiệp! Tôi cầm vội cốc rượu. Cục đá đã tan — ời hời,

cái cụ Ấm Bạng! – Trơ lại là một chất nước vàng sủi bọt. Lòng cốc chịu chịu dâng lên một cái « tôi ».

Nghệ thuật vị nghệ sĩ. Tôi là nghệ sĩ.
Nghệ sĩ là tôi. Nhưng tôi là gì? Tôi là ai?

V. K. K.

